A.A. Chertưchơnưi

Báo chí ĐIỀU TRA





NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

A.A.Chertưchơnưi

BÁO CHÍ ĐIỀU TRA

(Sách tham khảo nghiệp vụ)

Người dịch: Phạm Thảo
Huyền Nhung

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN
HÀ NỘI - 2004

Cuốn sách được bố cục hợp lý, giới thiệu rõ mục tiêu và các phương pháp, loại hình cơ bản của báo chí điều tra; những đặc điểm của công việc và khó khăn, trở ngại trong hoạt động điều tra; những hạn chế về luật pháp và đạo đức đối với người làm công tác điều tra, cũng như sự an toàn của nhà báo.

Cuốn sách là tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích cho sinh viên và những phóng viên, nhà báo mới vào nghề, trang bị cho họ những kinh nghiệm, những kỹ năng cơ bản trong hoạt động tác nghiệp, góp phần ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, làm lành mạnh hoá đời sống xã hội.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu cuốn sách và mong nhận được ý kiến góp ý của bạn đọc để chất lượng cuốn sách được nâng cao hơn trong lần tái bản sau.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN

PHẦN I

BÁO CHÍ ĐIỀU TRA LÀ MỘT THỂ LOẠI HOẠT ĐỘNG CỦA PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

I-CÁC MỤC TIÊU VÀ ĐỐI TƯỢNG PHẢN ÁNH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA BÁO CHÍ

Hiện nay, xuất phát từ mục đích, đối tượng mô tả, phương tiện, phương pháp, các điều kiện thực hiện, hoạt động điều tra báo chí ngày càng tỏ ra là một hiện tượng độc lập. Hoạt động này tập hợp các mục đích, phương tiện, phương pháp điều tra và phân loại các "chủ thể", cho phép xem xét nó như một loại hình độc lập trong hoạt động báo chí.

CÁC MỤC TIÊU ĐIỀU TRA CỦA NHÀ BÁO

Mục tiêu của "điều tra" là một trong những yếu tố cơ bản xác định đặc điểm của dạng hoạt

động này. Sự cần thiết trong việc phát hiện và xác định các nguyên nhân thực chất của sự kiện, tiến trình, tình huống đã xảy ra, phát hiện động cơ bí ẩn của những hiện tượng đang được điều tra (đối với các nhà báo Nga hiện nay, công việc này dành trước hết cho các hiện tượng tiêu cực), khám phá cơ chế dẫn tới hành vi phạm tội, lên án những kẻ phạm tội chính là mục tiêu chủ yếu của hoạt động điều tra báo chí. Việc điều tra nhằm đạt tới kết quả chính trị hoặc kinh tế nào đó, ví như lên án hoạt động của một tổ chức chính trị cực đoan, phát hiện hiện tượng lợi dụng chức quyền, khai trừ một quan chức tham nhũng khỏi vị trí lãnh đạo bộ, tước quyền miễn trừ của một nghị sĩ gian lận và tìm đường đưa nguồn tài chính bị cướp bóc trở về nước, v.v..

Kết quả của công tác điều tra khi được tiến hành và công bố còn nhằm đạt tới mục tiêu quan trọng khác là giáo dục đạo đức cho công chúng. Cần nói rằng có thể dành riêng công tác điều tra trong nghề báo chí vào việc phát hiện những hành vi vi phạm đạo đức hoặc rút ra những ý nghĩa (bài học) đạo đức từ một sự kiện nào đó. Đề cập vấn đề này, nhà báo B.Murađốp khi bình luận bài "Hãy nhớ tôi là cô gái trẻ đẹp" viết về vụ giết man rợ chị Xvétlana Côtôvaia, vợ sắp cưới của chính tên sát nhân Xôcôních, nhấn mạnh:

"*Bất chấp nhu cầu thích giật gân của công chúng, bài báo này có tính chất dự báo. Kết luận*

chung được rút ra đối với tất cả các nước trên thế giới từ vụ án này là khi một cô gái xuất thân từ gia đình nền nếp, có tương lai đầy hứa hẹn mà quan hệ với một tên kẻ cướp thì kết cục của cô ta sẽ là cái chết... Rõ ràng là bài báo mang tính chất đạo đức".

Đạt tới mục tiêu đạo đức là điều quan trọng trước hết đối với việc điều tra hoạt động của các nhà hoạt động nhà nước. Ví dụ điển hình của loại hình điều tra này là vụ bê bối tình dục "Môníchcaghết" mà đối tượng điều tra chính trong đó là cựu Tổng thống Mỹ Bill Clinton có quan hệ tình dục với cựu nữ thực tập sinh tại Nhà Trắng Monica Lewinski. Tương tự như vậy loạt bài điều tra của nữ nhà báo Nga Larixa Kixlinxcaia cũng đã dẫn tới việc cựu Bộ trưởng Tư pháp Nga Vlađimia Côvalép bị mất chức và bị bắt. Nhưng liệu có nhà báo nào lại đi điều tra trong trường hợp cô Monica Lewinski dan díu với một anh thợ nguội ở Nhà Trắng? hoặc khi một nhân viên bảo vệ nào đó chứ không phải ngài Bộ trưởng Tư pháp đang tắm trong một bể bơi với những cô gái làng chơi. Vấn đề là ở chỗ đạo đức của những chính khách, quan chức nhà nước cấp cao cần phải hết sức minh bạch rõ ràng và không được gợi ra bất kỳ sự nghi ngờ nào.

Ngoài ra, việc điều tra còn giúp các phương tiện thông tin đại chúng giải quyết một nhiệm vụ quan trọng của mình là thu hút sự chú ý của công

chúng. Nhà báo hiếm khi chỉ đặt ra cho mình một trong các nhiệm vụ nói trên. Tuy nhiên, ngay cả khi nhà báo chỉ muốn lên án những hành động nguy hiểm về mặt xã hội của một nhà tài phiệt nào đó, thì điều này tuyệt nhiên không có nghĩa là kết quả điều tra - không phụ thuộc vào bản thân người điều tra - sẽ tác động tới việc giải quyết những nhiệm vụ đồng thời khác.

Công tác điều tra trong hoạt động báo chí đối lập trực tiếp với công việc thường nhật tại toà soạn. Việc nhận được thông tin có ý nghĩa xã hội là rất quan trọng và cơ sở của nó phải là nguồn thông tin thực tế không thể tranh cãi và được cung cấp tự nguyện cho những người có quyền xử lý.

Nói chung, mục tiêu của các cuộc điều tra nghiêm túc, có ý nghĩa xã hội là làm cho những thông tin cần thiết, có tầm quan trọng sống còn đối với nhân dân, nhưng lại bị giấu giếm trở thành công khai; đấu tranh với sự lợi dụng chức quyền của các thế lực xấu, chống lại tình trạng vô luật pháp nhằm giúp xã hội thay đổi theo chiều hướng tốt hơn.

Tất nhiên, cũng có một bộ phận nhà báo điều tra hoạt động theo kiểu săn tin, ảnh giật gân như các "Paparadi" và nuôi dưỡng loại hình báo chí "Vàng", "Ngả vàng", đặt mục đích thương mại của nhà xuất bản và bản thân tác giả lên hàng đầu. Thực tế báo chí Mỹ, châu Âu cũng như

ở Nga cho thấy nhu cầu về loại hình báo chí này đang tác động tiêu cực tới chất lượng báo chí, làm giảm sút các yêu cầu nghề nghiệp đối với các nhà báo. Dĩ nhiên, loại hình báo chí này không thể tồn tại nếu không có nhu cầu đối với nó. Các nhà tâm lý học hiện đại đang nói nhiều tới việc phanh phui những điều xấu (không những thú vị mà còn không thể bác bỏ) nằm trong nhu cầu của các phương tiện thông tin đại chúng, khi khẳng định rằng con người hiện đại chỉ quan tâm chủ yếu tới 4 vấn đề: tình dục, cái chết, tiền và quyền lực. Dù có cảm thấy xấu hổ đến đâu chăng nữa thì cũng phải công nhận một sự thực là nhu cầu và khát vọng của nhiều độc giả, khán giả truyền hình, thính giả đài phát thanh vẫn bó gọn trong các lĩnh vực này. Họ muốn người ta "cù các dây thần kinh" của mình bằng những thông tin chi tiết đời sống tình dục của các ngôi sao điện ảnh, về hình ảnh biến dạng của các nạn nhân trong một vụ nổ, các chi tiết gây hoả hoạn tại nhà nghỉ của một quan chức cấp cao nào đó. Nhưng có thể nói rằng các nhà báo không chịu trách nhiệm về tình hình này, bởi lẽ càng chiều theo những thị hiếu thô thiển của công chúng bao nhiêu (vì mục đích vụ lợi), thì ảnh hưởng của họ trong việc hình thành sự chờ đợi thông tin thô thiển càng lớn bấy nhiêu. Nghĩa là ở đây cơ chế thị trường nắm vai trò chủ đạo: "cung sinh cầu, cầu lại sinh cung".

ĐỐI TƯỢNG PHẢN ÁNH

Đối tượng điều tra của báo chí trước hết là các loại tội phạm, các vụ tai nạn, xung đột khác nhau mà *có ai đó tìm cách giấu giếm công chúng* hay các bí mật lịch sử hoặc những bí mật khác (trừ bí mật quốc gia và quân sự). Nét khác biệt của đối tượng điều tra với đối tượng phản ánh của nhà báo - bình luận, ký sự hay phê bình đả kích, v.v.., thể hiện chính ở chỗ này. Tất nhiên, là nhà phân tích, ký sự hay phê bình, đả kích cũng có thể viết về các tội ác, tai nạn, các bí mật, nhưng đó là *những điều đã được ai đó khám phá*. Còn như nếu muốn viết về cái gì đó tương tự bị giấu giếm thì họ buộc phải giải quyết các nhiệm vụ của nhà báo điều tra. Đây là nhiệm vụ rất lớn - ví dụ như khi nhà báo muốn "mở mắt" cho xã hội biết người lãnh đạo họ là ai, chẳng hạn.

Nhiệm vụ như vậy là chủ đề chính trong các bài viết của nhà báo Hinstein trong thời gian dài. Ít nhất ông cũng đã từng nhận xét rằng công tác điều tra của nghề báo có thể xua tan những đám mây mù mà những người lãnh đạo thích dùng chúng để che đậy hoạt động của họ.

Đối tượng điều tra của nhà báo có thể thuộc 1 trong 3 nhóm được liệt kê dưới đây xác định đặc điểm hoạt động điều tra của báo chí.

1- *Những vụ việc chưa được khám phá, những tai nạn khó hiểu, những tội ác khét tiếng mà tội*

phạm chưa bị bắt và không ai có thể trả lời các câu hỏi: Tại sao?, Như thế nào? Ví dụ như trong vụ giết Áctem Bôrôvích hay bí ẩn tam giác quỷ Bécmút - không ai có thể trả lời câu hỏi về kẻ nào đã giết Áctem Bôrôvích? hay điều gì đã xảy ra tại tam giác quỷ Bécmút?. Tuy nhiên, đề cập những vấn đề này dễ dàng hơn bởi vì có nhiều người cùng quan tâm muốn khám phá bí ẩn. Nhà báo, trong tình huống bế tắc có thể tính tới sự giúp đỡ của các cơ cấu chính thức, cung cấp cho họ những tài liệu cần thiết và tác động giúp công việc điều tra.

2- *Những vụ án đã được khám phá nhưng vẫn gây mối nghi ngờ nhất định đối với nhà báo.* Mặc dù đã có các câu trả lời đối với câu hỏi Ai?, Tại sao?, Như thế nào?- cũng đã tồn tại những ý kiến chung của xã hội, nhưng nhà báo vẫn nghi ngờ và bắt đầu tự thực hiện việc điều tra của mình. Ví dụ, theo quan điểm chính thức được xã hội chấp nhận, hài cốt của Sa hoàng Nicôlai II được phát hiện và chôn cất tại Xanh Pêtécbua. Nhưng nhà báo bỗng nhiên lại nghi ngờ điều này và thử chứng minh rằng gia đình Sa hoàng không bị giết hoặc hài cốt của họ được chôn cất tại một nơi khác. Một ví dụ khác: 6 hung thủ sát hại Khôlôđốp đã bị bắt giữ, vụ án sắp được khám phá, nhưng nhà báo tự nhiên lại nghi ngờ và muốn tự mình điều tra vụ này. Cũng có thể là các vụ án bị lãng quên bởi thời

gian: cái chết của V.I.Lênin, các cuộc đảo chính cung đình v.v.. Điều tra những vụ án như vậy rất phức tạp bởi vì không thể trông đợi vào sự giúp đỡ của các cơ cấu chính quyền (vì chính nhà báo muốn chứng minh rằng các cơ cấu chính quyền đã nói sai sự thật). Hơn thế nữa, các cơ cấu chính quyền thường ngăn cản việc điều tra của nhà báo. Trong những điều kiện như vậy rất khó thu được những thông tin cần thiết.

3 - *Những vụ án chưa được khám phá và chưa được điều tra.*

Trong trường hợp này, nhà báo không chỉ cần vạch mặt những kẻ có lỗi, khám phá tội ác, mà còn phải chứng minh thực chất của vụ án. Nếu như ở những trường hợp đầu tiên tội ác đã rõ ràng, thì ở trường hợp thứ hai còn phải điều tra để phát hiện tội ác sau đó tìm kiếm tội phạm. Tất nhiên loại hình điều tra này là công việc phức tạp và trách nhiệm rất nặng nề.

Dù đối tượng của việc điều tra tương lai có thuộc về loại nào chăng nữa thì trong mọi trường hợp, nhà báo không thể điều tra khi không có các số liệu và khả năng sáng tạo của bản thân. Bởi lẽ khi xử lý rất nhiều các nguồn thông tin từ con người, tài liệu, thì quan sát của cá nhân có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp xác định được những sự kiện, tài liệu cần thiết. Việc tìm kiếm đối tượng điều tra luôn phải xác đáng, nghĩa là phải xác định được mục tiêu điều

tra và mục đích đó phải nhằm thoả mãn nhu cầu cấp thiết nào đó của xã hội.

Nhà báo có thể đặt ra mục đích cho công việc điều tra, ví dụ thông tin cho xã hội biết rằng một cơ quan cụ thể nào đó không thực hiện chức năng phục vụ công dân. Trong trường hợp này, đối tượng điều tra có thể là một cá nhân tắc trách của cơ quan này và cũng có thể là một vụ ăn cắp, bán tống bán tháo những thứ có giá trị hay thái độ thờ ơ đối với trách nhiệm của họ. Các mục đích cụ thể mà nhà báo theo đuổi có rất nhiều. Điều này cũng có nghĩa là các đối tượng điều tra cũng rất đa dạng. Tuy nhiên, dù trong trường hợp nào nhà báo điều tra cũng không được quên rằng đối tượng điều tra của mình cần phải phù hợp với lợi ích quan trọng của xã hội.

Vì lý do trên, nhà báo Mỹ John Robert làm việc trong toà soạn "Philadenphia Inquirier" - một trong những tờ báo nổi tiếng nhất ở Mỹ chuyên hoạt động điều tra, nhận xét rằng mục đích của hoạt động điều tra trong nghề báo là ở chỗ "*không phải để bêu riếu một nhà chính trị hay phát hiện một vụ vi phạm luật pháp riêng biệt, mà là ở chỗ tìm tới các sự kiện nằm sâu dưới bề mặt nhằm giúp bạn đọc hiểu được rằng điều gì đang xảy ra trong thế giới ngày càng phức tạp của chúng ta*".

Phần lớn các tài liệu báo chí có bề ngoài

giống như thể loại điều tra, nhưng thực chất không phải như vậy. Một phóng sự viết về việc người ta dập một đám cháy như thế nào, hay về một nghị sĩ ẩu đả trong một cuộc tranh luận về những dự luật đang được thảo luận để thông qua - không phải là thể loại điều tra. Loại bài báo viết về quy định mới trong kiểm soát ngoại tệ cũng không phải loại hình này. Bởi lẽ trong các bài viết về đám cháy, vụ ẩu đả hay quyết định của chính phủ về kiểm soát ngoại tệ không hề bị che giấu. Điều này có nghĩa là ở đây không tồn tại đối tượng điều tra theo nghiệp vụ báo chí: nhà báo đơn giản là mô tả và phân tích các sự kiện mà họ được biết và quan sát mà thôi.

Khi tiến hành điều tra, nhà báo phải luôn lưu ý tới giới hạn của đối tượng. Vấn đề là ở chỗ trong tiến trình điều tra xuất hiện thêm nhiều thực tế khác. Ví dụ phát hiện ra rằng nhà "tài phiệt" là đối tượng điều tra ngoài việc chiếm đoạt tài sản của nhà nước còn là một kẻ thích quan hệ tình dục với trẻ em. Trong trường hợp này, nhà báo cần phải tập trung vào một mặt hoạt động của "nhân vật" và để các mặt hoạt động khác của hắn cho lần điều tra sau hoặc cho các cơ quan chức năng. Ví dụ hãy tập trung vào việc khám phá những thủ đoạn cướp bóc tài sản của nhà nước bởi lẽ hoạt động này là có ý nghĩa hơn cả đối với xã hội. Bởi vì khi chuẩn bị công bố phát hiện của mình mà người điều tra bị sa

đà vào việc giải thích chi tiết bệnh lý tình dục của đối tượng thì các yếu tố thừa có thể làm chậm tiến trình điều tra vấn đề chính và kẻ thủ đoạn sẽ lợi dụng thời gian đó để xoá các dấu vết phạm tội của hắn. Ngoài ra, việc tập trung vào đời sống riêng của đối tượng điều tra dễ gây ra ở độc giả ý nghĩ cho rằng nhà báo điều tra vì mục đích cá nhân. Và như vậy nội dung của toàn bộ hoạt động điều tra có thể được coi là không thích hợp.

Các đối tượng quan trọng nhất được chú ý trong hoạt động điều tra của báo chí Nga hiện nay thường là những hiện tượng sau:

- Các vụ tham nhũng;
- Các vụ án chính trị;
- Các vụ án kinh tế;
- Các vi phạm nghiêm trọng về môi trường sinh thái;
- Các bí ẩn lịch sử;
- Các loại tội phạm mang tính xã hội-sinh hoạt.

Mỗi loại tội phạm trong số này và các đối tượng điều tra khác có thể được coi là đặc biệt cấp thiết trong thời điểm này hoặc thời điểm khác của đời sống xã hội. Điều này đòi hỏi nhà báo phải can thiệp ngay lập tức để giải thích hiện tượng đó xuất hiện như thế nào, tại sao, hiện tượng đó được nhìn nhận như thế nào trong tương lai gần và những hậu quả do nó gây ra cho xã hội. Những thông tin như vậy cần thiết cho

bất kỳ xã hội nào, bởi vì nếu thiếu chúng bức tranh hiện thực về đời sống xã hội sẽ là không đầy đủ và do vậy ngăn cản việc thực hiện nhiều mục tiêu và nhiệm vụ của xã hội.

II. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA BÁO CHÍ

Trong hoạt động điều tra của nghề báo tồn tại sẵn các phương pháp thu nhận thông tin riêng biệt của mình. Những phương pháp này được quy định bởi đặc điểm của các mục tiêu và đối tượng điều tra. Các phương pháp tìm kiếm thông tin làm cho nhà báo trở thành vừa là một người điều tra vừa là một nhà khoa học thể hiện ở chỗ phải sắp xếp một cách có khoa học, nghiên cứu kỹ lưỡng các mối liên hệ lôgíc của các sự kiện, suy nghĩ và phân tích tỷ mỉ tới "chân tơ kẽ tóc" từng chi tiết. Các câu hỏi Ai? Cái gì, Ở đâu? là quan trọng hơn cả đối với nhà báo làm công tác điều tra. Việc thu thập thông tin để trả lời các câu hỏi đó hầu như là những công việc phức tạp nhất. Đó là khối lượng công việc lớn đòi hỏi nhà báo phải lao động cần cù, đào bới trong các công việc khó khăn. Giữa các phương pháp của nhà báo điều tra và các phương pháp khác trong hoạt động báo chí có tồn tại một điểm chung nào đó. Đồng thời, cũng có thể áp dụng một số phương pháp đặc biệt trong hoạt động điều tra của các cơ quan

bảo vệ luật pháp vào quá trình điều tra trong nghiệp vụ báo chí.

Khi điều tra, nhà báo không chỉ tìm kiếm những sự kiện, mà còn phân tích, tìm hiểu thấu đáo về chúng để cuối cùng tìm ra "sự thật", nghĩa là nắm được bản chất của vấn đề mình điều tra. Chính vì vậy có thể chia các phương pháp điều tra trong nghiệp vụ báo chí thành 2 nhóm: thu thập thông tin và suy nghĩ kỹ lưỡng về chúng. Việc phân loại này trước hết có ý nghĩa về mặt lý luận bởi lẽ nó cho phép trình bày tương đối cân xứng bản chất của các phương pháp được sử dụng. Tuy vậy, trong thực tế không thể phân chia tách bạch quá trình nhận thức thành hai giai đoạn thu thập thông tin và suy nghĩ lượng thông tin thu thập được. Việc suy nghĩ về các sự kiện luôn hoà quyện với tiến trình tìm kiếm chúng, vả lại chẳng bao giờ nhà báo lại suy nghĩ về trình tự sử dụng các biện pháp điều tra. Tuy nhiên, trong mục đích học tập việc nghiên cứu phân chia các phương pháp nghiên cứu không những đúng, mà còn là cần thiết.

THU THẬP THÔNG TIN

Mặc dù nhiều nhà điều tra có các phương pháp tìm kiếm thông tin ưa thích của mình, nên có thể bỏ qua không nêu một số phương pháp trong số đó. Tuỳ theo tình huống cụ thể có thể sử dụng những phương pháp và thường là sử

dụng chúng trong một tổng thể. Chúng ta cùng xem xét những phương pháp quan trọng và thường được sử dụng hơn cả.

QUAN SÁT

Phương pháp này dựa trên nhận thức của cá nhân về thực tế bằng tri giác. Khác hẳn với quan sát thông thường mang tính chất ngẫu nhiên, quan sát của nhà báo là có mục đích. Đối tượng quan sát của nhà báo có thể tương đối đơn giản, nhưng cũng có thể là các tiến trình sự kiện, tình huống xã hội, văn hoá, tôn giáo, đạo đức đặc biệt phức tạp. Quan sát là một hành động khá phức tạp được xác định bởi các đặc điểm của đối tượng quan sát cũng như phẩm chất cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp, kinh nghiệm của người quan sát.

Tồn tại một vài loại quan sát trong nghiệp vụ báo chí. Việc xác định các loại quan sát này dựa trên những cơ sở khác nhau. Tuỳ thuộc vào mức độ tiếp xúc trực tiếp của người quan sát với đối tượng quan sát có thể phân chia thành các loại quan sát *trực tiếp* và *gián tiếp*. Điều này nghĩa là có những đối tượng mà nhà báo có thể tiếp xúc khi quan sát và có những đối tượng (có thể do ở quá xa) nên nhà báo chỉ có thể quan sát gián tiếp bằng cách sử dụng những dữ liệu gián tiếp.

Xét về số lượng thời gian, việc quan sát có thể được chia ra loại quan sát *ít thời gian* và loại

quan sát tốn *nhiều thời gian*. Loại quan sát ít thời gian được sử dụng khi chuẩn bị viết những bài báo mang tính thời sự. Trong trường hợp phải nghiên cứu điều tra tỉ mỉ, thì đòi hỏi nhà báo phải điều tra, quan sát một thời gian dài.

Căn cứ vào sự công khai hay không công khai về vai trò của người quan sát những hiện tượng xác định nào đó, việc quan sát có thể được chia thành loại quan sát *công khai* hoặc quan sát *bí mật*. Ở loại công khai, nhà báo có quyền công bố rõ ràng vai trò của mình trong quan sát. Trong khi đó, ở trường hợp thứ hai nhà báo quan sát ai đó, hiện tượng nào đó mà không để người khác biết (trước hết là những người làm nhà báo chú ý).

Đặc điểm của quan sát công khai thể hiện ở chỗ khi tới nơi thực hiện nhiệm vụ, nhà báo tuyên bố công khai với những người xung quanh để họ biết rõ mình là ai, sẽ làm gì, thông báo về mục đích, nhiệm vụ toà soạn giao cũng như về việc nhà báo sẽ thực hiện nhiệm vụ như thế nào và yêu cầu được giúp đỡ. Đây là điều cần thiết để những người mà nhà báo tiếp xúc biết rằng nhà báo tới chỗ họ để thu thập tài liệu viết bài, thậm chí có thể nhận biết được tính chất công việc của nhà báo (tích cực hay tiêu cực). Ví dụ kinh điển về điều này - quan sát trong cuốn "Sách băng" của nhà chính luận Extônia trong những năm 70 của thế kỷ XX Jukhan Smooh,

người đã từng bơi ở vùng nước đóng băng của Biển Bắc khi tham gia một đoàn thám hiểm.

Có thể nêu ra ví dụ mới hơn, đó là bài "Xin chào năm mới ở Grôdơnưi!" (Báo *Thanh niên Mátxcơva*, số 1, năm 2000), trong đó nhà báo mô tả dân chúng ở thủ phủ này của Cộng hoà Tresnia đón chào thiên niên kỷ mới như thế nào, và thay vì những đợt pháo hoa nhà báo thấy những loạt đại bác nổ vang rền xen lẫn tiếng nổ của lựu đạn, và thay cho lời chúc mừng năm mới của Tổng thống nước Cộng hoà này, nhà báo nghe thấy "tiếng thét hết cỡ của một đại đội trưởng". Cùng với binh lính và sĩ quan, anh tận mắt chứng kiến lễ "Chào mừng năm mới" trong những tiếng nổ ầm ầm của các khẩu pháo 120 mm lúc khai hỏa.

Khác với loại công khai, đặc điểm của quan sát bí mật thể hiện ở chỗ trong một khoảng thời gian nhất định nào đó (đôi khi là mãi mãi), người điều tra không thông báo với những người xung quanh về việc mình đang quan sát những hành động của họ cũng như về việc mình là nhà báo đang quan sát và thu thập những thông tin cần quan tâm. Có thể sử dụng quan sát bí mật khi nghiên cứu tình huống xung đột ở một tập thể nào đó cũng như trong hoạt động điều tra.

Cũng có thể xác định các đặc điểm của quan sát qua mức độ tham gia của nhà báo vào sự kiện mà nhà báo quan sát. Trên cơ sở này, có

thể chia quan sát thành 2 loại: quan sát có tham gia và quan sát không tham gia. Trong trường hợp đầu, người điều tra, có thể trở thành thành viên của một giáo phái, trong trường hợp thứ hai - nghiên cứu hoạt động của giáo phái này nhưng là từ bên ngoài, không tham gia hoạt động của giáo phái đó. Quan sát có tham gia là phương pháp ưa thích của các nhà báo điều tra. Phương pháp này làm tác giả gần với đối tượng quan sát hơn cả bởi lẽ nhà báo điều tra trực tiếp cọ sát hàng ngày với đối tượng, nhìn thấy mọi thứ diễn ra từ bên trong. Những sự kiện, dẫn chứng thu nhận được trong quan sát có tham gia rõ ràng là rất đầy đủ, chi tiết, trực tiếp, phong phú và tin cậy.

Nhà báo điều tra Mỹ nổi tiếng thế giới Michael Berlin đã viết về phương pháp quan sát có tham gia như thế này:

"Quan sát xem các nhân viên sử dụng bao nhiêu thời gian ở nơi làm việc, một nhà chính trị cặp kè bao lâu với giám đốc của một công ty nào đó, những tù nhân bị giam bao lâu trong nhà tù, v.v.. Những quan sát như vậy rất có ích cho bài báo. Có thể bạn thích theo dõi một chiếc xe con, hay có mặt trên công trường xây dựng, thích chụp những bức ảnh giúp quan sát của bạn trở thành tài liệu có giá trị. Cũng có thể bạn muốn làm như thể mình không phải là nhà báo. Đây là vấn đề luân lý. Trong quá trình

điều tra một số vụ bê bối ở Mỹ, các nhà báo đã làm như thể họ không phải là dân báo chí. Hai nhà báo làm việc cho một tờ báo ở Chicago đã mở một hiệu cà phê và chờ đợi cho tới khi những đại diện chính quyền, thanh tra, cảnh sát hoặc maphia tới đây gặp nhau đòi hối lộ hay đề nghị thực hiện những hợp đồng phạm pháp (ví như khi nhà cung cấp bán hàng hoá với giá hạ và người bán hàng nhận thêm "mẩu" nhưng lại không thông báo cho chủ hàng biết). Sau đó, nhà báo này đã viết về những vụ tham nhũng ở những công ty tương tự. Cũng có trường hợp nhà báo nằm bệnh viện hoặc nhà tù với danh nghĩa là bệnh nhân hoặc tội phạm để có điều kiện mô tả việc vụ lợi, lợi dụng quyền chức trong các bệnh viện hoặc nhà tù. Số khác tìm cách vào làm việc ở công ty hay xí nghiệp, sau đó viết phóng sự về công việc của mình ở đó. Cũng có khi các nhà báo sắm vai khách mua hàng để chứng minh sự phân biệt đối xử trong dịch vụ dành cho nam hoặc nữ giới. Loại quan sát này có thể là nguồn thông tin tin cậy cho hoạt động điều tra của nhà báo, nếu nghiên cứu toàn bộ hệ thống chứ không phải một phần lĩnh vực của hệ thống đó".

Kinh nghiệm áp dụng phương pháp quan sát có tham gia được thể hiện nhiều trong hoạt động của nhà văn và nhà báo Đức nổi tiếng Gunter Wanraf. Năm 1964, khi còn là một nhà văn mới

vào nghề, Wanraf xin vào làm việc tại một nhà máy chỉ với mong muốn giúp đỡ mẹ ông khi đó đang sống nghèo túng với đồng lương hưu ít ỏi sau khi cha ông qua đời. Có thể bản thân ông lúc đó chưa nhận thức được rằng khi quan hệ với những người thuộc tầng lớp nào đó trong xã hội sẽ giúp nhận thức được cuộc sống thực tế. Tuy nhiên, khả năng đánh giá những công nhân mà Wanraf trực tiếp quan sát khiến ông nhận ra cách cần thiết của công việc vừa mới bắt đầu của mình. Kết quả là một bài báo của ông xuất hiện trên báo *"Kim loại"*. Do làm việc tại nhà máy nên những tư liệu ông thu thập cho bài viết của mình đều quá thân thuộc với những công nhân đồng nghiệp của ông (ông cũng không giấu họ điều đó). Wanraf đã thiết lập được mối quan hệ tốt với những đối tượng quan sát của mình. Bởi vậy những công nhân đã đến với ông và nói rằng bài viết của ông thật tuyệt vời về trật tự ở nhà máy này.

Trong quá trình làm việc, Wanraf hiểu rằng để mô tả được bức tranh tổng quát cần phải có kiến thức sâu rộng, nhất là để nghiên cứu đời sống bên trong của một xí nghiệp ở phương Tây. Bởi vậy vẫn giữ phương pháp quan sát của mình, ông tiếp tục quan sát các xí nghiệp lớn khác ở Cộng hoà liên bang Đức và kết quả các quan sát này đã được công bố trên báo *"Kim loại"*. Những bài báo này sau đó đã được tập hợp thành một

cuốn sách riêng. Nhà văn nổi tiếng Mỹ Henrich Bell khi suy ngẫm về phương pháp quan sát của Wanraf đã nhận xét rằng không thể gọi Wanraf theo nghĩa phóng viên thông thường chuyên tìm kiếm các sự kiện, phỏng vấn và sau đó viết tin bài. Ông cũng không phải là người viết tiểu luận thường chỉ phân tích những thông tin của mình một cách trừu tượng. Wanraf tham gia vào tình huống mà ông chuẩn bị viết, rút được kinh nghiệm cá nhân và dựa vào đó đưa ra lời bình của mình về tình huống đó. Theo Bell, phương pháp của nhà điều tra này chỉ có duy nhất một khiếm khuyết là không thể sử dụng nó có hiệu quả khi đã trở nên nổi tiếng trong công chúng. Và quả thực là sau khi cho xuất bản cuốn sách đầu tiên và đạt được sự nổi tiếng nhất định, Wanraf đã không thể sử dụng được phương pháp quan sát công khai này nữa.

Khi đó Wanraf đã buộc phải thay đổi chiến thuật tìm kiếm thông tin bằng phương pháp quan sát bí mật. Đối tượng quan sát của ông năm 1974 là một công ty bảo hiểm thuộc Tổng lãnh sự Thụy Điển Gerling ở Đức. Wanraf thay đổi hình dạng bên ngoài và xin vào làm việc ở công ty này với dự định thu thập được những thông tin khách quan. Thử nghiệm đầu tiên này diễn ra suôn sẻ. Nhà điều tra đã kể về trật tự bao trùm trong công ty này trên đài truyền hình Thụy Điển và Đức, sau đó đưa các tư liệu này vào cuốn sách

"Các ông ở trên đấy, chúng tôi ở dưới này". Thế là người ta bắt đầu công khai buộc tội Wanraf thu thập thông tin một cách bất hợp pháp. Nhà báo đáp lại rằng ông hành động như vậy do điều kiện buộc phải như vậy chứ không phải do sự hiếu kỳ cá nhân. Bởi lẽ không thể kiểm tra thực tế xã hội bằng cách thông thường khiến nhà báo phải đi "con đường vòng". Wanraf không bào chữa cho phương pháp quan sát của mình và cho rằng đây là cách buộc phải miễn cưỡng sử dụng, đồng thời yêu cầu chú ý tới hoàn cảnh phải đánh lừa những người nhất định khác (ví dụ các chủ xí nghiệp) với mục đích của ông là vạch trần các thủ đoạn của họ vì lợi ích của xã hội.

Phương pháp quan sát có tham gia bí mật trở thành một trong những phương pháp chủ yếu để thu thập thông tin của Wanraf ngày càng có thêm những sắc thái mới. Ông cũng sử dụng phương pháp này để thu thập thông tin viết cuốn sách "*Ở tận cùng dưới đáy*" về cuộc sống của công nhân nước ngoài tại Đức bị các chủ xí nghiệp địa phương bóc lột thậm tệ. Wanraf kể cách ông quan sát từ bên trong như thế nào khi đóng vai một công nhân Thổ Nhĩ Kỳ dưới cái tên Ali. Câu chuyện này mở đầu bằng đoạn văn dẫn ngắn:

"*Cải dạng.*

Tôi đã lảng tránh vai trò này 10 năm. Có lẽ là do cảm thấy trước điều đó. Đơn giản là tôi sợ.

Từ những câu chuyện của bạn bè và nhiều bài báo, tôi có thể hình dung về cuộc sống của người nước ngoài ở Đức. Tôi biết rằng một nửa số người nước ngoài ở Đức bị mắc bệnh thần kinh. Họ không thể chịu đựng nổi vô số những nghi ngờ. Hầu như họ không có cơ hội được tham gia vào thị trường lao động. Những người nước ngoài đã lớn lên ở Đức không có điều kiện quay trở về Tổ quốc cha ông của họ. Họ không có Tổ quốc.

Việc tăng cường các đạo luật siết chặt kiểm soát đối với người nhập cư, sự thù hận đối với những người khác lạ, mức độ bị cô lập ngày càng cao là hình thức "trại tập trung hoá" - tôi biết điều đó nhưng chưa bao giờ tận mắt chứng kiến.

Vào tháng 3-1983 tôi đăng quảng cáo tìm việc làm trên nhiều tờ báo khác nhau như sau:

*"**Người nước ngoài,** thể lực tốt, đang tìm việc làm bất kể công việc gì, thậm chí là nặng nhọc và bẩn thỉu với mức thù lao cao. Hãy liên hệ số máy 35845".*

Phải mất một thời gian lòng vòng tôi mới gia nhập được vào hàng ngũ thiểu số của những người thiểu số ở đáy cùng của xã hội. Tôi thuê một cặp kính áp tròng màu đen để có thể tạo đôi mắt đen cho mình suốt ngày đêm. "Bây giờ thì anh trông giống hệt một người miền Nam rồi!" - người thợ kính ngạc nhiên thốt lên bởi

lẽ các khách hàng của ông thường đặt kính màu xanh da trời. Tôi gắn thêm những lọn tóc giả màu đen vào mái tóc hơi thưa của mình khiến trông trẻ ra tới vài tuổi. Lúc này trông tôi chỉ độ 26-30 tuổi là cùng. Người ta đã giao cho tôi một công việc không hợp với tuổi thực của mình (lúc đó tôi 43 tuổi), nhưng tôi không thể hé răng phàn nàn về điều đó. Bởi lẽ khi đã nhập vai tôi phải tỏ ra trẻ hơn, sức khoẻ sung mãn hơn. "Tiếng Đức đối với người nước ngoài" mà tôi sử dụng tồi tệ đến nỗi bất kỳ người nào dù chỉ đôi lần tiếp xúc với những người Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp cũng có thể phát hiện ra tôi là "người Thổ dởm". Thế là tôi bèn thử bỏ đuôi các từ trong câu, thay đổi trật tự từ hoặc sử dụng thổ ngữ vùng Keln với chút ít thay đổi. Kết quả thật bất ngờ và không ai còn nghi ngờ gì tôi nữa. Nhờ vậy tôi đã cải dạng thành công mẫu người mà tôi muốn. Việc đóng vai một người ngây thơ đã bảo vệ tôi, cho phép tôi hiểu sâu sắc một xã hội thành kiến và thờ ơ, nhưng lại tự cho mình là thông minh, tự chủ và luôn đúng đắn.

Tôi là một gã ngốc không ngại ngùng nói thẳng sự thật. Tất nhiên, tôi không phải là một người Thổ Nhĩ Kỳ thực sự. Nhưng để lột mặt nạ của xã hội này tôi cần phải cải dạng để phát hiện sự thật, cần phải khôn ngoan và biết đánh lừa.

Trước đây tôi không hiểu vì sao người nước ngoài có thể chịu đựng sự khinh miệt, thái độ thù địch hàng ngày đối với họ như vậy. Nhưng bây giờ thì tôi biết họ buộc phải chịu đựng và sự xúc phạm, khinh miệt con người có thể đi xa tới mức nào ở đất nước này. Đó là một biến thể của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Các ấn tượng đã vượt quá mọi sự chờ đợi của tôi. Đó là những ấn tượng tiêu cực. Tôi đã quan sát thấy rõ ràng những thứ mà chỉ được viết trong các cuốn sách giáo khoa lịch sử của thế kỷ XIX lại diễn ra ở thời đại của chúng ta.

Dù công việc có bẩn thỉu, cực nhọc và không thể chịu đựng được tới đâu, dù phải chịu đựng sự khinh miệt và xúc phạm tới đâu chăng nữa cũng không thể bẻ gãy ý chí, mà ngược lại chỉ càng làm tôi thêm quyết tâm thực hiện công việc của mình hơn. Làm việc trên các công trường và xí nghiệp tôi đã hiểu được rằng thế nào là sự đoàn kết và tôi đã có được những người bạn, nhưng vì lý do an ninh tôi không thể cho họ biết mình là ai. Mọi thứ đều khác hẳn với những điều kiện khi tôi còn làm tại toà soạn báo "Bild". Nói chung mọi thứ đều khác hẳn. Trước khi cuốn sách ra đời, tôi đã tin vào một ai đó trong số họ. Và họ cũng không trách cứ sự mạo dạng của tôi. Ngược lại, họ đã hiểu tôi và thậm chí còn xin lỗi vì những lời nói và hành động khiêu khích trước đó đối với tôi. Dù

thế nào thì để bảo vệ những người bạn của mình, tôi buộc phải thay đổi phần lớn tên của họ trong cuốn sách này.

Guinter Wanraf
Keln 7-10-1985

Tiếp đó là phần chính của câu chuyện được bắt đầu bằng một đoạn thông báo quảng cáo của hãng "McDonald".

"Chúc ăn ngon!" hay là không thể tồi hơn

Nhiều nhà phê bình của chúng ta là những bậc thầy trong việc chơi trò "bịt mắt bắt dê". Thậm chí họ chẳng mảy may suy nghĩ trước khi giải thích một tình trạng thực sự của công việc, nói gì tới việc nhìn thẳng vào mặt sau của hãng McDonald. Những ai không muốn nhìn vào đó hẳn là không thích nhìn thấy sự thực.

Trích từ đoạn quảng cáo đăng trên tuần báo *"Sait"* của "McDonald" ngày 10-5-1985.

"Thời gian gần đây, "McDonald" bắt đầu cuộc công kích lớn vào các nhà phê bình của Hội những người tiêu dùng và công đoàn. "Các cuộc tiến công của họ không ngăn cản được chúng tôi mong muốn mở rộng trong tương lai và bằng cách đó tạo cho số lượng lớn dân chúng cơ hội phục vụ lâu dài và mọi cơ hội thăng tiến".

Nghĩa là, có cơ hội cho người nước ngoài và những kiều dân tị nạn vì những lý do chính trị? Cần phải tới chỗ họ ngay lập tức. Tôi (Ali) thâm

nghĩ. Ở Đức có 207 cửa hàng "McDonald". Số này sẽ tăng gấp đôi trong thời gian tới. Tôi (Ali) muốn thử vận may ở thành phố Hămbuốc. Tôi bèn tới quảng trường Genzemarkt, nơi có một trong những cửa hàng lớn nhất của hãng này tại Đức và người ta đã nhận tôi vào làm việc.

Bây giờ tôi (Ali) sẽ sống một cách hài lòng bởi khẩu hiệu của chúng tôi là: "Chúc ăn ngon!". Trong mọi trường hợp, khẩu hiệu này được viết bằng những chữ rất to trên các tấm biển quảng cáo trên đại lộ kia mà. Thế nhưng điều đó có ý nghĩa gì?

"McDonald" là nhà hàng mà người ta có thể tới đó ăn sáng, trưa và tối khá tốt và không tốn kém lắm. Bước vào nhà hàng sạch sẽ và sáng bóng này bạn sẽ rất hài lòng. Chúng tôi vui mừng chào đón các bạn và chúc bạn ăn ngon miệng và thành đạt!

Ở nhà hàng tôi làm việc có một đội ngũ nhân viên phục vụ sôi nổi và đầy sức sống, bởi vậy tôi thích nhận rằng mình "mới" 26 tuổi (trong khi đó, tuổi thực của tôi là 43). Cũng giống như những viên thịt nướng của nhà hàng này, tôi (Ali) được nhận một bộ đồng phục của "McDonald": Mũ đội đầu bằng giấy và bộ quần áo. Tất cả trên đó đều có viết dòng chữ "McDonald". Tôi có cảm giác như họ đang chuẩn bị xiên chúng tôi vào những que thịt nướng vậy. Quần của tôi không có túi. Nếu như tôi (Ali) có

nhận được chút tiền "boa" nào đó của khách hàng, thì tay tôi chỉ có nước tìm kiếm chỗ cất một cách vô ích dọc mép quần cho tới khi phải bỏ cuộc và phải bỏ những đồng xu vào chỗ phải để theo quy định - quầy thu tiền. Kiệt tác của nghệ thuật may mặc này còn "khéo" ở chỗ không để cho người mặc nó dù chỉ một chỗ để một chiếc khăn mù xoa nhỏ. Do vậy, nếu bạn bị sổ mũi, thì nước mũi chỉ có nước chảy xuống những viên thịt hoặc sôi lên xèo xèo khi rơi vào vỉ nướng bằng kim loại mà thôi.

Viên chỉ huy hài lòng về tôi và khen ngợi tôi biết cách đặt những viên thịt to tướng lên vỉ nướng. "Cậu học việc nhanh đấy. Thông thường những người mới vào nghề vụng đến phát khiếp đi được" - "Có lẽ vì - tôi trả lời - tôi chơi thể thao" - " Môn gì vậy?" - "Bóng bàn".

Humberger - đó là những viên thịt lạnh màu nâu có đường kính 98 cm và nặng chừng 125 gam - nảy lên như thể những miếng nhựa tròn khi được ném vào lò nướng. Ở trạng thái đông lạnh nó kêu như thể đồng xu khi chạm vào kính. Khi được nướng chín theo quy định nó phải giữ nguyên hình dạng chừng 10 phút, nhưng trạng thái này nhanh chóng biến mất (chưa đầy 10 phút) sau khi ra lò. Để lâu một thời gian ở trạng thái tan băng nó bắt đầu bốc mùi hôi. Bởi vậy, người ta phải đem rán khi những viên thịt này chưa tan băng hẳn, sau đó tẩm ướp gia vị cẩn

thận rồi kẹp vào trong những chiếc bánh mì bổ đôi mềm như bọt biển và đặt bánh vào trong hộp nhựa. "Bánh mì kẹp thịt Humberger" trông thật hấp dẫn làm sao trong dáng hơi căng phồng mềm mại của nó.! Để đánh giá phẩm chất của nó cần phải có một tâm hồn thật đặc biệt" - Rai Krock, người sáng lập ra hãng này nói một cách nghiêm túc.

Chỗ đứng làm việc chật chội, sàn nhà trơn và phẳng bóng, nhiệt độ của các vỉ nướng được nung nóng tới 180 độ C. Không hề có gì để bảo đảm an toàn lao động. Theo quy định người đứng lò nướng phải đeo găng tay bảo hiểm. Thế nhưng chẳng có găng tay nào hết, vả lại đeo găng sẽ làm giảm tốc độ làm việc. Vì thế không có gì ngạc nhiên khi thấy trên mình những người làm việc lâu năm ở đây có những vết sẹo do bỏng gây ra. Trước lúc tôi tới làm việc, một công nhân ở đây đã phải vào bệnh viện vì hấp tấp chạm tay vào lò nướng. Tôi (Ali) ngay buổi tối làm việc đầu tiên đã bị rất nhiều giọt mỡ nóng bắn vào người.

Tôi (Ali) ngây thơ nghĩ rằng ca làm việc đầu tiên sẽ kết thúc lúc 3 giờ sáng như đã thoả thuận. Thế nhưng tôi nhận thấy mọi người bắt đầu liếc nhìn mình. Người quản lý trách tôi (Ali) bỏ về sớm hơn quy định. Ông ta cảnh cáo tôi rằng cần phải xin phép ông ta và hỏi xem tôi đã thu dọn cẩn thận phía ngoài cửa hàng chưa. Vì

bị họ sai ra ngoài phố giữa lúc cái rét cắt da thịt của đêm tháng 12 trong khi tôi chỉ phong phanh một chiếc áo sơ mi mỏng nên tôi nói rằng ngoài cửa hàng mọi thứ đều sạch sẽ. Thế nhưng một nữ nhân viên kỹ tính đã chỉ ra những mảnh giấy chưa được thu dọn.

Bây giờ đã gần 3 giờ sáng. Viên quản lý nói rằng tôi (Ali) liệu có xứng đáng được nhận làm việc lâu dài ở đây khi chưa thực sự cố gắng hay không. Vẻ mặt của tôi lúc đó chắc là rất chán nản. Người ta đã quan sát tôi suốt cả ngày. Ví dụ hôm nay tôi đã có lúc đứng một chỗ liền 5 phút. "Không thể như thế được! - tôi (Ali) phản đối, - tôi chạy như cờ lông công hết chỗ nọ tới chỗ kia vì công việc này đối với tôi giống như một môn thể thao".

Tôi đã biết rằng theo luật bất thành văn giờ làm đêm và giờ làm thêm chỉ được tính đại khái. Điều này có nghĩa là công việc làm thêm nửa giờ cũng được tính thành làm cả giờ. Tuy nhiên, đáng buồn là phần lớn số giờ làm thêm lại không được thanh toán. Người ta không tính thời gian làm việc cho bạn từ lúc bạn tới nơi làm việc mà chỉ tính từ lúc thay quần áo xong và bạn có mặt đúng chỗ làm việc của mình. Còn khi kết thúc ngày làm việc lại tính ngược lại: từ lúc bạn bắt đầu rửa chân tay mặt mũi sau đó thay quần áo. Như vậy, mỗi ngày bạn bị khấu trừ thời gian làm việc hai lần.

Chẳng mấy chốc tới ngày lễ Giáng sinh. Khách hàng tới đông như nước lũ. Vào những giờ cao điểm doanh thu tăng vọt tới mức kỷ lục. Tôi (Ali) nhận 7,55 điểm: việc làm trả theo giờ như ở bất kỳ dây chuyền nào. Ngoài ra, người ta còn tính thêm 1 điểm khi ăn trong giờ làm việc. Sau 8 giờ làm căng thẳng và hối hả, viên quản lý nói với tôi rằng bây giờ tôi (Ali) có thể bình tĩnh lấy một món nào đó trong thực đơn của "McDonald". Khi tôi (Ali) hỏi rằng lấy thìa dĩa ở đâu thì tất cả mọi người xung quanh bỗng bật cười tới mức nghiêng ngả chỉ chực ngã: Tìm kiếm thìa dĩa ở nhà hàng "McDonald" chẳng khác nào một chuyện tiếu lâm về một gã điên khùng.

Tôi làm việc trực tiếp với khách hàng. Tôi (Ali) nhìn thấy họ và ngược lại. Tôi (Ali) không có được dù chỉ một chút thời gian để uống một ngụm bia trong cái nắng oi bức: Này rán đi! Chuẩn bị rau độn! Cho thêm ít mù tạt nữa!- Tất cả những thứ đó làm cho người ta thấy khát và thèm uống kinh khủng.

Một bánh mì Humberger - một quả dưa chuột, xuất đúp - 2 quả dưa chuột bổ sung thêm gia vị; bơm bột cá, bơm bột thịt gà, bơm nước sốt. Buộc phải cố gắng tới hơi sức cuối cùng, khách hàng đặt thực đơn túi bụi, cần bổ sung thêm bánh xếp lớp có mứt táo hay bột cá. Không kịp rửa tay đang dính đầy bột cá đã phải quay ra lấy thịt nướng. Lúc giải lao, tôi (Ali) nếm thử các món

ăn ở đây. Lúc thử món thịt gà thì thấy nó có mùi cá và bánh xếp lớp cũng có mùi vị tương tự.

Chỉ một thời gian sau đó, tôi mới nhận ra tại sao lại như vậy. Nhà hàng lưu trữ mỡ đã rán trong những chiếc thùng khổng lồ. Buổi chiều, mỡ từ các vòi lại chảy qua chính những ống mà mỡ đã rán được rót qua đó để sử dụng. Nói một cách khác, mỡ dùng để rán bánh cắt lớp nhân mứt táo, cá, thịt gà đều chảy qua chính những đường ống nọ. Cả 10 vòi để mỡ chảy qua vào các chảo rán chỉ có chung một đoạn ống lọc bằng giấy duy nhất.

Vào những giờ cao điểm, khách xếp hàng chờ đông như trẩy hội, chúng tôi phải chạy tới mức chân chỉ muốn khuỵu xuống. Thỉnh thoảng lại có tiếng gọi giục giã "nhanh lên! nhanh nữa lên!". Bởi thế, tôi (Ali) nghĩ rằng tốt hơn cả là lấy thịt nướng ra sớm đôi chút (so với thời gian nướng theo quy định). Thế nhưng viên quản lý đã chặn ngay: Suy nghĩ không phải là công việc của anh (Ali), hãy bỏ thịt nướng ra khi nào máy phát tín hiệu và đừng có giở trò "trứng khôn hơn vịt" ra đây. Tôi (Ali) bèn làm đúng theo như thế. Thế nhưng 5 phút sau viên quản lý lại xuất hiện: "Tại sao làm chậm thế hả?" - "Ông nói rằng máy nó nghĩ và quyết định, bởi vậy bây giờ tôi đang đợi" - "Quỷ tha ma bắt, thế khách hàng phải chờ đợi hả?"- " Tôi không biết ai ra lệnh ở đây, ông hay máy nướng? Cần phải làm thế nào,

ông nói đi và tôi sẽ thực hiện theo!" - "Hãy chờ máy phát tín hiệu hiểu chưa?" - " Rõ".

Câu thần chú kỳ diệu, lời nói có phép màu ở đây: "Tốc độ phục vụ". Người ta cho rằng "mục tiêu của dịch vụ là không bao giờ được phép để khách hàng phải xếp hàng chờ đợi". Để đạt mục tiêu đó, lãnh đạo các chi nhánh của công ty khuyến nghị những xảo thuật khác nhau. Khẩu hiệu họ đưa ra là: "Một phút xếp hàng chờ là quá lâu". Nghĩa là đó là thời gian tối đa một khách hàng phải chờ. Hãy đặt cho mình mục tiêu: Rút thời gian chờ của khách hàng xuống 30 giây. Nhà hàng nào phục vụ khách hàng càng nhanh thì vị trí lãnh đạo của cửa hàng đó càng chắc chắn. Hãy tập trung vào tốc độ phục vụ và quên đi từ "chậm" trong từ điển. 2% doanh thu của hãng phụ thuộc vào phản ứng nhanh nhẹn của bạn."Tốc độ muôn năm!".

"Fast food" ở đây có nghĩa là tính bằng từng phút, mặc dù trong số chúng ta có những người chưa hiểu tiếng Anh cho lắm nhưng lại cho rằng từ này có nghĩa "gần như là thức ăn".

Cửa hàng chúng tôi nổi tiếng có doanh thu cao kỷ lục. Tôi (Ali) có vinh dự được tham gia lễ trao Cúp giải thưởng cho viên quản lý với dòng chữ "Vì những thành tích xuất sắc trong việc tạo ra lợi nhuận" do chính quan chức lãnh đạo các cửa hàng khu vực của "McDonald" trao tặng.

Hãng "McDonald" đặc biệt chú ý tới trẻ em.

Trong hướng dẫn tiếp thị của ban lãnh đạo các cửa hàng của hãng tại thành phố Miukhen gửi các cửa hàng chi nhánh viết: "Fast food" - đây không chỉ là một thị trường trẻ. Ở Đức, trước hết đó là thị trường dành cho thanh niên ... Hãy chớ để cho người ta nói rằng thanh niên không có tiền!".

Mọi trang thiết bị phục vụ khách hàng trong cửa hàng đều nhằm để thu hút khách hàng là trẻ em: chiều cao của bàn ăn, ghế, chiều cao của tay nắm cửa ra vào. Chỉ thị đặc biệt của hãng dành cho những người mua giấy phép kinh doanh của hãng viết:" Trẻ em làm tăng nhiều lần doanh thu của chúng ta!".

Các cửa hàng "McDonald" có những chương trình chuẩn bị sẵn để hấp dẫn trẻ em và cùng với chúng là toàn bộ gia đình. Trước hết là chương trình "Lễ mừng sinh nhật trẻ em tại nhà hàng "McDonald". Chương trình được vạch ra tính tới từng phút.

Lễ mừng sinh nhật được tiến hành theo 7 giai đoạn:

- Bước chuẩn bị, thời gian gần 15 phút;

- Chúc mừng. Thời gian gần 10 phút;

- Nhận thực đơn - gần 5 phút;

- Nhận các món theo thực đơn- gần 10 phút;

- "Chúc ăn ngon!" - gần 5 phút;

- Trò chơi hoặc trao quà tặng. Thời gian gần 10 phút;

- Tạm biệt ...

Sau khi làm việc ở lò nướng và đứng bàn, ngày thứ ba tôi được điều vào đội thu dọn bàn ăn. Đây là một sự cất nhắc. Đội này làm việc tốt. Chúng tôi dọn những hộp giấy bị xé rách, thức ăn thừa và lau chùi bàn cho sạch sẽ. Mỗi người trong đội dùng hai loại giẻ: một để lau bàn và một để lau gạt tàn thuốc lá. Thế nhưng khi vội, người ta thường nhầm lẫn trong việc sử dụng giẻ. Thế nhưng chẳng ai băn khoăn gì về chuyện đó: cũng có lúc giẻ này còn được dùng để lau toalét. Đóng kín vòng tuần hoàn của thức ăn bằng cách đó. Tôi cảm thấy buồn nôn. Khi yêu cầu đưa cho tôi chiếc giẻ khác, người ta cự lại gay gắt rằng số giẻ tôi dùng là đủ rồi. Có lần viên quản lý cử một số nhân viên làm việc ở lò nướng đi sửa một bộ toalét bị tắc. Một anh chàng trong nhóm này nảy ra "sáng kiến" dùng ngay dụng cụ vẫn dùng để lau sạch các vỉ nướng thịt để sớm hoàn thành nhiệm vụ. Thế nhưng anh ta chỉ nhận được những lời sỉ vả của viên quản lý. Sự sạch sẽ ở lối ra vào cửa hàng được quan tâm hết sức cẩn thận: khu vực cách lối vào 50 mét luôn được dọn dẹp vì khách hàng thường ném các hộp giấy sau khi chúng không còn cần thiết nữa. Bởi vậy, tôi (Ali) đôi lúc đang làm ở chỗ lò nóng như lửa lại bị điều ra ngoài trời lạnh như băng để thu dọn khi chỉ mặc độc chiếc áo sơ mi mỏng.

Vào những lúc giải lao, chúng tôi thường kể

chuyện tiếu lâm về lũ gián vì không biết làm cách nào thoát khỏi được chúng. Thoạt đầu chúng chỉ sống ở tầng hầm, nhưng bây giờ thì chúng đã nghênh ngang khắp trong nhà bếp. Một con mới đây bị rơi vào lò nướng. Một khách hàng xơi suất đúp món Humberger đã phát hiện ra sự cố này trong bữa ăn của mình.

Một số khách hàng, trước hết là thanh niên khi ngà ngà say thường ném cả những hộp nhỏ đựng khoai tây rán còn thừa vào chân tôi, hoặc hất mạnh những gạt tàn thuốc lá về phía tôi. Có lần họ ném vỡ tan cả một chiếc gạt tàn. Khi tôi đang thu dọn những mảnh vỡ thì từ phía sau lưng lại vang lên tiếng đập vỡ chiếc gạt tàn khác rồi chiếc nữa, chiếc nữa... Tôi (Ali) không thể đoán được ai đã làm điều đó. Trong phòng nổ ra những tràng cười vang như pháo nổ. Cần phải vui vẻ lên chứ.

Lúc giải lao, tôi được quyền ra phố. Tuy nhiên, không được phép uống cà phê hoặc bia. Một cô nhân viên kể rằng thông thường trong 8 giờ làm việc cô không được nghỉ giải lao. Khi hỏi thì được trả lời: "Không được làm gián đoạn công việc!". Nếu bạn cần tới bác sĩ, viên quản lý sẽ nói: "Tôi tự biết khi nào ai cần đi gặp bác sĩ để khám bệnh". Một lần tôi (Ali) hỏi rằng liệu tôi có được nghỉ giải lao (lúc đó) hay không. Câu trả lời đã được biết trước: "Tự tôi biết khi nào anh được nghỉ".

Tổ chức công đoàn không có. Trước đó 6 năm, quan chức lãnh đạo toàn bộ hệ thống các cửa hàng "McDonald" ở Đức đã khuyên những người phụ trách các cửa hàng thuộc quyền ông ta: "Nếu phát hiện ra người muốn vào làm việc trong cửa hàng là thành viên của một tổ chức nào đó thì hãy đặt ra thêm vài câu hỏi sau đó kết thúc buổi phỏng vấn và tuyên bố sẽ thông báo quyết định của cửa hàng sau đó vài ngày. Điều này có nghĩa là người đó sẽ không bao giờ được nhận vào làm việc.

Nhà sáng lập ra "McDonald" Rai Crock biết ông ta muốn gì: "Tôi chờ đợi tiền như chờ đợi ánh sáng lúc ấn công tắc".

Tướng Abrams (Mỹ) cho rằng "McDonald" là một trường học thực sự của dân Mỹ. "Sẽ rất có ích cho một thanh niên khi phục vụ tại "McDonald". "McDonald" làm cho anh ta trở thành một người có giá trị đối với xã hội. Nếu như bánh Humberger làm ra không ngon mắt thì người làm ra nó phải rời bỏ công việc. Hệ thống này là một cơ chế hành động không sai sót mà quân đội chúng ta phải học tập".

Wanraf đóng vai Ali khoảng 2 năm rưỡi. Toàn bộ kinh nghiệm trước đó của anh được phản ảnh trong lần này. Nhờ vậy, tác giả đã khám phá ra những tầng lớp chưa được biết tới trước đó của xã hội.

Sau Wanraf, phương pháp quan sát có tham

gia được rất nhiều nhà báo điều tra áp dụng, trong đó có cả nhiều nhà báo Nga. Ví như tại Mátxcơva, nhà báo B.M. đã sử dụng phương pháp này khi viết nhiều bài báo về Côxôvô. Anh cải trang thành một sĩ quan nhảy dù Nga với hàm trung tá (với sự giúp đỡ của lực lượng giữ gìn hoà bình Nga). Trong vai này, anh đã cùng với các sĩ quan Nga tham gia nhiều cuộc trò chuyện với các sĩ quan Mỹ và có mặt tại nhiều căn cứ lớn của Mỹ tại đây với giấy của Lực lượng giữ gìn hoà bình của Liên hợp quốc tại Côxôvô (KFOR) - nơi việc kiểm soát giấy tờ rất khe khắt. Anh đã tận mắt nhìn thấy cảnh một sĩ quan Mỹ bẻ gãy ngón tay của "một con khỉ Anbani" để hắn ta không còn bắn súng được nữa. Nếu biết trước mắt mình là một nhà báo hẳn viên sĩ quan Mỹ đã không hành xử như vậy vì lo ngại bị đưa ra báo chí. Còn trước mặt các sĩ quan Nga thì "vô tư" vì "chẳng lẽ cùng là quân nhân họ lại không hiểu điều đó chăng?".

Khi chuẩn bị bài báo khác, nhà báo này cũng tham gia vào lực lượng đặc biệt của Liên hợp quốc ở Côxôvô trong nhóm quân nhân hỗn hợp Nga-Canađa và điều này đã giúp anh thu được nhiều tư liệu có giá trị.

PHỎNG VẤN VÀ NÓI CHUYỆN

Khi giao tiếp với những người nắm nguồn thông tin cơ bản, nhà báo điều tra thu thập được

nhiều câu trả lời đối với các vấn đề mình quan tâm. Những người nắm nguồn thông tin cơ bản là các chuyên gia, những nhà chính trị, nhà hoạt động nhà nước khác nhau. Những biện pháp phổ biến hơn cả để khai thác thông tin là phỏng vấn và nói chuyện. Khi thực hiện phương pháp này chớ ảo tưởng rằng bằng sự giúp đỡ của "người phát ngôn" nào đó hoặc bằng cách ve vãn hoặc xu nịnh người đối thoại là có thể nhận được những thông tin tin cậy. Tuy nhiên, nhà báo có thể nắm được lập trường hay quan hệ của người này hay người khác về vấn đề đang điều tra.

Trong khi đó, cần biết rằng một cuộc nói chuyện có kết quả "mặt đối mặt" hoặc qua điện thoại, đặc biệt là với một người nổi tiếng, là công việc tương đối không đơn giản đối với một nhà báo mới vào nghề. Một trong những nhiệm vụ khó khăn nhất trong trường hợp này là phải thể hiện mình trước người được phỏng vấn (hay nói chuyện) như một người am hiểu vấn đề được nêu ra. Bởi lẽ hoàn toàn lôgíc khi cho rằng, một nhà hoạt động nhà nước thường quá bận rộn với rất nhiều công việc, sẽ chờ đợi một cuộc nói chuyện ngắn gọn, đi thẳng vào thực chất vấn đề (Điều này có nghĩa là nhà báo phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng). Tất nhiên không ai trở thành một chuyên gia về một vấn đề phức tạp nào đó chỉ trong 1-2 ngày được. Nhưng trong trường hợp này có thể sử dụng phương pháp đã được kiểm

nghiệm mà nhà báo Anatôli Agmanốpxki khuyên các tác giả trẻ nên dùng. Nội dung của phương pháp này là khi gặp người nói chuyện hoàn toàn có thể tuyên bố: "Tôi biết về vấn đề này không nhiều. Khoảng 200.000 độc giả báo của tôi cũng như vậy. Liệu ông (ngài) có thể giải thích mọi thứ để tôi và bạn đọc của báo nắm được nội dung chính trong vấn đề này không?". Người đối thoại thông minh và bình thường sẽ đánh giá tốt lời tuyên bố này và thể hiện lòng hào hiệp một cách thích hợp.

Thế nhưng, khi nói về trình độ am hiểu của người phỏng vấn, cần nhấn mạnh không chỉ sự hiểu biết về các đặc điểm của đối tượng phỏng vấn. Nhà báo còn cần phải am hiểu ở lĩnh vực khác - kỹ năng của người giao tiếp. Nghĩa là biết cách đặt vấn đề một cách linh hoạt, lái câu chuyện theo hướng cần thiết, lưu ý người đối thoại với mình về những gì là chủ yếu và được công chúng quan tâm hơn cả. Sự am hiểu như vậy của nhà báo thể hiện trong tất cả các giai đoạn chuẩn bị và tiến hành phỏng vấn. Dĩ nhiên là kinh nghiệm giúp cho việc tăng cường khả năng đạt tới năng lực như vậy. Nhưng việc nắm rõ những điểm chủ yếu liên quan tới cuộc phỏng vấn có thể giúp cho thành công của phóng viên.

a) Nhà báo khi chuẩn bị phỏng vấn cần phải biết càng nhiều càng tốt về "nguồn" của mình.

b) Cần phải soạn sẵn các câu hỏi, nhờ đó có

thể nhận được những câu trả lời thú vị. Và mặc dù những câu hỏi như vậy không phải luôn "nằm" trong cốt truyện của việc phỏng vấn được thực hiện trong thực tế, nhưng dù sao chúng cũng sẽ là định hướng tốt trong câu chuyện.

c) Tốt nhất nên phỏng vấn trong cuộc nói chuyện riêng hơn là qua điện thoại hoặc phương tiện kỹ thuật nào khác, bởi lẽ các phương tiện này có thể bị trục trặc vào thời điểm không thích hợp, và điều đó có thể dẫn tới kết thúc cuộc phỏng vấn (ngoài ý muốn của phóng viên). Tuy vậy, nếu không thể tránh được phỏng vấn qua điện thoại (vì cần thiết đáp ứng tính thời sự mà đối tác lại đang ở nước khác v.v...) và cần đưa ra 2-3 câu hỏi, nhà báo cần phải tự giới thiệu về mình thật rõ ràng, nói với người đối thoại bằng giọng nói tôn trọng, đi thẳng vào thực chất công việc, rõ ràng, ngắn gọn, đặt câu hỏi chính xác;

d) Bất kỳ cuộc phỏng vấn nào cũng phải được thỏa thuận trước với "nguồn" (trừ trường hợp đặc biệt phải phỏng vấn trong tình huống đặc biệt).

đ) Nhà báo phải nhớ chắc chắn họ, tên, nghề nghiệp, cấp bậc, chức vụ của người được phỏng vấn.

e) Cuộc phỏng vấn được bắt đầu bằng việc tiếp xúc tâm lý với "nguồn". Có thể thực hiện điều này bằng nhiều cách. Ví dụ có thể nói với lời tốt đẹp về một dự án mà người nói chuyện tham

gia, hay đề cập vấn đề gây tranh cãi nhẹ nhàng về kế hoạch tổng thể. Nếu biết rằng đối tác thích đùa và hài hước thì có thể bắt đầu bằng một truyện tiếu lâm, tốt nhất là truyện ngắn gọn, dí dỏm, nhưng không xúc phạm đối tác.

g) Cần tạo cớ cho người nói chuyện nói về bản thân, làm cho cuộc phỏng vấn trở nên sôi nổi tự nhiên hơn (có thể nhắc lại chi tiết thú vị nào đó trong cuộc đời người đối thoại). Trong thực tế phỏng vấn thường bắt đầu bằng 1-2 câu hỏi mà bản thân nhà báo cũng có thể biết cách trả lời. Điều này cần để xác định xem có thể tin cậy vào những câu trả lời tiếp sau tới mức nào;

h) Cần tiến hành cuộc phỏng vấn sao cho mở ra câu trả lời tiếp theo. Muốn vậy tốt nhất đặt các câu hỏi: "Tại sao lại như vậy, theo ý kiến của ông, điều gì đã xảy ra?..." hay "Điều gì làm ông ngạc nhiên trong những phút như vậy?...".

i) Tránh đưa ra những câu hỏi khiến đối tác có thể trả lời cụt lủn: "Vâng" hoặc "không".

k) Không nên đặt các câu hỏi như: "Ngài có muốn bình luận điều gì không?".

l) Nếu đối tác lảng tránh trả lời, có thể nêu lại câu hỏi nhưng sau 3-4 câu hỏi tiếp đó.

m) Khi đối tác trả lời không đầy đủ cần để cho họ hiểu rằng bạn đang chờ đợi sự tiếp tục. Muốn vậy sẽ có ích nếu bạn giữ im lặng một khoảng thời gian nào đó không đặt câu hỏi tiếp theo.

n) Những câu hỏi phức tạp nên nêu ra vào cuối

buổi phỏng vấn để đề phòng đối tác dị ứng với chúng và cũng không ảnh hưởng tới bạn vì phần chủ yếu của cuộc phỏng vấn đã tiến hành xong.

o) Kết thúc ghi âm, cần phải tiếp tục trò chuyện, khéo léo kết thúc cuộc phỏng vấn.

p) Cảm ơn người đối thoại, xin phép trong trường hợp cần thiết sẽ gọi điện thoại nữa để khẳng định chính xác những điểm nào đó;

q) Sau khi bài báo được in, giữ bài báo cắt hoặc cả số báo có đăng bài phỏng vấn gửi lại cho "nguồn tin".

Còn đây là lời khuyên của Michael Berlin đã được nhắc tới trước đây dành cho những người điều tra mới bắt đầu sự nghiệp về phương pháp phỏng vấn.

"Một số cuộc điều tra bắt đầu từ những tài liệu, sau đó là phỏng vấn con người; một số khác thì bắt đầu điều tra từ con người, sau đó mới chuyển sang nghiên cứu qua tài liệu. Trong trường hợp nào thì cuộc phỏng vấn cũng phải được chuẩn bị kỹ. Nhà báo phải biết mình cần đặt các câu hỏi gì? Cần sử dụng cách tiếp cận tâm lý nào là tốt hơn cả để chiếm được cảm tình của người được phỏng vấn.

Tốt hơn cả là phỏng vấn cá nhân trực tiếp chứ không phải qua điện thoại, bởi trong tiến trình quan hệ cá nhân ngoài việc nhận thông tin bằng lời nói, nhà báo còn quan sát được biểu hiện trên nét mặt và hành vi của đối tác.

Hãy luôn dùng máy ghi âm. Điều đó giúp bạn theo dõi được những tư tưởng (tâm tư) của người đối thoại và tránh gặp những trục trặc tiếp theo, nếu như nhân chứng từ chối nói. Trong một số trường hợp, có thể ghi âm cuộc phỏng vấn mà không báo cho người đối thoại biết nhưng trong những trường hợp khác làm như vậy lại là vi phạm pháp luật. Luôn bổ sung cho ghi âm bằng ghi chép bởi vì những trường hợp ghi âm không ghi nhận được tất cả mọi thứ mà người được phỏng vấn đã nói. Đôi khi nhân chứng tức giận mà ngăn không cho ghi chép trước mặt họ. Khi sử dụng máy ghi âm, nhân chứng đồng ý tham gia cuộc nói chuyện thoạt đầu thường tỏ vẻ khó chịu, nhưng sau đó lại quên bẵng về nó. Nếu có thể ghi âm một cuộc phỏng vấn, hãy thử mời một nhà báo nữa và dùng cả 2 máy ghi để kiểm chứng sau này. Trong trường hợp như vậy, một nhà báo nên ngồi sau lưng nhân chứng, một người ngồi trước mặt anh ta và luôn luôn tỏ rõ sự quan tâm của mình.

Khi làm việc với một nhân chứng nóng tính, tốt nhất nên đưa ra những câu hỏi chung chung, khuyến khích người đó nói ra những nguồn thông tin tự nhiên, mà tỏ quan tâm chú ý lắng nghe ngay cả khi người đó kể cả những chuyện không may của bản thân. Không làm đứt đoạn cuộc nói chuyện bằng những câu hỏi mới. Hãy cứ để nhân chứng tự nguyện tiếp tục câu chuyện

của mình. Và chỉ khi nào nhân chứng nói xong mới bắt đầu đặt những câu hỏi khác và lái câu chuyện theo hướng cần thiết. Hãy nhắc lại những đoạn trong câu chuyện nào nhân chứng vội vã bỏ qua để quay trở lại và đặt ra những câu hỏi làm rõ thêm, cố gắng thu nhận nhiều trích dẫn (nguyên bản), khuyến khích nhân chứng huy động trí nhớ của bản thân.

Những nhân chứng tốt nhất là những người vợ, bạn bè, đồng nghiệp cũ và lý tưởng hơn, nếu tìm được ai đó làm việc cho người là đối tượng điều tra của bạn, nhưng tôi thì không thích làm như vậy. Khi tôi tiến hành điều tra về hoạt động của Henry Kissinger (khi ông ta là Ngoại trưởng Mỹ), thì thông tin tốt nhất tôi nhận được là từ những người chưa từng làm việc với ông ta. Thông tin thu được bằng cách đó đã giúp tôi lấy được những câu trả lời từ những người vẫn còn làm việc với ông ta.

Hãy hỏi tất cả những người bạn phỏng vấn, về số điện thoại và tên của người mà theo ý kiến của họ, vẫn cần phải dò hỏi thêm. Hãy hỏi xem họ có thể cho xem các tài liệu hoặc các bản copy tài liệu để khẳng định lời nói của họ, hoặc ai có thể giúp bạn có được những tài liệu đó. Không ai có thể đưa ra các tài liệu nếu như bạn hoài nghi những lời nói của họ.

Khi những người bạn tìm gặp vì không muốn hợp tác hoặc vì sợ hãi mà không muốn nói

chuyện, hãy tìm cách giúp họ bình tĩnh, bằng cách bày tỏ thiện cảm của mình, khuyến khích họ, bảo đảm bảo vệ họ và không nêu tên họ trên mặt báo. Nếu như cảm thấy có ai đó muốn nói nhưng vì sợ nên lại thôi, thì hãy tìm cách gặp người đó theo cách "tình cờ" hoặc chủ động đến thăm người đó, ví dụ đến cửa hàng, tới nhà người đó hoặc trên đường đi làm về nhà. Trong tình huống đó hãy chuẩn bị cho thời điểm thích hợp tới. Hãy chuẩn bị phải gặp người đó vài lần, chừng nào người đó chưa bắt đầu tin tưởng ở bạn, hoặc là sự kiên trì của bạn chưa thuyết phục được anh ta rằng tốt hơn cả là nói ra những điều bí mật của mình hơn là từ chối nói cho bạn biết.

Khi con người cảm thấy không dễ chịu và không thích nói chuyện, hãy tạo ra không khí một cuộc tranh luận bình thường để người đó quên đi cuộc phỏng vấn đối với mình, và cố bày tỏ ủng hộ lập trường của người đó một cách lôgíc. Hãy sửa lại những tuyên bố không thật lòng bằng cách đưa ra các sự kiện thực tế, nhưng bằng thái độ ôn hoà (ở đây đòi hỏi sự chuẩn bị công phu cho cuộc nói chuyện).

Vấn đề quan trọng và thú vị nhất là cuộc phỏng vấn cuối cùng, trong đó khi thông tin thu nhận được đã sẵn sàng cho bài viết, dành cơ hội cho đối tượng điều tra của bạn phản ứng lại những bằng chứng được nêu ra.

Trong các ấn phẩm định kỳ, chúng ta ít thấy các bài điều tra dưới dạng phỏng vấn, nói chuyện, trưng cầu ý kiến, và hơn nữa là thăm dò ý kiến qua tờ khai. Thường thấy ở đây là các bài phân tích hoàn chỉnh được trình bày chặt chẽ, trong đó tác giả đưa ra các luận điểm khác nhau, nêu ra các lý lẽ ủng hộ ý kiến, quyết định này hoặc ý kiến, quyết định khác và dẫn dắt người đọc tới một kết luận nhất định. Nhưng những đoạn phỏng vấn được đưa khá thường xuyên đan xen vào bài viết điều tra. Ví dụ như vậy chúng ta có thể thấy trong bài của A.Hinstein "Hàng triệu từ một hiệu thuốc lá" (báo *Thanh niên Mátxcơva*, 20-10-2000). Tác giả bài báo kể về cuộc điều tra một trong các vụ "rửa" những đồng tiền bẩn kiếm bằng cách phi pháp.

Bài viết được bắt đầu bằng lời tác giả: "Từ cuộc phỏng vấn Giám đốc Viện nghiên cứu các vấn đề toàn cầu, tiến sĩ khoa học kinh tế Mikhain Đêliaghin", - sau đó là những đoạn trích từ cuộc phỏng vấn.

"Có 2 loại tội phạm liên quan tới tiền. Thứ nhất, khi tôi thực hiện một tội hình sự và kiếm được tiền từ tội ác đó... Thứ hai, đơn giản là tôi không nộp thuế ở Nga, mà đưa tiền ra nước ngoài, ví dụ tới Síp hoặc Látvia, nơi phải nộp thuế ít hơn. Hơn nữa tôi đưa tiền ra theo những cách bất hợp pháp...".

Tiếp đó, tác giả dẫn một đoạn phỏng vấn một

công tố viên nhà nước lãnh đạo bộ phận Viện kiểm sát phụ trách vấn đề đấu tranh chống tội phạm kinh tế Đan Mạch Klemming Ker.

"Một vài năm gần đây, chúng tôi ghi nhận được một số trường hợp có những khoản tiền lớn chuyển qua các cơ quan tài chính của chúng tôi... Sau đó số tiền này được chuyển tới các khu vực ở nước ngoài.

- Tại sao lại có cơ chế phức tạp như vậy?

- Chúng tôi cũng chưa biết hết hoàn toàn vấn đề này. Có thể những người chuyển tiền ấy nghĩ rằng nếu họ bắt đầu chuyển qua Đan Mạch thì sẽ không ai nghi ngờ rằng đó là hành động "rửa" tiền".

Sau đó là những đoạn trích riêng biệt từ cuộc nói chuyện của nhà báo với M.Đêliaghin và những cán bộ bảo vệ luật pháp Đan Mạch, nhà kinh doanh Kriukov - người mua một số cổ phần của một trong các công ty ápphe. Tiếp nữa là những tư liệu thu được bằng các phương pháp khác.

Thông tin thu nhận từ phỏng vấn trong bài "Chu trình Lipesk" của I.Đômnhicốp cũng được trình bày theo cách này.

"Cô gái Lipesk tinh quái không chờ tôi bộc bạch vào thẳng đề tài: "Tại đây những năm 60 chúng ta một tháng đã sản xuất được lượng bơ mà châu Âu phải sản xuất trong 8 năm...".

...Công việc của chàng thanh niên Sura Nagrôlôp không tồi: thất bại một cách dũng cảm như một số người Lipesk hay ghen tỵ và bị kích động kể lại, vào một buổi chiều không may mắn đã thua 12 nghìn xèng trong sòng bạc mặc dù trước đây không thua hơn 6 nghìn bao giờ...

...- Nào, anh muốn gì – một phụ nữ mặt bóng nhẫy mồ hôi nói với tôi, khi chị ta vừa nặng nề lách ra khỏi chiếc xe buýt đi miễn phí, - Lẽ ra tôi phải trả 84 rúp một tháng, mà lương chỉ có 500... Tóm lại, tất cả những người Lipesk tôi quen chỉ nhận chừng ấy".

Những đoạn phỏng vấn như vậy "len lỏi" vào bài điều tra làm cho nó sinh động hơn, tạo cho người đọc khả năng quan sát, theo dõi sự nảy sinh các sự kiện, ý nghĩ, cách đánh giá được đưa vào bài viết.

XỬ LÝ TÀI LIỆU

Đây là một mảng phổ biến hơn cả trong hoạt động của nhà báo. Khái niệm "giấy tờ" xuất phát từ tiếng Latinh documentum "chứng nhận". Ngày nay người ta thường hiểu từ này là sự chứng nhận bằng văn bản về điều gì đó. Nhưng cũng có cách giải thích khác về từ này. Trên những cơ sở khác nhau, tài liệu được chia ra làm vài loại. Xét về mặt ghi nhận thông tin, tài liệu được chia thành các nhóm: bản thảo, bản in, ảnh, phim, băng ghi âm, đĩa CD, v.v.. Về mặt

tác giả, chúng được phân loại thành: chính thức và cá nhân. Về độ gần tới đối tượng phản ánh - tài liệu ban đầu và tài liệu tạo ra. Về mặt chân thực - nguyên bản và copy. Xét về định hướng báo chí - tài liệu có định hướng trước và không định hướng trước. Theo G.V.Ladutina xét về mặt hoạt động tạo ra chúng, tài liệu có thể được phân thành các loại sau:

1- Tài liệu hành chính nhà nước;

2- Tài liệu sản xuất hành chính;

3- Tài liệu xã hội chính trị;

4- Tài liệu khoa học;

5- Tài liệu chuẩn hoá kỹ thuật;

6- Tài liệu tham khảo;

7- Tài liệu về nghệ thuật.

Có thể bổ sung vào danh sách này các loại "tài liệu sinh hoạt" như thư từ riêng, ghi chép phim, ảnh, nhật ký của cá nhân, v.v.., nghĩa là cách phân loại này không phải là duy nhất không thể thay thế. Trong cuốn "Điều tra trong nghề báo" đã chia tài liệu thành các loại: luật pháp, chính trị, khoa học - kỹ thuật, tài chính - kinh tế, về các tình huống khẩn cấp, y tế, v.v..; về các phương pháp tổ chức, lưu giữ và sử dụng (các hình thức truyền thống – sách, tạp chí, báo; khối lượng tài liệu, quỹ tài liệu, tư liệu, các hình thái tự động hoá); về chế độ tiếp cận (công khai, hạn chế, bí mật quốc gia, bí mật thương mại, nghề nghiệp, cá nhân, v.v..); về

loại phương tiện mang thông tin (copy, báo, sách, bản thảo viết tay, v.v..); về hình thức sở hữu (tài sản công cộng, sở hữu nhà nước, sở hữu của các chủ thể liên bang, sở hữu cá nhân). Việc áp dụng cách phân loại tài liệu theo cách này hoặc khác giúp nhà báo hiểu rõ ràng hơn những khả năng, điều kiện thu nhận tài liệu này hoặc khác, đặc điểm sử dụng chúng trong hoạt động điều tra của nghề báo.

Tồn tại những phương pháp phân tích tài liệu khác nhau tuỳ thuộc vào những loại thông tin nào là cần thiết hơn cả cho nhà báo trong thời điểm hiện tại. Những phương pháp chủ yếu được các chuyên gia mô tả là các phương pháp truyền thống và phương pháp chính thức hoá. Các phương pháp truyền thống là nền tảng của hoạt động nghiên cứu tài liệu trong nghề báo. Những phương pháp này được phản ánh trong nhận thức về tài liệu được nghiên cứu, cách diễn giải, ghi nhận những thông tin được "lấy" từ tài liệu. Sự diễn giải được thực hiện để so sánh nội dung của tài liệu với những tiêu chí xác định nào đó trong quan hệ với tài liệu đó. Còn phương pháp chính thức hoá mà cơ sở của nó là sự phân tích, đòi hỏi phải nghiên cứu khối lượng lớn những tài liệu cùng một loại (ví dụ những tập báo được đóng lại để lưu trữ) theo những *thông số* nhất định nào đó.

Rõ ràng là rất khó nhận được cái tài liệu kể

cả chính thức lẫn không chính thức. Cần phải làm thế nào trong trường hợp đó? Nếu trong trường hợp quan hệ tới các tài liệu gốc (đặc biệt là các tài liệu chính thức), thì có thể xin được ghi chép lại từ các tập tài liệu lưu trữ hoặc văn bản khác nhau. Thông thường nhà báo buộc phải tìm kiếm những người có khả năng giúp đỡ mình trong vấn đề này. Những người biết về việc điều tra không thích thú gì với việc tiếp xúc với nhà báo. Nếu xảy ra trường hợp như vậy cần phải biết sử dụng nghệ thuật thuyết phục họ. Michael Berlin, cho rằng hoàn toàn có thể nhận được tài liệu "nếu bạn biết cách thuyết phục các quan chức thích hợp rằng bạn có quyền được xem những tài liệu mà không làm hỏng chúng, hoặc chúng có ích cho công việc của bạn. Một lần trong vòng một tháng tôi đã tới toà án thành phố New York để chép tài liệu từ hồ sơ lưu trữ. Tôi đã cố gắng thể hiện cả hình thức bề ngoài lẫn phong cách xử sự và cách nói năng như thể một luật sư mới vào nghề và cần sự giúp đỡ của những viên chức dày dạn kinh nghiệm của toà án. Điều này khiến tôi chiếm được cảm tình của họ và nhiều người đã vui vẻ giúp đỡ tôi". Tuy nhiên công việc không phải lúc nào cũng thuận lợi như vậy. Chính Michael Berlin cảnh báo: "Hãy nhớ rằng ngay cả ở Mỹ, nơi luật pháp bảo đảm cho việc tiếp xúc với phần lớn các tài liệu lưu trữ công khai, thì các quan chức vẫn

có điều gì đó để giấu giếm và thường từ chối cung cấp thông tin cho các nhà báo. Điều này xảy ra với tôi không chỉ một lần tại phòng cảnh sát, toà án, trong các cơ quan chính quyền liên bang và địa phương. Trong những trường hợp như vậy, bạn có thể thảo luận với họ (điều này tốn nhiều thời gian và tiền bạc của bạn) hoặc tìm kiếm ai đó có thể tác động giúp bạn. Ai có thể tiếp xúc với các tài liệu và có nguyện vọng để sự thật thắng thế? Nếu bạn trả lời câu hỏi này thì bạn có hy vọng nhận được sự giúp đỡ.

Dù có được tài liệu nào trong tay, nhà báo cũng cần phải suy nghĩ về mức độ xác thực của chúng tới đâu. Đầu tiên là nghiên cứu những số liệu "bên ngoài" thể hiện ở chỗ tài liệu được xem xét từ sự phù hợp của nó với các tiêu chuẩn xây dựng được thừa nhận trong lĩnh vực hoạt động này. Nghĩa là cần kiểm tra xem tài liệu này có chứa những chứng thực cần thiết (có chữ ký, dấu, đánh số và ngày tháng lập tài liệu hay không, v.v..). Cũng nên hỏi những cá nhân mà trên các tài liệu có chữ ký của họ là của họ thực hay không nếu điều đó không gây trở ngại cho việc điều tra. Phải biết rõ tài liệu đó có được đăng ký hay không, ví dụ trong tạp chí có tín hiệu đăng ký (nếu tài liệu đó được gửi đi đâu đó hoặc được nhận từ đâu đó). Công việc thứ hai là nghiên cứu nội dung tài liệu.

Để không mắc sai lầm, các nhà báo cần phải

định hướng vào những quy định được thừa nhận trong cuộc kiểm tra những dữ liệu về độ xác thực trong môn xã hội học. Theo các quy định này, khi phân tích các tài liệu cần phải:

• Phân biệt sự mô tả các sự kiện và cách diễn giải chúng (các sự kiện và ý kiến);

• Xác định xem người lập tài liệu đã sử dụng những nguồn thông tin nào; nguồn thông tin đó là nguồn tin gốc hay sao chép;

• Xác định rõ những ý định mà người viết tài liệu được quán triệt tạo ra sức sống cho tài liệu đó;

• Tính tới bối cảnh mà người viết có thể tác động tới chất lượng của tài liệu.

Điều cũng quan trọng nữa là nếu có thể thì hãy so sánh nội dung của các tài liệu được nghiên cứu với những thông tin thu được từ các nguồn khác về vấn đề điều tra.

Rất tiếc rằng khả năng sai sót trong khi sử dụng các tài liệu trong quá trình điều tra của nhà báo cũng không thể loại trừ ngay cả trong trường hợp những tài liệu đó là chân thực. Sai lầm có thể nảy sinh khi nhà báo tìm cách làm rõ bản chất của tài liệu. Nếu làm điều này một cách vội vã thì nhà báo có thể không nhận thấy một số mối quan hệ qua lại lẫn nhau của tình thế được trình bày trong tài liệu, không thấy rõ ý nghĩa của việc tài liệu này xuất phát từ cái gì, tại sao. Ngoài ra, có thể không hiểu được nội dung thực sự của một số các thuật ngữ, khái

niệm và trình bày chúng theo cách diễn giải của bản thân mình. "Ngữ cảnh" đó (kiến thức, lập trường quan điểm, mục đích có sẵn ở nhà báo) nhất định có tác động tới quá trình điều tra và có thể gây "sức ép" nhất định tới việc hiểu nội dung của tài liệu. Cũng không bảo đảm cho nhà báo tránh khỏi những sai sót đơn giản trong việc trình bày nội dung, xác lập hình thức của tài liệu. Như vậy, nhà báo có thể ghi chép sai một số dữ liệu trong tài liệu, nhầm họ tên người, con số được nhắc tới trong tài liệu. Việc sử dụng những ghi chép sai lệch từ tài liệu như những dữ liệu chính xác đương nhiên có thể dẫn tới những hậu quả tiêu cực đối với nhà báo. Bởi vậy để tránh xảy ra những trường hợp tương tự, tốt nhất hãy chụp ảnh hoặc phôtô copy những tài liệu và sau khi văn bản điều tra đã viết xong hãy so sánh những dữ liệu của bài viết với nội dung của các bản copy tài liệu. Nếu thử tìm cách đưa ra một quy tắc chung luôn phải sử dụng trong khi làm việc với các tài liệu, thì rõ ràng quy tắc đó sẽ là: "Phải rất thận trọng khi sử dụng các tài liệu!".

Cần bao nhiêu và những loại tài liệu nào để chuẩn bị cho một bài báo? Điều này phụ thuộc vào những tình huống cụ thể của công việc và khả năng tiếp cận được với loại tài liệu này hoặc tài liệu khác. Trong mọi trường hợp cần phải cố nhận được số lượng tối đa các nguồn tài liệu có

quan hệ với vấn đề điều tra. Bởi lẽ mỗi một tài liệu có thể chứa đựng những thông tin - nếu không phải là chủ yếu, thì cũng bổ sung thêm hoặc làm cho chính xác hơn đối với công việc điều tra.

Ví dụ tài liệu điều tra của Mark Đeich dưới tên gọi "Những người chạy trốn từ Penda" xuất bản trong báo *Thanh niên Mátxcơva* (23-11-2000). Trong bài này tác giả sử dụng những tài liệu để chứng minh rằng việc các nhân viên an ninh Liên bang Nga bắt giữ hai người dân ở Penda là được phê chuẩn. Và mặc dù việc điều tra được tiến hành bí mật, và các luật sư buộc phải làm giấy cam đoan không công bố các thông tin, nhưng trên các phương tiện thông tin đại chúng địa phương đã công bố thông tin chi tiết về nguyên nhân có thể dẫn tới việc bắt giữ mà theo ý kiến của tác giả là do có sự tác động của các nhân viên an ninh Liên bang.

Trong quá trình xây dựng tài liệu, M.Đeich đã sử dụng những tài liệu sau: Luật hình sự Liên bang Nga, biên bản các cuộc họp toà án Penda. Ông cũng đã nghiên cứu cặn kẽ những tài liệu và tuyên bố của các chuyên gia Bộ Quốc phòng Nga, những kết quả điều tra của Viện nghiên cứu - khoa học Quốc gia, các câu hỏi chất vấn của Đuma quốc gia và trả lời của Hội đồng An ninh Liên bang, các văn bản giám định. Như vậy, trong quá trình điều tra, nhà báo dựa vào những

tài liệu có thể xếp vào những loại như sau: chính thức, cá nhân, gốc, hành chính nhà nước, xã hội - chính trị và khoa học. Những tài liệu này rõ ràng đã trở thành cơ sở chủ yếu dẫn tới kết luận của nhà nước về nguyên nhân bắt giữ những công dân ở Penda này. Trong trường hợp này hoặc khác, nhà báo có thể sử dụng "tập hợp" tài liệu cần thiết cho mình trong quá trình điều tra.

Các tài liệu quan trọng đối với nhà báo điều tra bởi vì chúng là những văn bản được công chúng tiếp nhận như những bằng chứng đáng tin cậy hơn cả về những luận điểm bắt nguồn từ chúng theo lôgíc cần thiết. Một trong các nguyên tắc khi làm việc với các tài liệu là nguyên tắc niên biểu. Nghĩa là xem xét các tài liệu theo thời gian xây dựng chúng. Nguyên tắc này cần được áp dụng trong mọi trường hợp khi so sánh những thông tin nhận được từ các nguồn khác nhau. Thông tin được xây dựng theo niên biểu thời gian luôn tốt hơn những ghi chép rời rạc bởi vì chúng giúp nhà báo nhìn thấy bức tranh đầy đủ hơn về vấn đề điều tra.

Cũng cần phải thấy rằng trong khi sử dụng tài liệu, nhà báo điều tra không ít trường hợp phải trích dẫn. Việc thực hiện công việc tưởng chừng đơn giản này không hiếm khi gặp những khó khăn trở ngại. Thông thường việc trích dẫn gặp khó khăn bởi số lượng lớn từ và thuật ngữ chuyên môn trong tài liệu hay việc không có khả

năng viết lại văn bản một cách chính xác tới từng chữ do không hiểu nội dung tài liệu đó. Nhiều bản dịch tài liệu bị sai lệch từ cùng một từ trong đó nhưng có thể có những nghĩa khác nhau. Bởi vậy việc trích dẫn vẫn phải dựa vào khả năng làm điều đó, cảm giác chừng mực, cảm xúc văn học, cũng như dựa trên sự tuân thủ nghiêm ngặt luật về bản quyền tác giả và các quyền liên quan. Chính điều này loại trừ khả năng nhà báo khỏi những tranh chấp có thể có với những người hoặc tác giả xây dựng ra các tài liệu được trích dẫn trong bài viết của nhà báo.

THỬ NGHIỆM

Một trong những phương pháp quan trọng nhất được sử dụng trong điều tra của nhà báo (và thích hợp hơn cả đối với loại hình này của nghề báo) là phương pháp thử nghiệm ("khiêu khích thực tế"). "Tổ tiên" của phương pháp này chính là các thử nghiệm khoa học và điều tra. Trong khoa học và luật học, phương pháp này được sử dụng rất rộng rãi. Ngoài ra, phương pháp này được áp dụng tích cực hơn trước trong những năm gần đây.

Thử nghiệm rất gần gũi với phương pháp quan sát từ bên trong và không hiếm khi người ta coi chúng là một. Đôi khi thử nghiệm được định nghĩa là biến dạng của phương pháp quan sát từ bên trong. Theo quan điểm của chúng tôi,

thử nghiệm có thể được coi là một phương pháp độc lập. Sử dụng phương pháp này, nhà báo không phải giải thích quá nhiều trên các trang viết của mình về những điều kiện và cách thức nhận thông tin cần thiết cho mình như thế nào.

Vấn đề là ở chỗ khi sử dụng phương pháp quan sát từ bên trong, nhà báo tự tham gia vào *tình hình thực tế* và ghi chép các sự kiện nảy sinh trong quá trình phát triển của tình hình. Sau khi hoàn thành quan sát từ bên trong, tình hình đó (đối tượng quan sát) không biến mất, mà tiếp tục tồn tại cùng với các tham số chính của nó. Cũng trong trường hợp đó, khi tiến hành phương pháp thử nghiệm, nhất định nhà báo phải tạo ra tình huống *nhân tạo*, *không tồn tại trước đó* (ví dụ, tổ chức đợt gửi thư cho mình từ 100 địa chỉ của các vùng khác nhau của thành phố và chờ đợi xem từng lá thư đến khi nào và như thế nào), sau đó nghiên cứu tình hình bằng cách áp dụng những phương pháp quan sát khác. Tình huống cố ý được tạo ra cho phép nhà báo nhìn thấy rõ ràng hơn những gì có thể kéo dài theo thời gian và không bộc lộ rõ ràng nếu nhà báo sử dụng phương pháp quan sát thông thường. Sau khi phương pháp thử nghiệm kết thúc, tình huống nhân tạo do nhà báo tạo ra sẽ "biến mất". Sự khác biệt của các tình huống được nghiên cứu tương đối dễ dàng bộc lộ, nếu so sánh, ví dụ, phương pháp quan sát từ bên trong

của Guinter Wanraf với việc sử dụng phương pháp thử nghiệm trong điều tra.

Năm 1967, Wanraf nhận được thông tin rằng tại nhiều xí nghiệp công nghiệp lớn đang thành lập những đơn vị vũ trang do những cựu thành viên phát xít chỉ huy huấn luyện nhằm trấn áp công nhân bãi công. Thoạt đầu ông đã thử kiểm tra thông tin nhận được bằng biện pháp thông thường - phỏng vấn những người có thẩm quyền. Nhưng không ai muốn tiết lộ bí mật trước một nhà báo nổi danh viết về các vụ xì căng đan như ông. Bởi vậy sau đó Wanraf đã dùng tới phương pháp "khiêu khích thực tế", để làm cho tình hình trở nên dễ quan sát được hơn. Và thế là Wanraf tự giới thiệu bản thân là *nhân vật chuyên trách vấn đề bí mật* - ngài Crever, cố vấn cấp bộ, quan chức của Ủy ban dân phòng không hề tồn tại trong Bộ Nội vụ Đức. Việc khiêu khích có tác dụng ngay: vì chẳng có gì phải giấu một quan chức chuyên trách về vấn đề bí mật cả. Thanh tra thông tin được nâng lên. Kết quả của nó là bài viết "Tai họa, nếu trao quyền lại cho họ" trong tạp chí "*Pardon*", trong đó nhà báo đã làm rõ nguyên hình tổ chức bí mật này.

Một ví dụ nữa về việc Wanraf phải sử dụng tới phương pháp thử nghiệm. Năm 1967, ông quyết định điều tra về nguyên nhân dẫn tới các cuộc biểu tình chống phát xít của sinh viên ở

Béclin, và chủ yếu là làm sáng tỏ quan hệ của dân địa phương đối với các cuộc biểu tình này bởi có tin đồn cảnh sát dùng hơi cay, thậm chí súng để đàn áp sinh viên, thậm chí một số còn tỏ ra tiếc nuối rặng chế độ Hítle đã sụp đổ. Khi điều tra, thoạt đầu Wanraf thực hiện như thể là người tham gia và quan sát các sự kiện, sau đó mới sử dụng phương pháp thử nghiệm. Nhằm mục đích này *ông thành lập Ủy ban "Béclin trong sạch" - một tổ chức như thể theo đuổi mục tiêu đấu tranh chống sinh viên biểu tình*. Wanraf giới thiệu với những người nói chuyện với ông theo cách đây là một tổ chức được lập ra nhằm mục đích thu thập những thông tin khả dĩ có thể làm sáng tỏ tình hình lúc đó. Ông muốn nhận được những sự kiện cụ thể.

Các cuộc nói chuyện trên danh nghĩa Ủy ban "Béclin trong sạch" với những đại diện có ảnh hưởng ở Béclin lúc đó đã khẳng định những bí ẩn về quan hệ tiêu cực của họ đối với sinh viên. Tiếp tục thử nghiệm, nhà chính luận đã tìm cách giả dạng là sinh viên đi tìm việc làm: ông đi dọc các phố của Béclin với tấm biển đeo trước ngực viết: "Sinh viên bị đuổi khỏi trường vì tham gia biểu tình tìm bất kỳ việc làm nào và chỗ ở" và hàng loạt những lời chửi rủa mang nặng tư tưởng phát xít đã đổ xuống đầu chàng "sinh viên" Wanraf càng chứng minh sự giận dữ của thị dân Đức đối với các yêu cầu của sinh

viên. Các sự kiện thu thập được trong quá trình tiến hành thử nghiệm đã được Wanraf sử dụng cho bài viết "Béclin trong sạch" của ông. Trong bài báo Wanraf đã vẽ ra bức tranh rõ ràng về sự thực cho thấy các tư tưởng phát xít chưa chấm dứt ở nước Đức.

Hiện nay ở Nga cũng xuất hiện rất nhiều người học theo Wanraf khi say mê với các thử nghiệm phiêu lưu mạo hiểm. Ví dụ tìm cách kiểm tra đạo đức của các nhân viên thuế quan (hoặc vạch tội ăn hối lộ của các nhân viên thuế quan), nhiều phóng viên đã để trong hành lý của họ lựu đạn, ma tuý và ngoại tệ không khai báo. Những kiểu điều tra như vậy thường gây nhiều hậu quả. Mặc dù trong thực tế đây chỉ là lựu đạn tập, ma tuý và ngoại tệ giả, nhưng những hành động như vậy cũng cần phải cân nhắc và suy nghĩ kỹ càng. Trong thực tế có thể những thứ đó không gây hại cho cá nhân cụ thể nào. Tuy nhiên, không thể bao biện rằng chúng không thể gây hậu quả nặng nề (có thể tới mức độ trừng phạt hình sự) đối với nhà báo và những người khác.

Khi nói về các điều kiện cần thiết cho việc tiến hành thành công phương pháp thử nghiệm, cần phải lưu ý tới một yếu tố quan trọng là việc *vạch kế hoạch*. Kinh nghiệm của Wanraf rất đáng được học tập trong lĩnh vực này. Cần phải nhận xét rằng lúc đầu ông chưa khẳng định sự

cần thiết của việc vạch kế hoạch cho lắm. Trong các cuộc điều tra đầu ông hành động chủ yếu theo "cảm tính" khi tự kiểm tra mình trong quá trình điều tra. Nhưng khi nhiệm vụ đặt ra trở nên phức tạp, thì quá trình chuẩn bị cũng phức tạp theo bởi vì sự thành công của công việc phụ thuộc vào sự suy nghĩ kỹ lưỡng về kịch bản. Mãi tới năm 1974, nhà chính luận này mới hiểu rằng thay vì cho suy nghĩ trực giác, cần phải phân tích rõ ràng tình hình và mức độ nguy hiểm của thử nghiệm tiếp theo. Kế hoạch lúc đó đối với Wanraf - luôn là sự nghiên cứu và vạch ra trước một cách rất cụ thể mọi giai đoạn trong thử nghiệm.

Việc điều tra của ông về âm mưu chống chính phủ của Xpinôla ở Bồ Đào Nha cũng là một thí dụ điển hình trong vấn đề này. Tất cả biện pháp mà nhà điều tra đã được suy nghĩ kỹ lưỡng và chuẩn bị tới từng chi tiết. Nữ nhà báo Hella Shlumberger đã trợ giúp Wanraf trong công việc chuẩn bị cho bài phóng sự khi nói chuyện điện thoại với các vệ sĩ và trợ lý của Tổng thống nọ, đã cố ý làm ra vẻ ít hiểu biết để khỏi làm Xpinôla hoảng sợ trước sự chuẩn bị cho cuộc gặp. Cuộc nói chuyện qua điện thoại lần thứ hai - đã được xác định hơn: cuộc gặp chuẩn bị trước với những nhân vật tin cậy của Xpinôla đã được ấn định. Các biện pháp cảnh giác đề phòng được xem xét trước: Tìm kiếm một người đóng giả "Chủ tịch" của một tổ chức không hề có trong

thực tế (Wanraf đóng vai này), đặt một bàn tiệc thịnh soạn cùng một lẵng hoa lớn tại một nhà hàng. Wanraf và các trợ thủ của ông trước đó đã chuẩn bị chu đáo để bất kỳ người nào đó của Bộ bảo vệ Hiến pháp cũng không "ngửi" thấy biện pháp chuẩn bị của họ. Cả diện mạo trang phục bên ngoài cũng được suy nghĩ chuẩn bị kỹ - cà vạt của Wanraf là loại sọc 3 màu đen - đỏ - vàng (màu quốc kỳ Đức), bật lửa sọc vàng và những đồ dùng "hào nhoáng" khác.

Cuộc nói chuyện diễn ra trôi chảy không ngờ. Khi nảy sinh khó khăn đối với các trợ lý, nhà báo tự can dự vào cuộc nói chuyện, chỉnh sửa lại cuộc nói chuyện đó bằng bàn tay dày dạn kinh nghiệm của một đạo diễn. Và tất cả điều đó đều được ghi âm lại. Tiến hành cuộc gặp về phía Wanraf có luật sư và "Chủ tịch" – viên chức của một nhà xuất bản. Như vậy, Wanraf đã đưa một điểm mới nữa vào phương pháp thu thập thông tin – sự tham gia tích cực của những người khác, khác với phương pháp khai thác thông tin trước đây là không thổ lộ bí mật của công việc cho ai. Tuy nhiên, cần phải đặc biệt nhấn mạnh rằng người điều tra đã được những trợ lý tin cậy nhất của mình tham gia trực tiếp vào các thử nghiệm.

CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA HÌNH SỰ

Bất kỳ cuộc điều tra nào, kể cả điều tra trong nghề báo, sẽ được tiến hành có hiệu quả, nếu

như người điều tra chuẩn bị tiến hành nó một cách sáng tạo, áp dụng các thủ thuật và biện pháp không truyền thống (tất nhiên, vẫn trong khuôn khổ các quyền hạn được luật pháp cho phép). Bởi vậy, anh ta cần phải thường xuyên bổ sung (làm giàu) cho "kho phương pháp luận" của mình, trong đó có cả việc thu nhận kiến thức về các phương pháp điều tra hình sự. Nhà báo điều tra không chỉ có thể nghiên cứu chúng theo các cuốn sách giáo khoa dành cho các điều tra viên được bày bán công khai, mà còn dựa trên những bài viết, chuyện kể của các cán bộ các cơ quan bảo vệ luật pháp trên báo chí.

Ví dụ trên chương trình truyền hình quốc gia Nga ngày 13-2-2001 có đưa tin về việc cảnh sát thành phố Riadan điều tra tội ác của băng cướp "Các con voi" vốn là những kẻ trấn lột và giết người chuyên trấn lột tiền của các doanh nhân và giết các tội phạm đối thủ cạnh tranh của chúng, v.v.. Cảnh sát biết rõ những tội ác này. Tuy nhiên, việc "phá án" theo cách thông thường "lần từ đầu mối vụ án tới bắt giữ tội phạm" rất khó khăn. Bởi vậy cảnh sát đã áp dụng một phương pháp khác hẳn - theo dõi những tên tội phạm đã biết để tìm ra manh mối các vụ án mà chúng có thể gây ra. Nhằm mục đích này, họ đã tập hợp hồ sơ tư liệu về chỗ ở và hành vi của bọn chúng trong giai đoạn trước khi xảy ra các vụ giết người, trấn lột, v.v.. Qua mạng Internet,

họ đã kiểm tra những ôtô nào của Riadan được đăng ký qua thanh tra ôtô ở "Naheregiơnươi triônư" trong thời gian xảy ra các vụ trộm cướp ở đó (có giả thiết cho rằng có người của Riadan ở đây trong thời gian đó), sau đó xác định được đó là những chiếc xe con nào, ai đi xe tới đó, v.v.. Thế là dấu vết của các tên giết người trong "các con voi" lộ ra ánh sáng. Hoá ra đó là cuộc thanh toán của chúng với những kẻ cạnh tranh của chúng (trên thị trường đen buôn bán ôtô) ở Naheregiơnươi triônư.

Bọn tội phạm đã bị bắt. Chúng đã thú nhận những vụ phạm tội khác nhau, trong đó có những thủ đoạn làm tiền ở Riadan. Lúc này chỉ cần sự khẳng định từ những nạn nhân nữa là đủ. Thế nhưng các doanh nhân bị "các con voi" trấn tiền lại sợ nói về điều đó với cảnh sát, bởi sợ bọn tội phạm trả thù. Sau khi tính toán kỹ, Sở cảnh sát tỉnh đã thành lập một nhóm đặc biệt và đề nghị bảo vệ họ khỏi hành động trấn lột của bọn cướp khác, và khi đó các doanh nhân liền tuyên bố rằng họ đã có "bảo vệ" rồi và những kẻ bảo vệ đó chính là "các con voi", trong đó có những kẻ đã bị bắt nhận tiền "bảo kê".

Việc làm quen với các cơ sở của môn hình sự học có thể có lợi nhất định cho nhà báo điều tra, đặc biệt là đối với những người mới vào nghề. Các cuốn sách giáo khoa và sách tham khảo về môn học này được bày bán rất nhiều tại các hiệu

sách. Cũng là không thừa nếu làm quen với công dụng của các phương tiện kỹ thuật được sử dụng trong quá trình điều tra hình sự được viết trên báo chí. Ví dụ có 2 tin dưới đây:

"Valeri Ilitrép"

Từ chiếc kính lúp của Séclốc Hôm tới chiếc máy phát hiện nói dối

"Tìm hiểu các bí mật của vũ trụ còn dễ hơn là khám phá bản chất của con người". Điều này được khẳng định trong cuộc đấu tranh với tội phạm. Trong những năm gần đây, những phương pháp không truyền thống trong việc sử dụng các kiến thức và trạng thái tâm lý các nhân vật liên quan tới những hành động phạm tội được sử dụng rộng rãi trong hoạt động của các cơ quan bảo vệ luật pháp.

Máy móc liệu có sai lầm?

Đây là một thiết bị kỹ thuật nổi tiếng là "Máy phát hiện nói dối" được trang bị cho các nhà điều tra hình sự. Để sử dụng tốt thiết bị này đòi hỏi phải có đồng thời cả kinh nghiệm của nhà điều tra lẫn kỹ năng sử dụng thiết bị. Các kết quả kiểm tra trên máy não đồ không thể coi là bằng chứng về một vụ án hình sự, mà hoàn toàn chỉ giúp định hướng thông tin trong phần xác định các cá nhân phạm tội. Điều đó cho phép xây dựng đúng đắn nội dung các cuộc thẩm vấn những nghi can và nhân chứng.

Vì những nguyên nhân dễ hiểu, chúng tôi

không khuyến nghị sử dụng máy não đồ đối với những kẻ nghiện ma tuý và bệnh nhân tâm thần. Máy có thể sai lầm trong khi sử dụng đối với những tên giết người hàng loạt và những kẻ chuyên giết thuê. Những tội phạm loại này không bao giờ biết thương tiếc nạn nhân của chúng, và phản ứng tâm - sinh lý của chúng tương đối bình tĩnh trong quá trình làm sáng tỏ hoàn cảnh phạm tội. Tuy nhiên, trong đa số trường hợp máy não đồ đưa ra thông tin khách quan và giúp khẳng định tội lỗi của cá nhân bị kiểm tra. Hơn nữa, việc sử dụng máy này còn giúp xác định vị trí của tử thi và những đồ đạc bị đánh cắp. Người bị kiểm tra được đưa cho danh sách các địa điểm nơi có thể chứa bí ẩn vừa nêu. Và sự lo lắng không tự nhiên được máy ghi nhận sẽ "mách mối" cho các thám tử cần phải tìm kiếm ở chỗ nào. Với sự trợ giúp của máy não đồ có thể loại trừ những cá nhân không phạm tội khỏi số nghi can. Nếu máy khẳng định chắc chắn sự trong sạch của một người, bác bỏ lời buộc tội (nghi), thì điều này không những cho phép rút bỏ việc buộc tội đối với người đó, mà còn thúc đẩy các nhà điều tra nghiên cứu những giả thiết mới.

Ví dụ. Tất cả tình huống của vụ án chứng tỏ sự liên can của một trong những người quen của chủ nhà trong vụ ăn cắp. Bằng chứng là sự có mặt của anh ta trong thời gian xảy ra vụ án gần

ngôi nhà của nạn nhân và việc anh ta bán viên ngọc bội giống viên bị đánh cắp. Các nhà điều tra và thám tử không chút nghi ngờ gì nữa về sự phạm tội của người này. Thế nhưng, việc nghiên cứu trên máy não đồ lại cho thấy con người lúng túng trong lời khai của mình lại không liên quan tới vụ ăn cắp. Việc thám tử tỏ ra nghi ngờ kết quả thử nghiệm bằng máy khiến người điều khiển máy bật cười.

Quả thật sau đó các thám tử đã hết sức kinh ngạc khi tên trộm thực sự lại là một người quen khác của nữ chủ nhân mất cắp. Nếu như kết quả thử nghiệm ngược với những kết luận mà số liệu điều tra trước đây thì các thám tử thường bỏ qua kết quả thu nhận được. Bởi vậy, trong quá trình chuẩn bị cần phải tổ chức giới thiệu sâu và chi tiết về những khả năng của máy não đồ với các thám tử. Hiệu quả của phương tiện kỹ thuật tương đối mới này trong việc cảnh báo và phát hiện tội phạm bổ sung rất tốt cho trình độ nghề nghiệp của các nhà điều tra.

ĐO SỰ CĂNG THẲNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÔNG TIẾP XÚC

Tuy vậy, việc sử dụng máy não đồ cũng có một loạt hạn chế, đặc biệt là cần phải được sự đồng ý tham gia thử nghiệm của nghi can và việc cần phải gắn vào cơ thể nghi can những hệ cảm biến khác nhau. Không phải lúc nào nghi

can cũng đồng ý thử nghiệm, và khi đó các nhà điều tra và thám tử sử dụng đo sự căng thẳng bằng phương pháp không tiếp xúc. Nguyên tắc này dựa trên cơ sở con người có bản năng phản ứng đối với yếu tố kích thích bên ngoài. Thông tin càng có ý nghĩa bao nhiêu đối với một người cụ thể, thì phản xạ tâm sinh lý của người đó càng mạnh bấy nhiêu. Điều này phản ánh qua âm sắc giọng nói, sự căng thẳng mà tuần hoàn máu ở các phần riêng biệt của cơ thể, sự thay đổi trường nhiệt và điện từ v.v.. Công việc đo sự căng thẳng tâm lý bằng phương pháp không tiếp xúc dựa trên chính những đặc điểm phản xạ này của cơ thể con người. Ưu điểm của phương pháp kỹ thuật này là không cần đặt những dụng cụ cảm biến đặc biệt nào trên cơ thể người bị điều tra.

Ngoài ra, việc đo không tiếp xúc trạng thái tâm lý cho phép thực hiện thử nghiệm mà cá nhân nghi can không hề biết khi thiết bị đo được ngụy trang dưới hình thức đồng hồ treo tường hay lịch để trên bàn. Việc phát hiện thông tin có ý nghĩa về cảm xúc trong khi tiến hành thẩm vấn hoặc các cuộc nói chuyện để điều tra cho phép xác định mức độ trung thực của cá nhân bị kiểm tra và vạch ra hướng điều tra tiếp theo. Hiện tại người ta chưa đánh giá hết khả năng của việc sử dụng các thiết bị đo không tiếp xúc độ căng thẳng tâm lý trong cuộc đấu tranh

chống khủng bố. Việc lắp đặt chúng ở những nơi đông người (các cửa hàng bách hoá tổng hợp, chợ, sân bay, nhà ga xe lửa) cho phép phát hiện kịp thời căng thẳng tâm lý vô cớ ở một số người. Tổ chức theo dõi liên tục những đối tượng đó cho phép cảnh báo hiệu quả hơn về các hành vi khủng bố.

Trong việc đo căng thẳng không tiếp xúc, phương pháp đo các tín hiệu lo lắng thể hiện qua lời nói là có hiệu quả hơn cả. Việc phân tích lời nói xác định độ trung thực và sự kiên quyết trong việc thực hiện các kế hoạch tội ác v.v.. Đây là điều quan trọng trong khi phân tích ghi âm các cuộc nói chuyện với những tên trấn lột hay khi thương lượng với bọn khủng bố bắt giữ con tin. Nhờ phân tích giọng nói có thể xác định được cá tính của con người, bởi vì giọng nói cũng riêng biệt như vân tay. Âm đồ giọng nói có thể xác định trạng thái cảm xúc của con người, cho thấy người đó nói do bị cưỡng bức hay nói tự do thoải mái. Phân tích nội dung, cách nói và ngữ điệu, chuyên gia có thể xác định được quốc tịch, tuổi, học vấn, nghề nghiệp của người nói đó. Tầm quan trọng của những thông tin này khó có thể đánh giá hết trong khi tiến hành các biện pháp truy tìm và điều tra.

Ý nghĩa của các phương tiện kỹ thuật hiện đại cũng như những biện pháp và điều kiện sử dụng chúng không có nghĩa là khi nhận được

kiến thức như vậy nhà báo sẽ có được quyền hạn và khả năng của nhà điều tra. Trước hết, kiến thức này quan trọng ở chỗ giúp nhà báo hình dung về những việc mà các nhà điều tra có thể làm và sử dụng những phương tiện gì (hay không sử dụng, nếu đây là điều không được làm trong những trường hợp nào đó), ví như trong vụ án trở thành đối tượng điều tra. Dựa vào kiến thức tương tự của mình, nhà báo có thể đánh giá xác đáng hơn cả đối với cuộc điều tra (nếu như đòi hỏi như vậy là cần thiết, xuất phát từ những nhiệm vụ và mục tiêu tiến hành điều tra). Và chỉ riêng một điều đó cũng đủ khiến nhà báo cần thiết phải dành thời gian và sự tò mò của mình vào việc làm quen với các cuốn sách và phương tiện kỹ thuật trong hình sự học.

CÁC PHƯƠNG PHÁP TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ BÁO LÊN NHỮNG QUAN CHỨC TỪ CHỐI CUNG CẤP THÔNG TIN

Trong quá trình điều tra nếu thấy những cá nhân, theo luật pháp, có trách nhiệm cung cấp thông tin cần thiết cho mình nhưng không chịu làm điều đó, thì nhà báo có thể áp dụng một số thủ thuật cần thiết để tác động "kích thích" lên họ hoặc sử dụng những biện pháp có triển vọng thu nhận thông tin nhằm nắm được những thông tin tin cậy. Ví dụ nhà báo có thể hành động như sau:

a) Nói với quan chức không muốn trả lời câu hỏi có ý nghĩa xã hội được các phương tiện thông tin đại chúng quan tâm, rằng bản thân nhà báo không quan tâm lắm tới câu hỏi này. Nhưng do bạn đọc của tờ báo muốn biết nên nhà xuất bản buộc phải công bố số điện thoại làm việc của quan chức này (với lời bình luận phù hợp), để bạn đọc có thể gọi tới cho ông ta và xác minh mọi thứ cần thiết.

b) Đề nghị "người nắm thông tin" đưa ra giả thiết chính thức của tiến trình mà ông ta có quan hệ, đồng thời nêu rõ rằng trong trường hợp ngược lại sẽ buộc phải hỏi lãnh đạo của ông ta về điều đó. Nếu phương án này có kết quả thì có thể thu được thông tin có lợi nào đó.

c) Giải thích cho "người mang" thông tin rằng việc đăng báo có thể trở thành sự quảng cáo tốt cho cơ quan của ông (bà) ta nhờ sự giúp đỡ của khách quan và tin cậy của ông ta.

d) Đưa ra yêu cầu về thông tin tương tự với những đối thủ của công ty, xí nghiệp này. Họ sẽ vui mừng bộc lộ toàn bộ "tiềm lực" của kẻ cạnh tranh của mình.

đ) Nếu chuẩn bị bài báo phê bình, thì nhà báo nếu nhận được thông tin nào đó từ ban lãnh đạo của công ty, phải kiểm tra thông tin đó một cách đầy đủ. Cần phải lấy ý kiến từ những người không hài lòng với công việc của công ty này, đặc biệt là từ những người bị sa thải từ công ty.

Thông tin do những người như vậy cung cấp rất có thể thực sự có giá trị và tin cậy (tất nhiên cũng cần phải kiểm tra thêm).

e) Nếu một cơ quan nào đó ngoan cố giấu giếm thông tin về hoạt động của mình, có thể để toà báo (nơi nhà báo làm việc) đăng phản ánh hoặc thư của bạn đọc về "Công ty lạ kỳ" này. Điều đó có thể tạo ra một phong trào bạn đọc gửi thư cho toà soạn về vấn đề này và những lá thư đó có thể cung cấp nhiều thông tin có giá trị cho bài báo tương lai về "những kẻ im lặng".

g) Không ít trường hợp nhiều nhà báo hiện đại mua thông tin từ những "nguồn" ở trung tâm báo chí, đồng nghiệp của mình, v.v.. Mặc dù biện pháp này rõ ràng là đáng chê trách, song ý nghĩa xã hội của thông tin có thể đáng để tác giả của bài báo tương lai phải cần tới biện pháp này.

Tồn tại hàng loạt biện pháp tác động mạnh tới tâm lý của nguồn thông tin. Như vậy nhà báo có thể:

a) Thử thuyết phục "nguồn" về tầm quan trọng của việc công bố thông tin này, lợi ích của nó đối với tất cả mọi người trong đó có cả chính "nguồn";

b) Nêu ra những đạo luật quy định không được ngăn cản nhà báo thu nhận thông tin;

c) Phàn nàn điều đó với người lãnh đạo của "nguồn" thông tin hoặc gặp cấp cao hơn;

d) Thông báo về tình huống xảy ra cho lãnh đạo toà soạn của mình;

đ) Công khai việc "bưng bít" thông tin;

e) Cảnh báo "nguồn" về việc toà báo sẽ không tiếp tục viết về hoạt động của cơ quan từ chối cung cấp thông tin.

Nhà báo cũng có quyền nhờ toà án can thiệp trong trường hợp bị từ chối cung cấp thông tin. Tuy nhiên, việc này đòi hỏi quá trình phân xử tốn kém thời gian. Và thậm chí ngay cả khi toà án phán quyết phải cung cấp thông tin cho nhà báo thì lúc đó thông tin ấy cũng đã lạc hậu không còn được độc giả quan tâm nữa.

CHỌN LỌC THÔNG TIN THU NHẬN ĐƯỢC

Từ dòng thông tin có thể bắt gặp trong quá trình điều tra, nhà báo cần biết cách chọn lọc những thông tin cần thiết trước hết và có lợi tối đa cho việc đạt tới mục tiêu của mình. Muốn làm điều đó cần phải biết đánh giá tầm quan trọng của những thông tin nhận được. Tầm quan trọng của thông tin trước hết được xác định bởi nội dung của nó, nghĩa là dung lượng sự kiện cũng như độ tin cậy (trung thực) của nội dung thông tin. Xác định tầm quan trọng của thông tin - bước cần thiết trong công việc của bất kỳ cơ quan và công chức nào có quan hệ với thông tin. Xét về tầm quan trọng, trước hết cần phải đánh giá lại những thông tin len lỏi vào báo chí bằng

cách này hay cách khác nhằm mục tiêu có lợi cho một hoặc nhiều người tạo ra thông tin đó. Những thông tin như vậy thường tồn tại dưới dạng tài liệu, nhưng nói chung không bảo đảm tính trung thực của nó. Thực tế là thông tin loại này có thể xác thực và cũng có thể không xác thực (bóp méo). Chính khả năng không xác thực buộc nhà báo phải luôn cảnh giác trước bất kỳ sự cả tin vào "tài liệu" được công bố thường chứa đựng điều gì đó rất đáng chú ý. Nhà báo cần phải biết cách tách bạch giữa những thông tin không đáng tin cậy và thông tin đáng tin cậy mặc dù làm điều đó rất khó khăn. Điều đầu tiên mà nhà báo cần phải cảnh giác là thiếu thông tin về bản quyền tác giả (các dữ liệu nguồn).

Loại thông tin tương tự trong giới báo chí thường gọi chung là "nước bọt". Khác với thông tin đưa vào nhà xuất bản theo trình tự quy định và hình thức được chấp nhận (ví dụ dưới dạng tuyên bố báo chí), nghĩa là có tác giả, có những dữ liệu cần thiết (số xuất bản, chữ ký, tên gọi của cơ quan - chính phủ v.v..), thông tin dạng này là các "tài liệu", "thư từ", "báo cáo" vô danh. Trong thực tế tác giả của thông tin loại này có thể là những cá nhân riêng biệt hay một nhóm người theo đuổi những mục đích nhất định nên chuẩn bị những nội dung "nghiên cứu" khác nhau nhưng không ký tên, không đặt tít và gửi chúng theo những địa chỉ cần thiết, trong đó có báo chí.

Những tài liệu tương tự thường có nội dung thông tin chống cơ quan này hoặc khác hay những nhà hoạt động riêng biệt. Mục đích có thể khác nhau. Ví như có thể chỉ trích những tuyên bố, hành động, phát biểu bị "buộc tội" để xem xét phản ứng của họ. Mà cũng có thể, những người tạo ra "nước bọt" bằng cách đó thúc giục các cơ quan có thẩm quyền thực hiện những biện pháp đối với những người nêu trong tài liệu. Đặc biệt, "nước bọt" hay được gửi tới các phương tiện thông tin đại chúng ở giai đoạn trước bầu cử khi các nhóm chính trị đối lập tìm mọi biện pháp để ngăn chặn đối thủ của mình lên nắm (hoặc tiếp tục nắm quyền lực). Ví dụ mới đây về điều này là hoạt động của các nhóm bí mật (bất hợp pháp) phổ biến "nước bọt" trước cuộc bầu cử tổng thống ở Bêlarút, - trong bài viết của Iu.Anđrêép "Xã hội những nhà phân tích nặc danh" (Báo *Tin tức*, 29-5-2001). Đặc biệt tác giả bài báo cho biết:

"Chiều qua, một số nhà xuất bản Bêlarút đã nhận được nhiều thư do nhóm này ký... "Nhóm V" lần đầu tiên tuyên bố về mình hồi năm ngoái, khi cũng bằng cách như vậy đã phổ biến tin về quá trình điều tra vụ bắt cóc nhà quay phim truyền hình Đimitrô Đavátxki. Phần lớn các sự kiện được dẫn ra hiện đã được chính thức khẳng định. Cựu Thủ tướng Mikhain Trighirơ, một trong số ứng cử viên tổng thống cho rằng

"tham gia nhóm này có thể có một số đại diện nào đó của chính quyền hoặc các cơ cấu sức mạnh chống đối nhóm ủng hộ việc phát triển các sự kiện bằng bạo lực".

Tất nhiên, đôi khi "nước bọt" có thể tỏ ra thú vị "hoặc quan trọng" tới mức nhà báo khó có thể tránh khỏi bị "cám dỗ" và sử dụng nó làm xuất phát điểm cho cuộc điều tra của mình (hoặc đơn giản là trình bày thông tin thu nhận được cùng với những lời rào đón nhất định trong bài viết của mình). Nhưng dù thế nào chăng nữa thì trong bất kỳ trường hợp nào khi sử dụng "nước bọt", nhà báo nhất định phải tham gia vào một trò chơi nào đó có thể có một ý niệm mơ hồ nào đó hoặc nói chung là không có. Và tất nhiên chắc gì anh ta đã biết điều đó có thể dẫn tới sự kết thúc như thế nào đối với mình và nhà xuất bản của mình.

CÁC PHƯƠNG PHÁP SUY LUẬN DỮ LIỆU THEO KINH NGHIỆM

Những thông tin thu nhận được do quan sát, trong phỏng vấn, nghiên cứu các tài liệu, thử nghiệm cần được xử lý bổ sung, trước hết là cần cho việc hiểu thấu đáo sự kiện. Suy nghĩ về thông tin theo kinh nghiệm không những chỉ diễn ra ở giai đoạn kết thúc việc thu thập thông tin, mà còn cả trong tiến trình quan sát, nói chuyện, phân tích các tài liệu v.v... Nghĩa là việc hiểu sự thực đi liền với nhận thức theo kinh

nghiệm và cảm tính. Đương nhiên, mặc dù ở những giai đoạn điều tra khác nhau, khối lượng suy nghĩ dựa trên lý thuyết, so với các phương pháp theo kiểm nghiệm, có thể bằng nhau. Việc suy nghĩ về thông tin thu nhận được diễn ra tập trung nhất ở giai đoạn sau khi đã thu nhận chúng. Suy nghĩ này được thực hiện trên cơ sở những phương pháp khác nhau. Các nhà điều tra (cũng như bất kỳ những người nào khác) không nhất thiết phải đặc biệt nghiên cứu các phương pháp này. Người ta có thể nắm được chúng trong quá trình xã hội hoá như một tiến trình tất yếu. Tuy nhiên, điều đó không cản trở con người đặc biệt chú ý, khi cần thiết và trong khả năng, ví dụ, tới việc giải thích (luận thuyết) các phương pháp bằng khoa học - lôgíc, triết học, v.v.. cũng như một người nắm tiếng Nga không tồi, có thể tự học để hoàn thiện kiến thức cho mình bằng cách sử dụng những nghiên cứu về giảng dạy và khoa học.

Việc hiểu thấu tài liệu trên cơ sở kinh nghiệm trong quá trình điều tra được thực hiện bằng những phương pháp rất khác nhau. Chúng ta hãy xem xét những phương pháp quan trọng nhất trong số này.

CÁC PHƯƠNG PHÁP LÔGÍC CHÍNH THỨC

Các phương pháp lôgíc chính thức giữ vị trí đặc biệt quan trọng khi thực hiện mọi loại điều

tra. Điều này được xác định bởi việc không có một hành động có suy tính, một quyết định nào lại có thể được thực hiện mà không có những kết luận, sở cứ xét đoán này khác. Những phương pháp sau đây cũng không kém phần quan trọng trong hệ thống các phương pháp suy luận lôgíc.

Những phương pháp kết luận

Lôgíc trong suy luận về thông tin trước hết là việc xây dựng những suy luận, nghĩa là thu nhận kiến thức kết luận dựa trên những sự thực khai thác được trong quá trình điều tra. Thiếu những kết luận như vậy, nhà báo không thể tiến lên trong việc suy luận về những số liệu dựa theo kinh nghiệm. Chúng ta sẽ xem xét những loại phương pháp kết luận cơ bản sau:

1- Kết luận quy nạp

Mọi nhận thức về thế giới đều bắt đầu từ kinh nghiệm, từ việc nghiên cứu bản chất của các vật thể, hiện tượng, từ việc quan sát thế giới xung quanh. Khi nghiên cứu tất cả những thứ đó, con người có được khái niệm về những bản chất này hoặc khác của chúng bằng phương pháp kết luận quy nạp. Kết luận này là bước chuyển tiếp từ kiến thức về một cá biệt tới kiến thức chung bao quát.

Lôgíc xác định việc quy nạp là kết luận (cả phương pháp nghiên cứu), trong đó kết luận là

sự nhận thức về toàn bộ chủng loại vật thể, thu được trong quá trình nghiên cứu những đại diện riêng biệt của loại vật thể... đó. Trong các kết luận quy nạp, thậm chí từ các tiền đề chân lý chỉ có thể rút ra một kết luận tương đối, bởi lẽ xác suất kiến thức cá nhân (tiền đồ) không thể quy định chân lý cho kiến thức chung. Tuy vậy, kết luận quy nạp vẫn có ý nghĩa nhận thức to lớn và được sử dụng tích cực trong nghề báo. Có hai loại quy nạp chủ yếu - đầy đủ và không đầy đủ. Kết luận đầy đủ về toàn bộ một loại vật thể được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu từng vật thể một trong loại đó; khi kết luận không đầy đủ - chỉ nghiên cứu những vật thể riêng biệt. Các nhà báo thường tổng kết trên cơ sở nhận biết những hiện tượng riêng biệt, chứ không phải tất cả, nói một cách khác, là sử dụng phương pháp quy nạp không đầy đủ.

2- Kết luận suy diễn

Những kết luận như vậy là sự phát triển suy nghĩ từ kiến thức chung (đôi khi là từ đơn lẻ tới cá nhân) tới mức độ nhỏ riêng biệt. Sự suy xét của chúng ta diễn ra dưới hình thức quy nạp, nếu một hiện tượng riêng được kết luận theo một quy tắc chung hoặc kết luận xuất phát từ luận điểm chung dựa theo bản chất của một vật thể, đối tượng riêng biệt.

Phương pháp suy diễn đóng vai trò quan trọng trong quá trình suy nghĩ và hoạt động

thực tiễn của con người. Điều này được xác định bởi việc con người không thể không dựa vào kinh nghiệm được tổng kết trước đó của loài người được định hình trong luận điểm có tầm quan trọng chung trong khi giải quyết những nhiệm vụ cụ thể.

3- Kết luận tương đồng

Phương pháp này được áp dụng dưới 2 hình thức chủ yếu: So sánh và loại suy. Bản chất của phương pháp tương đồng là ở chỗ căn cứ vào một số dấu hiệu giống nhau của hai hay nhiều hiện tượng để đưa ra kết luận về sự giống nhau của tất cả các dấu hiệu khác của những hiện tượng này. Sự tương đồng chỉ đúng trong trường hợp nếu tính tới điều kiện cần thiết, nghĩa là tính theo các dấu hiệu chính, quan trọng nhất, chứ không phải theo những dấu hiệu tình cờ và thứ yếu. Mối nguy hiểm của việc nhầm lẫn coi các dấu hiệu thứ yếu là chủ yếu trước hết nảy sinh do tính phức tạp, đa dạng của các yếu tố xã hội mà nhà báo gặp phải.

Có thể nói trong nghề báo rất thường xuyên sử dụng phương pháp so sánh. Nhờ phương pháp này chúng ta xác định được sự khác nhau và giống nhau của những vật thể, hiện tượng khác nhau mà tác giả của bài viết tương lai nhìn thấy. Cũng như những phương pháp khác, phương pháp so sánh có những giới hạn sử dụng của nó. Việc so sánh cần được thực hiện đối với

những dấu hiệu chủ yếu, quan trọng hàng đầu. Cũng giống như kiến thức thu nhận được trong quá trình quy nạp, việc kết luận theo phương pháp tương đồng và kết luận theo phương pháp so sánh được đưa ra dưới hình thức phỏng đoán, giả thiết, và bởi vậy sự nhận biết đó là không đầy đủ. Không phải ngẫu nhiên những người Hy Lạp cổ đã nổi tiếng vì tình yêu triết học, đã nói rằng "Mọi so sánh đều khập khiễng", để nhấn mạnh tính chất hạn chế của kiến thức nhận được bằng phương pháp này.

Ví dụ về phương pháp tương đồng có thể thấy trong bài viết của I.Đômnhíchcốp "Khu vực áp lực cao" (*Báo mới*: 1999, số 17. Nhà báo này so sánh tình hình kinh tế - xã hội ở tỉnh Lipesk với 2 tỉnh khác. Tình huống thứ nhất là cuộc sống của thành phố và tỉnh ở Narôlin (đã có), thứ hai ở Côrôliép (hiện có)).

Đã có:

"Tới thời điểm bầu cử, nghĩa là chỉ 1 năm trước đây, tỉnh Lipesk đứng hàng thứ hai trong nước về chất lượng cuộc sống; một trong số 11 tỉnh không cần trợ cấp của nhà nước; đứng thứ năm trong nước về khối lượng sản xuất. Tại đây, ở Lipesk khối lượng sản xuất đã tăng mạnh.

Trở thành

"Những cơ cấu công nghiệp mà Narôlin có thời cố gắng xây dựng thành cơ sở kinh tế của tỉnh lại tan vỡ...".

Đã có:

"Tỉnh trưởng Narôlin trong 5 năm lãnh đạo đã cơ khí hoá 2 phần 3 tỉnh, xây dựng đường sá tới mức gần hoàn hảo, xây dựng nhà cửa, duy trì hệ thống y tế rất tốt, đặt một số tượng đài trong đó có tượng lớn của Piốt đại đế".

Rồi thành:

"Tỉnh này thực tế trở thành địa phương mà nhà nước phải trợ cấp... lương hưu trí thường chậm trả 2-3 tháng... dự trữ lương thực, thực phẩm bị giảm xuống mức tối thiểu... thuốc chữa bệnh cạn kiệt... tình hình nông nghiệp không sáng sủa gì - ví dụ tiêu biểu là sản lượng lúa mì ở Đốpbrinxcơ giảm 35%, củ cải đường giảm 48%, số đầu lợn giảm 40.000, bò sữa giảm 800 con".

Như vậy sử dụng cách phân tích so sánh, nghĩa là phương pháp tương đồng, Đômnhíchcốp đi tới kết luận rằng dưới sự lãnh đạo của tỉnh trưởng mới, cuộc sống tại tỉnh này trở nên tồi tệ hơn đáng kể.

CÁC PHƯƠNG PHÁP CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ

1. Chứng minh

Những hình thức lôgíc được xem xét kể trên phần lớn được thực hiện trong suy nghĩ theo kinh nghiệm của nhà báo về tài liệu trong quá trình chứng minh hoặc bác bỏ vốn là những khâu quan trọng nhất trong việc xác định tính xác thực của các kết luận và khẳng định trong

quá trình điều tra.

"Chứng minh - đó là sự xét đoán lôgíc, trong đó khẳng định hoặc bác bỏ tính chân thực của ý nghĩ nào đó bằng những luận điểm khác đã được kiểm chứng trong thực tế. Quá trình chuyển biến từ sự hiểu biết chưa thật rõ ràng tới nhận biết đầy đủ, xác thực được thực hiện bằng biện pháp chứng minh. Tầm quan trọng của nó là sự kiểm tra đối chiếu các luận điểm và kết luận lý thuyết với hiện thực thực tế". Chứng minh (lập luận chứng minh) diễn ra trong suy nghĩ của nhà báo cũng như của bất kỳ người nào, dưới dạng một loạt kết luận có cấu trúc lôgíc giống nhau không phụ thuộc vào nội dung cụ thể của đối tượng điều tra. Trong biện luận chứng minh, việc sử dụng phương pháp quy nạp hoặc suy diễn có thể chiếm ưu thế. Nếu chứng minh sự xét đoán xung quanh, thì tác giả sử dụng phương pháp quy nạp, dựa trên các sự kiện riêng. Ví dụ, nhà báo khẳng định rằng "Tất cả các nhà tài phiệt đều là những kẻ lừa đảo", mà trong cách lập luận của mình chỉ dẫn ra rằng 2 trong số họ bị các cơ quan bảo vệ luật pháp bắt quả tang về vi phạm quy định tài chính, giấu nguồn thu nhập để trốn thuế.

Khi chứng minh cho xét đoán của cá nhân, nhà báo dựa vào luận điểm chung coi đó là lý lẽ, và sự suy xét trong trường hợp này mang tính chất suy diễn. Ví dụ, nhà báo nói rằng "Người

này là một cựu công chức cao cấp", và dẫn chứng, dựa vào việc "Ông ta đã giữ một chức quan trọng trong chính quyền thời Liên Xô (xét đoán cá nhân), mà tất cả những người đã giữ những chức vụ như vậy, đều là cán bộ cao cấp" (xét đoán chung). Phép quy nạp và suy diễn thường xuyên được sử dụng hơn cả khi lập luận chứng minh trong mối liên hệ hữu cơ, đôi khi quan hệ khăng khít cả với những kết luận theo phép loại suy (so sánh) và những yếu tố của các phương pháp xây dựng giả thiết theo lôgíc. Lôgíc học nghiên cứu phương pháp chứng minh không dựa vào nội dung cụ thể của các ý nghĩ của chúng ta. Trong khi lập luận, tuỳ thuộc vào chính chủ thể suy nghĩ, thường sử dụng những phương pháp luận giải đa dạng. Đồng thời, bất chấp sự khác nhau, mọi phép chứng minh trong khi tuân theo tổng thể các điều kiện, có thể đạt tới các phương tiện sẵn có trong lĩnh vực này và những tiêu chuẩn được chấp nhận trong lĩnh vực đó để chứng minh cho các kết quả đúng đắn. Khác với kết luận thông thường, trong phép chứng minh luôn xây dựng (hoặc suy luận), phép kết luận kiểm chứng nhằm nghiên cứu sự chân thực của các tiền đề về nội dung và tính lôgíc đúng đắn trong mối quan hệ của chúng.

Phép chứng minh không thay đổi bản chất, nội dung xét đoán cá nhân là không được biến ý nghĩ giả dối thành ý nghĩ đúng đắn. Không thể

quy định ra chân lý, mà chỉ có thể khám phá chân lý, làm cho nó trở thành điều được khẳng định, xác thực. Cần nêu rõ rằng phép chứng minh là một chuỗi liên tục các xét đoán cần thiết để chứng minh cho một tư tưởng cụ thể, trong thực tế điều tra cũng như trong nghề báo chí nói chung, dường như không gặp phải. Phương pháp này được chấp nhận cho triết học và khoa học, bởi vì nó quá lớn, đòi hỏi nhiều công sức và phức tạp đối với sự tiếp nhận của độc giả. Đối với nhà báo, biện pháp thông thường là trình bày lý lẽ ngắn gọn về chính ý tưởng nọ vì điều đó cho phép giải quyết linh hoạt những nhiệm vụ và cũng phù hợp với nhận thức của độc giả hướng vào sự trình bày tương đối nhẹ nhàng những tình huống đã được nghiên cứu. Tuy vậy, những bài có tính thuyết phục trong báo chí, chỉ có thể là những bài có dẫn chứng lôgíc thậm chí ngay cả trong trường hợp chỉ đưa ra những lập luận ngắn gọn.

Cơ cấu lập luận chứng minh

Việc lập luận chứng minh luôn bao gồm 3 yếu tố: 1) Luận điểm; 2) Lý lẽ; 3) Trình bày. Để bảo đảm tính lôgíc trong lập luận, cần phải tuân thủ những nguyên tắc nhất định đối với từng yếu tố.

a) Luận điểm và sự đòi hỏi lôgíc đối với nó.

Đó là một luận điểm cần phải chứng minh. Luận điểm tồn tại như một sự khẳng định hoặc

bác bỏ một hiện tượng nào đó. Và không bao giờ thể hiện dưới nội dung một câu hỏi. Nhà báo có thể đưa ra một vài luận điểm trong khi lập luận. Nhưng để cho lập luận trong chứng minh không bị phân tán, cần phải có một luận điểm chính và những luận điểm còn lại đóng vai trò thứ yếu.

Luận điểm chứng minh là điểm trung tâm của bất kỳ lập luận nào, và lôgíc đòi hỏi đối với luận điểm này cần tuân thủ 3 nguyên tắc. Thứ nhất là tính lôgíc, sự rõ ràng và chính xác của luận điểm; Thứ hai - tính nhất quán trong lập luận; Thứ ba - luận điểm luôn xuất phát từ các lý lẽ và được khẳng định bằng lý lẽ.

Yêu cầu về sự rõ ràng, dứt khoát của luận điểm nghĩa là nội dung trong luận điểm chính cần phải được truyền tải tới người đọc, thuyết phục họ về tính đúng đắn mà luận điểm, và phải được thiết lập dưới hình thức rõ ràng và hiểu được. Cần phải nêu ra được công thức rõ ràng của luận điểm chính không chỉ cho phép trình bày cân đối và lôgíc một văn bản, mà còn tạo khả năng tìm kiếm đầu đề xác đáng cho bài viết. Lẽ đương nhiên, một đầu đề tốt là không lặp lại hình thức ngôn ngữ của luận điểm chính, nhưng cần phản ánh được nội dung tư tưởng chính của tác giả.

Yêu cầu lôgíc về tính nhất quán của luận điểm đòi hỏi cấm thay đổi luận điểm xây dựng ban đầu trong quá trình lập luận cụ thể. Sự thay

đổi luận điểm chính trong lập luận phần nhiều liên quan tới việc điều tra phức tạp nào đó mà nhà báo tiến hành. Trong trường hợp này, các lý lẽ chứng minh cho luận điểm chính không chỉ được đưa ra, mà còn được nghiên cứu. Kết quả là tác giả không tự nhận thấy mình rời xa luận điểm chủ yếu ban đầu và chứng minh cho cái không phải cần chứng minh theo xuất phát từ dự định ban đầu. Sự xa rời luận điểm chính như vậy là sai lầm nghiêm trọng về mặt lôgíc được gọi là "lộn sòng luận điểm trong chứng minh". Luận điểm nhất định phải xuất phát từ các lý lẽ, luận chứng. Nếu không như vậy, không thể coi luận điểm là được chứng minh, thậm chí ngay cả khi luận điểm đó đã được lập luận đúng. Và như vậy rõ ràng làm cho bài viết không có hiệu quả tác dụng. Yêu cầu về tính lôgíc chính xác, rõ ràng và nhất quán của luận điểm, kết luận bắt buộc của luận điểm xuất phát từ các luận chứng tương đối đơn giản. Tuy vậy, để tuân thủ chúng cần phải tạo ra thói quen cơ bản trong văn hóa lôgíc. Bởi thế trên thực tế có những trường hợp xa rời các quy tắc này. Những trường hợp này nảy sinh do nhầm lẫn hoặc nhằm cố ý bằng mọi cách gán cho luận điểm của mình là đúng đắn khi xem xét vấn đề.

Quan hệ giữa luận điểm và lập luận trong lập luận chứng minh có thể được mô tả theo sơ đồ kim tự tháp lôgíc có đỉnh là chủ đề chính, tựa

trên các luận điểm phụ, trong khi các luận điểm phụ lại tựa trên các lý lẽ (luận chứng). Quan hệ này cần phải hợp lý để diễn giải ngắn gọn, rõ ràng luận điểm chính ngay trong phần đầu của bài viết nhằm thu hút sự chú ý vào luận điểm chính, giúp độc giả nắm được tiến trình chứng minh tiếp theo với nội dung là khám phá và chứng minh sự đúng đắn của tư tưởng khởi phát. Trong lập luận thực tế, đỉnh kim tự tháp lôgíc có thể được "phát hiện" vào lúc cuối cũng như ở giữa các suy nghĩ của tác giả bài viết. Điều này có thể xảy ra bởi trong cuộc sống con người tiếp nhận những hiện tượng này hoặc khác thông qua lăng kính lợi ích. Bởi vậy, lập luận thường (có ý thức hoặc vô thức) được xây dựng theo kế hoạch phản ánh không chỉ phụ thuộc vào sự xác đáng của ý nghĩ, mà còn có cả quy luật tâm lý trong tiếp nhận các hiện tượng. Những luận điểm phụ là những "mảnh" lập luận hoàn thiện về lôgíc và tạo cho tác giả khả năng nhất quán, linh hoạt, mạnh mẽ hơn để khẳng định luận điểm chính.

Xét theo nội dung, luận điểm có thể được chia thành hai loại: đơn giản và phức tạp. Loại đơn giản là sự xét đoán về một chất lượng nào đó trong hiện tượng này hoặc hiện tượng khác. Loại luận điểm này đưa ra sự thật với một ý nghĩa duy nhất, ví dụ: "quan chức này là kẻ ăn hối lộ". Luận điểm phức tạp khẳng định (hoặc phủ

nhận) đồng thời vài điều kiện, ví dụ: "tư nhân hoá các xí nghiệp nhỏ cho phép tăng năng suất lao động, giảm nhân lực trong sản xuất, tăng thu nhập".

b) Các lý lẽ và yêu cầu lôgíc đối với chúng

Các lý lẽ đó là cơ sở chứng minh lôgíc. Tính thuyết phục của lập luận trong chứng minh phụ thuộc rất nhiều, nếu không nói là chủ yếu, vào những lý lẽ chứng minh được sự chân thực của tư tưởng chủ yếu. Bởi vậy trong khi chuẩn bị tài liệu, nhà báo cần phải phân tích kỹ lưỡng các sự kiện khởi đầu, các tư liệu thống kê, số liệu khoa học, sự chứng thực của các nhân chứng mà mình có trong tay v.v.. Những lý lẽ mơ hồ, mờ nhạt được ném bỏ chỉ còn lại những lý lẽ vững chắc, đáng tin cậy.

Trong khi lựa chọn các lý lẽ cần quán triệt các yêu cầu về mặt lôgíc đòi hỏi đối với những kết luận được sử dụng. Những yêu cầu chủ yếu là:

1) Chỉ sử dụng những luận điểm không bị nghi ngờ để làm lập luận; 2) Các lập luận cần phải đủ để chứng minh cho luận điểm đó; 3) Tính chất đúng đắn của các lập luận tự được chứng minh không phụ thuộc vào luận điểm; 4) Các lập luận không được mâu thuẫn với nhau.

Tính chất đúng đắn của các lập luận cần thiết ở chỗ nó là cơ sở hoặc tiền đề để từ đó rút ra luận điểm hoặc kết luận theo quy tắc lôgíc. Nếu những lập luận này mang tính chất khả năng,

thì từ chúng chỉ có thể rút ra kết luận đúng nửa vời chứ không đáng tin cậy. Các lập luận đóng vai trò là cơ sở để xây dựng trên đó mọi điều kiện để chứng minh. Nếu nhà báo sử dụng không đủ các sự kiện đã được thẩm tra hoặc đáng nghi ngờ, điều đó đe doạ toàn bộ quá trình chứng minh: không thể nói về tính thuyết phục của lập luận như vậy. Vi phạm yêu cầu lôgíc về tính chân thực của các lập luận, sử dụng chúng như các giả thiết sẽ dẫn tới các sai lầm được gọi là "Những sai lầm cơ bản".

Quy tắc đủ trong lập luận yêu cầu: Về tổng thể chúng phải đạt về chất lượng và số lượng, để từ đó cần thiết rút ra tính chân thực của luận điểm này, chứ không phải của một ý kiến khác. Số lượng các lập luận làm tăng độ tin cậy trong biện giải (chứng minh), nhưng khi lựa chọn lập luận tốt nhất nên theo nguyên tắc "ít nhưng tinh", không nên lấy quá nhiều, mà chỉ sử dụng những lập luận có khả năng chứng minh tối đa tính chân thực của luận điểm và điều quan trọng là phải làm sao để các lập luận bổ sung được cho nhau. Cần sử dụng các ý kiến mà tính đúng đắn của chúng đã được chứng minh và xác lập độc lập, không phụ thuộc vào luận điểm làm chứng cứ. Nếu như tính đúng đắn của luận điểm được rút ra từ các lý lẽ, và tính đúng đắn của các lý lẽ lại căn cứ từ luận điểm, thì nảy sinh sai lầm lôgíc được gọi là "vòng chứng minh luẩn

quẩn" và khiến cách lập luận chứng minh lâm vào ngõ cụt.

Điều quan trọng trong việc lựa chọn các lý lẽ là làm sao để chúng hài hoà với nhau, không tách rời và tệ hơn nữa là trái ngược nhau. Mâu thuẫn trong các lý lẽ đưa ra về một đối tượng, một sự kiện, hiện tượng thể hiện sự bất cẩn về mặt lôgíc trong cách lập luận của tác giả sẽ khiến độc giả (thính giả, khán giả) khó tin vào tính đúng đắn, tầm quan trọng của các luận điểm, làm nảy sinh những phỏng đoán.

Người đưa ra các lý lẽ cần phải giải thích rõ ẩn ý trong các lập luận để đạt được mục tiêu đề ra trong luận chứng của mình. Đây là điều rất quan trọng, nếu như không quên rằng luận chứng ở hình thức này hay hình thức khác là một cuộc đối thoại. Cần nhấn mạnh rằng đối thoại ở đây có thể bộc lộ một cách rõ ràng hoặc không rõ ràng (ngầm), thậm chí ngay cả trong trường hợp khi không có người phản biện, thì nhà điều tra cũng tự đặt ra cho mình những lý lẽ phản lại có thể có (*ở* đây, việc ai có những lý lẽ phản bác lại là không quan trọng), điều này tạo cho luận chứng một hình thức đối thoại ngầm trong suy nghĩ.

c) Các phương pháp trình bày và yêu cầu lôgíc đối với nó

Việc chứng minh một luận điểm trong quá trình trình bày có thể được thực hiện bằng hai

phương pháp - trực tiếp và gián tiếp. Chứng minh trực tiếp là dùng các lý lẽ, chứng cứ để chứng minh cho luận điểm mà không dùng tới bất kỳ lý luận bổ sung nào. Chuỗi các lập luận trong trường hợp này bắt đầu từ việc "đưa ra" các lý lẽ, chứng cứ và dẫn tới chứng minh tính đúng đắn của luận điểm bằng suy luận lôgíc.

Ví dụ, trong các bài viết về đề tài chính trị, người ta chứng minh thực chất của tình hình chính trị - xã hội ở một nước bằng cách viện dẫn trực tiếp các sự kiện phản ánh tương quan các lực lượng chính trị, cuộc đấu tranh giữa các chính đảng, tình trạng sản xuất công, nông nghiệp, quan hệ tài chính, ngoại thương, đường lối đối ngoại, v.v.. Phương pháp chứng minh trực tiếp được sử dụng cả trong trường hợp khi cần đánh giá một sự kiện cụ thể bằng cách dựa vào một luận thuyết hay một tiêu chí được xã hội thừa nhận. Ví dụ, trong quá trình xét xử ở toà án, bên luật pháp đánh giá mỗi hành động (xấu) bằng cách xem xét nó dưới tiêu chí chung được nêu rõ trong các đạo luật điều chỉnh loại hành vi vi phạm pháp luật này. Để vạch rõ trước công chúng hành vi vô đạo đức của cá nhân này hoặc khác, nhà báo dựa vào tiêu chí đạo đức được thừa nhận trong xã hội đó (nghĩa là so sánh hành vi đó với tiêu chí này).

Chứng minh gián tiếp - đó là cách chứng minh tính đúng đắn của một luận điểm bằng

cách chỉ ra sự giả dối của phản đề ngược với luận điểm đó. Trong trường hợp này, luận chứng được thực hiện theo 2 giai đoạn: bước đầu tiên - chứng minh sự sai trái trong những điều khẳng định của phản biện đứng ở phía đối lập với luận điểm. Bởi luận điểm và phản đề loại trừ nhau và giữa chúng chỉ tồn tại một nguyên tắc "hoặc thế này hoặc thế khác chứ không thể có vị trí trung dung", nên dẫn tới bước thứ hai - rút ra kết luận về tính chất đúng đắn của luận điểm từ sự giả dối của phản đề. Người ta chỉ áp dụng phương pháp chứng minh này trong tình huống phải chọn giữa luận điểm và phản đề loại trừ nhau và không cho phép có thỏa hiệp.

Trong các bài viết của nhà báo không chỉ gặp loại hình chứng minh gián tiếp phải chọn lựa, mà còn gặp loại biến thể phức tạp hơn của nó được gọi là *chứng minh phân tách*. Vấn đề phức tạp trong loại hình chứng minh này thể hiện ở chỗ nhà báo đề cập cùng lúc không phải 2, mà là một số (3, 4 hoặc nhiều hơn nữa) các điều kiện không tương hợp nhau liên quan tới một vấn đề. Trong trường hợp này, người ta lập luận theo phương pháp loại trừ - đưa ra bằng chứng chứng minh sự xác đáng trong ý kiến của từng phản biện một, tự điều này gián tiếp khẳng định tính chất đúng đắn của luận điểm còn lại. Có thể sử dụng cùng lúc các

phương pháp chứng minh trực tiếp và gián tiếp. Việc kết hợp hai phương pháp này trong quá trình chứng minh nảy sinh khi nhà báo một mặt cần chứng minh tính đúng đắn của luận điểm của mình, mặt khác, nêu rõ sai lầm của bên đối lập (phản đề), làm tăng tính thuyết phục trong lập luận. Luận chứng trong nghề báo không chỉ hạn chế ở giới hạn chứng minh. Người lập luận còn có thể phân tích những trường hợp bác bỏ có thể có đối với luận điểm của mình bằng cách nêu ra sự không xác thực của chúng, tương tự việc nghiên cứu và bác bỏ những phản đề tiềm năng.

2. Bác bỏ

Nghệ thuật luận chứng, cùng với kỹ năng chứng minh, còn có nghĩa là khả năng phê bình và bác bỏ những điều khẳng định không đúng đắn của phản biện (người chống đối). Bác bỏ là một hành động lôgíc khi vạch ra tính chất giả dối hoặc không xác thực trong luận thuyết của phản biện được nêu ra dưới hình thức luận điểm. Đây là một khái niệm tương đối. Nghĩa là hành động này chỉ có ý nghĩa trong quá trình chứng minh khi nêu ra cuộc tranh luận, ví dụ về một cuộc điều tra đã được công bố.

Các phương pháp bác bỏ:

Thường tồn tại 2 cách bác bỏ luận điểm trực tiếp và gián tiếp. Trong trường hợp bác bỏ trực

tiếp, luận chứng được xây dựng như sau. Thoạt đầu giả định rằng luận điểm đưa ra là đúng đắn, sau đó dẫn giải một cách lôgíc những kết luận rút ra từ luận điểm này. Tiếp đó, so sánh các kết luận đó với những điều đã được khẳng định - các sự kiện, tình huống đã có trước đó hoặc với những tuyên bố khác của chính phản biện này.

Nếu phát hiện sự trái ngược giữa những kết luận được đưa ra và những điều đã được khẳng định trong thực tế, thì kết luận rằng giả thiết đưa ra là không đúng: luận điểm không phù hợp với thực tế là luận điểm sai. Phương pháp bác bỏ này được gọi là phương pháp dẫn tới sự phi lý. Nếu phát hiện sự không phù hợp giữa các kết luận đưa ra và những điều khẳng định trước đó của phản biện, thì có thể bác bỏ luận điểm giả định, bởi vì phản biện mâu thuẫn với chính mình - luận điểm này không gắn kết với luận điểm khác.

Bất chấp khả năng thuyết phục, phương pháp bác bỏ trực tiếp chỉ thực hiện chức năng phá hủy. Đồng thời, phương pháp này cũng tỏ ra là hoàn toàn có ích. Trong khoa học, phương pháp này là hình thức bày tỏ sự hoài nghi lành mạnh và phương tiện kiểm tra độ tin cậy của các giả thuyết và lý thuyết khoa học mới khác nhau. Trong hoạt động xã hội thực tiễn, ví như trong quá trình xét xử của toà án, nơi chức năng bào chữa và buộc tội được phân chia rạch ròi, luận

chứng phản biện giúp loại trừ được những lời buộc tội không có cơ sở xác đáng và bằng cách đó giúp toà án tránh được các sai lầm. Việc phê phán với vai trò như một phương tiện chứng minh bổ sung là hoàn toàn có thể, bởi lẽ việc phát hiện các sai lầm hoặc khiếm khuyết tuyệt nhiên không có nghĩa là người phê phán luôn luôn có khả năng đưa ra được giải pháp tích cực đối với vấn đề.

Bác bỏ gián tiếp luận điểm được xây dựng theo kiểu khác. Ở trường hợp này, có thể không phân tích trực tiếp đề nghị của phía đối địch, không kiểm tra các lý lẽ và cách trình bày của phản biện, mà tập trung chú ý vào sự chứng minh tỷ mỉ và toàn diện luận điểm của mình. Nếu như luận chứng của luận điểm là xác đáng thì sau đó tiến hành bước thứ 2: Trình bày rõ rằng từ sự đúng đắn của luận điểm được chứng minh cần rút ra kết luận về tính giả dối trong luận điểm của đối phương. Loại bỏ gián tiếp này cũng chỉ áp dụng trong trường hợp khi luận điểm và phản đề được điều chỉnh bởi nguyên tắc "không chấp nhận yếu tố thứ 3". Khi tồn tại những quan hệ khác giữa các điều khẳng định cạnh tranh (mâu thuẫn) nhau, ví như chúng phần nào trùng hợp, nguyên tắc bác bỏ này sẽ không có hiệu quả.

Bác bỏ sự diễn giải của phản biện

Phương pháp này hướng vào việc làm bộc lộ

rõ việc luận điểm của đối thủ không dựa trên các lý lẽ lôgíc. Trong thực tế có những trường hợp khi để chứng minh cho luận điểm của mình, người phản biện đưa ra những lý lẽ và ý kiến của những người có uy tín không liên quan gì (cả trực tiếp lẫn gián tiếp) với luận điểm đề ra. Để trình bày (một cách khẳng định) việc nghiên cứu ảo (giả), người ta thường dùng những lời lẽ tương tự như: "Như vậy, từ đây cần phải..."; "Tất cả đều biết rằng từ đây chỉ có thể rút ra một kết luận"; "Từ những sự kiện được nêu ra có thể rút ra rằng..." v.v... Chỉ trích cách lập luận như vậy khi phân tích quá trình lập luận chính là việc chỉ ra sự thiếu mối liên hệ lôgíc thực tế trong những lập luận đó.

Bác bỏ các lý lẽ của phản biện

Phương pháp bác bỏ thứ 3 là - phê phán các lý lẽ. Việc vạch rõ sự giả dối hoặc sự không xác đáng trong các kết luận của phản biện, sẽ dẫn tới kết luận rằng luận điểm của anh (chị) ta không được chứng minh. Phương pháp phê phán này được sử dụng trong điều kiện tổ chức thảo luận vấn đề này hoặc vấn đề khác không được nhiều. Trong trường hợp này, người ta phân biệt rõ ràng đề tài tranh luận, các kết luận khác nhau về giải pháp cho vấn đề, các lý lẽ của mỗi bên. Trong các cuộc thảo luận như vậy, những điều khẳng định không xác đáng (không đủ cơ sở chứng minh) thường sẽ bị loại trừ.

Trong những trường hợp khi đối thủ viện dẫn tới những tuyên bố không có lý lẽ chứng minh, phương pháp bác bỏ có hiệu quả là khôi phục các kết luận có thể có của đối thủ.

Trên thực tế trong các bài báo không hiếm trường hợp người biết sử dụng cùng lúc một vài phương pháp bác bỏ. Ví như, việc phê bình luận điểm có thể kết hợp đồng thời với việc bác bỏ các lý lẽ. Việc chỉ trích những khiếm khuyết trong cách trình bày có thể được bổ sung bằng việc vạch rõ tính chất không xác đáng của các kết luận. Tất nhiên, cũng có thể thực hiện việc phê phán cùng lúc tất cả các yếu tố chứng minh - luận điểm, kết luận, phương pháp chứng minh của đối thủ. Tuy nhiên, cách này thường chỉ sử dụng khi phản biện thực sự mắc 3 sai lầm về mặt lôgíc: sử dụng các kết luận ít có sức thuyết phục, vi phạm quy tắc kết luận và nêu ra luận điểm giả dối, những sai phạm như vậy thường hiếm khi xảy ra.

CÁC PHƯƠNG PHÁP NỘI DUNG - LÝ THUYẾT

Khác biệt với các phương pháp lôgíc dựa vào tính bất biến của các hiện tượng mà người ta đưa ra các kết luận này khác về chúng, các phương pháp nội dung - lý thuyết chú ý tới tính chất thay đổi, sự phát triển của thế giới. Ý nghĩa của các phương pháp này là ở chỗ chúng có khả năng tính tới sự vận động, tính chất thay

đổi của thế giới thực tế. Có những nhóm phương pháp nội dung - lý thuyết trong phát hiện các mối liên hệ của đối tượng như sau.

Nhóm thứ nhất - xuất phát từ sự cần thiết trong việc phân chia đối tượng thành các phần, sau đó lại kết hợp các phần đó lại - phương pháp phân tích và tổng hợp. Khi chia ra các phần, nghĩa là khi phân tích đối tượng tồn tại độc lập trong thực tế, tác giả động chạm tới các mối liên hệ sâu sắc, các nguyên nhân của hiện tượng được nghiên cứu. Bởi vì hiện tượng được nghiên cứu trên thực tế không tồn tại dưới dạng bị phân chia ra các phần khác nhau, nên không được chỉ hiểu chúng ở mức độ phân tích. Phân tích chỉ là khởi đầu cho việc làm rõ các yếu tố liên hệ lẫn nhau, mối liên quan giữa các nguyên nhân và hậu quả, còn kết thúc nó là sự kết hợp các yếu tố riêng biệt được nghiên cứu trong một thể thống nhất tổng hợp. Chính vì thế trong phần lớn các trường hợp, phân tích tự nó không tạo ra chứng minh. Còn tổng hợp, khi dựa trên các số liệu nhận được trong quá trình phân tích, hoàn thành công việc chứng minh cần thiết.

Nhóm thứ hai - xuất phát từ sự cần thiết phải vượt ra ngoài giới hạn tình trạng phát triển trực tiếp hiện nay của hiện tượng - phương pháp giả định (giả thiết). Bằng phương pháp này, người điều tra (trong đó có nhà báo), dựa vào tổng thể các sự kiện mình biết, cố gắng dự đoán sự phát

triển của hiện tượng được nghiên cứu trong tương lai. Không đưa ra những giả thiết không thể phát triển, không thể đi tới chân lý. Trong báo chí hiện đại, phương pháp này thường gặp dưới dạng các dự đoán, các đề nghị, giả thiết không phải dựa trên sự phân tích lý thuyết các quy luật phát triển xã hội (đặc trưng cho sáng tạo của các nhà khoa học - phân tích), mà là dựa trên kinh nghiệm trước đó, và các quan sát theo kinh nghiệm. Kết luận có tính chất giả thiết dựa trên các sự kiện có thực, có thể giúp hiểu biết đúng về tương lai. Tuy vậy, do số lượng hạn chế của các hiện tượng như vậy, nên kiến thức nhận được bằng phương pháp giả định, mang tính chất xác suất.

Nhóm thứ ba - xuất phát từ sự cần thiết khi nghiên cứu đối tượng để làm rõ các nét phát triển riêng biệt của nó - phương pháp lịch sử, cũng như các mối liên hệ thực chất của nó - phương pháp lôgíc. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nghiên cứu từng đối tượng xuất phát từ việc xem xét đối tượng nảy sinh như thế nào, tồn tại những giai đoạn chủ yếu nào trong quá trình phát triển của nó, đối tượng là gì trong thời điểm hiện tại. Phương pháp này cho phép tái tạo cấu trúc các giới hạn riêng biệt cụ thể của hiện tượng, chứng minh sự phát triển tất yếu của đối tượng khi chuyển từ trạng thái trước đây tới trạng thái hiện nay.

Việc nghiên cứu lịch sử có thể được bổ sung bằng phương pháp phân tích lý thuyết dựa trên phương pháp suy luận lôgíc, cho phép làm nổi bật những mối liên hệ quan trọng hơn cả trong tổng thể các mối quan hệ đa dạng của thực tế.

Cũng tồn tại một nhóm các phương pháp có thể gọi là các phương pháp giải thích đối tượng phản ánh (mô tả, phân tích nguyên nhân - hậu quả, đánh giá, dự báo, lập chương trình hành động).

Phương pháp mô tả đối tượng phản ánh
(*xây dựng mô hình nhìn thấy*)

Việc xây dựng mô hình (nhìn thấy) hiện tượng được nghiên cứu là một mục tiêu mà các nhà báo thường đặt ra cho mình. Mô hình như vậy được gọi là "mô tả" đối tượng phản ánh - vấn đề, sự kiện, hiện tượng, tiến trình nào đó mà nhà báo quan tâm. Đôi khi khái niệm "mô tả" được sử dụng đồng nghĩa với khái niệm "quan sát". Đây là điều sai lầm, bởi vì quan sát là phương pháp nghiên cứu thực tế theo kinh nghiệm, phương pháp khai thác sự kiện. Còn mô tả là một giai đoạn cơ cấu trong suy nghĩ của nhà báo về hiện tượng và cách giải thích của mình.

Có những dạng thức mô tả khác nhau: đầy đủ và không đầy đủ, số lượng và chất lượng, cơ cấu, di truyền, v.v.. Khi sử dụng loại mô tả này hay loại mô tả khác, tác giả dựa cả vào các phương pháp kinh nghiệm (quan sát, thử nghiệm...), cũng

như các phương pháp lý thuyết lôgíc (phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, tổng quát, hạn chế, v.v..), sử dụng các loại nhận thức đa dạng (hình thức và nội dung, khả năng và thực tế, vị trí và thời gian, chuyển động, v.v..). Mô tả được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ về nhận thức thực tế mà tác giả dự định giải quyết trong tình huống cụ thể. Tác giả không đặt mục tiêu xác định các quy luật nào đó hay phát hiện bản chất của hiện tượng mình nghiên cứu. Phương pháp này chỉ nhằm phục vụ sự hiểu biết theo kinh nghiệm để người ta nhìn thấy các mặt khác nhau của đối tượng và điều đó giúp giảm bớt khó khăn trong quá trình chuyển tiếp từ nhận thức theo kinh nghiệm tới nhận thức thực tế theo lý thuyết.

Mô tả các sự kiện là giai đoạn quan trọng trong nhận thức của nhà báo về thực tế. Trong trường hợp này, các sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với tác giả vì khi dựa vào chúng, tác giả có thể đi tới những kết luận đầu tiên về đối tượng quan tâm. Mô tả là một hoạt động đầy trách nhiệm bởi lẽ nhiều yếu tố chủ quan có thể xuất hiện trong đó. Từ sự kiện, giống như hiện tượng mà tác giả nói về nó và mô tả nó là những vấn đề khác nhau. Coi mô tả hiện tượng ngang bằng với chính hiện tượng đó là một sai lầm thô thiển. Mô tả chỉ là một mô hình nào đó của đối tượng được mô tả, tức nguyên bản.

Như vậy, khái niệm sự kiện và sự mô tả nó

(mô hình) đối với nhà báo thường tồn tại dưới tên gọi là "tên sự kiện". Mô tả sự kiện nghĩa là trả lời các câu hỏi về các mặt số lượng và chất lượng của sự kiện đó. Đó là các câu hỏi: Như thế nào? Bao nhiêu?, v.v.. Bởi thế, sự mô tả khác biệt với việc xác nhận một cách đơn giản các sự kiện để trả lời cho các câu hỏi: Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Khi xác nhận các sự kiện, nhà báo trình bày về việc chúng tồn tại hay không tồn tại. Còn khi mô tả nhà báo quan tâm tới bản chất của chúng. Mặc dù phải lưu ý rằng trả lời câu hỏi "Cái gì?" thường bao gồm cả câu trả lời về các chất lượng của hiện tượng. Điều chủ yếu trong khi mô tả đối tượng chính là đặc điểm của nó, nghĩa là làm rõ không phải những tính chất chung, mà là những tính chất đặc biệt. Tất nhiên, khi mô tả bản chất của hiện tượng, nhà báo không thể chỉ ra tất cả các tính chất của nó. Nhà báo cũng không đặt ra cho bản thân mình nhiệm vụ đó, bởi vì một phần nào đó (lớn hoặc nhỏ) có thể không được độc giả, thậm chí tác giả quan tâm. Như vậy, tác giả sẽ mô tả những tính chất như thế nào, điều đó phụ thuộc vào mục đích mà anh ta đặt ra. Nếu như khi chuẩn bị viết bài về tham nhũng, việc một quan chức bị bắt quả tang nhận hối lộ là quan trọng đối với anh ta, thì anh ta sẽ nêu tên quan chức đó. Tất nhiên, khi đó anh ta cũng cần nhấn mạnh rằng vị quan chức nọ còn có những đặc điểm khác.

Sự mô tả đối tượng quan tâm của nhà báo không thể dẫn tới danh sách ngẫu nhiên, những tính chất nào đó của đối tượng này (các bức ảnh). Trước hết tác giả cần phải làm bộc lộ những tính chất đặc biệt của hiện tượng giúp nhận thức đầy đủ hơn cả về mặt được nghiên cứu của đối tượng đó. Mô tả càng chi tiết và càng đúng bao nhiêu, thì nó càng đưa lại nhiều thông tin về đối tượng mô tả bấy nhiêu. Thực tế bất kỳ một bài phân tích nào cũng không bỏ qua được việc mô tả, nếu tác giả biết rằng công chúng không biết gì, về đối tượng được nhà báo đề cập trong bài viết của mình.

Phương pháp phân tích nhân - quả

Thiết lập các mối liên hệ nhân - quả của các hiện tượng, quá trình, hành động này hoặc khác là nhiệm vụ giải thích trung tâm mà các nhà báo - điều tra thường đặt ra cho mình. Khi biết nguyên nhân của một hiện tượng tiêu cực nào đó, có thể tác động tới hiện tượng đó theo hướng này hoặc hướng khác; định hướng công chúng, các quy chế xã hội vào những hành động này hoặc khác nhằm loại trừ nó. Về mặt thời gian, nguyên nhân đi trước hậu quả. Nhưng cũng cần chú ý rằng không thể giản lược mối liên hệ nhân - quả theo trình tự thông thường của các sự kiện này hoặc khác theo thời gian. Ví như khi thấy đoàn tàu điện ngầm bắt đầu chuyển động sau khi hành khách bước vào trong các toa, thì

không thể cho rằng việc hành khách xuất hiện là nguyên nhân làm tàu chạy. Để có thể xác định sự kiện có trước là nguyên nhân của sự kiện sau, giữa 2 sự kiện đó cần phải có mối liên hệ vật chất tích cực. *Như vậy, một hiện tượng được gọi là nguyên nhân khi nó có trước một hiện tượng khác về mặt thời gian và ràng buộc với nó bằng mối liên hệ vật chất nội tại.* Hơn nữa, sự tồn tại của hiện tượng đầu luôn dẫn tới sự nảy sinh của hiện tượng thứ hai, và việc loại bỏ hiện tượng đầu dẫn tới việc loại bỏ hiện tượng sau nó. Nét đặc trưng của các mối liên hệ nhân - quả là chúng có tính chất xác định và đơn nghĩa, nghĩa là trong cùng một điều kiện thì những nguyên nhân giống nhau sẽ luôn tạo ra những hậu quả tương tự.

Khi cố gắng làm rõ nguyên nhân chính của sự kiện này hay sự kiện khác, có lẽ mỗi người đều nhận thấy rằng nguyên nhân đó thường nằm trong một tổng thể các nguyên nhân khác làm nảy sinh sự kiện này và đặt dấu ấn của mình trên sự kiện đó. *Để xác định được mối liên hệ nhân - quả, trước tiên nhà báo cần phải tách toàn bộ các hiện tượng quan tâm khỏi hàng loạt sự kiện chung khác. Tiếp đó, cần chú ý tới những tình huống có trước khi xảy ra sự kiện. Sau nữa là tách các tình huống xác định có thể là nguyên nhân của hiện tượng khỏi các tình huống này.* Trong nhiều trường hợp, như thực tiễn nghề báo

cho thấy, bản thân việc xác định các sự kiện có thể là nguyên nhân của các sự kiện sau đó, vẫn chưa loại trừ được những khó khăn liên quan tới khả năng xác định nguyên nhân trực tiếp. Những khó khăn này liên quan tới:

1) Một hậu quả giống nhau có thể do một vài nguyên nhân cùng loại gây ra và những nguyên nhân này có thể gây tác động phối hợp hoặc riêng rẽ;

2) Các nguyên nhân gây tác động phối hợp có thể làm tăng, giảm hoặc vô hiệu hoá tác động của nhau;

3) Nguyên nhân chỉ bắt đầu tác động trong những điều kiện xác định;

4) Hậu quả có thể tác động ngược trở lại nguyên nhân sinh ra nó.

Việc phân tích mối quan hệ nhân - quả được thực hiện trong quá trình điều tra. Trong quá trình này, nhà báo - điều tra có thể gặp phải những khó khăn khác nhau. Những tình huống cấp bách là đối tượng điều tra của nhà báo thường là sự đan xen phức tạp của nhiều sự kiện, điều kiện, tình huống tương tác lẫn nhau và điều đó tuyệt nhiên không giúp cho nhà báo dễ dàng xác định được các nguyên nhân của những hiện tượng này hoặc hiện tượng khác. Cần nhận xét rằng, không thể đặt các phương pháp lôgíc trong việc xác định quan hệ nhân - quả cùng hàng với những phương pháp nghiên

cứu thực tế khác như các phương pháp quan sát, kinh nghiệm, nghiên cứu tài liệu, v.v.. mà nhà báo có thể sử dụng. Các phương pháp lôgíc được đưa vào tiến trình suy nghĩ sử dụng trong quá trình quan sát, xét đoán theo kinh nghiệm và nghiên cứu tài liệu...

Chúng ta hãy cùng xem xét những phương pháp quan trọng hơn cả trong số các phương pháp lôgíc.

1. Phương pháp loại trừ

Bản chất của phương pháp này thể hiện ở chỗ, khi nghiên cứu tổng thể các quan hệ nhân - quả phức tạp, nhà báo có thể phát hiện nguyên nhân trực tiếp bằng cách loại trừ tất cả các tình huống giả định có khả năng gây ra những sự kiện cùng loại hoặc giống nhau, ngoài một yếu tố có thể được coi là nguyên nhân gây ra hiện tượng được nghiên cứu.

2. Phương pháp tương đồng

Việc sử dụng phương pháp này là cần thiết khi nhà báo muốn xác định nguyên nhân của các hiện tượng được quan tâm nảy sinh trong những tình huống khác nhau nhưng với sự có mặt của nhân tố cùng loại. Bản chất của phương pháp tương đồng có thể được xác định như thế này: nếu hiện tượng được nghiên cứu nảy sinh trong những tình huống khác nhau nhưng với sự có mặt của một nhân tố chung duy nhất, thì nhân tố đó chính là nguyên nhân của hiện tượng này.

Áp dụng phương pháp này, nhà báo cần phải nghiên cứu những điều kiện nảy sinh khác nhau của cùng một hiện tượng và xác định ra yếu tố chung gây ra hiện tượng đó.

Có thể khẳng định rằng yếu tố này chính là nguyên nhân mà nhà báo quan tâm. Khi sử dụng phương pháp này cần nhớ rằng nó có thể là không đầy đủ nếu trong những tình huống khác nhau xuất hiện những hậu quả cùng loại với sự khác biệt không đáng kể. Bởi lẽ đôi khi nguyên nhân gây những hậu quả tương tự nhau có thể do không phải một yếu tố, mà là toàn bộ tổng hợp các tình huống thay đổi đôi chút trong từng trường hợp cụ thể gây ra. Điều này gây khó khăn cho việc xác định nguyên nhân gây hiện tượng và đòi hỏi phải có những nghiên cứu bổ sung, trước hết là phương pháp phân biệt duy nhất.

3. Phương pháp phân biệt duy nhất

Đây là phương pháp so sánh các trường hợp, sự kiện nhà báo quan tâm đang xảy ra với trường hợp nó không xảy ra. Trong cả hai trường hợp đều cần tồn tại những điều kiện như nhau, ngoại trừ yếu tố không tồn tại trong một trường hợp...

Có thể xác định bản chất của phương pháp này như sau: Nếu trong cùng những tình huống giống nhau mà sự có mặt của một yếu tố nào đó tạo ra (nếu thiếu nó thì không tạo ra) hiện

tượng (hậu quả) mà nhà báo quan tâm, thì yếu tố đó chính là nguyên nhân của hiện tượng này.

Phương pháp này có thể sử dụng khi nghiên cứu hiệu quả tổ chức các hình thức lao động khác nhau. Nhà báo tập trung chú ý không phải vào sự lặp lại trong các hình thức đó, mà là vào việc giải thích những sự khác nhau trong các hình thức đó và những hậu quả bổ sung tích cực hoặc tiêu cực nhận được.

Khác với phương pháp tương đồng, phương pháp phân biệt sự khác nhau mang lại kết quả tin cậy hơn. Tuy vậy, không thể bỏ qua yếu tố là việc sử dụng phương pháp phân biệt duy nhất liên quan tới vấn đề tổ chức thực nghiệm bởi vì không thể bắt gặp những điều kiện xã hội và tự nhiên hoàn toàn giống nhau nhưng lại có một sự khác biệt duy nhất - cần phải tạo ra chúng, tổ chức chúng. Phương pháp này hay được sử dụng để kiểm tra các kết quả áp dụng phương pháp tương đồng.

4. Kết hợp giữa phương pháp tương đồng và phương pháp phân biệt sự khác nhau

Khi sử dụng phương pháp này, nhà báo dường như kết hợp những ưu điểm của hai phương pháp vừa nêu (tương đồng và phân biệt khác nhau) và điều này cho phép hiểu biết chính xác hơn về nguyên nhân gây hiện tượng được nghiên cứu. Phương pháp kết hợp này được nêu thành công thức chung sau: Nếu trong một loạt trường hợp

đều có hậu quả ở những tình huống khác nhau với sự có mặt của một yếu tố chung nhưng trong một loạt trường hợp khác lại không xảy ra hậu quả ở những tình huống tương tự mà lại không có yếu tố chung đã nêu, thì yếu tố đó chính là nguyên nhân của hiện tượng được nghiên cứu.

Khi sử dụng phương pháp này, nhà báo chọn lựa một loạt trường hợp gần giống với loạt điều kiện ban đầu nhưng trong điều kiện mới không xuất hiện hiện tượng mà nhà báo quan tâm. Nếu xác định được rằng trong các loạt trường hợp sau đều giống nhau ở chỗ không có yếu tố chung ở loạt trường hợp đầu tiên, thì yếu tố đó được xác định là nguyên nhân gây hiện tượng được quan tâm.

5. Phương pháp thay đổi kèm theo (đồng hành)

Phương pháp này được áp dụng khi nhà báo tìm cách giải thích nguyên nhân của hiện tượng xác định bằng cách so sánh các trường hợp mà hiện tượng đều nảy sinh trong đó, nhưng có sự thay đổi nhất định. Ngoài ra, người ta nên so sánh các trường hợp có những điều kiện giống nhau, trừ yếu tố thay đổi một phần xác định của chúng trong từng trường hợp.

Việc áp dụng phương pháp này dựa vào tính quy luật, theo đó mọi hiện tượng thay đổi trong một mức độ xác định khi thay đổi sự kiện có trước nó, nếu không là hậu quả thì cũng là có quan hệ nguyên nhân với sự kiện đó. Ví dụ, thể

tích của vật thể phụ thuộc vào mức độ nung nóng; vật thể đó càng được nung nóng thì thể tích của nó càng lớn và ngược lại.

6. Phương pháp tàn dư

Khi nghiên cứu một hiện tượng phức tạp nào đó, tác giả của bài phân tích chính trị tương lai có thể giả thiết rằng hiện tượng đó được sinh ra bởi một tổng thể các tình huống nhất định. Tiếp đó tác giả có thể giải thích rằng một số tình huống cơ bản của hiện tượng được nghiên cứu đúng là được sinh ra từ một phần của tổng thể này. Trong bối cảnh đó, tác giả có thể đặt giả thiết rằng những yếu tố còn lại của hiện tượng này được sinh ra từ những tình huống chưa được nghiên cứu nằm trong tổng thể các nguyên nhân tiềm năng.

Bản chất của phương pháp tàn dư có thể được định nghĩa như sau: Nếu từ một hiện tượng phức tạp nảy sinh bởi một loạt các yếu tố, không kể những yếu tố giả định đã được nghiên cứu, mà phụ thuộc vào phần đã được nghiên cứu trong tổng thể các tình huống, thì những yếu tố giả định còn lại sẽ được sinh ra bởi phần còn lại chưa được nghiên cứu của tổng thể này.

7. Phương pháp giả định (giả thiết)

Bước đầu tiên trong quá trình giải thích nguyên nhân của hiện tượng thường là giả định. Giả định được hiểu như một sự phỏng đoán có cơ sở ở mức độ nào đó cần thiết cho việc chứng

minh một cách nghiêm túc hơn về nguyên nhân của sự kiện được tác giả nghiên cứu. Tuy vậy, trong khoa học từ "giả định" không chỉ có nghĩa là một sự ước đoán về nguyên nhân của hiện tượng, mà còn là một tiến trình lôgíc dẫn tới việc xây dựng ước đoán đó và kiểm tra nó.

Xét về bản chất lôgíc, giả định là sự kết luận, trong đó còn tồn tại một hay một vài tiền đề. Khi đưa ra một giả thiết, người ta sử dụng các kết luận loại suy, các phương pháp quy nạp, suy diễn liên kết trong tiến trình tư duy có định hướng. Thông thường khi giải thích nguyên nhân các yếu tố được nghiên cứu trước tiên nhà báo thường dùng cách loại suy và quy nạp sau đó mới sử dụng phương pháp suy diễn.

Những điểm yếu của phương pháp phân tích nhân - quả

Khi tìm hiểu nguyên nhân của một hiện tượng nào đó, nhà báo cần phải kiểm tra kỹ lưỡng các số liệu nhận được, chú ý hiểu chính xác mối quan hệ bên trong giữa các sự kiện được nghiên cứu nhằm tránh sai sót trong khi xác định nguyên nhân. Chính vì vậy, việc hiểu biết về những sai lầm để xảy ra khi phân tích nguyên nhân - hậu quả là không thừa đối với nhà báo - phân tích. Những sai lầm thường gặp trong những trường hợp này là:

1. Tổng kết khi chưa đầy đủ cơ sở

Loại sai lầm này nảy sinh khi thực hiện việc

tổng kết dựa theo những dấu hiệu riêng biệt không phổ biến cùng với sự không đồng nhất (không cùng loại) của các hiện tượng cần nghiên cứu. Những dấu hiệu tình cờ hoặc cá biệt không liên quan chặt chẽ với các sự kiện gắn với chúng có thể không tồn tại trong hàng loạt đối tượng khác cùng loại này. Và nếu nhà báo quên rằng anh ta rất có thể sai lầm nếu tổng kết vội vã khi chưa đủ cơ sở, thì sẽ nhìn thấy "nguyên nhân" giả của hiện tượng được nghiên cứu.

2. Nhầm lẫn giữa mối liên hệ bên trong với hình thức bên ngoài

Loại sai lầm này thể hiện ở sự kế tiếp của các hiện tượng nào đó về mặt thời gian (đôi khi được lặp lại) được nhà báo xác định là quan hệ phụ thuộc nhân quả. Tuy vậy, không phải mọi tình huống có trước nào cũng là nguyên nhân của tình huống có sau nó. Trong khi nghiên cứu những hiện tượng xã hội phức tạp nhà báo có thể gặp những quan hệ đa dạng nhất của các sự kiện theo thời gian. Ở trường hợp như vậy, điều quan trọng là không nên chỉ giới hạn mình trong việc quan sát bề ngoài. Cần phải xác định mối liên hệ nguyên nhân sâu xa của các hiện tượng. Chỉ có như vậy mới có thể tìm kiếm được nguyên nhân trong bộc lộ ra bên ngoài của sự kiện có trước mà nhà báo cho rằng có liên hệ với các hiện tượng được nghiên cứu.

3. Thay đổi quy ước bằng không quy ước

Chúng ta biết rằng, mọi tiến trình được nhà báo nghiên cứu xảy ra trong những điều kiện nhất định nào đó, thì trong tổng thể đặc biệt của chúng chứa đựng cả nguyên nhân trực tiếp của hiện tượng được quan tâm. Nếu như bỏ qua tính chất đặc biệt của tổng thể các điều kiện này, thì trong quá trình tìm hiểu mối liên hệ nhân - quả có thể dẫn tới sai lầm gọi là thay đổi quy ước bằng không quy ước.

Nói một cách khác, trong trường hợp này nhà báo bỏ qua quan hệ phụ thuộc của hiện tượng này hoặc hiện tượng khác vào những điều kiện nhất định và dễ coi điều tương đối là điều phải thừa nhận, nghĩa là thực tế xảy ra trong mọi thời gian, mọi tình huống và mọi chỗ. Ví dụ khi quan sát thấy hòn đá khi bị ném lên cao bao giờ cũng rơi xuống đất, chúng ta không nên khẳng định rằng hiện tượng đó là đúng với mọi vật thể. Rõ ràng là một quả bóng bay chứa đầy khí hêli sẽ không rơi như vậy. Kết quả cũng sẽ khác đi trên một hành trình nào đó.

Các phương pháp đánh giá đối tượng phản ánh

Một trong những nhiệm vụ mà nhà báo giải quyết khi điều tra là đánh giá các loại thực tế, sự kiện, cá nhân khác nhau trong phạm vi quan tâm của mình. Việc đánh giá trong nghiệp vụ báo chí được xem là *xác lập mối tương quan và*

không tương quan của các hiện tượng được đánh giá với những tiêu chuẩn, yêu cầu, hình mẫu, quan niệm tồn tại trong xã hội ở lĩnh vực hoạt động đó. Ý nghĩa quan trọng của việc đánh giá là ở chỗ công việc này giúp chuẩn bị sơ bộ cho các bước nghiên cứu tiếp theo, cho phép xác định những ưu tiên trong điều tra. Nên biết rằng dù có mong muốn nhận thức khách quan các tình huống của vụ việc được điều tra đến đâu chăng nữa, thì "sự thật" mà nhà báo nhận được cũng luôn chỉ là tương đối, nghĩa là sự hiểu biết của anh ta sẽ mãi chỉ tiến gần tới bản chất của đối tượng được đánh giá mà thôi.

Các phương pháp dự báo sự phát triển của đối tượng phản ánh

Trong tiến trình điều tra, nhà báo rất hay đặt ra cho mình nhiệm vụ liên quan tới việc xác định tình trạng tương lai của hiện tượng mình quan tâm. Nhiệm vụ này được giải quyết bằng cách dự đoán xu hướng và triển vọng phát triển của các sự kiện này hoặc sự kiện khác trên cơ sở phân tích các số liệu về các sự kiện đó trong quá khứ và hiện tại. Việc sử dụng phương pháp dự báo tạo khả năng trình bày không chỉ những mặt mong muốn của sự phát triển tiếp theo của hiện tượng, mà còn cả những khía cạnh không mong muốn, bằng cách đó giúp tìm kiếm các biện pháp loại trừ những hậu quả tiêu cực.

Cơ sở của việc dự báo có kết quả một mặt dựa

vào những thực tế thu nhận được, mặt khác vào các xu hướng phát triển của các hiện tượng được nghiên cứu. Chỉ có dựa trên những cơ sở sự thực (khi tuân thủ mọi quy tắc của kết luận lôgíc) mới có thể đưa ra được những dự báo chính xác. Không hiếm trường hợp, khi dự báo sự phát triển của sự kiện, nhà báo không chỉ dựa vào những sự kiện tin cậy, mà còn vào những giả thiết. Cũng có thể thực hiện việc dự báo bằng phương pháp loại suy. Ví dụ, khi nhà báo biết rõ các cơ cấu tội phạm rửa tiền bằng các cách như thế nào, thì có thể giả thiết rằng một trong các phương pháp rửa tiền ấy được sử dụng trong trường hợp cụ thể mà anh ta điều tra.

Kết quả lôgíc cuối cùng của dự báo là mô hình trạng thái tương lai của hiện tượng nghiên cứu, cho phép nhà báo hoặc giới thiệu nó với công chúng hoặc lựa chọn để định hướng cho việc nghiên cứu tiếp thu tình huống mà mình quan tâm.

Các phương pháp chương trình hóa các hành động

Khi điều tra, nhà báo có thể coi nhiệm vụ của mình là đã được thực hiện, ví dụ trong trường hợp khi nhà báo may mắn xác định được tình hình vụ việc. Tuy vậy, anh ta không dừng ở đây, mà đưa ra một phương án (chương trình) hành động nào đó mà việc thực hiện chương trình đó có thể tác động nhất định tới các nguyên nhân

gây ra những sự kiện giống sự kiện mà mình điều tra. *Lập chương trình trong các bài báo có thể được coi như một tổng thể các biện pháp, hành động, phương tiện, điều kiện xác định được đề nghị để giải quyết các vấn đề này hoặc vấn đề khác*. Sự liên kết các sự kiện với những hành động theo chương trình được thực hiện bằng hai cách khác nhau: *hoặc là lùi về phía sau theo trục thời gian khỏi những sự kiện tiếp theo sau những sự kiện có trước, hoặc là tiếp về phía trước, từ những sự kiện có trước đó tới những sự kiện tiếp sau*.

Trong trường hợp đầu, kết quả mong muốn nhất định được xác định cùng với những “nguồn dự trữ” tiềm năng được ghi nhận. Điều đó xảy ra như thế này, ví dụ, một người mong muốn sở hữu một vật quí. Anh ta phải ước tính: Liệu các thành viên trong gia đình và bản thân mình có thể tích lũy được một khoản tiền đòi hỏi hay không?

Trong trường hợp thứ hai, nhà báo, ngược lại, lùi khỏi “một số nguồn dự trữ” các sự kiện nào đó và tiếp tục đào bới chúng cho tới khi phát hiện được “chuỗi” các sự kiện hoặc đạt được kết quả mong muốn. Trong trường hợp đầu, một phúc lợi mong muốn nào đó thể hiện dưới hình thức độc lập thay đổi trong quá trình triển khai các dạng hoạt động (chương trình), còn trong trường hợp thứ hai là khai thác các nguồn tiềm

năng này hoặc nguồn tiềm năng khác để có được phúc lợi.

Phương án thiết kế chương trình hành động đầu tiên thường được xem như ổn định, tích cực, cải cách, phương án thứ hai được xem là thụ động áp dụng theo hoàn cảnh, tranh thủ "cơ hội". Để xây dựng có hiệu quả các phương án cần phải kết hợp các bước đi ngược chiều nhau từ khi bắt đầu tới lúc kết thúc trong tiến trình lập kế hoạch.

Nhà báo thường ít nghiên cứu sâu sắc các phương án hoạt động, mà thường xuất phát từ các phương án lựa chọn có sẵn do các chuyên gia xây dựng ra trong lĩnh vực hoạt động thích hợp. Trong trường hợp như vậy, phần "hoạt động xây dựng chương trình" của tác giả bài viết chỉ còn là trình bày chương trình thích hợp. Về mặt cá nhân, nhà báo hay đưa ra các chương trình dưới dạng những "mong muốn tốt" nào đó. Ví dụ, trong bài viết "Lao vào quyền lực", nhà báo I.Đômnicốp đã đề nghị một lối thoát như thế này để ra khỏi tình huống "hỗn loạn" của các cử tri trong thời gian bầu cử: *"Tôi chỉ muốn nói với tất cả rằng đã tới lúc chấm dứt "bầu cử bằng trái tim"*.

Loại "chương trình hành động" này chung chung và trừu tượng đến nỗi những người đọc nó có thể thực hiện chúng bằng chính ý muốn của mình, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể mà họ đang ở trong đó.

CÁC PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH TÂM LÝ VỀ CÁC HIỆN TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Hiểu biết tốt về tâm lý con người và nắm được dù chỉ là kỹ năng phân tích tâm lý đơn giản nhất cũng giúp ích nhiều cho việc điều tra trong nghiệp vụ báo chí. Ở một mức độ đáng kể, việc áp dụng những phương pháp này làm cho công việc điều tra trong nghiệp vụ báo chí trở nên gần gũi với công tác điều tra của các cơ quan bảo vệ luật pháp. Trong những trường hợp nào thì người điều tra hay nhà báo có thể cần sử dụng phương pháp phân tích tâm lý? Điều này thường xảy ra khi:

1) Khi cần thiết phải tạo dựng chân dung của tội phạm hoặc nghi can.

2) Khi cần thiết phải xác định động cơ phạm tội.

Tạo dựng "chân dung tâm lý" của tội phạm để làm gì và tạo dựng như thế nào?

Nếu nói về điều tra hình sự, thì chân dung tâm lý cần được tạo dựng trong khi điều tra những vụ án cụ thể ở giai đoạn đầu tiên lúc truy nã kẻ tội phạm. Các nhà điều tra cố gắng xác định những đặc điểm của tội phạm dựa trên những dấu vết để lại trên hiện trường vụ án. Chúng có thể giúp các chuyên gia điều tra mô tả khá chính xác hình dáng bên ngoài của tên tội phạm ngay cả trong trường hợp không có nhân chứng. Không hiếm những trường hợp khi các nhà điều tra nhận biết được tội phạm chỉ nhờ

một chi tiết nhỏ được phát hiện khi xem xét hiện trường vụ án. Đôi khi các nhà điều tra nhớ tới một trường hợp nực cười trong thực tế điều tra. Một tên trộm sau khi đột nhập được vào bên trong một cửa hàng do đêm tối đã nhầm tưởng bánh xà phòng vớ được là thỏi kẹo sôcôla, đã cắn một miếng, và vết răng của hắn để lại trên bánh xà phòng đó đã giúp các nhà điều tra xác định ra hắn.

Tuy vậy, khi nói về các đặc điểm *tâm lý* không phải là theo hình thức bên ngoài của tội phạm thì lại là vấn đề khác hẳn. Những chuyên gia điều tra có kinh nghiệm có thể dựa trên những thông tin thu thập được về vụ án để "vẽ" ra bức chân dung tâm lý của kẻ phạm tội. Trong những trường hợp như vậy, các nhà điều tra phải phân tích rất kỹ lưỡng phương pháp được lựa chọn để gây án, động cơ, nơi gây án của tội phạm, cũng như việc tội phạm đến và trốn khỏi nơi gây án như thế nào, hắn sử dụng những biện pháp gì để xoá các dấu vết. Việc phân tích những dấu hiệu các vụ án hình sự giúp xác định được các dấu hiệu chung trong hành vi của bọn tội phạm nói chung và đặc điểm riêng biệt của từng tên.

Việc phân tích như vậy đặc biệt quan trọng trong khi điều tra một loạt vụ án, khi ở vài vụ trong số đó phát hiện ra những thói quen và đặc điểm tương đối ổn định của tội phạm trong các hành vi phạm pháp. Sử dụng phương pháp này

để nghiên cứu các vụ án xảy ra hàng loạt theo nhiều giai đoạn khác nhau có thể giúp đoán trước và cảnh báo hành động tiếp theo của tội phạm. Đã xảy ra những tình huống khi bằng cách xây dựng ra "chân dung tâm lý", các nhân viên bảo vệ luật pháp đã xác định chính xác địa điểm và thời gian tội phạm dự định gây án và nhanh chóng vô hiệu hóa được bọn tội phạm.

Tất nhiên là nhà báo điều tra không được ủy quyền bắt giữ những kẻ giết người, những tên phiến loạn hoặc trộm cướp. Nhưng việc xác định nhân cách của người nào đó dựa theo các dấu vết vật chất của người đó đôi khi là cần thiết. Ở tình huống đó, nhà báo hoàn toàn có thể thử (độc lập hoặc với sự giúp đỡ của các chuyên gia) xây dựng lên bức "chân dung tâm lý" của "nhân vật" mà mình điều tra và điều đó có thể là một bước quan trọng trong tiến trình điều tra của mình.

Nhà báo điều tra cũng thường cần thiết phải xác định động cơ của những kẻ phạm tội nào đó. Đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong quá trình điều tra hầu như trong tất cả các vụ án.

Việc các nhà điều tra cố gắng xác định những động cơ có thể có trong vụ nhà chính trị, viên tướng, đại biểu Đuma quốc gia Nga nổi tiếng Lép Rôkhơlin lại bị giết bởi bà vợ của ông ta - Tamara Rôkhơlina, đã được nêu như vậy trong bài báo

điều tra "Vụ sát hại Rôkhơlin". Những câu hỏi không có câu trả lời".

QUAN ĐIỂM ĐIỀU TRA

Theo giả thiết chính thức, tướng Lép Rôkhơlin đã bị vợ ông ta bắn chết. Nguyên do (động cơ) của hành động phạm tội này là mức độ bất bình quá mức của bà ta đối với chồng. Xét về bề ngoài, bà Tamara Rôkhơlina thuộc loại phụ nữ thích lãnh đạo gia đình và chỉ huy chồng, nhưng tướng Rôkhơlin không phải là loại người dễ khuất phục. Những người gần gũi với gia đình này cho biết thời gian gần đây họ thường nghe thấy những câu nói của bà Tamara đại loại như: "Tôi đã làm cho hắn ta trở thành một viên tướng, vậy mà hắn không chịu nghe tôi. Tôi sẽ giết hắn". Những người gần gũi gia đình này cũng cho biết bà Tamara hết sức không hài lòng về việc chồng mình bị mất chức chủ tịch một ủy ban trong Đuma quốc gia.

Bản thân tướng Rôkhơlin biết rõ những lời đe dọa của vợ nhưng ông không cho đó là những lời nghiêm túc. Bản thân A.I.Pơlexcatrép, trợ lý của tướng Rôkhơlin hầu như sống với gia đình thủ trưởng của mình từ năm 1994 cũng đã quá quen với những đe dọa tương tự của bà Tamara đến nỗi cũng chỉ phẩy tay khi vào lúc 2 giờ sáng sau khi gây án bà Tamara vào phòng ông ta và thông báo về hành động phạm tội của mình.

NHỮNG THÔNG TIN CẦN ĐƯỢC SUY XÉT

Không phải tất cả các nhà thám tử đều đồng ý với giả thiết cho rằng bà ta Tamara đã giết chồng. Ví dụ một trong các nhà điều tra có mặt tại hiện trường vụ án nói rằng ông ra rất kinh ngạc về sự lành nghề và lạnh lùng của thủ phạm vụ án.

Tướng Rôkhơlin bị bắn một phát đạn, hơn nữa đó là viên đạn bắn tỉa. Viên đạn bắn vào trúng chỗ rất hiểm - nằm giữa đoạn nối tai và thái dương. Những tên giết người chuyên nghiệp thường bắn như vậy khi bắn phát đạn kết thúc vào đầu nạn nhân. Kết quả là nạn nhân không bao giờ có cơ hội sống sót sau phát đạn như vậy. Tiện đây xin nhắc lại rằng đại tướng Pugô, cố Bộ trưởng Nội vụ Nga cũng bị bắn đúng vào chỗ như vậy trên đầu ông hồi tháng 8-1991. Khi đó người ta đã cho rằng đây là một vụ tự sát. Một số nhà hình sự học cho rằng dấu hiệu đó cho thấy kẻ giết người là đàn ông chứ không phải phụ nữ.

Các nhà tâm lý trong lực lượng cảnh sát cũng khẳng định rằng phụ nữ thường bắn vào thân người chứ không phải vào đầu. Một trong nguyên nhân là do họ sợ bắn trượt, bởi lẽ họ sử dụng súng rất kém so với đàn ông. Tuy vậy, lý do chủ yếu vẫn là do hàng ngày hay soi gương nên phụ nữ luôn có nỗi sợ bản năng, vô thức không dám làm biến dạng mặt người khác.

Các nhà tâm lý cũng chú ý tới một điểm khác. Đó là khi ở trạng thái quá xúc cảm, phụ nữ không bao giờ kiềm chế tới mức chỉ bắn một phát đạn duy nhất. Bởi lẽ trong cơn giận dữ cao độ phụ nữ không thể đánh giá ngay được kết quả nổ súng của mình. Mà ở đây, theo lời các nhân chứng thì bà Tamara đã hành động lạnh lùng như một kẻ giết người chuyên nghiệp: Thoạt đầu thử súng trong căn phòng trống, sau đó bắn một phát vào đầu chồng và vứt súng ngắn qua cửa sổ".

Như vậy, việc không trùng hợp giữa chân dung tâm lý của kẻ giết người tiềm năng và chân dung tâm lý trong hành vi của phụ nữ bị tình nghi là thủ phạm đã được xác lập. Tiếp theo đó có thể nghiên cứu sự phân tích động cơ của tên sát nhân tiềm năng (những kẻ thuê giết người), điều đó diễn ra như thế nào trong phân tích dưới đây:

"ÔNG TA CẢN TRỞ AI?

Thực tế ở nước Nga cho thấy không có biện pháp nào có thể bảo vệ được các nạn nhân trước những kẻ giết người chuyên nghiệp. Bản thân Lép Iacốplevích Rôkhơlin cũng biết rõ điều này. Khi cho chúng tôi thấy một tập hồ sơ về vụ một trong những vị lãnh đạo quân đội biển thủ hàng chục triệu đô la, ông ta nói: "Người ta đang có kế hoạch loại trừ tôi. Họ muốn giết tôi, nhưng làm sao để việc giết người

đó giống như thể tôi chết do đánh nhau lúc say rượu hoặc bị tai nạn giao thông".

Dư luận khẳng định trước hôm bị giết một ngày, Rôkhơlin đã tham dự một cuộc họp bí mật, trong đó người ta vạch kế hoạch phong tỏa Mátxcơva bằng lực lượng thợ mỏ và binh lính. Phong trào ủng hộ quân đội, theo kế hoạch của người lãnh đạo phong trào, cần phải đặt 39 đội canh gác ở đường vành đai Mátxcơva. Có lẽ chính vì vậy nên người ta đã vội loại trừ nhà lãnh đạo đối lập nổi tiếng nhằm ngăn chặn hành động phong tỏa.

Những người biết rõ tính quan liêu trong các bộ sức mạnh của Nga không tin vào diễn biến như vậy của vụ án. Ở các bộ này chẳng ai dám chính thức mạo hiểm ra mệnh lệnh thủ tiêu một đối thủ chính trị. Như vậy, đây có thể là hành động của cá nhân.

Nguồn tin từ quân đội cho biết tướng Lép Rôkhơlin đã hứa đưa ra những tài liệu mới về tham nhũng trong quân đội. Ông ta đã không kịp làm điều đó".

Như vậy, bức chân dung tâm lý của kẻ sát nhân không khớp với chân dung tâm lý của phụ nữ ở vai trò đó và sự ám chỉ việc tham gia của ai đó có lợi trong việc đánh lạc hướng điều tra nguyên nhân vụ án mạng này (nghĩa là các đối thủ chính trị) trở thành kết luận có sức thuyết phục nghiêng về phía giả thiết cho rằng tướng

Lép Rôkhơlin đã bị các cơ cấu chính quyền hoặc chính trị không hài lòng với những hành động của ông ta thuê những kẻ giết người chuyên nghiệp giết.

PHƯƠNG PHÁP NGHỆ THUẬT

Bản chất của phương pháp này chính là việc áp dụng không giới hạn óc tưởng tượng, khả năng hư cấu của tác giả tạo điều kiện cần thiết cho người sáng tạo tự do xây dựng hình tượng nghệ thuật và qua đó phát hiện "Sự thật của cuộc sống nói chung". Tuy nhiên, trong khi sử dụng phương pháp này tuyệt đối không được đặt ra mục tiêu phản ánh những sự kiện nhất thời, có thực. Trong nghề báo các yếu tố hư cấu chỉ có thể được sử dụng để làm nổi bật những sự kiện như vậy mà thôi. Bởi vậy chỉ có thể sử dụng phương pháp này với những câu rào đón trước nhất định, nghĩa là sử dụng các yếu tố điển hình hóa, ngôn ngữ hình tượng biểu cảm, mức độ chi tiết nhất định khi mô tả đối tượng, sử dụng tính ước lệ trong kết cấu các sự kiện.

Phương pháp nghệ thuật chỉ có thể được sử dụng trong giai đoạn trình bày tài liệu và viết bài điều tra. Ngoài ra, một nhà báo lành nghề luôn luôn biết cách viết sao cho độc giả của mình hiểu được rằng đâu là những sự kiện có thực, đâu là hư cấu, sự tưởng tượng và ý nghĩa của sự "cùng tồn tại" của chúng.

III. HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA BÁO CHÍ VÀ NHỮNG DẠNG TƯƠNG ĐỒNG

Rất dễ xảy ra trường hợp khi phân tích những bài báo, đặc biệt là những bài viết về các đề tài có nhiều xung đột gay gắt, những nhà báo mới vào nghề bèn xếp chúng vào thể loại điều tra mặc dù không phải như vậy ngay cả khi những bài báo đó có đề cập về việc điều tra một số vụ án hay những mặt tối nào đó của lịch sử. Để làm rõ sự nhầm lẫn như vậy và phân biệt rõ những dạng bài khác nhau, trước hết cần phải chú ý tới câu hỏi thông tin này do ai nghiên cứu và với mục đích gì?

ĐIỀU TRA VÀ NHỮNG BÀI BÁO VỀ ĐỀ TÀI HÌNH SỰ

Điều tra không phải là một đặc quyền của nghề báo, mặc dù đó là một phần quan trọng của nghề báo. Công tác điều tra được tiến hành trong những lĩnh vực và quan hệ điều tra đa dạng nhất có các thành phần cơ bản của dạng hoạt động này hay dạng hoạt động khác. Việc điều tra (trong những khuôn khổ nhất định) có thể được tiến hành trong mọi tập thể. Ví dụ trên tàu biển bỗng xuất hiện một điều gì đó không được biết trước. Hoạt động điều tra nhằm giải thích tình huống xảy ra theo lệnh của thuyền trưởng có thể được thực hiện bởi một người điều tra do thuyền trưởng chỉ định. Thậm chí một cô giáo trường mẫu giáo cũng có thể thực hiện hoạt

động điều tra khi các cháu bé trong lớp của cô ném một quả bóng hay đồ chơi có giá trị nào đó đi đâu đó. Nói một cách khác, bất kỳ người nào, về mặt nguyên tắc, đều có thể thực hiện những hành động tương tự trong khuôn khổ quan hệ thông thường (hợp pháp) giữa con người với con người trong xã hội. Nhưng chừng nào chưa trở thành yếu tố chủ yếu trong một hoạt động nào đó, thì việc điều tra không thể được gọi là hoạt động điều tra với đúng nghĩa của nó.

Hoạt động điều tra được thực hiện một cách đầy đủ nhất theo ý nghĩa của nó trong lĩnh vực bảo vệ luật pháp. Thêm vào đó, hoạt động này được gọi tên là "hoạt động điều tra" để nhấn mạnh tính chất đặc biệt của nó. Điều này được xác định bởi yếu tố ở Nga có các bộ Luật hình sự và Luật cảnh sát hình sự, v.v.. điều chỉnh hoạt động điều tra. Đó là những văn bản luật pháp Nhà nước cho phép trao những quyền hạn rộng rãi nhất cho các nhà điều tra làm việc trong hệ thống bảo vệ pháp luật. Họ không chỉ thu thập thông tin, dựa vào sự tự nguyện, ý muốn của nguồn cung cấp thông tin, mà còn có quyền yêu cầu những người nắm các thông tin cần thiết phải cung cấp cho họ; bắt giữ những người bị tình nghi, tiến hành thẩm vấn theo các thủ tục nhất định; thực hiện những hoạt động điều tra khác, sử dụng mạng lưới trinh sát rộng lớn để thu thập thông tin, huy động các chuyên gia

trong các lĩnh vực hoạt động đa dạng nhất để phục vụ công tác của mình, v.v.. Đặc điểm của hoạt động điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật thể hiện ở việc chỉ nhằm vào những hành động vi phạm pháp luật, các vụ trọng án (chứ không phải những bí ẩn lịch sử mà nhà báo có thể rất quan tâm).

Về nguyên tắc có thể không khó khăn lắm trong việc phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động điều tra trong nghiệp vụ báo chí với những công việc điều tra trong khuôn khổ hoạt động thông thường và ở mức độ quan hệ thông thường giữa các công dân trong sản xuất và đời sống sinh hoạt thường ngày. Cũng có thể nói như vậy về việc phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động điều tra của báo chí với hoạt động điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tuy vậy, vẫn không loại trừ khả năng nhầm lẫn khi kết luận về tính chất của hàng loạt bài báo được công bố. Trước hết những sai lầm này thường xảy ra vì đôi khi kết quả điều tra trên các bài báo được công bố là kết quả điều tra của những cá nhân, cơ quan bảo vệ pháp luật hoặc của các chuyên gia nào đó, chứ tuyệt nhiên không phải là của các nhà báo.

Những cơ quan bảo vệ pháp luật có đầy đủ quyền hạn công bố trong trường hợp cần thiết thông tin khai thác được để vạch trần hoạt động phạm tội của ai đó. Nhưng đây luôn là thông tin

khai thác được không phải trong hoạt động nghiệp vụ báo chí, mà là trong hoạt động bảo vệ pháp luật được thực hiện bằng những biện pháp đặc biệt. Thông thường nhà báo không thể sử dụng những biện pháp nghiệp vụ như vậy. Đây là vấn đề rõ ràng nếu như chúng ta nhớ lại danh mục những phương pháp là công cụ hàng ngày của nhà điều tra thực hiện hoạt động bảo vệ pháp luật. Nhà báo có thể sử dụng chính những kết quả điều tra của các nhà điều tra làm việc tại các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Hiện nay, công tác điều tra đã trở thành hoạt động khá phổ biến trong nghề báo. Là một nhà báo điều tra nghĩa là phải phấn đấu để trở thành một tác giả nghiêm túc khát khao muốn thay đổi điều gì đó theo hướng tốt đẹp lên trong thế giới này. Để trở thành một nhà xuất bản thường xuyên công bố các kết quả điều tra, nghĩa là thu hút sự chú ý của độc giả và thậm chí giành được uy tín trong con mắt của công chúng (không phải ngẫu nhiên tại phương Tây những vụ "điều tra nóng" hiện được đăng tải trên báo chí dưới dạng các ấn phẩm đặc biệt và được in với số lượng lớn). Rõ ràng những tình huống đó giải thích tại sao không ít nhà báo lại thích cho xuất bản các bài viết của mình với đề mục "Điều tra" mặc dù chúng không thuộc thể loại này.

Việc phân biệt thể loại bài báo điều tra với

những bài viết tự nhận là "điều tra" này không phức tạp lắm. Có thể phân biệt được sự khác nhau đó dựa vào những đặc điểm sau:

a) Trong bài viết không nêu rõ việc tác giả thu nhận nguồn thông tin bằng cách nào.

b) Tính chất phức tạp quá mức trong việc tiếp cận nguồn thông tin thể hiện qua nội dung bài viết và nơi lưu giữ nguồn thông tin đó (ví dụ nếu trong bài viết có nhắc tới việc thu nhận thông tin qua các kênh quan hệ chính thức (chính phủ), thì không có gì phải do dự nếu kết luận đó là nguồn thông tin nhận từ các cơ quan tình báo chứ không phải là kết quả điều tra của nhà báo.

c) Trong bài viết không có các đoạn đối thoại, phỏng vấn của nhà báo với nhân vật nào đó.

Nếu nhà báo nhận được thông tin từ các cơ quan bảo vệ pháp luật, chỉ sửa chữa lại rồi cho lên báo với hình thức "đã xào xáo", thì đó dứt khoát không phải là anh ta tiến hành điều tra độc lập và không có quyền gọi đó là bài báo thuộc thể loại "Điều tra" trong nghiệp vụ báo chí. Tất nhiên là khi đặt bút ký tên mình trong các bài viết vạch trần những quan chức tham nhũng trong chính phủ, nhưng không phải thu nhận thông tin do tự mình điều tra, nhà báo đã thể hiện sự dũng cảm công dân của bản thân khi biết rằng điều đó có thể gây phản ứng tiêu cực chưa lường hết được từ những cá nhân bị tố cáo đó. Tuy nhiên, nhà báo lúc đó lại vi phạm

những yêu cầu nhất định về đạo đức là ký tên mình dưới sản phẩm lao động của những người khác. Ngoài ra, ở một mức độ nào đó, nhà báo đã trở thành con bài trong tay những người muốn sử dụng anh ta thành "chiếc loa" phát ra những thông tin tố giác nọ.

Trong tình huống như vậy nhà báo đứng trước mối nguy hiểm trở thành người tham gia vào trò chơi chính trị không trong sạch hoặc trò chơi khác nào đó chứa đầy những hậu quả khó lường mà những nhà báo điều tra hàng đầu của Nga đã nhiều lần chỉ ra. Đôi khi có những nhà báo chủ ý cho đăng những bài viết tố cáo như vậy. Bởi thế không phải ngẫu nhiên người ta mỉa mai rằng để săn lùng những tin giật gân, những nhà báo này hiện khuyến khích việc cung cấp cho họ thông tin có tính tiêu cực về những người nổi tiếng. Thông tin loại này cũng có hai loại, một là những thông tin có nguồn rõ ràng được chuyển đích danh tới nhà báo và loại thứ hai là loại do những sự nặc danh nào đó tung ra nhằm mục đích không lương thiện hoặc bọn tội phạm.

Ở đây nảy sinh câu hỏi: Điều gì buộc những tác giả thực sự của những bài báo tố cáo, ví như những tác giả đó là các cán bộ của các cơ quan bảo vệ pháp luật, phải dùng tới cách để "rò rỉ thông tin"? Chính là vì họ sợ mạo hiểm với cương vị công tác đang nắm giữ, mà đôi khi còn là sự an toàn tính mạng của bản thân. Vinh quang sẽ

chẳng thấy đâu: Ngược lại họ cố gắng không để lộ tên tuổi. Vì tiền nhuận bút từ tòa báo ư? Đó là mạo hiểm quá lớn khó có thể được đền bù tương xứng nếu bị lộ. Điều này có nghĩa là họ làm điều đó vì điều gì đó lớn hơn. Thông thường "thông tin rò rỉ" từ các cơ quan bảo vệ pháp luật được hiểu theo nghĩa đó. Rõ ràng là để lưu ý dư luận tới trách nhiệm của những người phạm tội nhưng lại nổi tiếng về chính trị đang nắm quyền lực lớn và lại có các mối quan hệ cần thiết là một việc dường như là không thể làm nổi. Thậm chí hậu quả của nó là người điều tra không bị mất chức, mà những "sếp cao hơn" của người điều tra đó lại bị quy kết là "vạch tội" nhà chính trị nọ mà bị buộc phải "giải thích". Chính vì thế cán bộ, nhân viên các cơ quan bảo vệ pháp luật cố gắng đưa ra công luận những vụ như vậy với sự giúp đỡ của các nhà báo. Họ làm vậy cho dù hiện nay dư luận cho rằng đưa những vụ tương tự lên báo chí cũng chẳng khác gì "chó sủa vào gió".

Khi nhận được những thông tin như vậy, nhà báo cần phải cân nhắc xem mục đích thực của việc cung cấp thông tin đó là gì. Tiếp đó, nhà báo mới quyết định sử dụng thông tin đó như thế nào. Mỗi người có cách giải quyết khác nhau. Cũng có những người vì sự giật gân sẵn sàng lao đầu vào những chi tiết bê bối tầm thường nhất không liên quan gì tới bản chất của vụ án. Mối quan tâm của một nhà báo nghiêm

túc là xác định phần có ý nghĩa xã hội của thông tin và cung cấp phần đó cho độc giả, không để mình bị lợi dụng vào những mục đích mà nhà báo không biết rõ.

CÁC ĐIỀU TRA THEO "ĐẶT HÀNG" VÀ "TỰ Ý"

Các bài báo điều tra của nhà báo rất hay gây ra phản ứng dữ dội không chỉ trong xã hội, mà còn ở cấp cao. Trong những trường hợp ấy không hiếm lời khẳng định rằng bài báo được viết theo "đơn đặt hàng". Tuy nhiên không nên nhầm lẫn giữa khái niệm "đặt hàng" với khái niệm "có định kiến". Sự thực là đôi khi việc điều tra được thực hiện theo "đặt hàng" đúng với nghĩa của nó, ví như khi bạn đọc gửi thư yêu cầu giải thích việc tiền gửi của họ vào một công ty tài chính nào đó "bốc hơi" đi đâu? Tổng biên tập tòa báo, nơi có nhà báo chuyên điều tra có thể "đặt hàng" để điều tra trong trường hợp này. Đồng nghiệp của nhà báo, đại biểu Đuma quốc gia, thành viên chính phủ hay ai đó có thể "vứt bỏ" ý tưởng điều tra. Tuy vậy, nếu nhà báo điều tra tự tìm thấy đối tượng đòi hỏi phải giải thích và đưa ra công luận trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ở trường hợp này, việc điều tra không phải là theo "đặt hàng". Đồng thời, không phụ thuộc vào việc có phải là theo "đặt hàng" hay không, việc điều tra có thể có nội dung khách quan và cũng có thể mang tính "định kiến" chủ quan. Chính tính định

kiến là điểm yếu của công việc điều tra mà dựa vào đó người ta có thể chỉ trích nhà báo. Tuy vậy tuyệt nhiên không thể nói rằng việc điều tra của nhà báo là thực hiện theo "đặt hàng" và tất nhiên là nếu chỉ cáo buộc nhà báo điều tra theo "đặt hàng", thì cáo buộc này chẳng khác gì một hình thức bảo vệ lợi ích của những người mà việc điều tra đụng chạm tới.

IV-TỔ CHỨC VÀ CÁC GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA BÁO CHÍ

Có thể nói rằng mỗi cuộc điều tra trong nghề báo đều có những đặc điểm riêng biệt và không lặp lại. Đồng thời, nếu xem xét tổng thể xác định các cuộc điều tra như vậy người ta có thể nhận thấy chúng có đôi nét chung nào đó. Khi đặt ra cho mình những mục tiêu giống nhau, các nhà báo điều tra trong không ít trường hợp cố gắng đạt tới những mục tiêu đó bằng những phương pháp tương tự nhau. Điều này thể hiện trước hết ở việc phải lên kế hoạch cho bất kỳ một cuộc điều tra nào. Và mặc dù có thể được thực hiện dưới những hình thức rất khác nhau, việc thực hiện kế hoạch điều tra vẫn phải bao gồm những giai đoạn khác nhau, trong đó có những giai đoạn được nổi bật, có những giai đoạn "chìm lắng" hơn, nhưng điều này không làm thay đổi sự tương đồng của chúng.

KẾ HOẠCH ĐIỀU TRA TRONG NGHỀ BÁO

Trả lời câu hỏi tại sao bỗng nhiên nhà báo lại phải thực hiện việc điều tra, cần có câu trả lời xác đáng. Hơn nữa câu trả lời này luôn mang tính riêng biệt bởi lẽ việc điều tra của nhà báo được bắt đầu khác nhau trong từng trường hợp cụ thể. Không phụ thuộc vào việc nhà báo này hay nhà báo khác suy nghĩ về những nguyên nhân thôi thúc họ tiến hành công việc điều tra, và hiểu rõ tiến trình cụ thể của nó như thế nào, có thể nói rằng có những bước xác định, tương đối ổn định giúp cho việc tư duy lôgíc và tính nhất quán và nói chung là tính hiệu quả của việc điều tra.

Bước đầu tiên là việc tổ chức nói chung cuộc điều tra. Việc tổ chức này liên kết tất cả các mặt hoạt động khác nhau của nhà báo (nhận thức, vật chất, kỹ thuật, chính trị v.v.) trong giai đoạn chuẩn bị, tiến hành điều tra, cũng như công bố kết quả sau khi kết thúc điều tra. Việc tổ chức điều tra không chỉ được xem như việc suy nghĩ trước về các tình huống này hay tình huống khác liên quan tới điều tra, mà còn được coi là sự định hình các tình huống đó dưới dạng các mục xác định trong kế hoạch điều tra. Nội dung của kế hoạch như vậy phần nhiều phụ thuộc vào tính chất của công việc điều tra tương lai, cũng như nhận thức của nhà báo coi việc gì là đặc biệt quan trọng cần phải thực hiện trước.

Ở đây xin dẫn ra kế hoạch của một trong những vụ điều tra có thể được đưa ra đối với một nhà báo điều tra mới vào nghề, ví dụ là Michael Berlin:

1) Tên gọi kế hoạch điều tra.

2) Đề tài kế hoạch điều tra. Ví dụ, điều tra chất lượng công việc đã thực hiện (trường học phổ thông giảng dạy, học tập như thế nào?) hoặc là giá trị dịch vụ (tiền phí vệ sinh ở khu vực này so với ở khu vực khác?).

3) Tại sao vấn đề này lại làm độc giả quan tâm, phản ứng có thể có đối với bài báo này, tại sao thông tin này là cần thiết, tổ chức của chúng ta được lợi gì khi cho đăng bài báo này.

4) Các phương pháp. Các nhà báo sẽ hành động như thế nào? Những biện pháp điều tra nào cần tiến hành trước hết, cần phải tiến hành bao nhiêu cuộc phỏng vấn; dò hỏi bao nhiêu nguồn tin, cần phải phân tích, so sánh các tài liệu sẵn có hay không v.v.?

5) Chi phí cho kế hoạch điều tra. Cần chi bao nhiêu tiền, cần huy động bao nhiêu người, những nguy cơ nào có thể nảy sinh?

6) Những kết quả và hậu quả. Khi nào sẽ đăng bài báo điều tra? Sẽ đăng một bài hay loạt bài? Dành thời lượng để phát phóng sự điều tra đó 6 phút trong 5 ngày liên tục? Cần cho đăng những bức ảnh nào cùng với bài báo? Có cho đăng những bài phụ trợ kèm theo không? Có kế hoạch

bình luận hay không? Có lập kế hoạch tiếp tục tìm kiếm sau khi đã công bố kết quả điều tra hay không? Phản ứng của dư luận sẽ ra sao? Còn cần phải tác động tới những cơ quan nào nữa?

Tất nhiên là kế hoạch do nhà báo vạch ra không phải lúc nào cũng được thực hiện đầy đủ. Tuy vậy, kế hoạch đó có tác dụng tổ chức việc điều tra, tạo cho nó những đường nét có ý nghĩa nhất định. Những đường nét đó có thể được sửa đổi lại, nhưng điều đó không có gì đáng quản ngại. Điều chủ yếu là kế hoạch đó sẽ giúp cho việc điều tra tiến hành có kết quả. Không nên nhầm lẫn giữa việc tổ chức, lên kế hoạch với các giai đoạn tìm hiểu trong điều tra. Các giai đoạn này thể hiện đặc điểm mặt khác trong hoạt động của nhà báo vốn là quá trình thu thập thông tin, tư liệu về hiện tượng mà nhà báo quan tâm (vụ trọng án, các bí mật), việc tìm hiểu và trình bày thông tin thu nhận được (xây dựng bài viết). Các quá trình tìm hiểu trong điều tra có thể được đưa toàn bộ hoặc một phần hoặc có thể không đưa vào kế hoạch điều tra. Việc không đưa những giai đoạn này hoặc khác vào kế hoạch điều tra chẳng qua chỉ là do người lập kế hoạch ở trường hợp này không coi chúng là một yếu tố nào đó xác định buộc phải ghi vào trong kế hoạch của mình mà thôi. Thậm chí có thể người đó không nhận ra rằng những giai đoạn đó tồn tại (dù chúng thể hiện một cách

khách quan trong điều tra), và theo ý chủ quan, coi việc vạch kế hoạch và việc tiến hành điều tra là một quá trình thống nhất. Nhưng tất cả những điều đó không xóa bỏ được sự tồn tại của chúng. Các giai đoạn tìm hiểu (nhận thức) luôn tồn tại sẵn trong bất kỳ cuộc điều tra nào, và việc hiểu rõ chúng, không nghi ngờ gì rằng có thể giúp các nhà báo mới vào nghề thấy rõ hơn cơ cấu hoạt động nhận thức của mình, điều này có ích cho chính quá trình điều tra. Những giai đoạn này là gì vậy?

CÁC GIAI ĐOẠN TÌM HIỂU TRONG ĐIỀU TRA

Các giai đoạn này nảy sinh do sự cần thiết phải giải quyết lần lượt theo trình tự các nhiệm vụ trong tiến trình điều tra, trong đó nhiệm vụ này liên quan tới nhiệm vụ kia theo quan hệ nhân - quả. Bởi vậy, khi không giải quyết được vấn đề có trước (gây nguyên nhân) thì không thể giải quyết được vấn đề sau đó (nhận hậu quả). Trong từng tình huống cụ thể, những giai đoạn riêng nào đó có thể mờ nhạt, nhưng vẫn có thể nói về sự tồn tại của chúng. Hiểu biết về các giai đoạn tìm hiểu cho phép tiến tới mục tiêu đặt ra trong quá trình điều tra một cách rõ ràng hơn.

NHẬN THÔNG TIN SƠ BỘ

Một hành động, sự kiện, hiện tượng nảy sinh, tồn tại (hoặc đã nảy sinh và đã tồn tại) luôn đi

trước và là đối tượng của bất kỳ cuộc điều tra nào, tuy nhiên các hành động, sự kiện, hiện tượng đó là gì thì thường chưa được xác định rõ ràng hoặc hoàn toàn không rõ ràng. Cần phải nắm bản chất của chúng và điều này buộc nhà báo phải tìm kiếm thông tin liên quan. Thông thường việc tìm kiếm thông tin là rất khó khăn bởi vì thông tin đó bị giấu giếm. Bất kỳ một cuộc điều tra nào cũng rơi vào tình huống tương tự. Hơn nữa, nếu như nhà báo có thể nhận ngay lập tức toàn bộ lượng thông tin làm sáng tỏ sự kiện nhà báo quan tâm, thì liệu có đáng nói rằng anh ta đã phải điều tra về sự kiện đó hay không? Anh ta đơn giản là nhận lấy thứ có sẵn người ta trao cho mình. Trong trường hợp như vậy phải nói rằng ai đó đã sử dụng nhà báo và tòa soạn của nhà báo đó làm một "kênh", "phương tiện" để tung ra thông tin của họ.

Những thông tin ban đầu nhà báo có thể tìm kiếm, khai thác bằng nhiều phương pháp khác nhau. Đây là giai đoạn tìm kiếm "tù mù" thường dựa trên cơ sở sự tò mò, hiếu kỳ thông thường khi đọc báo, sách, tạp chí, xem các phim tài liệu, truyền hình, đọc tài liệu trong thư viện, cơ sở dữ liệu trên Internet v.v.. Cũng có thể người ta gửi thông báo, thư tới tòa soạn hoặc cái gì đó tương tự thông báo những thông tin gây chú ý ngay đối với nhà báo điều tra. Đôi khi lý do dẫn tới một cuộc điều tra tự nó nảy sinh từ thông tin

đăng trên các tờ báo ngành. Ví dụ ý nghĩ điều tra việc lạm dụng của chính quyền thành phố Lipesk đã nảy sinh như vậy trong đầu nhà báo I.Đômnhicốp làm việc cho tờ "*Báo mới*" anh viết về lý do này như sau:

"Trong máy bay chỉ có 4 người. Tôi không hiểu từ đâu mà 3 người kia biết về Lipesk. Tự tôi đã tới thành phố này vì chuyện người ta bất ngờ "hủy bỏ" phóng sự truyền hình của Alêchxanđrơ Pôlicốpxki. Khi người ta hủy bỏ một điều gì đó thì chắc chắn là có chuyện. Hãy đi tới đó để thu thập thông tin... Tóm lại, cần phải tự mình xem xét xem có gì bí ẩn bị giấu giếm ở địa phương nằm giữa tỉnh Vôrônhegiơ và Xaratốp...".

Như vậy ngay lập tức thấy rõ rằng thứ nhất nhà báo nhạy cảm với "những chuyện đen tối", thứ hai, anh ta không dựa vào thông tin từ những người khác và tự tới thành phố Lipesk, nơi đã gây nghi ngờ cho bản thân để tìm hiểu xem tại sao người ta ngăn cản việc đưa phóng sự của Pôlicốpxki lên chương trình truyền hình.

Có trường hợp đơn giản hơn:

"Theo lệnh người chỉ huy của tôi, mục đích chuyến đi là tiến hành điều tra tình hình trong công viên quốc gia "Xamarơxcaia Luca"- Ô.Sêvelêva viết về những nguyên nhân khiến chị chuẩn bị cho bài viết "Sự thật ở tất cả các bài viết chỉ là một" (Sự cứu thoát, số 1, 2001).

Còn nhà báo Mỹ Michael Berlin viết gì về ảnh hưởng sơ bộ đối với đề tài, mục tiêu cụ thể và diễn biến tiếp theo của công tác điều tra?

"Đôi khi ý tưởng về tiến hành điều tra được một ai đó gợi ý. Đôi khi các cơ quan điều tra thu hút hoạt động của nhà báo. Cũng có khi chỉ đơn giản là phóng viên tự đặt cho mình câu hỏi: Vì sao một quyết định như vậy đuợc thông qua? Quyết định đó thật là bất công! Vì sao cơ quan này (trường học, tòa án, bệnh viện, sở thu gom rác) không làm việc như đã quy định? Không phải lúc nào câu trả lời cho các câu hỏi này cũng chứa đựng thông tin về sự tham nhũng hay các vụ lạm dụng. Song điều đó không có nghĩa là không đáng viết về các trường hợp tương tự. Nếu một hệ thống sai lầm chứ không phải con người thì điều đó không kém phần quan trọng. Đôi khi, trong quá trình điều tra, đòi hỏi phải khôi phục quá trình diễn biến của các sự kiện quan trọng sau khi chúng đã xảy ra, thậm chí phải khôi phục với độ chính xác cao. Mới đây, tôi đã nghiên cứu tài liệu về các cuộc thương lượng giải phóng 18 con tin nước ngoài bị nhóm Hồi giáo cấp tiến ở Libăng giam giữ. Nhân viên Liên hợp quốc tham gia các cuộc đàm phán cung cấp thông tin cho tôi. Anh ta từ chối nói về vai trò của mình trong các cuộc thương lượng và về các biện pháp họ sử dụng khi những người bị bắt cóc chưa được giải thoát. Sau khi khôi phục

diễn biến các sự kiện, sử dụng các cách tiếp nhận điều tra báo chí, tôi đã phát hiện thấy nhiều dẫn chứng và cách lý giải không thể công bố được trước khi vụ việc này kết thúc".

Có thể còn thấy nhiều trường hợp có thể xảy ra buộc nhà báo phải suy nghĩ về việc tiến hành điều tra và dự kiến trước quá trình điều tra. Nhưng trong mọi trường hợp, nếu thông tin sơ bộ thu hút sự chú ý nhất định của nhà báo, thì nó có thể thúc đẩy anh ta tiếp tục tìm kiếm. Khi quyết định tương tự được đưa ra, điều đó sẽ dẫn tới giai đoạn hai của hành động nhận thức trong quá trình điều tra. Việc xác định kế hoạch điều tra, trước hết là việc cụ thể hóa đối tượng, mục tiêu và phương pháp điều tra được thực hiện trong trong quá trình này.

CỤ THỂ HOÁ ĐỀ TÀI, MỤC TIÊU VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA

Thông thường, nhà báo lựa chọn đề tài cụ thể để điều tra dưới ảnh hưởng của các yếu tố khác nhau. Điều có tầm quan trọng đầu tiên liên quan đến vấn đề này là tình huống. Thông tin sơ bộ kích thích nhà báo lên kế hoạch điều tra cần phải tính đến tình hình chính trị - xã hội hiện tại. Nếu đối tượng điều tra cụ thể tỏ ra có *tính cấp bách*, về mặt xã hội, thì chắc chắn đáng để điều tra. Ngoài ra, đề tài điều tra sẽ thú vị hơn nếu như có những đặc điểm, *những nét điển*

hình nào đó (xét từ những quan điểm khác nhau). Lúc đó, về nguyên tắc tình huống điều tra trong một phạm vi hoạt động cụ thể, là có thể. Ngoài ra, đặc điểm quan trọng khác mang tính dự báo là *quy mô của các hậu quả mà việc công bố* các kết quả điều tra có thể gây ra. Những hậu quả càng lớn bao nhiêu thì việc lựa chọn đề tài điều tra sẽ càng có tầm quan trọng bấy nhiêu.

Giả sử hoạt động của Chính phủ làm nhà báo quan tâm, và anh ta quyết định điều tra. Trong trường hợp này cần xác định đề tài cụ thể nào cần nghiên cứu? Tác giả của giáo trình hướng dẫn công tác điều tra cho nhà báo Michael Berlin khuyên như sau:

Để bắt đầu làm quen với các văn bản bị phát hiện là có những dữ kiện đáng ngờ, hãy đặt câu hỏi cho các quan chức: Hệ thống Chính phủ của các Ngài làm việc ra sao? Công việc cụ thể của Ngài là gì?

- Cảnh sát có sử dụng các biện pháp khắt khe không? Có nhận hối lộ không? Có hiện tượng sủng ái không?

- Toà án có thả tội phạm mà không trừng phạt không?

- Các cơ quan nhà nước như bưu điện, vệ sinh môi trường, trường học và bệnh viện hoạt động thế nào?

- Ai thu được lợi lộc từ việc phê chuẩn các đạo luật? Bản thân các nhà làm luật hay các chính

khách? Một số cuộc điều tra có thể nhằm vào hoạt động của các chính khách nổi tiếng. Trong quá trình này có thể sử dụng các tài liệu công khai và các cuộc phỏng vấn có thể giúp thu thập thêm tư liệu... Khi không có các tài liệu, cần 3 nguồn tin độc lập công bố lời cáo buộc. Trong quá trình này, điều quan trọng là thông tin nhận được từ các nguồn tin khác nhau.

Việc lựa chọn đối tượng giúp nhà báo đặt ra cho mình *mục tiêu điều tra* đúng đắn hơn. Các mục tiêu này có thể hoàn toàn khác nhau. Chẳng hạn, tác giả có thể lựa chọn, xác định các nguyên nhân xã hội của sự kiện được điều tra hoặc làm rõ những động cơ phạm tội cụ thể trong các hành động điều tra, vạch trần các quan chức cụ thể (xác định những người tham gia) phạm tội hoặc xem xét hậu quả có thể có khi tiến hành điều tra, hé mở những bí mật mang tính lịch sử (hoặc những bí mật khác). Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng như xác định cho được một mục tiêu ưu tiên để thực hiện trong quá trình điều tra.

Tiếp theo việc lựa chọn đối tượng và mục tiêu điều tra cụ thể là việc cân nhắc kỹ *các phương pháp* điều tra. Mức độ nắm vững cách sử dụng từng biện pháp như thế nào có ảnh hưởng đến việc chọn lựa phương pháp này hay phương pháp khác của nhà báo. Những khả năng (điều kiện) thực tế có ảnh hưởng không nhỏ tới việc sử dụng các phương pháp điều tra ở tình huống cụ thể.

Một yếu tố quan trọng khác mà không thể không tính đến trong quá trình lựa chọn phương pháp điều tra là hiệu quả dự đoán của việc sử dụng các biện pháp này. Giả sử, nhà báo đã lựa chọn hoạt động của một nhà máy gây ô nhiễm môi sinh bằng việc thải các chất độc, làm chủ đề điều tra. Mục tiêu của cuộc điều tra này có thể sẽ là:

a) Khẳng định những giả thiết cho rằng nhà máy trên thực tế đã thải chất độc ra hố rác hoặc vào không khí (dưới dạng khí);

b) Xác định mức độ thiệt hại do nhà máy gây ra đối với môi trường xung quanh và đối với con người;

c) Xác định nguyên nhân khiến nhà máy sản sinh ra các chất thải độc hại đó và gây ô nhiễm môi trường xung quanh;

d) Phát hiện, làm rõ những người cụ thể gây ra tình trạng này;

e) Dự đoán những thay đổi có thể trong hoạt động nhà máy nhân vấn đề này được điều tra;

g) Tìm kiếm và đề nghị các phương án khắc phục tình trạng xảy ra.

Nhà báo sẽ sử dụng phương pháp nào để điều tra vấn đề này? Thứ nhất, cần quan sát hoạt động của nhà máy để xác định xem có đúng là nhà máy đổ chất thải ra bãi rác địa phương hay không. Tiếp theo, nhà báo phải tiếp xúc, liên hệ với các chuyên gia trong lĩnh vực này để xác

định tính chất của chất thải đó (xem có độc hại không và độc hại đến đâu). Nhà báo cần có các tài liệu chứng minh rằng nhà máy sử dụng quy trình công nghệ nào và liệu quy trình này có phải là nguyên nhân hay không, hay các chất độc hại xuất hiện là do vi phạm quy trình công nghệ sản xuất. Rõ ràng là nhà báo cần có các văn bản, tài liệu kiểm tra do các cơ quan thuế và tài chính cung cấp để nghiên cứu xem nhà máy có lạm dụng, vi phạm hoặc có ý định vi phạm các quy trình công nghệ nhằm tạo ra các khoản thu nhập thêm cho lãnh đạo nhà máy mà không đưa vào hạch toán. Nói cách khác, nhà báo buộc phải sử dụng phương pháp nghiên cứu, lựa chọn tài liệu. Ngoài ra, cũng phải chuyện trò, gặp gỡ công nhân nhà máy, kể cả những người đã bị sa thải hoặc đã chuyển sang công tác khác để họ có thể sớm cung cấp những thông tin quý giá nhất cho bạn. Như vậy, khi suy tính kỹ lưỡng về cuộc điều tra sắp tới, nhà báo đồng thời phải suy nghĩ xem nên chọn biện pháp nào để có thể đạt được từng mục tiêu đặt ra trong hoàn cảnh cụ thể. Kết quả là nhà báo sẽ có được khái niệm về việc lựa chọn các phương pháp mà anh ta sẽ phải sử dụng trong quá trình điều tra. Tất nhiên, điều này không có nghĩa là sẽ không thể điều chỉnh sau đó, quá trình điều tra trong thực tế sẽ gợi ý nên chọn phương pháp điều tra nào mang lại hiệu quả và hợp lý nhất.

ĐẶT GIẢ THIẾT ĐIỀU TRA

Việc đưa ra giả thiết là một trong những giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình điều tra. Dưới giả thiết điều tra, người ta có thể phỏng đoán vì sao lại xảy ra vụ tội phạm khiến nhà báo quan tâm, hay là đâu là nguyên nhân, ai được lợi từ hành vi tội phạm đó và ai có thể phạm tội? Trong công tác báo chí, ngoài khái niệm "giả thiết", người ta ít khi sử dụng các khái niệm khác đồng nghĩa với chính nó như "giả định", "phỏng đoán", "dự doán". Vậy những khái niệm này có tương quan với nhau như thế náo? Giả thiết, giả định và dự đoán đều là những ước đoán. Tuy nhiên, dự đoán là ước đoán chỉ liên quan đến tương lai, trong khi giả thiết và giả định có thể liên quan đến cả tương lai cũng như quá khứ. Khái niệm "giả định" được sử dụng một cách hợp lý khi có nhiều phỏng đoán, giả thiết, còn bài viết chỉ sử dụng một trong số các khái niệm này có liên quan đến một đối tượng điều tra.

Việc đưa ra một (hay nhiều giả thiết) có tầm quan trọng trước hết là ở chỗ nó gợi ý cho nhà báo nên sử dụng hướng điều tra nào để có thể trả lời được các câu hỏi liên quan đến đề tài điều tra báo chí. Công thức giả thiết cổ điển thường bắt đầu từ việc trả lời câu hỏi: Ai có lợi hoặc ai cần vụ giết người này? Câu trả lời cho vấn đề này thường nằm ở chỗ, nơi dẫn tới những mối

quan hệ làm ăn, sinh hoạt, chính trị... của người bị giết. Vì vậy, để phát triển một giả thiết, cần xác định phạm vi quan hệ (quyền lợi) của người bị hại. Điều này có thể xác lập đầy đủ trong quá trình hỏi han thân nhân, đồng nghiệp, bạn bè và những người quen biết của nạn nhân. Giả sử nhà báo cố gắng tìm kiếm câu trả lời về một vụ giết hại một doanh nhân nào đó. Trong trường hợp này, anh ta có thể đưa ra những giả thiết sau:

a) Vụ sát hại có nguyên nhân từ chuyện làm ăn (người bị giết không trả nợ cho ai đó hoặc trở thành đối thủ cạnh tranh gay gắt của một doanh nhân khác);

b) Vụ sát hại có nguyên nhân chính trị và liên quan đến hoạt động chính trị của nhà doanh nghiệp đó;

c) Vụ sát hại có nguyên nhân sinh hoạt và liên quan đến sự thiếu thận trọng, không rõ ràng của nhà doanh nghiệp trong quan hệ với phụ nữ.

Trong trường hợp đầu, sự chú ý của điều tra viên có thể tập trung vào việc làm rõ các mối quan hệ làm ăn của doanh nhân, xác định các đối thủ cạnh tranh và những người ghen ghét, đố kỵ và cả những chủ nợ của nhà doanh nghiệp. Trong trường hợp thứ hai, nhà báo nên lưu ý trước hết đến việc xác định các đối thủ chính trị của người bị hại. Ở trường hợp thứ ba, nhà báo cần quan tâm đến các mối quan hệ của

nhà doanh nghiệp với "phái đẹp". Trong quá trình điều tra, mỗi giả thiết đưa ra có thể được kiểm chứng theo thứ tự. Tuy nhiên, con đường này đòi hỏi phải có nhiều thời gian mới có thể kiểm chứng toàn bộ các giả thiết. Không ít trường hợp các giả thiết được xem xét cùng một lúc và chừng nào chưa có một giả thiết nào được khẳng định bởi những sự kiện không thể bác bỏ được. Trong mọi trường hợp, lưu ý đầu tiên đối với các nhà báo là nên sử dụng giả thiết có những cơ sở xác thực nào đó ngay trong giai đoạn đầu điều tra.

KIỂM TRA LẠI GIẢ THIẾT ĐIỀU TRA

Việc kiểm tra, rà soát lại giả thiết có nghĩa là thu thập tài liệu chính, thông thường, là phần việc nặng nề nhất, vất vả nhất và quan trọng nhất trong công tác điều tra báo chí.

"Tính tập trung cao độ" của hoạt động tìm kiếm của nhà báo trong giai đoạn điều tra này không phải ngẫu nhiên. Vì mọi giả thiết, bất kể thú vị hay xác thực đến đâu đi chăng nữa, thì cũng vẫn chỉ là giả thiết. Chỉ khi có trong tay những nhân tố, dữ kiện, lập luận, chứng cứ cần thiết khẳng định tính xác thực của giả thiết đó, thì nhà báo mới có thể kết thúc quá trình này. Vậy làm thế nào để nhà báo có thể có được những khẳng định cần thiết? Có nhiều con đường tìm kiếm, thường thì những cách tìm

kiếm này liên quan đến việc xác định các nguồn có thể cung cấp những thông tin cần thiết, "làm việc" với họ để thu được những tư liệu cần thiết. Điều này đặc biệt quan trọng khi nhà báo có ý định điều tra một vụ việc, một sự kiện hay một hành động nào đó (thường là vụ việc phạm pháp). Trong trường hợp này, tìm cách tiếp cận các nguồn thông tin có giá trị phục vụ quá trình điều tra là nhiệm vụ quan trọng nhất. Sau khi giải quyết nhiệm vụ này, nhà báo mới bắt tay vào việc kiểm chứng, rà soát giả thiết của mình.

Lẽ dĩ nhiên, đại đa số các vụ việc mang tính chất "tội phạm" đều đã được các cơ quan bảo vệ pháp luật biết rõ và có thể đề nghị họ cung cấp một số thông tin nhất định. Song điều này rất hiếm khi thành công vì những thông tin cần thiết lại thuộc bí mật của công tác điều tra và việc phổ biến thông tin đó có thể gây trở ngại cho việc phanh phui vụ việc và điều này có thể gây tổn hại đến xã hội nói chung. Khi nhà báo có ý định tự mình điều tra "từ A đến Z" thì việc làm đúng hướng đầu tiên là phải xác định phạm vi những người có liên quan đến quá trình điều tra. Lẽ đương nhiên, trong quá trình này, không thể không tìm hiểu, dò hỏi, tiếp xúc với các cấp khác nhau, với người quen và bạn bè (thậm chí cả qua mạng...) mặc dù tất cả những điều này chẳng có gì bảo đảm rằng nhà báo chắc chắn sẽ biết rõ một điều gì đó về những người có thông

tin "mật". Rõ ràng là những thông tin mật được bảo vệ chặt chẽ và nhiều thông tin trong số đó không bao giờ được tiết lộ cho xã hội biết, nhưng nếu xác định được phạm vi những người có quyền tiếp cận với thông tin mà nhà báo quan tâm thì nhiệm vụ tiếp theo của nhà báo là xác định xem có thể lấy được các tài liệu cần thiết từ ai? Tất nhiên, có thể đặt câu hỏi cho bất kỳ ai trong số họ, đại loại như: Ngài có thể cung cấp cho tôi thông tin về...? Nhưng cuộc điều tra ngay sau đó có thể kết thúc - người ta có thể trả lời đơn giản "Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy chuyện này", hoặc tồi tệ hơn là làm như vẻ anh ta đã quên hẳn về sự tồn tại của con người này và "những kẻ đồng lõa" với anh ta. Tốt hơn cả là nhà báo không nên vội vàng chạm vào "chỗ dễ bị tổn thương" trong giới có trong tay các nguồn thông tin tiềm tàng.

Vậy thì nên làm thế nào? Trong mỗi trường hợp nhất định có câu trả lời riêng cho từng câu hỏi. Chẳng hạn, nhà báo có thể có ý định tìm tòi một điều gì đó chứng tỏ những mâu thuẫn trong lợi ích của "các nguồn tin" này. Có nghĩa là họ sẽ phải xác định các mối quan hệ giữa những người liên quan tới vụ việc đang được điều tra. Liệu họ có phải là những người có cùng tư tưởng hay không? Liệu họ có khác nhau về tôn giáo? Trong quan hệ với phụ nữ thì sao? Với trẻ em thì thế nào? Với động vật ra sao? Trong

số họ có ai bất mãn hay không? Hoặc là ngẫu nhiên bị lôi kéo vào hành vi tội ác mà không ý thức được hậu quả của nó? Và cuối cùng là trong số đó có những nhân vật hám tiền hay không? Và nếu biết rõ rằng những người nắm thông tin là những kẻ đồng lõa, quan hệ giữa họ rất chặt chẽ và rằng họ không phải là những người trục lợi hoặc câu hỏi đặt ra sẽ có nỗi khiếp sợ chung thì nhà báo chắc gì có thể khai thác được thông tin cần thiết từ họ. Nhưng nếu phát hiện được những mâu thuẫn trong lợi ích thì có thể lợi dụng điều đó để thức tỉnh ai đó trong số họ cung cấp thông tin cần thiết đổi lấy sự giúp đỡ, trả ơn nào đó của nhà báo hoặc của toà soạn. Tất nhiên, nếu trong quá trình này, nhà báo lâm vào tình cảnh đứng trước sự cần thiết phải thực hiện một hành vi vô đạo đức, thì chỉ có thể thực hiện điều đó nếu như việc từ chối nó đe doạ gây ra những hậu quả tiêu cực lớn đối với xã hội hoặc đe dọa tính mạng con người.

Trong trường hợp khác, khi nhà báo điều tra không phải một sự kiện đơn lẻ, mà là một hoạt động "có cơ chế tội phạm", chẳng hạn như việc các nhóm buôn lậu vận chuyển ma tuý qua hải quan, nhà báo có thể sử dụng các biện pháp khác để thu nhận thông tin. Trong trường hợp thứ ba, có thể chọn phương pháp chụp ảnh bằng máy ảnh được giấu kín v.v.. Nguyên tắc chính cần tuân thủ trong quá trình này là sự phù hợp

giữa thông tin nhận được với nhiệm vụ dự định giải quyết với sự trợ giúp của thông tin. Thông tin này cần phải hoặc là khẳng định giả thiết nhà báo đặt ra, hoặc bác bỏ giả thiết đó. Dù là phương án nào đi chăng nữa thì đó cũng chính là một quyết định cần thiết trong quá trình điều tra. Tồi tệ hơn là khi thông tin nhận được không phải là thông tin quan trọng.

CÁCH TRÌNH BÀY THÔNG TIN ĐÃ THU THẬP ĐƯỢC

Khi quá trình điều tra đã hoàn tất và đã thu thập đủ những thông tin cần thiết làm rõ những thời điểm cơ bản của vụ việc, trở thành một đề tài đáng quan tâm, nhà báo bắt đầu giai đoạn cuối cùng của công việc là việc nghiên cứu thông tin. Nhiệm vụ chính của giai đoạn này như sau:

a) Làm rõ các mối liên quan cơ bản của đối tượng cụ thể trong tình huống được nghiên cứu, xác định những cá nhân hành động trong tình huống cụ thể được nghiên cứu, vai trò và hậu quả hành động của họ, đánh giá các hành động này từ quan điểm giá trị xã hội (các luật, các tiêu chuẩn sắc tộc đã công bố...);

b) Giữ lại vấn đề chính và bỏ qua vấn đề có tầm quan trọng thứ hai che lấp bản chất của sự kiện hoặc gây thêm sự "rối rắm" cần phải được điều tra độc lập.

Cần phải nhấn mạnh rằng suy nghĩ cuối cùng về kết quả điều tra sẽ diễn ra trong quá trình

trình bày và mô tả chúng ở một dạng nhất định. suy nghĩ này có thể được thực hiện theo hai phương án sau. Thứ nhất, nhà báo viết bài điều tra, sau đó công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thứ hai, trình bày các kết quả điều tra dưới hình thức ghi lại, sắp xếp các số liệu nhận được một cách hợp lý, tiện lợi để lựa chọn hình thức viết (báo cáo hay thông tin, hoặc những dạng đặc biệt không phải để công bố). Theo thừa nhận của Giám đốc Cơ quan điều tra báo chí (ở thành phố Xanh Pêtécbua) A.Cônxtantinốp, thì không hiếm trường hợp những thông tin điều tra do Cơ quan này thực hiện đã bị ỉm đi, không được đăng dưới dạng bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng, mà được sử dụng theo sự điều khiển của Cơ quan điều tra này và được cung cấp cho những cá nhân hoặc những tổ chức cần thông tin này với điều kiện họ phải trả một số tiền nhất định. Nếu sau đó việc trình bày các kết quả điều tra dưới dạng bài viết để công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng thì quá trình này có thể được xem như là một giai đoạn viết độc lập của nhà báo -điều tra.

V-CÁC HÌNH THỨC ĐIỀU TRA BÁO CHÍ

Trên báo chí Nga hiện nay, người ta có thể tìm thấy những bài báo điều tra viết về các chủ đề khác nhau. Tuy nhiên, phạm vi đề tài, thu

hút sự chú ý hơn cả đối với các nhà báo-điều tra lại hình thành từ những nhu cầu thông tin cơ bản, cấp bách hiện nay đối với độc giả cũng như những khả năng của công tác báo chí hiện nay. Phạm vi đề tài này trước hết là những sự kiện chính trị và kinh tế, những biểu hiện tham nhũng, các vụ việc vi phạm sinh thái, vi phạm những chuẩn mực sinh hoạt xã hội và những bí mật mang tính lịch sử. Giả sử, điều quan trọng đối với nhà báo-điều tra tương lai là việc nhận được những khái niệm mở đầu về những nét đặc biệt của việc điều tra các hiện tượng liên quan đến đề tài này hay đề tài khác, bởi vì tính đa dạng của đề tài này hàm chứa những biện pháp tìm kiếm và thu thập thông tin tương ứng.

ĐIỀU TRA TỘI PHẠM CHÍNH TRỊ

Trong cuốn "Từ điển bách khoa triết học" có viết: "Lĩnh vực hoạt động liên quan đến quan hệ giữa các tầng lớp nhân dân, các dân tộc và các nhóm xã hội khác, bản chất của nó là vấn đề giành, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước. Vì vậy, các chủ đề, mục tiêu điều tra chính trị trước hết tập trung vào các hiện tượng, hành động vi phạm luật pháp, các tội phạm liên quan đến sự tranh giành quyền lực (chẳng hạn, điều này có thể là sự bóp méo, đánh lộn các kết quả bầu cử trong cuộc bầu cử Quốc hội hay Tổng thống; việc ký các hiệp định, hiệp ước quốc tế gây thiệt hại

cho đất nước v.v..). Trong lịch sử điều tra báo chí không ít những vụ việc nhờ có các nhà báo, xã hội mới được biết những mánh khoé thiếu trung thực trong cuộc tranh giành quyền lực được các tổ chức và các nhà hoạt động chính trị sử dụng. Chính việc công bố các bài báo trên các phương tiện thông tin đại chúng là "yếu tố quyết định" giúp độc giả lựa chọn phương án ứng xử trong các chiến dịch vận động bầu cử hoặc trong các trường hợp khác, khi ý nguyện của nhân dân quyết định những số phận chính trị của ai đó.

Có lẽ, trong thập kỷ qua, công tác điều tra báo chí được nhiều người biết đến nhất là "Vụ Oatơghết", do các nhà báo Mỹ thực hiện trong thời gian Tổng thống R. Nichxơn cầm quyền. Chúng ta cùng nhớ lại bản chất vụ này. Ngày 17-6-1972, một nhân viên bảo vệ Khách sạn "Oatơghết" ở Oasinhtơn trong khi đi vòng quanh toà nhà này, đã phát hiện tại một trong số các phòng trống của khách sạn có 5 người đàn ông lạ mặt. Người bảo vệ này đã gọi cảnh sát bắt giữ những người lạ đó và chở về đồn cảnh sát. Mấy giờ sau đó, những người này được đưa đến toà án để tường thuật lại vụ việc. Một phóng viên trẻ của báo "*Bưu điện Oasinhtơn*" tên là Bốp Vutuốt đã đến toà. Thoạt đầu, nhà báo nghĩ rằng đây là vụ việc nhỏ vì chuyện người ta bắt giữ những tên cướp xảy ra quá thường xuyên, chẳng có gì đặc biệt so với những gì nhà báo

từng gặp. Tuy nhiên, khi người ta nói rằng những kẻ tội phạm này bị bắt giữ trong trụ sở Ủy ban Đảng Dân chủ, nhà báo hiểu ra rằng vụ việc này sẽ mang hơi hướng của một vụ xìcăngđan chính trị lớn vì lúc đó là thời điểm ngay sát cuộc bầu cử Tổng thống, trong đó có sự tham gia của ứng cử viên Đảng Cộng hoà cầm quyền (mà Tổng thống Nichxơn là ứng cử viên) và ứng cử viên Đảng Dân chủ thuộc phe đối lập.

Việc xác định chính xác những kẻ đột nhập vào trụ sở Đảng Dân chủ để làm gì là hết sức khó khăn vì Nhà Trắng đã áp dụng mọi biện pháp hòng che giấu các dấu vết điều tra. Và dân chúng thì chỉ coi vụ việc này như một âm mưu ăn cắp hay ăn cướp thông thường. Trong hoàn cảnh đó, nhà báo Bốp Vútuốt và một người cùng tham gia điều tra với anh là Can Bécxtim đã thể hiện lòng kiên trì, bền bỉ, tinh thần dũng cảm, mưu trí và đã tìm ra sự thật. Họ phát hiện ra rằng nỗi khát khao quyền lực đã đẩy Nichxơn nghĩ ra những quỷ kế - theo chỉ thị của ông, người ta đã thuê những kẻ liều mạng, trong đó có những kẻ chuyên ăn cướp để giải tán các cuộc biểu tình chống chiến tranh nhằm chống Việt Nam khi đó. Để tránh sự rò rỉ thông tin có thể xảy ra, Nichxơn đã thành lập một cơ quan đặc biệt bí mật - một đơn vị có tên gọi "những người thợ ống nước", bao gồm những trợ lý, cộng sự thân cận nhất của ông. Đơn vị này đã hoạt động

dưới lốt các nhân viên kỹ thuật vệ sinh (trong đó có cả ở khách sạn Oatơghết). Từ năm 1970, Nichxơn đã nghe trộm nhiều cuốn băng mật ghi lại mọi cuộc điện đàm, các cuộc hội đàm trực tiếp tại các văn phòng ở Nhà Trắng. Các thiết bị nghe trộm đã được lắp đặt ở ngay trong trụ sở Ủy ban quốc gia Đảng Dân chủ. Và người ta đã lập ra danh sách gồm 20 nhân vật được xem là các phần tử chính trị chống đối Tổng thống tích cực nhất, trong đó, đứng đầu danh sách là thượng nghị sĩ Étuốt Kennơđi, và họ đã thảo luận các phương án sát hại những người này và các biện pháp nhằm chống phá các cuộc mít tinh của những người ủng hộ Đảng Dân chủ.

Khi báo chí công bố những chi tiết của vụ xìcăngđan này, mọi người mới hiểu ra rằng điều này được thực hiện theo lệnh trực tiếp của Tổng thống. Vậy thì bằng cách nào mà các nhà báo đã thu thập được các dữ liệu liên quan đến việc xâm nhập của các điệp viên của Nichxơn trong bộ tham mưu vận động tranh cử của Đảng Dân chủ tại Khách sạn "Oatơghết"? Để làm được điều này, người ta sử dụng trước hết đến các cuốn băng ghi lại các cuộc điện đàm tại Nhà Trắng ở những thời điểm khác nhau. Khi tìm thấy những tài liệu về đề tài này đăng rải rác trên các báo khác nhau, các nhà báo đã tái tạo toàn bộ bức tranh tổng thể về sự kiện xảy ra, phân tích bản chất vụ tội phạm mang tính chính trị của "người

chỉ huy" Đảng Cộng hoà trong cuộc đấu đá tranh giành quyền lực. Chính thông tin do các nhà báo săn lùng được đã được Ủy ban điều tra "Vụ Oatơghết" sử dụng bởi thông tin đó đã phát hiện được tội lỗi của Tổng thống. Hồi đó, người ta còn phát hiện được cả những vụ Tổng thống Nichxơn vi phạm việc nộp thuế cũng như việc sử dụng một khoản kinh phí lớn của nhà nước vào việc xây dựng các biệt thự riêng của ông ta ở Phloriđa và Caliphoócnia. Ngày 9-8-1974, khi biết rằng Thượng viện Mỹ chắc chắn sẽ tuyên bố miễn nhiệm ông, Tổng thống R. Nichxơn đã từ chức. Trong lịch sử chính trị của Mỹ, sự kiện này trở thành sự kiện gây chấn động nhất, còn từ "Oatơghết" đã trở thành biểu tượng của sự đồi bại và vô đạo đức trong giới chức chính phủ.

Các cuộc điều tra báo chí về những sai lầm chính trị và các vụ tội phạm theo từng thời kỳ (thường là trong thời gian vận động bầu cử) đang xuất hiện trên báo chí Nga hiện nay. Bài điều tra của Vlađimia Tutrơcốp với kết quả được đăng trên mạng Internet hồi tháng 3-2001 có thể được coi là một ví dụ điển hình của thể loại này. Trong bài báo, người ta nói về cuộc bầu cử Đuma quốc gia (Hạ viện) Nga diễn ra trước đó không lâu tại nước Cộng hoà Ingusêtia trực thuộc Nga.

"Cuộc bầu cử Đuma quốc gia bị phá hoại"

Tình trạng này chưa từng xảy ra ở nước Nga.

Sáng Chủ nhật, người Ingusêtia đi đến các khu vực bầu cử để bầu đại biểu vào Đuma quốc gia Nga thay cho đại biểu cũ đã hết nhiệm kỳ. Tuy nhiên, đã chẳng diễn ra hoạt động nào: Các cánh cửa của các điểm bỏ phiếu đều đóng im ỉm. Thời gian trôi qua và các cử tri hiểu rằng cuộc bầu cử đã bị huỷ bỏ do tất cả các thành viên trong các uỷ ban bầu cử địa phương đã không làm nhiệm vụ và đã bỏ về. Cần phải đưa ra một sự lựa chọn cần thiết của cử tri Ingusêtia - nhiều người không chạy về nhà để rồi quay trở lại với khẩu súng trong tay, mà giải tán một cách yên ả, hòa bình, không có dấu hiệu kích động bạo lực.

Cuộc bầu cử Đuma Nga đã chín muồi từ tháng Hai, khi ông Mikhain Guxeriép - người được bầu theo khu vực một đại biểu thứ 12 được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty liên doanh dầu mỏ Nga - Bêlarút "Slavneft". Vị trí quan trọng này là niềm mong ước cháy bỏng của 8 người Ingusêtia, trong đó có Giám đốc Trung tâm phát triển doanh nghiệp Ingusêtia Alikhan Amirơkhanốp, Phó Tổng giám đốc Nhà máy "Phân loại giống rau" Yacúp Benkhơrôép, Phó Chủ tịch Hiệp hội cựu vận động viên thể thao thế giới Vakha Éplôép...

Vào phút chót, người đứng cuối danh sách cử tri, ông Umác Taixumốp, một trong những học viên của Học viện quản lý nhà nước Nga trực

thuộc Tổng thống đã rút khỏi ứng cử viên. Còn ông Amirơkhanốp có vẻ tin tưởng sẽ giành thắng lợi và đi khỏi Trung tâm phát triển doanh nghiệp Ingusêtia, để (theo ông) có thể tự do hoạt động vì lợi ích của toàn thể nhân dân Nga. Và trên thực tế lúc đó, có những cơ sở hết sức xác đáng để khẳng định điều này.

Ông Amirơkhanốp từng giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ Ingusêtia và được Tổng thống nước cộng hoà này Ruxlan Ausép ủng hộ. Tổng thống đã nói thẳng tại khu vực bầu cử một đại biểu này: "Cá nhân tôi đề cử ông Amirơkhanốp ra tranh cử tại cuộc bầu cử Đuma Nga vì ông ấy là người có thể "làm một điều gì đó một cách thiết thực cho nước cộng hoà. Tất cả những người còn lại không biết làm gì và chỉ muốn giành cho mình một chỗ yên ấm". Lời nói này của Tổng thống Ausép ám chỉ ông Ruxlan Maxcurốp, người trước kia cũng là Phó Thủ tướng Ingusêtia cũng như ông Amirơkhanốp. Người ta hiểu ngay rằng sự ủng hộ của ông Ausép, người có uy tín lớn ở Ingusêtia có nghĩa là sẽ thắng cử. Cuộc thăm dò dư luận xã hội ngay trước cuộc bầu cử đã khẳng định hoàn toàn điều này: 47,5% số người được hỏi tuyên bố sẽ bỏ phiếu cho người được Tổng thống đề cử, chỉ có 16% ủng hộ ông Vakha Eplôép, 9% bỏ phiếu cho ông Cốtdôép và 7% ủng hộ ông Maxcurốp.

Bên cạnh sự bảo lãnh cao phải kể đến đòn

bẩy cơ bản trong công nghệ bầu cử ở Cápcadơ mà đã được ông Amirơkhanốp sử dụng là đòn bẩy châu Âu- ông đã mời những người chuyên làm công tác quảng cáo, đánh bóng hình ảnh từ Mátxcơva để tiến hành cuộc vận động bầu cử cho mình. Số tiền chi cho chiến dịch này đủ để có thể lý giải rằng một nghị sĩ hết nhiệm kỳ đã trở thành người đứng đầu bộ tham mưu bầu cử và đó chính là Mikhain Guxerép, người đứng đầu "Slavneft" hiện nay. Ngoài ra, đây còn một lợi thế: người ta đã bỏ phiếu cho Guxerép, mà ông này lại ủng hộ Amirơkhanốp thế vào chỗ của mình.

Trong số những ứng cử viên khác cho chức này còn có ông Maxarốp, một người giàu có. Ông giành được sự ủng hộ của cộng đồng người Ingusêtia có ảnh hưởng ở Mátxcơva nhưng thù địch với Tổng thống Ingusêtia Ausép. Và cuộc xung đột đã diễn ra hết sức quyết liệt, động chạm đến lợi ích của cả những nhân vật "cỡ bự". Amirơkhanốp và Maxcurốp lâu nay không phải là những nhân vật chính trên bàn cờ. Vì vậy, mặc dù 47,5% số người được hỏi hứa bỏ phiếu ủng hộ ông Amirơkhanốp, Tổng thống Ingusêtia cũng vẫn không thể yên tâm. Trong bối cảnh này, văn phòng "quảng cáo" phục vụ cho ông Maxcurốp đã ứng xử một cách mau lẹ, thành thạo. Văn phòng này đã làm rùm beng rằng có một thế lực maphia trong chính phủ đang hoạt

động trắng trợn tới mức mua chuộc cử tri bằng vật chất, cụ thể là bằng bột mỳ và đường nhằm chống lại đối thủ khác. Thực sự là trường hợp mua chuộc như lời cáo buộc này đã không hề có. Tuy nhiên, điều này đủ để coi chiến dịch vận động của ông Amirơkhanốp là "sự đánh bóng". Những người làm nhiệm vụ đánh bóng cho ông Amirơkhanốp cũng không vô ích khi thực hiện thủ đoạn của mình, họ cáo buộc các đối thủ của mình là "bôi đen" Tổng thống Ingusêtia và gieo rắc sự thù địch giữa các dân tộc.

Lẽ dĩ nhiên, ông A.Ausép trong các bài phát biểu của mình đã cung cấp cho những người ủng hộ tài liệu có giá trị. Chẳng hạn, ông nêu rõ sự cần thiết của nền dân chủ trong các cuộc bầu cử các cơ quan địa phương. Cuộc bầu cử đại diện của nước cộng hoà vào Đuma quốc gia Nga cũng là một việc hết sức quan trọng để cho nước này được quyền tự lựa chọn. Vấn đề này có tính lôgíc. Nó gần giống như việc Tổng thống Putin muốn thuyên chuyển hoặc cách chức các tỉnh trưởng phản bội. Cần thấy rằng các quy trình công nghệ đánh bóng và bôi đen ở Ingusêtia có phần bị chồng chéo. Chẳng hạn, khi ông Amirơkhanốp đến làng Antievô, hai người dân trong làng, là những người anh em của Manxagốp đã xua đuổi ông Amirơkhanốp, thậm chí bắt đầu nổ súng vào ông ta. Tuy nhiên, hai người đã bị lực lượng bảo vệ tước vũ khí, nhưng

đã kịp trốn đi đâu đó, đến giờ vẫn là điều bí ẩn. Vào đêm trước ngày bầu cử, người ta đã ném lựu đạn vào bộ tham mưu bầu cử của Phó Chủ tịch Hiệp hội các cựu vận động viên thể thao thế giới Vakha Éplôiép. Rõ ràng, người ta bóng gió rằng 16% ủng hộ cho ứng cử viên này là sự xa hoa không cho phép. Trong cả hai vụ bạo lực này may mắn là không có ai bị thương.

Maxcurốp sau khi thành lập xong liên minh chống Amirơkhanốp, với sự tham gia của Côdôép và Éplôép, đã nhiều lần âm mưu gạt kẻ thù chính của mình ra khỏi danh sách. Để đạt được điều này, người ta đã đệ đơn lên Ủy ban bầu cử và Tòa án tối cao Ingusêtia tố cáo ông Amirơkhanốp vi phạm pháp luật khi mua chuộc và trao cho chính quyền các điều kiện đặc biệt vận động bầu cử. Tuy nhiên, điều này xem ra có vẻ nực cười: Nếu cả nước Ingusêtia, kể cả Ủy ban bầu cử và Toà án tối cao, làm việc vì một người thì việc tốn giấy mực để viết những điều vô bổ chẳng để làm gì. Thêm nữa, Maxcurốp không đầu hàng, hàng ngày ông hứa sẽ kháng cáo kết quả bầu cử thông qua Toà án Tối cao Nga. Mọi người đều nghe và cười nhạo.

Lúc đó đã xảy ra một sự việc tưởng như không thể: Ngày thứ Bảy, vào lúc 21 giờ, Toà án tối cao Ingusêtia loại ông Amirơkhanốp ra khỏi danh sách ứng cử viên đại biểu Đuma quốc gia Nga với lý do: "Vì đã mua chuộc cử tri". Điều

này đã gây ra một hậu quả đáng sợ. Những thẩm phán của toà án - những người có nhiệm vụ phải công bố quyết định của toà đến các ủy ban bầu cử đã từ chối thực thi trách nhiệm của mình. Truyền hình đã ngừng phát chương trình trên các kênh Nga và bắt đầu truyền đi những lời kêu gọi các đại diện chính quyền và tăng lữ tẩy chay các cuộc bầu cử. Điều này tiếp tục diễn ra cho đến sáng ngày bầu cử. Và sáng hôm sau, toàn bộ các thành viên của các uỷ ban bầu cử đã viết đơn từ chức. Và sự rùm beng, ầm ĩ bao trùm Mátxcơva. Và lúc đó, chỉ có một mình Vesniacốp, Chủ tịch Ủy ban bầu cử trung ương đứng lên. Ông đe doạ sử dụng từ những hình phạt tự nghĩ ra tới việc điều tra hình sự. Ông nói rằng Tổng thống đã đúng khi muốn siết chặt kỷ luật vốn bị lơi lỏng ở các khu vực. Tóm lại là đã xử sự như thể đặt toàn bộ sức nặng uy tín của mình vào ông Maxcurốp.

Tình thế độc nhất vô nhị này còn lạ lùng ở chỗ không có ai đúng cả. Việc đưa ông Amirơkhanốp vào Đuma không nằm trong khuôn khổ văn minh. Toà án, nơi lâu nay đã nhận được những đơn khiếu kiện của các đại biểu nhưng lại không thể thông qua quyết định do sự hạn chế về thời gian, - Đó không phải là toà án mà là sự cãi vã nhau. Vesniacốp, người vẫn tuyên bố cần phải bỏ phiếu không được tẩy xoá (vì không có thời gian tẩy xoá) cũng thấy điều

này hết sức lạ lùng. Ông ta cũng không đúng khi tuyên bố rằng Ủy ban bầu cử trung ương sẽ ấn định việc bỏ phiếu sau một tuần. Luật pháp Ingusêtia quy định tiến hành cuộc bầu cử mới 3 tháng sau khi phần lớn số thành viên trong Ủy ban bầu cử từ bỏ thẩm quyền của họ. Bởi thế, việc tháo gỡ tình hình này cho phù hợp luật pháp là điều không tưởng và không lường trước được hậu quả. Hơn nữa, phần lớn người Ingusêtia lại ủng hộ chính Amirơkhanốp.

Từ đó nảy sinh một câu hỏi: Vì sao Toà án tối cao Ingusêtia lại có hành động kỳ quặc đến vậy? Maxcurốp giải thích điều này như sau: Chính quyền tức giận trước việc lần đầu tiên trong lịch sử Ingusêtia, lực lượng tư pháp của cộng hoà có thể dùng luật pháp để loại bỏ một người được chính quyền địa phương, gồm Tổng thống, Thủ tướng và ban lãnh đạo nước cộng hoà công khai ủng hộ.

Phải chăng toà án bị chính quyền nước cộng hoà gây áp lực rất mạnh đã dám thông qua một quyết định đầy sự hy sinh như vậy vì những lý do về đạo đức. Hoàn toàn có thể cho rằng toà án đã bị một tác động khác từ phía phe đối lập. Và ảnh hưởng của nó còn mạnh hơn nhiều. Điều này có thể là những lời đe dọa mạnh hơn những lệnh trừng phạt của chính quyền và nỗi khiếp sợ bị mất công ăn việc làm. Tất cả những điều này cho thấy toà án đã đưa ra quyết định không

phải trong vòng một tuần trước cuộc bầu cử, mà chỉ 11 giờ trước khi bắt đầu bầu cử. Khi đó, tưởng chừng không thể thay đổi điều gì nữa. Tuy nhiên, Chính quyền Ingusêtia đã mạnh hơn Toà án Tối cao. Vì vậy đã không xảy ra điều gì bất thường. Khó có thể không đồng ý với Ausép khi ông khẳng định: Tất cả đã diễn ra đúng theo kế hoạch, trong khuôn khổ luật pháp.

Ai có thể gây áp lực với toà án? Dĩ nhiên là có bàn tay của Chính quyền Mátxcơva.. Chính xác hơn là người Ingusêtia quyết định chọc tức Tổng thống và đưa người của mình vào Đuma quốc gia. Tất nhiên chọc tức ông Ausép là điều mà ngay cả Điện Cremli cũng không muốn vì ông ta không bao giờ tha thứ cho quan điểm liên quan đến cuộc chiến tranh Tresnia. Nếu không phải là ông Ausép thì trên thế giới sẽ có ít sự ồn ào về chủ đề này. Tuy nhiên, điều này không phải là trường hợp khiến người ta phải cử đến Nadơran những chàng hiệp sĩ khoác chiếc áo tơi và con dao găm. Bản chất của vấn đề là gì? Và chúng có sự khác nhau như thế nào? Ai sẽ là đại biểu của khu vực thứ 12 vào Đuma quốc gia? Lẽ nào ông Vesniacốp lại làm rùm beng và sẽ lo lắng. Đã không diễn ra một sự liên kết kỳ lạ nào. Cuộc sống vẫn cứ trôi. Không được quên rằng điều nguy hiểm nhất trong hoàn cảnh này đối với chính quyền liên bang là vượt qua khó khăn, thử thách".

Bài báo này không chỉ mô tả bức tranh cụ thể về các cuộc bầu cử khu vực, mà còn giúp chúng ta hiểu rõ một cách chi tiết tình hình phức tạp và đa dạng nảy sinh trong quá trình điều tra của nhà báo. Như chúng ta biết, tác giả bắt đầu tóm lược những kết quả điều tra với việc mô tả ngày bầu cử, sau đó chuyển sang những sự kiện diễn ra trước ngày này một cách uyển chuyển. Trong đó, tác giả mổ xẻ, khai thác triệt để các sự kiện chính được xây dựng theo một trình tự thời gian và giúp tạo dựng tính kế tiếp, hợp lý, rõ ràng của các sự kiện diễn ra trong chiến dịch vận động tranh cử. Tác giả nêu những tên tuổi, ngày tháng và các sự kiện cụ thể. Rõ ràng, không lo ngại về những hậu quả của bài báo, tác giả tập trung vào mọi hành động vi phạm diễn ra trong thời gian bầu cử Đuma Ingusêtia, thông qua đó tạo dựng cơ sở cho những kết luận của mình về hoạt động của các uỷ ban bầu cử và toà án trong quá trình vận động bầu cử thể hiện sự căng thẳng chính trị tồn tại giữa chính quyền liên bang và chính quyền khu vực mà theo tác giả, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị tại khu vực Cápcadơ.

Một nhà báo-điều tra tương lai cần nhớ rằng có khá nhiều hiện tượng, sự kiện, tội phạm không liên quan đến việc đạt được các mục đích chính trị, chẳng hạn như các cuộc bầu cử Đuma cũng như các cơ quan nhà nước khác tuy về bản

chất, chúng có thể mang sắc thái chính trị. Chính vì vậy, tư duy chính trị về những vấn đề này có thể là điều hấp dẫn trước tiên đối với nhà báo. Chẳng hạn, với một tư duy tương tự, Iuri Necraxốp, tác giả bài báo "Những viên đạn lạc" đã phát hiện một tổ chức nào đó của Nga đã bán lậu ra nước ngoài lô đạn dược cũ của Đức.

"Hai năm trước, các nhân viên thuộc đơn vị thuế cơ động của Cục thuế Tây-Bắc đã làm được một việc chưa từng có. Thoạt đầu, tất cả được xem có vẻ như bình thường.

Một nhà máy nhỏ chuyên sản xuất các sản phẩm bằng nhựa hoá học của thành phố Côtốpxcơ đã chuyển cho Công ty Mỹ "Intrac arm International LLC", nơi chuyên sản xuất lại vũ khí đạn dược đã hết hạn sử dụng, 40 triệu viên đạn cỡ 7,92 mm do Đức và Séc sản xuất mà Hồng quân Liên Xô chiếm được từ cuối cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Tuy nhiên, các nhân viên thuế quan trước đó đã nhận được những dấu hiệu cho thấy số hàng chứa thuốc nổ nguy hiểm cần phải kiểm tra một cách kỹ lưỡng và vì vậy, các côngtennơ đựng số đạn đó đã bị giữ lại. Sau đó người ta bắt đầu kiểm tra xem thực sự số đạn dược này có còn sử dụng được hay không.

Việc bắn thử cho thấy rõ ràng là số đạn này vẫn sử dụng tốt: không một khẩu súng nào bị hóc đạn và đạn được bắn ra đã đi rất đúng hướng. Trong khi đó, đáp lại lời yêu cầu của Nga cảnh

sát quốc tế (Interpol) trả lời rằng không có công ty nào là "Intrac arm International LLC" ở Mỹ. Có một công ty có tên gọi khá giống là "Intrac arm International LL", nhưng công ty này không hề đặt mua số đạn này cho Côxôvô. Vậy số đạn này từ đâu ra và điều quan trọng hơn là ai cần số đạn đó vì đạn cỡ này không còn nơi nào sản suất kể từ sau sự sụp đổ của phát xít Đức.

Vào thời điểm này, điện thoại công vụ của một trong số những người phát hiện vụ buôn lậu số đạn này có nhận được một cú điện thoại giọng nam trầm có vẻ hách dịch từ Mátxcơva: "Này những người đàn ông hãy xử sự như những con người! Hãy cho số hàng đó được chuyển đi! - các anh có biết không, đây công việc hệ trọng được thực hiện theo lệnh của chính Bôrít Nicôlaiêvích Enxin (Tổng thống Nga khi đó) để giúp đỡ những người anh em Xécbia, nhưng phải giữ bí mật để NATO không biết đấy. Và vì thế nên buộc phải giữ bí mật".

Mặc dù giọng nam trầm đó có vẻ đầy quyền uy, nhưng người ta vẫn không tin anh ta. Vì người bạn của một trong số nhân viên thuế quan từng tham chiến cùng người Xécbia khẳng định rằng loại đạn cỡ này chẳng có giá trị gì đối với Xécbia. Thế nhưng, những đối thủ của người Xécbia là lực lượng Quân đội giải phóng Côxôvô người gốc Anbani chắc chắn sẽ vô cùng phấn khởi nếu nhận được lô hàng này.

Trong số lượng lớn vũ khí người gốc Anbani ở Côxôvô nhận được từ người Crôatia, có các loại súng máy MG-34 và MG-42 của phát xít Đức trước đây sử dụng đạn cỡ 7,92 mm. Người Đức đã cung cấp những khẩu súng máy tốt nhất thời ấy cho các đồng minh Crôatia trong Chiến tranh thế giới thứ hai và tiếp tục cung cấp khi người Crôatia và người Xécbia bắt đầu xung đột với nhau trong cuộc chiến tranh Bancăng. Súng máy này tốt đến mức được NATO lấy làm mẫu chế tạo súng máy cho khối quân sự này nhưng có sửa lại cỡ nòng theo tiêu chuẩn của NATO và đổi tên thành MG-1, cho đến nay vẫn được trang bị cho chính người Đức, còn người Crôatia, người Hồi giáo ở Bôxnia Hécxêgôvina và người Côxôvô gốc Anbani thì thích mê loại súng này...

VỤ ÁM SÁT ILIUKHIN ĐÃ CHÔN VÙI VỤ NHỮNG VIÊN ĐẠN

Nhìn chung, vụ việc hứa hẹn một vụ án cực kỳ hấp dẫn, nhưng người ta đã nhanh chóng thâu tóm các tình tiết vụ việc về Mátxcơva chứ không phải ở Viện kiểm sát hay Viện kiểm sát quân sự. Vì vậy, những nỗ lực theo dõi số phận tiếp theo của vụ việc này không có kết quả, và người ta đã quyết định nhờ tới Chủ tịch Ủy ban An ninh Đuma khi đó là Víchto Iliukhin. Cuối cùng, nếu bộ tham mưu bầu cử của ứng cử viên tương lai Điện Cremli vào chức Tổng thống thực sự được

tài trợ bằng biện pháp kỳ lạ này, thì điều đó liên quan trực tiếp đến an ninh quốc gia.

Với tư cách là thành viên ban lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên bang Nga (KPRF) đối lập lớn nhất và là người thừa kế ông Rôkhơlin quá cố, Chủ tịch Phong trào ủng hộ quân đội, ông Víchto Ivanốp đảm nhận nhiệm vụ này như một sự thiên định.

Song rõ ràng là lần này, Thượng đế có những kế hoạch khác. Vì những bản sao tài liệu về toàn bộ câu chuyện được trao cho một trong số những trợ lý của Iliukhin trong Đuma đã bị biến mất không để lại dấu vết. Lần thứ hai, các bản copy đã được chuyển trực tiếp cho Iliukhin khi ông tới thăm Xanh Pêtécbua trong chiến dịch vận động tranh cử trước ngày bầu cử Đuma quốc gia. Ba ngày sau đó, một công dân không tên tuổi đã dùng súng nã cả loạt đạn vào đầu ông Víchto Ivanốp và vụ này khiến người ta liên tưởng đến số phận của vị lãnh tụ Đảng Dân chủ Anbani trước đó. Sau vụ này, người nhiệt huyết đấu tranh với chế độ đã mất hẳn hứng thú đối với vụ việc này. Tuy nhiên, các cơ quan kiểm soát bất ngờ bắt đầu chú ý với sự cảnh giác cao độ vào các nhân viên hải quan, và bắt đầu vào cuộc. Không đầy một năm sau, một số người trong số họ đã phải vào tù. Mặc dù các nhân tố phạm tội trong trường hợp này có thể có, người ta vẫn có cảm tưởng rằng một ai đó rất có ảnh

hưởng đã yêu cầu xem xét một số người hoàn toàn cụ thể trong các cơ quan rất cụ thể. Để trong tương lai, các đồng nghiệp của họ biết rõ được rằng cần phải bắt giữ ai và không bắt giữ ai. Vụ việc trở nên khá ồn ào và gần như cùng một lúc nhiều người ở bộ phận của thuế quan Tây-Bắc, từ chức lãnh đạo cao nhất đến phó phòng đã bị cách chức.

Mới đây, Thượng tướng Côxôvan lại nói trên các phương tiện thông tin đại chúng về một nhân vật bí ẩn. Và trong một bối cảnh rất đặc biệt. Alếchxanđrơ Đaviđốp dường như dám cả gan sửa lại cả lời nói của sếp của mình, Bộ trưởng Quốc phòng Ivanốp. Khi ông Ivanốp hứa hẹn rằng trong năm nay, các sĩ quan vô gia cư sẽ được nhận 27 nghìn căn hộ, thì ông Côxôvan khẳng định chỉ có tất cả 17 nghìn căn hộ mà thôi. Điều đáng quan tâm đây là sự ngẫu nhiên 10 nghìn căn hộ còn lại đã được phân theo kế hoạch vì lý do nào đó rồi?".

Như chúng ta thấy, thoạt đầu, việc nghiên cứu trường hợp bị các nhân viên thuế quan bắt giữ dự định bán vũ khí đã đưa phóng viên đến hành động có tầm quan trọng chính trị nhất định. Việc nghiên cứu này hoàn toàn có hiệu lực khi tác giả thiết lập được mối quan hệ giữa kế hoạch bán vũ khí và việc sử dụng số tiền nhận được từ việc bán vũ khí vào các cuộc bầu cử các cơ quan nhà nước. Mặc dù cần phải nói rằng việc buôn

bán vũ khí ở cấp quốc tế luôn là một phần trong chính sách quốc gia. Vì vậy, nhà báo khi lưu ý đề tài này, muốn phanh phui những vụ lạm dụng và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này, chắc chắn buộc phải lưu ý xem xét mức độ liên quan giữa vụ buôn bán tương tự với việc giải quyết các nhiệm vụ chính trị vì lợi ích của một số lực lượng xã hội nhất định.

Không phụ thuộc vào việc sẽ điều tra tội phạm chính trị nào, nhà báo cần thông thạo trong lĩnh vực hoạt động chính trị. Có nghĩa là nhà báo buộc phải theo dõi sự phân bố các lực lượng chính trị, biết rõ các nhiệm vụ quan trọng hơn cần được giải quyết trong thời gian cụ thể, làm quen với các phương pháp và kinh nghiệm giải quyết các vấn đề chính trị, có sự hiểu biết về các thủ lĩnh chính trị, những phương hướng hành động của họ, năng khiếu, kinh nghiệm và ham thích của họ. Tất cả những điều này sẽ giúp thực hiện các cuộc điều tra các vụ tội phạm kinh tế.

ĐIỀU TRA TỘI PHẠM KINH TẾ

Các vụ tội phạm kinh tế có thể được coi là thuộc loại đối tượng điều tra khó khăn hơn cả trong hoạt động điều tra báo chí. Điều này thường liên quan đến những hành vi phạm tội của những người ta gọi là giới "cổ cồn" (những viên chức nhà nước), hay nói cách khác, đó là

những hành động chủ yếu là của một số quan chức nắm trong tay "các sơ đồ" sử dụng kinh phí nhà nước hoặc kinh phí của các đối thủ cạnh tranh cực kỳ phức tạp. Thông thường, những hành động như vậy thường được sửa đổi rõ ràng trong quan hệ pháp lý và lợi dụng những lỗ hổng trong hệ thống pháp luật để lẩn tránh luật pháp. Chính vì vậy, cần có sự chuẩn bị tốt về kiến thức kinh tế và tiến hành điều tra với sự giúp đỡ của các luật sư và các nhà kinh tế có nghiệp vụ cao. Chỉ trong trường hợp này, nhà báo mới có thể hy vọng vào kết cục thành công cho cuộc điều tra của mình và tránh khả năng có thể bị truy bức của toà án từ phía "các nhân vật" của các bài báo điều tra tương lai.

Vậy làm thế nào để có thể xác định bản chất của đối tượng điều tra bị coi là "tội phạm kinh tế"? Khái niệm này liên quan chặt chẽ đến những khái niệm về sự gia tăng tính hiệu quả của kinh tế, lợi nhuận của các xí nghiệp. Tất cả những hành động của bất kỳ một cá nhân nào dẫn đến việc làm giảm sự tăng trưởng này đều có thể coi là các tội phạm kinh tế. Ở một mức độ nhất định, việc xác định khái niệm "tội phạm kinh tế" vẫn còn là một khái niệm mở vì nó liên quan với những chủ thể kinh tế cụ thể. Tội phạm được thực hiện khi nó gây thiệt hại cho một nền kinh tế cụ thể, chẳng hạn như kinh tế của một nước như nước Nga hoặc kinh tế của

một ngành kinh tế nhất định (chẳng hạn như ngành công nghiệp than), của một doanh nghiệp (chẳng hạn như kinh tế của một trang trại). Trong đó, thiệt hại gây ra cho nền kinh tế của một nhà máy nào đó có thể ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế của ngành hay của đất nước nói chung. Tuy nhiên, nếu hoạt động của một xí nghiệp nào đó có được lợi nhuận nhờ ăn bám xã hội (chẳng hạn như việc thường xuyên nâng giá sản phẩm do địa vị độc quyền trong xã hội...) thì việc giảm "tính hiệu quả" của nó bằng sự điều tiết của nhà nước thì không được xem là tội phạm. Ngược lại, xã hội chỉ cần được lợi nhờ việc một số cá nhân đánh mất khả năng nhận được những siêu lợi nhuận bằng việc bán đổ bán tháo các nguồn dự trữ tài nguyên hoặc chiếm đoạt kết quả lao động của các nhà sản xuất thực thụ.

Nguy hiểm hơn cả là các tội phạm kinh tế gây thiệt hại cho nền kinh tế đất nước nói chung, thông thường, các tội phạm này thường diễn ra vào các thời điểm thông qua các quyết định chính trị không đúng đắn ở cấp các đạo luật, các nghị định của Chính phủ, các sắc lệnh của Tổng thống làm thay đổi căn bản hoạt động kinh tế trong xã hội. Song thông thường, các nhà báo ít khi lưu ý đến việc điều tra nguyên nhân và hậu quả của những quyết định sai lầm về chính trị-kinh tế ở mức này. Thông thường đối tượng điều tra của họ là những sai

lầm và tội phạm kinh tế được thực hiện do các quyết định và hành động của các cán bộ các ngành, xí nghiệp riêng biệt gây ra...

Thiệt hại đối với nền kinh tế có thể do nhiều các biện pháp rất khác nhau gây ra. Việc phát hiện các biện pháp đó thường là mục tiêu cơ bản của các hoạt động điều tra báo chí. Dưới đây là một ví dụ giúp chúng ta hình dung ra công tác điều tra tội phạm kinh tế. Với mục tiêu này, nhà báo Mácxim Blantơ đã đăng bài viết "Giải quyết theo tinh thần anh em. Cuộc chiến tranh giữa các tập đoàn. Sự kiện năm 2001", trong đó, nhà báo muốn làm rõ các nguyên nhân nảy sinh xung đột giữa " Nhôm Nga" và Công ty đầu tư luyện kim (MIKOM), vai trò của những người đứng đầu các công ty này - Ôlếch Deripaxca và Mikhain Givilô trong cuộc xung đột này và viết về thiệt hại kinh tế gây ra cho ngành công nghiệp luyện kim do kết quả quản lý của các tập đoàn.

TAI TIẾNG

Cuộc tranh giành giữa tập đoàn "Nhôm Nga" và MIKOM càng về cuối càng quyết liệt. Những nhân vật chống đối Ôlếc Deripaxca và Mikhain Givilô cáo buộc nhau tiến hành các hoạt động kinh doanh không trong sạch và những tội lỗi khác. Báo chí đã nhảy vào cuộc và sử dụng các nguồn tài trợ của chính quyền. Hiện khó có thể xác định lý lẽ của bên này hoặc bên khác đúng ở

mức độ nào. Có thể các phiên toà tới sẽ xác định được ai đúng ở điểm nào, ai sai ở điểm nào.

KẺ ĐỘC ÁC HAY NẠN NHÂN

Ngày 22-2, Chủ tịch MIKOM Mikhain Givilô đã bị bắt tại Paris. Nhân vật này bị Tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol) truy tìm từ tháng 10 năm trước vì bị tình nghi âm mưu tổ chức cuộc ám sát Aman Tulép, cựu Tỉnh trưởng tỉnh Kemerôvô khi đó. Theo giả thuyết chính thức, Mikhain Givilo có kế hoạch trả thù Tulép vì việc MIKOM mất quyền kiểm soát các nhà máy quan trọng trong khu vực.

Công ty "Năng lượng Cudơbát" và Liên hợp luyện kim Cudơbát được đặt dưới sự quản lý từ bên ngoài. Cuối cùng, thiệt hại nặng nề nhất là Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki phải phá sản và phải chuyển cho nhóm "Nhôm Xibiri" nằm trong tập đoàn "Nhôm Nga" kiểm soát hồi tháng 3 năm ngoái.

Đầu tháng 4, toà án Pháp phải quyết định việc dẫn độ người lãnh đạo MIKOM cho các cơ quan bảo vệ pháp luật Nga. Mặc dù phía Nga tin tưởng rằng việc dẫn độ chỉ còn là vấn đề thời gian. Hồi tháng 9 năm ngoái, ngay sau khi đến Paris, Givilô đã đề nghị được tị nạn và tuyên bố vụ ám sát ông Tulép là sự bịa đặt nhằm mục tiêu cuối cùng là loại ông khỏi cuộc tranh giành Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki.

SẮP XẾP

Tập đoàn "Nhôm Nga" (của Rusan) được thành lập mùa Xuân năm 2000 bởi các cổ đông "Dầu Xibiri" (Rôman Abramôvích) và tập đoàn "Nhôm Xibiri" (Xiban), trong đó, cổ đông chính là Mikhain Trécnôi, Iscanđec Makhmudốp và Ôlếch Deripaxca. Trên thực tế, Rusan kiểm soát toàn bộ các nhà máy nhôm lớn nhất của Nga như Bratxki, Craxnôiaxki, Xianxki, Nôvôcudơnetxki, ngoài ra, các nhà máy nhôm ở Tátgikixtan và Adécbaigian cũng thuộc ảnh hưởng của Rusan. Tập đoàn này còn kiểm soát hai nhà máy sản xuất ôxít nhôm Atrinxki và Nicôlaiépxki (Ucraina); một số nhà máy chế biến nhôm, cho tới xí nghiệp hàng không Samara "Aviacôr", nhà máy Goócki. Hiện đang diễn ra cuộc tranh giành VAZ.

Bên cạnh Xiban, Mikhain Trécnôi và I.Makhmudốp đang kiểm soát một loạt nhà máy của ngành than thuộc tập đoàn "Than Cudơbát", một số liên hợp luyện kim (trong đó có liên hợp luyện kim Cudơbát), các công ty khai khoáng và luyện khoáng. Họ còn nắm công ty khai thác mỏ kim loại uran đứng thứ hai sau nhà máy "Niken Nôrinxki" - nhà máy sản xuất đồng.

Các luật sư Pháp sẽ dựa vào đơn khiếu kiện do 3 công ty thuộc anh em của Mikhain và Givilô đệ lên toà án Niu Yoóc, có quan hệ đối tác chặt chẽ với Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki.

Đơn khiếu kiện được đệ lên hồi tháng 12-2000, 3 tháng sau khi Mikhain Givilô đề nghị được tị nạn tại Pháp, hai tháng sau khi Viện kiểm sát Nga tuyên bố ông bị truy nã thông qua Interpol.

Trong tuyên bố của mình, các nguyên đơn khẳng định rằng nếu việc phá sản xảy ra, công ty của anh em Givilô sẽ thiệt hại khoảng 900 triệu USD. Khoản tiền này bao gồm cả phần nguyên liệu chưa thanh toán lẫn những phần đã thanh toán song chưa thực hiện việc cung cấp nhôm do phá vỡ hợp đồng. Người ta gọi các công ty "Nhôm Nga", "Nhôm Xibiri" và các công ty có quan hệ với các công ty này, cùng Mikhain Trécnôi và Ôlếch Đeripaxca là bị đơn. Đơn khiếu kiện khiến người ta nghĩ đến Anatôli Trubaixơ và tỉnh trưởng tỉnh Kêmerôvô Aman Tulép. Phần lớn trong đơn khiếu kiện người ta dành phần nhiều nói về lịch sử của nhà máy và quan hệ giữa MIKOM với các bị đơn. Đặc biệt, trong đơn đã khẳng định việc Mikhain Trecnôi lợi dụng quan hệ của mình với nhóm tội phạm Idơmailốpxcơ (cách gọi một số nhân vật có uy tín như Antôn Malépxki và Ivancô), đã nhận từ Givilô nhiều triệu USD dưới dạng tiền trả cho việc "bảo trợ". Mặt khác, số tiền này được chuyển thông qua các ngân hàng Mỹ. Trong quá trình tranh giành nhà máy nhôm Craxnôiarơxcơ, Mikhain Trécnôi dường như đã thuê ám sát một doanh nhân người Mỹ Phelích

Lvốp (vụ ám sát công dân Mỹ này và sử dụng hệ thống tài chính Mỹ để chuyển tiền đã trở thành cơ sở để kiện lên toà án Mỹ).

Đơn khiếu kiện nêu rõ vụ ám sát Lvốp, sau này trở thành chứng cứ bổ sung cần phải vạch mặt Givilô và số phận của ông ta ra sao nếu các khoản tiền này bị ngừng? Vụ việc này không chỉ hạn chế ở những vụ đe dọa, hồi tháng 3-1996, đã xảy ra vụ mưu sát người đứng đầu MIKOM, sau đó, dường như Trécnôi tuyên bố với một nhà doanh nghiệp rằng âm mưu tiếp theo có thể sẽ thành công hơn. Vào cuối năm 1999, các bị đơn cuối cùng đã quyết định giành lại nhà máy cho mình. Để làm được điều này, theo các nguyên đơn, người ta đã mua chuộc Tulép, người đã gây áp lực đối với toà án trọng tài địa phương trong quá trình xem xét vụ phá sản Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki, và sau đó biến nó thành một vụ tự sát.

ĐÃ CÓ THỂ CÓ HÒA BÌNH

Có giải thuyết cho rằng sau khi nhà máy bị phá sản, Mikhain Givilô thực tế đã cam chịu với thất bại và sẵn sàng bán cho Rusan 66% cổ phần của các xí nghiệp thuộc MIKOM. Việc còn lại là phải thỏa thuận về giá cả. Givilô cũng đã thực hiện bước tiến đầu tiên cho việc này sau khi bán cổ phần cho doanh nhân nổi tiếng Grigôri Lutranxki để lấy 30 triệu USD và sau đó

bán lại cho Rusan. Khoản tiền bán một nhà máy có thể sản xuất khối lượng sản phẩm trị giá 50 triệu USD/tháng (nếu tính theo giá thế giới) thật là đáng nực cười. Điều đáng nói là ở chỗ sau khi bán cổ phần của Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki, Givilô đã để lại khoản nợ tín dụng của nhà máy cho công ty của mình. Lúc này, khi đòi thanh toán các khoản nợ, nhân vật này khởi tố vụ kiện chống Nhà máy nhôm Nôvôcudơnetxki và không cho phép nhà máy của những người chủ mới hoạt động hết công suất.

Trong bài phỏng vấn tờ "Thương gia", Lutranxki đưa ra giả thiết về việc "Misa dựng lên câu chuyện đầu độc Tulép, trong đó, ông ta là một trong số những nghi can chính. Ông ta cho rằng tất cả những điều đó do Đeripaxca tổ chức và rằng tôi đứng về phía Đeripaxca. Tôi không liên quan gì đến điều này và không cho rằng điều này cần thiết cho Ôlếch".

Mặc dù phần lớn những bài viết này dành để mô tả cuộc đấu đá giữa các tập đoàn, nội dung chủ yếu của nó là ở chỗ tác giả phát hiện các nguyên nhân dẫn tới những thiệt hại to lớn về kinh tế đã gây ra cho các xí nghiệp đã nêu trên của nền công nghiệp Nga. Khi nghiên cứu tình huống xảy ra, tác giả sử dụng các biện pháp đa dạng nhất để thu nhận thông tin - phỏng vấn, phân tích các tài liệu, v.v.. Do các thông tin quan trọng hơn cả bị giấu giếm rất kỹ, những tang

chứng vật chứng chỉ có đầy đủ ở các cơ quan bảo vệ luật pháp mà nhà báo cần phải quan hệ chặt chẽ với các cơ quan đó. Đặc biệt, xét theo nội dung bài báo viết về cuộc nói chuyện của ông ta với Chủ tịch Toà án trọng tài tối cao V.Yacốplép cũng hợp tác với tòa án Mỹ mà cụ thể là toà án New York - nơi các công ty của anh em Givilô đã đệ đơn kiện. Sự hợp tác này đã mang lại cho nhà báo những thông tin quý giá hơn cả. Nhà báo nghiên cứu thật kỹ lưỡng các tài liệu liên quan đến nguyên nhân đưa đơn kiện cũng như nội dung của đơn kiện đó. Theo nội dung đơn kiện, do việc cố ý làm các công ty của anh em Givilô bị phá sản đã gây thiệt hại 900 triệu USD. Khi phân tích những đơn kiện này, tác giả đã phát hiện ra sự tham gia vào vụ kiện cáo của các nhân vật như A.Chubaixơ và A.Tulép. Nhà báo cũng phát hiện ra rằng những trùm tài phiệt liên hệ chặt chẽ với thế giới tội phạm đặc biệt là những nhân vật khét tiếng như Antôn Malépxki và Ivancô mà đã từng nhận từ Givilô hàng triệu USD cho việc bảo kê.

Đáng ghi nhận rằng tác giả đã không chỉ phân tích các tư liệu liên quan đến vụ kiện mà còn nghiên cứu cả những tài liệu mật về vụ án này. Tác giả còn nghiên cứu các bài báo về đề tài điều tra trong một khoảng thời gian khá dài. Các bài báo này được đăng trên các báo trong nước Nga cũng như nước ngoài (báo *"Thương*

nhân", tạp chí "*Newsweek*". Bằng cách đó tác giả đã đưa vào nội dung bài viết của mình một lượng lớn thông tin đối nghịch và mang nhiều ý nghĩa. Song tất cả các thông tin đó đều cho phép tác giả tạo nên một bức tranh khá khách quan về diễn biến của các sự kiện. Kết quả là các độc giả có thể tương đối dễ dàng nhận ra những nguyên nhân gây xung đột giữa hai "trùm tài phiệt" Đeripaxca và Giuvilô - cả hai đều mong muốn thừa hưởng gia tài của MIKOM. Chính khát vọng này là động cơ dẫn đến hành động cố ý làm phá sản một số các công ty của M.Giuvilô và em của ông là Yuri, mưu sát hại ông Aman Tulép, Tỉnh trưởng vùng Kemerôvô, việc bắt giữ Giuvilô tại Pháp, và vụ giết hại một thương gia người Mỹ Phelích Lvốp, việc sử dụng hệ thống tài chính Hoa Kỳ để "rửa" tiền, cùng việc đệ đơn kiện hai công ty khai thác nhôm "Ruski" và "Sibiri" lên toà án Mỹ và v.v..

Do đối tượng điều tra (cũng như nhiều sự kiện khác liên quan đến kinh tế) có tính chất tương đối phức tạp, tác giả cố gắng trình bày một cách tóm tắt và với mục đích này đã đưa vào bài viết của mình cái gọi là "tường thuật tóm tắt" - báo cáo ngắn cung cấp cho người đọc lượng thông tin tối thiểu cần thiết để họ có thể tập trung vào bản chất của sự việc. Ngoài ra, tác giả còn dùng lối văn kể chuyện để miêu tả các sự kiện xảy ra, nguyên nhân và hậu quả của chúng. Làm như

vậy tác giả không chỉ trình bày kết quả của công việc mình đã tiến hành để thu thập thông tin mà còn đưa ra các kết luận nhất định và những dự báo của mình. Tác giả cho rằng cho dù cuộc xét xử đã kết thúc, Công ty khai thác nhôm "Ruski" trong bất cứ trường hợp nào cũng phải chịu tổn thất lớn về mặt kinh tế cũng như uy tín. Và đây chính là giá trị điều tra của nhà báo đối với xã hội.

ĐIỀU TRA CÁC VỤ THAM NHŨNG

Các nhà báo có thể làm sáng tỏ các để tài về tham nhũng cũng như các đề tài khác bằng cách sử dụng các phương pháp và thể loại khác nhau: đăng tải thông tin về các vụ bắt giữ người của các cơ quan hành pháp do nghi vấn về việc nhận hối lộ, bình luận quá trình xét xử những người tham nhũng, phê bình sách viết về các vấn đề của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đăng tải kết quả những bài báo cáo và phóng sự từ các cuộc họp Quốc hội bàn về nạn tham nhũng, v.v.. Tuy nhiên, những đóng góp thiết thực nhất vào cuộc chiến chống loại tội phạm này lại là các cuộc điều tra do các nhà báo tiến hành.

Có thể kể ra một số các cuộc điều tra thành công được thực hiện trong thời gian gần đây làm ví dụ, như bài báo điều tra của Mác Đâycha dưới đầu đề "Các mối quan hệ nguy hiểm. Viện trưởng Viện Công tố ngoài vòng pháp luật"

(*Thanh niên Mátxcơva*, 1999, 12/05) nói về các mối quan hệ của nguyên Viện trưởng Viện Công tố Liên bang Nga với giới tội phạm; bài phát biểu của Maria Griđneva "Côxukhin, hãy làm một con người!" (*Thanh niên Mátxcơva* 2001, 31/01) về các mối quan hệ tham nhũng của một cán bộ với những tên lừa đảo; bài viết của Éghêni Tônxtôi "Lại "một dự án thế kỷ": Hợp đồng hạt nhân" (*Tuyệt mật*, 2001, số 5), bài điều tra vụ tham nhũng ở Bộ Năng lượng nguyên tử (Minatom) Liên bang Nga, v.v..

Các cuộc điều tra của giới báo chí có giá trị như một công cụ chống tệ nạn tham nhũng chính là đặc thù của loại hình hoạt động này. Loại hình báo điều tra đã thể hiện rõ nét hơn cả đặc tính của ngành báo chí là công cụ gián tiếp kiểm soát xã hội, vũ khí chiến đấu chống mọi căn bệnh (trong đó có bệnh tham nhũng) đã làm xói mòn xã hội Nga hiện nay. Đặc thù điều tra của giới báo chí, một trong những công cụ chống tham nhũng, được nhận ra bởi những đặc điểm của đối tượng điều tra và các mục đích cũng như phương pháp điều tra.

Đối tượng điều tra của giới báo chí trong trường hợp này đôi khi được gọi là nạn tham nhũng xã hội "nói chung". Tuy nhiên "đối tượng" này khó có thể được nghiên cứu một cách thực sự trong quá trình điều tra của giới báo chí. Thực tế và vừa sức hơn đối với một nhà báo là điều tra

các biểu hiện tham nhũng đơn lẻ. Chính từ kết quả thu được qua các điều tra đơn lẻ như vậy có thể có được một bức tranh toàn cảnh về nạn tham nhũng trong xã hội và những kế hoạch có thể đối phó với căn bệnh xã hội đáng sợ này.

Vậy hiện tượng tham nhũng có thể trở thành đối tượng điều tra của các cuộc điều tra báo chí có đặc điểm gì? Đáng tiếc là tại thời điểm này chưa có một định nghĩa rõ ràng về tham nhũng vì ở nước Nga luật về tham nhũng vẫn chưa được thông qua (12-2001). Tuy nhiên, khái niệm tham nhũng được định nghĩa trong luật pháp có thể bao gồm các hoạt động tội phạm được nêu trong các điều khoản của bộ luật Liên bang Nga như sau:

- Điều 285. Lạm dụng chức quyền;
- Điều 286. Vượt quá thẩm quyền;
- Điều 290. Nhận hối lộ;
- Điều 292. Giả mạo chức vụ.

Mỗi hành vi phạm tội trên (và cũng có thể hành vi nào đó khác) có thể đặc biệt trở thành vấn đề nóng bỏng cho các cuộc điều tra của giới báo chí. Tính thời sự nóng bỏng của hiện tượng này nằm ở chỗ tham nhũng là một nhân tố tạo điều kiện gây nên những căn bệnh xã hội khác nhau, vì khi đó, trong xã hội những đòi hỏi của luật pháp không được thực thi. Đây chính là lý do giải thích vì sao cuộc chiến chống tham nhũng là mục tiêu hàng đầu trong hoạt động của

các nhà báo điều tra.

Cần hiểu rằng các biểu hiện tham nhũng trước hết gắn liền với hoạt động của các quan chức các cấp, các ngành khác nhau. Năm 2000, Hiệp hội các nhà báo Nga công bố cuộc thi chọn các bài báo điều tra tham nhũng xuất sắc nhất, đã đề xuất chọn bài theo ba nhóm đề tài sau:

1. Tham nhũng trong các cơ quan quyền lực liên bang.

2. Tham nhũng trong các cơ quan quyền lực địa phương và các cơ quan tự trị.

3. Tham nhũng trong giới "thường dân".

Phân loại báo điều tra theo cấp hoạt động mà các tội tham nhũng được thực hiện không phải ngẫu nhiên, bởi vì kẻ tham nhũng ở các cấp càng cao thì nhà báo càng có nhiều khó khăn trong việc tiến hành điều tra, càng đòi hỏi cao hơn về nghiệp vụ, đòi hỏi có mối quan hệ rộng để có thể tiến hành điều tra có hiệu quả.

Thông tin về vụ tham nhũng này hay tham nhũng khác đòi hỏi người làm báo điều tra phải có phản ứng ngay, thâm nhập vào hoàn cảnh tuỳ theo khả năng cho phép, "lần theo các dấu vết nóng hổi nhất" để làm sáng tỏ nguyên nhân, cách thực hiện các hành vi phạm tội, cách xét xử hành vi phạm tội đó và những hậu quả nó để lại cho xã hội. Những thông tin như vậy rất cần thiết cho bất cứ xã hội nào, bởi vì nếu thiếu nó thì không thể có được các cuộc chiến khôn ngoan

để cải thiện tình trạng của xã hội. Giữ trong "tầm ngắm" hoạt động của các quan chức và các cơ quan quyền lực, các nhà báo bằng cách đó đã thực hiện vai trò kiểm soát thường xuyên đối với bộ máy nhà nước, không cho phép bộ máy này cả gan ăn bám, đục khoét xã hội.

Trong bất cứ trường hợp nào, khi điều tra tham nhũng, nhà báo không được quên rằng đối tượng quan tâm của mình phải phù hợp với những chức năng quan trọng mà chính nghề báo được kêu gọi đảm nhiệm trước xã hội. Điều này có nghĩa là, người làm báo có trách nhiệm không chỉ đưa tội ác ra ánh sáng (mặc dù đây cũng là nhiệm vụ hàng đầu của các cơ quan hành pháp), mà còn phải khôn ngoan chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến các hành vi tội ác đó, cơ chế xã hội tạo môi trường cho tội ác này phát triển, ai gây ra tội ác và điều gì cản trở việc tiêu diệt tận gốc tội ác đó.

Điều chắc chắn là nếu người làm báo chỉ biết rằng nạn tham nhũng đang gia tăng trong xã hội thôi thì chưa đủ để viết các bài báo điều tra về đề tài này. Để làm được điều này cần thiết phải có những "nguồn" thông tin nào đó cụ thể hơn. Nói cách khác, đầu tiên cần phải có những tư liệu về việc ai đó (cá nhân hoặc một nhóm người) có dính líu vào tham nhũng. Các tư liệu này cần phải được thẩm tra xem chúng có phù hợp với thực tế hay chỉ là những thông tin giả

mạo. Các thông tin này xuất hiện như thế nào? Đôi khi những thông tin đó thu được từ các cuộc tìm kiếm "tù mù" do tính tò mò các tin tức về đề tài tham nhũng (như đọc sách, báo, tạp chí, xem phim tài liệu, chương trình truyền hình...). Nhưng thường xuyên hơn, các địa chỉ cụ thể được tiết lộ bằng các cú điện thoại gọi đến hoặc các bức thư gửi đến toà soạn. Một cách khác có thể giúp nhận được thông tin về các vụ tham nhũng là tiến hành các cuộc thăm dò dư luận. Các nhà xuất bản, có nhà báo điều tra làm việc, có thể cho in các phiếu thăm dò, và các trả lời sau đó có thể khiến nhà báo tình cờ có được địa chỉ xác định cho cuộc tìm kiếm tiếp theo.

Nắm được các thông tin đầu tiên về một biểu hiện tham nhũng, nhà báo ít nhất cũng phải ước đoán được nhiệm vụ cụ thể tiếp theo của cuộc điều tra. Để làm được điều này, nhà báo trước hết cần phải xác định lĩnh vực và giới hạn hoạt động của các nhân vật có các hành vi rơi vào tội danh tham nhũng. Sau đó từ những khả năng thực tế trong các trường hợp cụ thể, người làm báo cần phải "hướng" (cụ thể hoá) các mục tiêu chung của điều tra chống tham nhũng sao cho có thể "thu hẹp" chúng ở mức có thể thực hiện được. Các mục tiêu như vậy có thể bao gồm:

1) Vạch mặt *chính xác* những kẻ nhúng tay vào hoạt động tham nhũng;

2) Miêu tả *cơ chế* hoạt động;

3) Xác định *các động cơ* khiến những kẻ đó phạm tội;

4) Xác minh những *nguyên nhân xã hội* của các biểu hiện tham nhũng đang được điều tra;

5) Dự đoán *những hậu quả có thể xảy ra khi tình hình tội phạm phát triển.*

Nhà báo có thể đặt ra nhiệm vụ thực hiện tất cả các mục tiêu này, nhưng cũng có thể chỉ dừng lại ở một số mục tiêu hoặc thậm chí chỉ một mục tiêu. Tất cả sẽ phụ thuộc vào các bằng chứng mà anh ta có trong tay, cũng như phụ thuộc vào hàng loạt các nguyên nhân khác mà chỉ chính tác giả hoặc người biên tập của anh ta biết đến. Các mục tiêu của bài báo điều tra sẽ đạt được nhờ áp dụng các phương pháp thích hợp tương ứng với từng giai đoạn của quá trình "phát hiện". Cuộc điều tra của giới báo chí về một vụ tham nhũng cụ thể cũng như điều tra về các vụ việc khác luôn bao gồm nhiều giai đoạn "phát hiện" như vậy. Trong đó quan trọng nhất là các giai đoạn đưa ra giả thuyết và kiểm chứng giả thuyết.

Bây giờ chúng ta sẽ cùng xem để biết một bài báo điều tra cụ thể về chủ đề tham nhũng sẽ như thế nào. Bài báo có tựa đề "Lại một dự án thế kỷ: hợp đồng hạt nhân" của Épghêni Tônxtôi:

"Các nhân vật tiến gần đến "gia đình" (chỉ gia đình Tổng thống Enxin) quyền lực phải mất 5

năm để vượt qua các trở ngại trên con đường dẫn tới những "đồng tiền lớn". Tiền đã hiện ra xa nơi chân trời khoảng giữa những năm 1990: 2 tỷ USD! Để có được số tiền này Nga phải nhập vào 2000 tấn chất thải hạt nhân. Nhưng Điều 50 của Bộ luật "Bảo vệ môi trường", "nghiêm cấm chở vào nước Nga các chất thải và các nguyên liệu hạt nhân từ các quốc gia khác với mục đích lưu trữ và chôn lấp", đã cản đường vụ làm ăn này. Lúc đầu "sự bất đồng" trong lĩnh vực bảo vệ thiên nhiên, được giải quyết bằng "mệnh lệnh của Tổng thống". Năm 1995, Enxin đã đến thăm một trong những trung tâm hạt nhân Krasnoarơxcơ - 26, và sau chuyến thăm này Bôrít Nicôlaiêvích đã ký một chỉ thị cho phép xây dựng các hố chôn lấp chất thải hạt nhân trên lãnh thổ nước Nga. Bôrít Nicôlaiêvích đã hành động theo nguyên tắc: "Nếu không được phép, nhưng rất muốn thì vẫn có thể". Nhưng toà án tối cao đã dũng cảm bảo vệ luật pháp và huỷ bỏ mệnh lệnh của Tổng thống. Theo đánh giá của "gia đình" Enxin, sự mất mát trong vụ này cũng không nhiều. (Hãy nhớ lại vụ mất thẻ tín dụng MVF trị giá 4,5 tỷ USD!). Vì thế Chủ tịch Toà án tối cao vẫn còn được tại chức, chỉ người đứng đầu MINATOM Víchto Mikhailốp là bị cho thôi việc. Có lẽ vì không biết cách thuyết phục ...

Với sự can thiệp của Bôrít Bêrêdôxki, giám đốc Viện nghiên cứu và thiết kế kỹ thuật năng lượng

thuộc MINATOM Épgêni Ôlêgôvích Ađamốp đã được bổ nhiệm thay thế vị trí của Víchto Mikhailốp. Ông này có thể được giao một công việc mang tính "tế nhị" ở cấp quốc gia bởi vì những công việc như vậy ở cấp Viện khi được giao cho ông vào năm 1986, ông đều hoàn thành tốt.

NIKIET (tên viết tắt của Viện) đã được ghi vào danh sách các đối tượng chính thức của hệ thống MINATOM của Nga. Địa chỉ của Viện này không hề có trong các tài liệu, giấy tờ được công bố, mọi giao dịch đều thực hiện qua hòm thư! Thế nhưng ngài Ađamốp không phải tình cờ được chọn vào giới các quan chức thân cận của Enxin. Nguyên tắc hoạt động chính của ông ta cũng là "Nếu không được phép, nhưng rất muốn thì vẫn có thể".

Ngày 6-11-1990 theo chỉ thị của Ủy ban chấp hành Tổ chức phi chính phủ "Diễn đàn các nhà khoa học và chuyên gia ủng hộ đối thoại Xô - Mỹ" với mục đích phát triển... củng cố... đào tạo... giải quyết các vấn đề toàn cầu vì lợi ích của nhân loại đã thành lập một cơ quan "diễn đàn..." dưới tên gọi "ENERGOPOOL" mà Épgêni Ađamốp được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc. Có thể chẳng có gì đặc biệt trong vụ việc này nếu như "ENERGOPOOL" không được đăng ký theo địa chỉ của NIKIET!

Sau 3 năm vào tháng 1-1993, tại Molrovil (bang Pensinvania, Mỹ) ENERGOPOOL Inc. đã

được đăng ký (Giám đốc điều hành - E.Ađamốp, thư ký - M.Kausanxki, công dân Mỹ, thủ quỹ - E.Ađamốp). Giữa M.Kausanxki cùng những người bạn Mỹ và Giám đốc của NIKIET, E.Ađamốp, có quan hệ công việc rất mật thiết. Tháng 3-1998 cũng tại Molrovil một công ty phi thương mại RINSE Ltd được thành lập (cũng giống như nhiều công ty khác!) Thư ký lại là M.Kausanxki. Công ty này được đăng ký tại Mỹ theo địa chỉ nhà của M.Kausanxki, còn ở Nga được đăng ký theo địa chỉ của Viện NIKIET.

Mùa hè năm 2000 tại thành phố Rôxtốp trên sông Đông, ở một trong những cơ sở của MINATOM, được chính phủ xếp vào danh sách các doanh nghiệp mang tính chiến lược (!) đã thành lập một chi nhánh của hãng NEK Contineltal Corp. (Chủ tịch - Iuri Elglin, Giám đốc điều hành - Naum Alper, kế toán - M.Kausanxki). Chẳng có gì đáng ngạc nhiên bởi vì giữa công dân Mỹ M.Kausanxki và E.Ađamốp đã có mối quan hệ gần như là "ruột thịt". Năm 1997, OMEKA Ltd đăng ký văn phòng đại diện theo địa chỉ nhà của vợ E.Ađamốp - O.Pinchuc Kausanxki. Theo các tài liệu của công ty, được biết công ty này cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực tư vấn và quản lý cũng như các hoạt động đầu tư.

Chúng tôi không đưa ra các thông tin về những đóng góp của vô số các hãng "Ađamốp"

vào sự phát triển của ngành năng lượng hạt nhân Nga. Có những thông tin khác như công ty "tư vấn" OMEKA Ltd. (Chủ tịch E.Ađamốp) đã cung cấp cho NIKIET(giám đốc - E.Adamov) thảm và keo dán trị giá 34.000 USD. Cho đến nay "công ty" vẫn tiếp tục cung cấp cho NIKIET các thiết bị máy tính trị giá gần 50.000 USD mỗi năm.

Tuy vậy đây chỉ số tiền nhỏ mọn có thể công bố rộng rãi mà không hề ngại ngùng! Épgêni Ôlêgôvích vào năm 1996 khi nộp đơn yêu cầu cấp thẻ thành viên của Diner Club (tại Denvor, bang Colorado) đã kê khai như sau: Thu nhập cá nhân từ hoạt động của OMEKA là hơn 40.000USD/năm và thu nhập hàng năm từ các nguồn khác không chịu thuế tại Mỹ là trên 80.000USD. Chắc là các khoản của công ty vào cuối năm 1999 là hơn 5 triệu USD không bao gồm các khoản của ông ta. Trong số tiền đó, 3.150.000 USD thuộc về E.Ađamốp còn 1.500.000 USD thuộc về vợ của ông ta - Ô.Pinchuk và 410.000 USD thuộc về M.Kausanxki.

Chính công ty OMEKA Ltd, đã mở tài khoản trị giá 250.000 USD tại Thụy Sĩ, nơi có con gái của E.Ađamốp với người vợ thứ 2 đang học. Công ty cũng trả tiền cho gia đình Ađamốp mua nhà riêng trị giá 200.000 USD tại Pitsburg.

Nhưng chưa hết! Hàng tháng kể từ tháng 7-

1999 Vụ quan hệ quốc tế của MINATOM Nga (Bộ trưởng - E.Ađamốp) chi trả cho công ty OMEKA (Chủ tịch - E.Ađamốp) 7.500 USD cho "các dịch vụ tư vấn"! Khoản chi nhỏ nhưng cũng rất "vui vẻ"...

Cuối tháng 8-2000 tài khoản của công ty ENERGOPOOL (công ty được thành lập với mục đích "giải quyết các vấn đề toàn cầu vì lợi ích của nhân loại") có trên 1.700.000 USD. Từ tài khoản này, thông qua công ty OMEKA, chuyển sang tài khoản của Công ty "LOGIC-REALITY" do vợ của Ađamốp mở, và sau đó thực hiện chi trả tiền mặt từ 10 đến 100 nghìn USD cho lãnh đạo của MINATOM Nga và NIKIET. Khoản chi trả cho Ađamốp làm Chủ tịch Công ty ENERGOPOOL trị giá 30.000 USD được ghi vào tài khoản cá nhân của ông tại chi nhánh Ngân hàng "MELONI" ở Molrovil. Qua công ty Agloski International Ltd. (Tại Nise - Pháp). Công ty toàn cầu OMEKA đã đều đặn chuyển lượng ngoại tệ lớn (lên tới 250.000 USD) vào tài khoản của các nhân vật mà danh tính được giữ bí mật tại các ngân hàng nước ngoài khác.

Không ngoại trừ việc chính những nhân vật "không rõ danh tính" này đã nhắm mắt làm ngơ trước các hoạt động của Ađamốp trong việc xuất khẩu bất hợp pháp công nghệ, thông tin khoa học kỹ thuật, nguyên liệu sử dụng để chế tạo vũ khí huỷ diệt hàng loạt!

Một điều dễ hiểu ở đây là một mình Épgêni Ôlêgôvích không thể đủ khả năng nghĩ ra và thực hiện các thủ đoạn hoạt động mang lại lợi nhuận lớn như vậy. Cần phải có "người của mình" không chỉ trong hàng ngũ quan chức cấp cao để che chắn vả đảm bảo quyền bất khả xâm phạm thân thể và tài chính, mà còn cần có cả một đội lãnh đạo trực tiếp nắm giữ các vị trí then chốt của ngành năng lượng nguyên tử Nga. Tiêu chuẩn chính để để được tham gia vào đội ngũ lãnh đạo này là trung thành và ... không có năng lực và cũng không quan trọng là dưới quyền của các lãnh đạo trực tiếp là hàng chục cán bộ đã để xảy ra vụ Trécnôbưn. Không có năng lực - là sự đảm bảo cho mệnh lệnh được thi hành.

Năm 1998, theo yêu cầu của Ađamốp, Tổng giám đốc tổ hợp "RosEnergoAtom" E.Ignatencô phải từ chức. Ignatencô đã lãnh đạo việc tổ chức và vận hành 8 trong số 9 nhà máy điện nguyên tử đang hoạt động trên lãnh thổ nước Nga. Và Ađamốp đã ra lệnh bổ nhiệm một thương gia 37 tuổi người Nôvôxibia, L.Mêlamét, vào vị trí của Ignatencô.

Khi Mêlamét chuyển sang làm Phó Giám đốc điều hành thứ nhất của RAO "EES Rusia", vị trí của anh ta được thay thế bằng Iu.Yacốplép, một nhà kinh tế mà trong thời gian gần đây đã từng làm Phó Giám đốc điều hành Ngân hàng thương mại cổ phần, Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm

cổ phần Mátxcơva "MAKS"!

Sự bổ nhiệm này không phải tình cờ. Sự việc diễn ra vào tháng 2-1999 khi MINATOM đã ký với công ty MASK một thỏa thuận hợp tác cung cấp hỗ trợ tư vấn về bảo hiểm, tài chính và tài trợ mọi chương trình cũng như các hoạt động không chính thức (nhưng vẫn hoàn toàn phải trả tiền). Đây chính là mô hình thử nghiệm khi ngài Bộ trưởng Ađamốp chi trả tiền cho bà Ađamốp Chủ tịch Công ty OMEKA về các "dịch vụ tư vấn" nào đó. Nói theo ngôn ngữ đơn giản của những người điều tra đây được gọi là "luân chuyển tiền ngân sách".

Ađamốp đã chỉ định cựu sinh viên Trường Đại học Xây dựng Kháccốp, M.Xécgiencô, đối tác làm ăn ở công ty "TRANSLUL", "LOGIC-REALITY" vào vị trí lãnh đạo một trong những vụ then chốt của MINATOM (chuyên trách xây dựng các cơ sở hạt nhân). Tháng 2-1999 chức vụ Tổng Giám đốc của "TECHNAB-EXPORT" được giao cho R.Phraistút, một nhân vật chưa bao giờ hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu nguyên liệu hạt nhân. Đến cuối năm dưới sự lãnh đạo của Phraistút, toàn bộ hoạt động xuất khẩu các thiết bị nhiệt hạch được chuyển cho các đối tác nước ngoài - Bungari, Hungari, Slôvakia, Séc, và Phần Lan. Đây là những hợp đồng trị giá nhiều triệu đôla!

Ađamốp đã độc quyền một trong những

nhánh của ngành nguyên tử mang lại lợi nhuận nhiều nhất và đã loại các doanh nghiệp khác như "TVEL" và "Nhà máy chế tạo máy" (thành phố Elektrostal) ra khỏi thị trường (đây là các công ty chuyên nghiệp đã rất thành công cung ứng nhiên liệu hạt nhân ra nước ngoài). Doanh nghiệp "TVEL" do V.Cônôvalốp lãnh đạo từ năm 1996, là người đã từng nắm các chức vụ Thứ trưởng Bộ chế tạo máy hạng trung của Liên Xô, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và năng lượng hạt nhân Liên Xô, Thứ trưởng thứ nhất Bộ năng lượng nguyên tử Nga. Mùa hè năm 2000, Ađamốp đã khởi xướng cuộc họp cổ đông để chấm dứt quyền hành của Cônôvalốp.

Ông này không chỉ với cương vị lãnh đạo doanh nghiệp xuất khẩu nhiên liệu hạt nhân lớn nhất nước Nga đã cản trở hoạt động của Ađamốp trong lĩnh vực tài chính. Năm 1999, ông còn đứng đầu ban giám sát Tập đoàn ngân hàng "Conversbank". Sau những chấn động tài chính xảy ra vào tháng 8-1998 ngân hàng buộc phải tiến hành đợt phát hành cổ phiếu. Nhưng trước khi ban giám sát khẳng định kết quả của đợt phát hành, Ađamốp đã yêu cầu Cônôvalốp phải chuyển giao một phần lớn cổ phiếu của "Conversbank" cho 7 công ty nhóm liên kết thuộc các công ty Mỹ "TKCT" và "Tecxi" có chủ sở hữu là V. Pismenưi - người lãnh đạo Viện nghiên cứu nhiệt hạch và các kỹ thuật mới ở Troiski, thuộc

MINATOM và đồng thời cũng là đối tác tài chính của Ađamốp.

Cônôvalốp đã từ chối Ađamốp...

Ai đã đến thay thế cho Cônôvalốp? Cương vị Phó Chủ tịch thứ nhất của "TVEL" đã được thay thế bằng một sinh viên tốt nghiệp của Học viện quan hệ quốc tế quốc gia Mátxcơva (MGIMO) chuyên "ngành luật". Anh này đã từng làm nhân viên giữ trật tự tại các cơ sở thương mại, sau đó lại tình cờ có tên trong tập đoàn "Nhôm Sibiri". Tập đoàn này dường như sử dụng nhân viên theo kiểu "không là ai cả", lúc đầu là Giám đốc của Hãng chế tạo máy bay "Aviakor - Aviazavod" sau đó là cố vấn Bộ trưởng năng lượng nguyên tử Nga... Bằng một nước đi Ađamốp đã dọn đường cho hoạt động buôn bán nhiên liệu hạt nhân với nước ngoài cũng như trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp của mình. Theo mệnh lệnh của Ađamốp hợp đồng chế tạo nhiên liệu hạt nhân trị giá 12 tỷ USD "VOU-NOU" đã được chuyển từ "ConversBank" sang "MDM-Bank" (Mamut - Abramôvích)!

Có thể đưa ra giả thuyết rằng các vụ việc liên quan đến cổ phiếu của "Convers Bank" đều có một mục đích thay đổi dòng chảy tài chính vào chỗ "cần thiết". Vào chỗ nào? Hãy thử tiếp tục chuỗi lôgíc Mamut - Abramôvích.

Bằng cách đó, ngày hôm nay đã trở nên gần tới "Gia đình". Làm sao có thể để mất cơ hội

"sưởi ấm" bên cạnh hợp đồng trị giá 20 tỷ USD? Hơn nữa, viễn cảnh phải sống cạnh những nấm mồ hạt nhân mà nước Nga có thể sẽ trở thành, là mối đe dọa bất cứ ai trừ những người quyết định về việc chở rác thải hạt nhân vào lãnh thổ của đất nước. Còn có một chi tiết nữa để làm yên lòng những người dân thường: Họ nói rằng việc chở chất thải hạt nhân sẽ không bắt đầu ngày hôm nay hay ngày mai nhưng tiền thì sẽ được trả ngay. Nhưng chính điều này mới là điều đáng lo lắng! Bởi vì đến thời điểm khi các côngtennơ chở nhiên liệu tái chế từ các nhà máy điện nguyên tử nước ngoài vào Nga thì khó mà còn lại những dấu vết của 20 tỷ USD được trả trước, cùng với những dấu vết của những người ăn chia số tiền đó. Chẳng nhẽ câu chuyện kể về cựu Bộ trưởng Ađamốp lại không khẳng định điều đáng lo ngại đó sao? Đúng vậy, Tổng thống Putin đã đưa Ađamốp ra khỏi cương vị lãnh đạo MINATOM Nga. Rất có thể vì các hoạt động không "phù hợp" của Ađamốp. Mặc dù trong chỉ thị không nói về điều này, chỉ đơn giản là Ađamốp thôi giữ chức vụ của mình và chấm hết!

Ở một giai đoạn nhất định, tiểu sử của Ađamốp đã cản trở ông ta thực hiện vụ làm ăn lớn cuối cùng theo sơ đồ "những đồng đô la đổi lấy tương lai của nước Nga". Một con người "đã mất mặt" khó có thể thuyết phục các nghị sĩ về

những triển vọng "tốt lành" của việc chôn lấp các chất thải hạt nhân. Cần một nhân vật "trong sạch, không tỳ vết" không chỉ về mặt chính trị mà còn về các mối quan hệ, thì mọi sự còn lại sẽ ổn. Cơ sở của "hợp đồng hạt nhân" bắt đầu được hình thành trước đấy rất lâu, ngay sau chuyến thăm của Enxin tới Craxnơyarơxcơ-26. Vào tháng 7-1997, Bôrít Nicôlaiêvích Enxin đã ký Chỉ thị số 697 "Về việc bán cổ phiếu chính phủ của công ty cổ phần tổ hợp hoá học "KIROVO-CHEPESKI", loại bỏ doanh nghiệp này ra khỏi danh sách các công ty cổ phần có ý nghĩa chiến lược.

Từ tháng 5 năm ngoái, MINATOM bằng việc sử dụng tài sản của nước Nga đã cố gắng đưa tổ hợp hoá học "KIROVO-CHEPESKI" vào kế hoạch thành lập hãng "RosAtomProm" trong cơ cấu của MINATOM. Để làm được điều này họ đã phải cố gắng bán đấu giá 38% cổ phần cho phép nhà nước kiểm soát tổ hợp đó. Khi xây dựng tổ chức mới của "RosAtomProm" các tác giả đã lập kế hoạch đưa kho lưu trữ chất thải hạt nhân ra khỏi tổ hợp. Có nghĩa là những nấm mồ hạt nhân vẫn thuộc quyền kiểm soát của chính phủ, còn việc sản xuất mang lại lợi nhuận sẽ trao cho doanh nghiệp tư nhân! Còn chính phủ, thậm chí trong trường hợp suôn sẻ theo tính toán của các chuyên gia, sẽ cần phải thực hiện một "dự án thế kỷ"- "Hố rác hạt nhân của phương Tây". Và sẽ không ai có thể dừng

việc này lại được bằng các công cụ luật pháp.

Vào tháng 9-1999 và 6-2000, Chính phủ đã trao quyền cho MINATOM cấp giấy phép không chỉ cho những hoạt động khai thác, sản xuất, thử nghiệm vận hành và sử dụng vũ khí hạt nhân, cơ sở hạt nhân phục vụ mục đích quân sự, mà còn tất cả các hoạt động về việc sử dụng năng lượng hạt nhân vào mục đích quốc phòng. Chính các cơ quan giám sát sử dụng năng lượng hạt nhân an toàn cũng nằm trong tay của những người lãnh đạo MINATOM.

Thật là nực cười về lý luận của các chính trị gia vận động cho việc thông qua đạo luật cho phép chở chất thải hạt nhân vào nước Nga, về "những cơ chế và thủ tục kiểm soát cứng rắn" của chính phủ. Tuy vậy cũng có thể hiểu được họ. Theo lời của một nghị sĩ Đuma quốc gia Igo Actêmốp, một trong những người đứng đầu một đảng phái đã công khai tuyên bố rằng, MINATOM đã cấp 1 khoản tiền lớn cho việc "đảm bảo" cho dự luật về việc chở chất thải hạt nhân vào nước Nga được quốc hội "thông qua".

Trong thời gian chuyến thăm gần đây của Thủ tướng Nga Mikhain Caxianốp tới Thụy Điển, các lãnh đạo của nước này đã bày tỏ mối quan ngại rằng các chất thải hạt nhân trước khi được chở vào nước Nga sẽ phải nằm chờ gần biên giới của Thụy Điển!

Épghêni Tônxtôi

Lời toà soạn:

Các tài liệu thẩm định hoạt động của E.Ađamốp khi còn làm Bộ trưởng của MINATOM vào cuối tháng 2 năm nay đã được Ủy ban quốc hội Nga về việc chống tham nhũng chuyển đến Tổng thống Nga V.Putin, Thủ tướng Nga Caxianốp, Thư ký hội đồng an ninh Nga S.Ivanốp, Giám đốc FSB N.Patrusép. FSB đã khẳng định tính xác thực của báo cáo này. Hiện nay Viện trưởng Viện Công tố Nga đang kiểm tra lại các thông tin nhận được để đưa ra những đánh giá đúng đắn về hoạt động của cựu bộ trưởng E.Ađamốp.

Như chúng ta thấy, bài báo này nói về biểu hiện tham nhũng trong đội ngũ quan chức cấp cao. Điều này có nghĩa là tác giả đã phải vượt qua rất nhiều trở ngại để tìm kiếm thông tin làm sáng tỏ những sự kiện gây căm phẫn, những thủ đoạn được che đậy rất khôn ngoan khỏi tai mắt của xã hội. Những thủ đoạn này đã cho phép các "nhân vật" của bài báo "chuyển" một lượng tiền lớn của nhân dân ra nước ngoài vào những tài khoản cá nhân của những kẻ tham nhũng. Rõ ràng tác giả của bài báo đã sử dụng sự giúp đỡ của giới thạo tin. Những người này đã giúp tác giả đưa ra ánh sáng những quan chức cấp cao tham nhũng. Chính những điều tra như thế này của giới báo chí đã giáng một đòn chí tử vào những kẻ tham nhũng. Vì nó đã cho

bọn thuộc hạ của những kẻ tham nhũng cũng như toàn xã hội thấy được điểm yếu của những kẻ tội phạm có thế lực nhất trong xã hội, cũng như khả năng thành công của cuộc chiến chống tham nhũng của cộng đồng.

ĐIỀU TRA VỀ CÁC VỤ TỘI PHẠM TRONG LĨNH VỰC SINH THÁI

Trong thời gian gần đây, các vấn đề về môi trường sinh thái trở nên rất được quan tâm và thu hút sự chú ý của các nhà báo điều tra. Nhiều bài báo điều tra thú vị và nghiêm túc đã được ra mắt bạn đọc trung ương cũng như địa phương. Trong số này có thể kể đến bài báo của N.Sura "Alabuga" (Quan điểm cởi mở, số 4, 1999), Ô.Ephrêmốp - "Cá chết hàng loạt trên sông. Sự việc có thể sẽ lặp lại" (Người đánh cá ven biển, số 34, 2000), V. Tereskin - "Vùng Tây bắc nước Nga sống trong thùng thuốc súng" (Ghi chép về tài nguyên thiên nhiên, số 13, 2000,) và nhiều bài báo khác.

Tuy nhiên, cũng cần hiểu rằng ngay từ đầu thế kỷ XX các nhà báo Nga đề cập đề tài môi trường sinh thái. Khi đó trong các báo chính trị đã đăng những bài báo về chuyên đề bảo vệ thiên nhiên. Sau khi xuất hiện ấn phẩm chuyên ngành (ví dụ: *Tạp chí Bảo vệ thiên nhiên*) thì chuyên đề môi trường sinh thái luôn xuất hiện trên các báo khác nhau mà trước hết phải kể

đến những bài báo có tính từ "xanh" (Thế giới xanh, Thập tự xanh, Nguồn, Hoà bình xanh ở nước Nga, v.v..). Nhưng chính vào những năm gần đây, bên cạnh những tin vắn, phóng sự, ký sự về hiện trạng môi trường, thì cũng xuất hiện các bài viết điều tra tội phạm sinh thái. Các bài viết kiểu này có tính thời sự trong giới báo chí viết về đề tài sinh thái.

Tội phạm sinh thái là gì? Khái niệm này dùng để nói lên tính chất hoạt động của con người mà những kết quả của chúng có tác động hủy hoại môi trường sống của con người. Tội phạm sinh thái - đây là sự thách thức đối với tồn tại không chỉ của một số nhóm người mà của toàn bộ loài người vì tình trạng môi trường ở nước Nga cũng như trên toàn bộ hành tinh nói chung hiện đang ngày càng trở nên đáng sợ hơn. Báo chí là một trong những công cụ quan trọng nhất của nhân loại để chống lại sự tự hủy diệt về sinh thái.

Đáng tiếc là không chỉ ở thời đại của chúng ta, loài người mới chịu tổn thất sinh thái. Chính phủ các quốc gia khác nhau đã và đang theo đuổi những chính sách vì hiệu quả kinh tế, vì công nghệ chiến tranh hạng nặng gây tổn hại đối với sự ổn định sinh thái, can thiệp thô bạo vào các hệ sinh thái đã được hình thành trong suốt hàng nghìn năm. Các hành động này đã gây ra các tác động mang tính hủy diệt sinh thái đe

dọa gây những hậu quả không thể lường trước đối với tương lai của nền văn minh thế giới.

Tội phạm sinh thái thường được trá hình dưới các dự án tiên tiến, các phương án đầu tư vốn mang lại lợi nhuận, v.v.. Để lột trần bản chất của các dự án như vậy và chỉ ra những hậu quả mà chúng gây ra cho đời sống con người, thì nhà báo điều tra phải nắm được các phương pháp phân tích hiện đại nhất (trong đó có phương pháp khoa học chính xác). Thế nhưng, rất tiếc điều này không thường xảy ra. Việc ít am hiểu về lĩnh vực chuyên môn vẫn còn là một trong những hạn chế nghiêm trọng nhất đối với nhà báo sinh thái, mặc dù trong số họ cũng có các nhà bác học lỗi lạc như viện sỹ A.Iablôcô, T.Zlôtnicốp và nhiều nhà khoa học khác. Trình độ chuyên môn của những con người này cũng như khả năng nghiên cứu và điều tra các trường hợp nguy hiểm trong lĩnh vực sinh thái là tấm gương ngời sáng đối với các nhà báo quyết tâm cống hiến sự nghiệp của mình cho một trong những vấn đề có ý nghĩa đối với xã hội noi theo.

Hiện nay sự thiếu thông tin chính xác và khó khăn trong việc thu lượm thông tin (đặc biệt từ các doanh nghiệp) cũng cản trở công việc điều tra các vi phạm và tội phạm sinh thái. Tuy nhiên, như thực tế cho thấy các nhà báo thường làm sáng tỏ được các vụ vi phạm sinh thái phức tạp nhất, khiến toàn xã hội được biết. Đây

chính là những kinh nghiệm quý cho các nhà báo sinh thái vừa bước vào nghề.

Chúng ta cùng nghiên cứu một ví dụ bài báo điều tra về chuyên đề sinh thái của nhà báo P.Nagêđa "Tai nạn xe lửa ở đường tránh". Sau đây là nội dung bài viết:

TAI NẠN ĐƯỜNG SẮT ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CUỘC SỐNG CỦA CẢ MỘT LÀNG

Vùng đất của những cây liễu rủ bên bờ sông, đó là tên người ta thường gọi nước cộng hoà Chuvasin... quả là như vậy. Ở vùng đất màu mỡ này có đến 2.350 con sông chảy qua với tổng chiều dài gần 9.000 km. Đó là sông Vônga, Xura, Sivin lớn và nhỏ, Cubnia, Bêzơđa, Kira và Bum, và cả Anít, Vula. Phong cảnh đẹp tuyệt diệu, ngoài những rặng liễu rủ là những loài cây cỏ khác mọc tốt tươi bên bờ các dòng sông cùng những bãi bồi bột hoạt thạch. Ở Chuvasin có gần 400 hồ nước nhưng trong những năm gần đây, nước cộng hoà này đã mất đi 50 hồ vì xói mòn và sụt lở. Cả dòng sông Vônga cũng không còn tự hào là nguồn nước sạch nữa. Ở sông này người ta phát hiện ra hầu như tất cả các chất có trong bảng tuần hoàn Menđêlêép: kẽm, đồng, nitơrát, sắt, các sản phẩm dầu mỏ, phốtpho, amoniắc hữu cơ và cả phenôn.

Nguyên nhân nào? Câu trả lời rất đơn giản, chỉ tính ở Chuvasin, tại thủ đô Trebốcxarắc có

54 cống thải xả nước từ hệ thống thu gom nước mưa, điều này có gây ấn tượng không? Xem xét đánh giá tình hình cho thấy nước cộng hoà này đang tồn tại những vấn đề sinh thái nghiêm trọng và nạn này đã xuất hiện từ lâu. Một vấn đề nữa là các cấp chính quyền thành phố cũng như trung ương lại thờ ơ với vấn đề này. Họ không quan tâm giải quyết các vấn đề sinh thái nóng bỏng tại đây.

NGƯỜI HỌ HÀNG GẦN
CHÍNH LÀ KẺ GIẾT NGƯỜI

Câu chuyện hôm nay kể về một tai nạn đường sắt xảy ra tại làng Mưxlét nằm không xa thành phố Sumerly. Trên địa bàn làng này vào năm 1996, đã có 24 toa tàu chở hàng bị lật, trong số đó 13 toa trở nhiên liệu diezen và 3 toa chở phenôn. Ngọn lửa bốc cháy rất mạnh, đến nỗi không chỉ những người dân ở Sumerly, Trebốcxarắc và Canasa nhìn thấy mà những người dân ở làng bên cạnh như Tatarin, Nhide Gorốt cũng có thể nhìn thấy.

Làng Mưxlét còn được gọi bằng một tên khác: đường tránh tàu Mưxlét. Chính tại đường tránh này, vào một buổi sáng sớm đầu tháng 5 đã xảy ra vụ trật bánh tàu chở hàng. Dường như ở các làng thuộc Chuvasin, đường sắt thường đi qua trung tâm của làng. Dân làng ở đây đã sống như vậy hàng chục năm: Người dân thường đi

theo đường tàu, bước trên các tà vẹt vào rừng hái nấm và quả rừng, cũng chính trên các thanh tà vẹt này, trẻ con chạy đến trường, người dân dẫn gia súc đi chăn thả qua đường tàu. Họ đã sống như vậy với đường sắt này như với một người họ hàng thân thuộc, dẫu rằng không dễ chịu cho lắm nhưng dù sao họ vẫn sống bên nhau như vậy.

Trong 5 năm gần đây trên địa bàn nước cộng hoà Chuvasin đã xảy ra vài vụ tai nạn đường sắt. Có 2 vụ trong số đó xảy ra ở những khu vực rất đông dân. Chuvasin là một nơi có mật độ dân số đông đúc. Nước cộng hoà này được phân chia thành 21 khu vực hành chính với hơn 1.700 làng dân cư và 9 thành phố và các làng được xây dựng theo kiểu thành phố, nơi sinh sống của 1.400.000 người. Qua đây thấy được rằng nước cộng hoà này phải chịu sức ép lớn về sinh thái. Trong đó làng Sumerly là chịu ảnh hưởng nhiều hơn cả.

Dân làng đã từ lâu rất thận trọng khi câu cá ở trong những hồ quen thuộc, những loài cá quen thuộc và cá mắt trắng rất dễ thích nghi với điều kiện sống không thuận lợi cũng đã từ lâu không phát triển được và thường có dấu hiệu dị dạng. Và điều này có thể dễ dàng giải thích rằng không phải là năm đầu tiên nhà máy Vurnarski đã thải vào các nguồn nước những chất làm ô nhiễm có độc tố như phenôn. Hầu

hết các ao hồ và các sông nhỏ bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu, trong số đó có loại thuốc bị cấm sản xuất như DDT. Đến bây giờ người ta đã phát hiện ra những hố chôn lấp chất thải sản xuất tại bãi rác của làng, ngay bên cạnh nhà máy. Biết bao nhiêu cá đã chết vì các căn bệnh lạ (lại một lần nữa đây là kết quả của sự "sáng tạo" của bàn tay con người). Các chuyên gia đã khẳng định rằng: sự hình thành các hệ thủy sinh tại các sông hồ ở Trebốcxarắc vẫn chưa kết thúc. Nhưng chẳng lẽ quá trình đó có thể kết thúc bởi những tai nạn đó sao? Khi ở đường tránh Mưxlép xảy ra vụ lật tàu chở hàng này thì 897 tấn nhiên liệu điêzen và 185 tấn phenôn đã tràn vào các sông hồ của vùng. Các chuyên gia về sau cũng cho biết tai nạn này đã "dẫn đến ô nhiễm không khí và nước vượt mức cho phép và cũng góp phần làm gia tăng ô nhiễm nước ngầm".

NGÀY TẬN THẾ - PHƯƠNG ÁN CHUVASIN

Ở sông Palanka, nồng độ phenôn, sau 26 giờ xảy ra vụ tai nạn, ở mức 0.42mg/l (nồng độ phenôn cao nhất cho phép trong nước sinh hoạt là 0.1mg/l). Ở khu vực trường học của làng, nồng độ hơi là 4-5PDK. Sau 30 giờ xảy ra vụ lật tàu chở hàng, ở lòng sông Zapadnui Bezumian cũng như cửa sông này phát hiện nồng độ phenôn là 144.7mg/l và 123.7mg/l, còn ở nước

giếng khoan số 2 tại khu vực xảy ra tai nạn, nồng độ là 592.1mg/l...

Dân làng Mưxlét lấy nước từ các giếng phục vụ sinh hoạt ở tất cả các giếng đó - trên các phố Pianexcaia, Vagơdọnxvaia và Séptrencô - khắp nơi đều phát hiện ra một khối lượng đáng kể các sản phẩm dầu mỏ cũng như phenôn.

Nhưng bi kịch không nằm ở đây khi "ngày tận thế" bắt đầu - dân làng nói về vụ tai nạn như vậy. Người ta đã huy động mọi lực lượng có thể để dập đám cháy, tổng cộng hơn 600 người. Trong đó có chính các nhân viên đường sắt, 150 người từ đội phòng cháy chữa cháy. Tất cả họ tham gia cứu nạn không hề được trang bị quần áo bảo hộ đặc biệt, mặt nạ phòng độc và làm việc như vậy suốt hơn 15 ngày. Họ đã dọn đi đường ray, chuyển phần đất nền đi chỗ khác và xây dựng công trình bảo vệ thiên nhiên. Trong những thứ dọn đi đó có một số toa xe đặc biệt. Vụ tai nạn vừa xảy ra đã xuất hiện ngay lập tức các quan chức cấp cao của bộ quốc phòng, hình như trong các toa xe đặc biệt có tên lửa. Toa hàng đặc biệt đó được chở cho ai vẫn còn là một bí ẩn cho đến ngày hôm nay. Điều may mắn ở đây là tàu chở hàng bị lật, nhưng các toa chở tên lửa không bay xuống các khe mương. Và điều này đã cứu cả một làng khỏi bị phá hủy hoàn toàn.

Nhiều người dân đã được khám nghiệm y tế,

do trung tâm vệ sinh dịch tễ của Nide Gorốt thuộc Bộ Y tế Nga thực hiện. 19 người dân ở 2 làng Côminterơrơ và Tréctôgana nằm cách nơi tàu lật có 5km cũng được khám và tất cả họ đều được chẩn đoán là nhiễm độc phenôn.

NGƯỜI TA TỪ CHỐI BỒI THƯỜNG

Hội đồng quốc gia Chuvasin đã nhiều lần xem xét việc giải quyết hậu quả tai nạn đường sắt xảy ra tại đường tránh Mưxlét nhưng chưa nhận được kết quả gì từ các cuộc họp đó. Nguồn gốc gây ô nhiễm chưa được loại bỏ vẫn tiếp tục gây hại cho người và môi trường sống. Bộ y tế nước cộng hoà này cũng vẫn chưa làm sáng tỏ mối quan hệ nhân quả của các bệnh mà dân làng đang chịu với sự ô nhiễm nơi sinh sống, còn người dân thì vẫn tiếp tục ốm. Họ thậm chí không thể trình lên toà án đơn khiếu nại đòi cung đường sắt Goócki bồi thường tổn thất cho sức khoẻ do thiếu các kết luận chuyên môn. Không một cơ quan chức năng nào của nước cộng hoà Chuvasin dám dũng cảm đứng ra giải thích cho dân làng rằng sống ở những nơi xảy ra vụ tai nạn là nguy hiểm. Chỉ có một gia đình ở làng này có được tất cả những giấy tờ cần thiết để trình lên toà. Sự việc là ngôi nhà của gia đình Okin nằm gần nơi xảy ra vụ tai nạn hơn cả và hơn nữa đây lại là một gia đình đông con. Toà án địa phương Sumerly cùng với Viện

trưởng viện bảo vệ thiên nhiên Trebốcxarắc Alếchxanđrơ Lêônchép đã xem xét đơn khiếu nại bảo vệ quyền lợi cho Natalia Ôkina và các con của cô ta - Irina Êlena và Xvetlana - đòi ngành đường sắt bồi thường những thiệt hại tinh thần. Được trình lên toà án là thẻ chữa bệnh nội trú và ngoại trú của Ôkina Natalia Igôrépna, người đã nằm chữa trị một thời gian dài tại bệnh viện Sumerlin. Bác sỹ chuyên khoa Ivan Mirônét đã khẳng định chuẩn đoán: nhiễm độc phenôn nặng.

Tuy nhiên đại diện của cung đường sắt Goócki là V.Pơchenkin và V.Phêđôrốp đã không chấp nhận đơn khiếu nại vì cho rằng không có độ tin cậy. Hơn nữa tại toà, cả hai đại diện này đã chứng minh rằng không có tài liệu nào ghi nhận về việc gây tác động xấu đến môi trường của làng Mưxlét và khu đường tránh tàu Mưxlét. Thế nhưng trong hồ sơ vụ án có một báo cáo do bác sỹ trưởng trung tâm kiểm soát dịch bệnh bộ phận Murom của cung đường sắt Goócki, báo cáo về tình hình vệ sinh dịch tễ tại nơi đường tránh Mưxlét. Báo cáo này đã xác nhận độ sâu bị nhiễm là 2.4 km (từ nơi xảy ra tai nạn đến ngôi nhà gần nhất chỉ có 350m). Trong báo cáo còn chỉ ra rằng ngay trong làng Mưxlét nồng độ phenôn trong không khí cũng đã vượt mức cho phép là 8 lần. Lượng phenôn tương đương được ghi nhận trong tầng mây thứ nhất là 0,690 tấn, trong khi lượng gây chết người qua đường miệng

chỉ là 1g. Như vậy toà án Sumerin thừa nhận rằng "do lỗi của nhân viên cung đường sắt Goócki đã xâm phạm đến quyền được hưởng một môi trường trong sạch của dân làng Mưxlét, theo điều 42 Hiến pháp nước Nga và điều 151 Bộ luật dân sự Nga. Xem xét khả năng phải bồi thường thiệt hại tinh thần (vật chất cũng như tinh thần) do các hành động vi phạm quyền lợi cá nhân tối thiểu của công dân, đánh giá mức độ thiệt hại của nguyên đơn, độ nguy hiểm do lỗi của bị cáo, khả năng tài chính của các bên toà quyết định khoản tiền bồi thường là 10.000 rúp cho mỗi nguyên đơn...".

Cung đường sắt Goócki đã từ chối trả bồi thường. Nhân viên ngành đường sắt đang cố gắng kéo dài việc kiện tụng và điều tra nguyên nhân vụ lật tàu. Natalia Ôkina cùng với 3 con nhỏ lại đến gõ cửa toà. Từ toà án cô thường đi thẳng tới gặp y sỹ để khám cho các con của mình. Dân làng mặc dù đã được hứa rằng con cái của họ sẽ được kiểm tra sức khỏe ở bệnh viện nhi Mátxcơva số 38, nhưng lời hứa vẫn chỉ là lời hứa. Một số trẻ em đã được khám nghiệm nhưng số còn lại không hề được biết về việc này. Nguyên nhân vẫn chỉ là phải trả phí cho việc khám nghiệm, thế mà các ngành chức năng lại từ chối việc chi trả đó.

"Khám nghiệm y tế" được thực hiện ngay tại làng: cứ một năm rưỡi 1 lần, đội y bác sỹ về làng,

tại một trường làng người ta khuân hết bàn ra khỏi lớp học, các bác sỹ ngồi vào những chiếc ghế, còn người dân địa phương gồm đủ mọi lứa tuổi xếp hàng lần lượt vào "phòng khám". Trong tay các bác sỹ chỉ có bút và giấy, và đây gọi là cuộc "khám chữa cho người bệnh", và thậm chí còn có cả kết luận của Trung tâm khoa học Mátxcơva nghiên cứu nhiễm độc sinh thái rằng "dân làng Mưxlét đã chịu ảnh hưởng của chất độc nhiều thành phần từ vụ tai nạn tàu đổ".

CHẤT ĐỘC ĐẾN GIỜ VẪN CÒN Ở ĐÓ

Cho đến giờ tại nơi xảy ra tai nạn vẫn còn một khối lượng lớn đất mùn đã bị nhiễm phenôn. Từ các lỗ khoan thăm dò người ta đã phát hiện thấy hàng trăm đến hàng nghìn miligam phenôn trong 1 lít nước. Trong các mẫu thử nước uống lấy từ làng, theo định kỳ, người ta phát hiện ra cả các sản phẩm dầu mỏ (trung bình 2-3 PDK). Vì vậy, hệ thống cấp nước ở làng không còn được lắp đặt nữa và quyết định này đã được thông qua tại cuộc họp của dân làng. Đặt hệ thống dẫn nước làm gì nếu như trong nước hiện tại vẫn còn ngần ấy chất bẩn. Một số gia đình đã rời làng, người thì đi đến họ hàng, người thì tìm "vận may" ở thành phố... Nhưng gia đình Natalia Ôkina nhiều con thì không thể rời bỏ chỗ này được, đơn giản là cô ta chẳng còn biết đi đâu mà còn 3 đứa trẻ nữa. Trong nhà,

tiền chỉ đủ mua thực phẩm và chút quần áo gì đó. Toàn bộ quá trình kiện cáo vẫn chưa ngã ngũ. Thế nhưng đại diện của cung đường sắt Goócki khi gặp cô tại hành lang đã khuyên cô "không đào bới" chuyện này lên và nói rằng: vì dù sao chăng nữa cũng chẳng chứng minh được điều gì đâu và họ hứa nếu làm như vậy thì sẽ cấp cho cô và các con mỗi người 500 rúp để chi trả tiền thuốc và bác sỹ...

Natalia Ôkina sẵn sàng tiếp tục đấu tranh cho mình, con cái của mình và tất cả người dân sống trong làng, mặc dù cô cũng hiểu được rằng: Làng của cô không còn là nơi có thể sinh sống được nữa. Đã từ lâu phải chở tất cả gia đình con cái ra khỏi nơi đây. Còn phải ăn món súp có phenôn và các sản phẩm dầu mỏ đến bao giờ nữa?

Nói đến sông Vônga thì bây giờ người ta cũng hiểu từ đâu nước của dòng sông này lại có phenôn. Các thành viên của hiệp hội đánh cá Chuvasin không hề thắc mắc: tại sao cá trong các sông hồ lại phát triển kém như vậy. Mỗi năm họ gây giống và thả vào sông, hồ hàng trăm con cá giống: mè, măng, cá dầy mình mà cá không hiểu vì sao cứ chết.

Cá chết vì sao? Ngày nay, thậm chí, người nhỏ tuổi nhất của làng Mưxlét cũng có thể trả lời được câu hỏi này - cậu bé 3 tuổi Côlia Coócnilốp nói: "Đó là do chất phenôn đã làm bẩn dòng sông...".

Bài báo điều tra trên thú vị trước hết ở chỗ nó viết về một trong những loại hình tội phạm sinh thái, mà nguyên nhân của nó phần lớn có liên quan đến sự thay đổi cơ chế quản lý trong nước, sự sụp đổ của Liên Xô và sự chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Khát vọng đảm bảo hoạt động theo kế hoạch của một nền kinh tế quốc dân thống nhất trên những vùng lãnh thổ rộng lớn, đã buộc chính phủ phải thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên qui mô lớn. Điều này cũng có nghĩa là phải xây dựng vô số công trình đòi hỏi những khoản chi tiêu khổng lồ. Những khoản chi tiêu như vậy, ở một mức độ nhất định, là có thể chịu đựng được dưới thời Liên Xô cũ, mặc dù vào thời đó cũng có xảy ra các vụ tai nạn kỹ thuật, song không nhiều. Hiện nay, khi mà trang thiết bị ở đa số các công trình đã quá xuống cấp, khả năng nâng cấp không có được như trước kia thì việc tránh các rủi ro, tai nạn là rất khó khăn. Thế nhưng, không thể chấp nhận được tình trạng này để dẫn đến sự hủy diệt cuộc sống hoặc đe dọa cuộc sống của những người dân vô tội. Chính vì thế, việc làm sáng tỏ các "tác động sinh thái" tới người dân, cũng như nêu rõ những nguyên nhân cụ thể của sự kiện đang diễn ra là nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà báo điều tra.

Trên phương diện này, bài báo điều tra trên là rất có giá trị. Giá trị của nó còn thể hiện ở

chỗ cho thấy rằng để viết về đề tài sinh thái và điều tra tình hình sinh thái đòi hỏi người viết phải tập trung, có trách nhiệm và được đào tạo chuyên môn tốt. Những phẩm chất này cần thiết không chỉ để thành công trong cuộc tìm kiếm thông tin, mà còn rất cần thiết để có thể trình bày thông tin cho độc giả một cách dễ hiểu. Tác giả luôn phải chú ý trước hết đến trình độ và mức độ hưởng ứng của nhóm độc giả cụ thể đối với việc tiếp nhận thông tin mà mình cung cấp. Vì làm đề tài sinh thái thường gắn với việc sử dụng số lượng lớn các thuật ngữ, thông số chuyên môn, cho nên, vấn đề đặt ra trước nhà báo là phải sử dụng chúng như thế nào. Chẳng hạn, tác giả có cần hay không cần phải giải thích trong bài viết của mình rằng nồng độ kẽm xác định được trong đất có thể gây tác động xấu tới sức khoẻ của con người? Bài viết dành cho giới chuyên môn là một chuyện, nhưng nếu dành cho công chúng nói chung (những người không có chuyên môn về vấn đề cụ thể) thì lại là chuyện hoàn toàn khác.

Để "chuyển" một cách linh hoạt từ một cách trình bày tư liệu ở mức độ này sang mức độ khác, nhà báo điều tra cần phải thường xuyên tự học hỏi các thuật ngữ chuyên môn về đề tài sinh thái. Tuy nhiên, ngay cả làm được như vậy, thì không phải lúc nào tác giả cũng có thể giải thích cho độc giả hiểu được. Ví dụ như tại sao một nhà

máy thủy điện bình thường trên sông Vônga cũng nguy hiểm như một nhà máy điện nguyên tử.

Thường thì bản chất của vấn đề nằm ở chính những chi tiết kỹ thuật. Đôi khi xảy ra tranh cãi chỉ vì sự khác biệt trong sử dụng thuật ngữ. Chắc chúng ta còn nhớ cuộc tranh cãi mới xảy ra liên quan đến việc Đuma quốc gia Nga thông qua luật về việc chở vào Nga hoặc là *chất thải phóng xạ*, hoặc là *nhiên liệu hạt nhân tái chế*. Nếu viết về sự việc này thì nhà báo nhất định phải giải thích cái gì được gọi là *chất thải phóng xạ*, còn cái gì là *nhiên liệu hạt nhân tái chế* và cần phải giải thích sao cho một độc giả bình thường cũng có thể hiểu được. Cần nhớ rằng đối với độc giả có một số các thuật ngữ sinh thái hoặc là hoàn toàn không thể hiểu được, hoặc có ý nghĩa khác. Ví dụ như từ "biosenoz" được các nhà sinh thái học dùng khá nhiều, nhưng chưa chắc bạn đọc bình thường hiểu đúng là "quần thể sinh vật sống".

Nếu xét bài báo từ quan điểm những đòi hỏi tương tự đối với trình độ hiểu biết của bạn đọc thì có thể thấy tác giả nắm vững các thuật ngữ chuyên môn. Nhưng tiếc rằng đã không giải nghĩa chúng, chẳng hạn như các từ "phenôn", "nhiễm độc mãn tính" và nhiều từ khác nữa là gì? Vì thế bạn đọc khó có thể hiểu được ý tưởng chủ đạo của bài báo.

Tuy nhiên, hoàn toàn có thể tránh những vấn

đề như thế này. Sẽ là rất hiệu quả nếu như người làm báo trang bị cho mình một số biện pháp thông dụng để chuyển dịch ngôn ngữ khoa học sang ngôn ngữ thường ngày. Ví dụ, có thể sử dụng các định nghĩa chính thức có thể tìm được trong từ điển. Đôi khi cũng có thể đưa ra các định nghĩa không chính thức ("gió là không khí đang chuyển động") - đây là cách giải thích đơn giản và ngắn gọn hơn. Cũng có thể sử dụng cái gọi là định nghĩa diễn giải. Ví dụ, có thể nói về một loại chất nổ mới như sau: "Vấn đề ở chỗ chất nổ thông thường không còn đáp ứng nhu cầu của quân đội chúng ta, và Viện nghiên cứu khoa học đã bí mật chế tạo các hợp chất có sức công phá mạnh hơn để phá hủy các bức tường bê tông cốt thép của các hỏa điểm kiên cố và boongke ra từng mảnh nhỏ, làm nổ tung các hàng không mẫu hạm của quân địch, làm bẹp các xe tăng. Thể xác của con người chẳng là gì đối với chất nổ có sức công phá khủng khiếp như thế - chắc phải biến thành các phân tử" (V.Têrêskin).

Trên thực tế không một điều tra nào về đề tài sinh thái lại có thể thiếu những con số được xem là bằng chứng không thể bác bỏ được, khẳng định tính đáng tin cậy của vấn đề nào đó. Thế nhưng không phải bạn đọc nào cũng có thể hiểu ngay được ý nghĩa của các con số và so sánh chúng với nhau. Vì vậy, khi đưa con số vào bài

viết của mình nhà báo cần phải chú ý đến "ý nghĩa" của nó. Có rất nhiều cách phổ biến kiến thức khoa học giúp đạt được mục đích này: so sánh các hiện tượng phức tạp với hiện tượng đơn giản, những hiện tượng mới lạ với những hiện tượng quen thuộc và dễ hiểu v.v.. Một nhóm các phương cách dựa trên các phương pháp toán học như phép tính tổng, tính phần trăm và số trung bình, làm tròn số, phép đối chiếu. Các phương pháp khác là sử dụng biện pháp tu từ. Đây là biện pháp nhắm tới người đọc, nhấn mạnh ý nghĩa của các con số trong phần bình luận của tác giả. Tốt hơn cả là các con số được đưa ra dưới hình thức so sánh. Ngoài ra, cần so sánh với các kích thước quen thuộc, ví dụ như bằng độ dày của đồng xu, hạt lúa mỳ nhỏ, quả bóng đá, v.v..

Ở khía cạnh này thì trong bài "Tai nạn xe lửa ở đường tránh", các con số được sử dụng chưa khéo léo. Nhiều con số nói về mức độ làm ô nhiễm đất và nguồn nước chỉ được đưa ra mà không có so sánh. Câu hỏi đặt ra là các con số nói nên điều gì? Chúng có nói lên mối đe dọa đến con người hay không? Không hiểu nổi. Mọi chuyện sẽ được làm sáng tỏ giá như trong mỗi trường hợp tác giả đưa ra mức độ cho phép (nghĩa là không có hại đến con người) có trong các chất được nhắc đến ở trong đất hay nước.

Như chúng ta đều biết, thông thường mật độ dân số được tính bằng số lượng dân trên một

kilômét vuông. Thông tin về Chuvasin được chia thành 21 khu vực hành chính không nói lên được điều gì cả. Giá như tác giả so sánh Chuvasin với Nhật Bản, một nước có huyền thoại về đông dân số, thì có thể thấy người dân Chuvasin có thực sự sống chật chội không? Hơn nữa, thường thì người ta không đánh giá sức ép trên hệ sinh thái qua mật độ dân số, mà qua số lượng các cơ sở công nghiệp hoặc mức phóng xạ cho phép tối đa PDK ở nước sông của địa phương. Mật độ dân số chỉ là dấu hiệu thứ yếu.

ĐIỀU TRA CÁC BÍ MẬT LỊCH SỬ

Nói về bí mật lịch sử, người ta thường nghĩ đến các sự kiện mờ ám khó hiểu xảy ra trong quá khứ (ví dụ, cái chết bí hiểm của một thái tử vào thời lãnh đạo của Bôrít Gađunốp; cơn đại hồng thuỷ; cái chết của nhà văn Xécgây Exênin và Vlađimia Maiacốpxki; lật ngôi vua Nicôlai Đệ nhị, v.v..). Khởi đầu công cuộc cải tổ "perestrôika" trên đất nước Nga đã được đánh dấu bằng làn sóng xét lại và các cuộc điều tra sự kiện lịch sử. Sau này, đề tài lịch sử (các bí ẩn trong lịch sử) đã trở nên được nhiều phương tiện truyền thông khác tích cực quan tâm nghiên cứu. Khán giả truyền hình, thính giả đài phát thanh cũng có khả năng làm quen với các bí ẩn lịch sử qua các chương trình "Bánh xe lịch sử", "Cuộc tìm kiếm điều đã mất", "Phóng sự lịch sử", và

“"Điều tra lịch sử”, v.v..

Ý nghĩa của các điều tra như vậy đối với thính độc giả của các phương tiện thông tin đại chúng trước hết nằm ở giá trị nhận thức của chính các điều tra. Các điều tra về đề tài lịch sử cho phép nhà báo (cũng có nghĩa là đối với bạn đọc, khán giả truyền hình, thính giả đài phát thanh) nhìn lại quá khứ với quan điểm hiện đại, đưa ra giả thuyết của mình về sự việc, tiết lộ các chi tiết chỉ được làm rõ sau khoảng thời gian khá dài. Ngoài ra, khi tiến hành các điều tra về đề tài lịch sử nhà báo có thể đưa ra những so sánh sự việc đương thời tương tự và đồng thời giải thích chúng ở mức độ nhất định. Mỗi bài báo điều tra đề tài lịch sử đối với công chúng của các phương tiện thông tin đại chúng có thể rất thú vị còn bởi lý do là các tư liệu như vậy thu hút sự chú ý của công chúng, giúp các nhà xuất bản tăng cường tiếng tăm của mình.

Khi nghiên cứu các vụ việc bí ẩn và những chuyện kỳ lạ trong quá khứ, có lẽ nhà báo không phải lúc nào cũng biết rằng đằng sau những vụ việc, câu chuyện đó là một tội ác. Điều tra bí ẩn lịch sử là một trong những hướng hoạt động của các nhà báo điều tra. Điểm nổi bật cơ bản của hoạt động này chính là nhà báo điều tra các sự việc đã xảy ra từ rất lâu trong quá khứ. Và điều này làm giới hạn đáng kể các phương pháp và nguồn thông tin có thể sử dụng trong khi điều

tra. Trong trường hợp này các bằng chứng (nếu như điều tra các sự kiện đã xảy ra khá lâu trong lĩnh vực lịch sử), các nguồn thông tin tài liệu có thể tìm được, chẳng hạn như trong các tài liệu lưu trữ quốc gia cũng như gia đình những người trực tiếp tham gia vào sự kiện quá khứ đang được điều tra có thể giúp ích cho nhà báo rất nhiều. Nhà báo điều tra quan tâm tới chuyên đề lịch sử có thể nhận được các thông tin để bắt đầu cuộc điều tra từ nguồn văn phẩm đặc biệt về lịch sử như "Lịch sử đất nước", "Hồ sơ lưu trữ đất nước", "Tin lịch sử cổ đại", "Địa phương học đất nước", "Các vấn đề lịch sử", "Tin của người lưu trữ tài liệu", "Lịch sử cận đại và hiện đại".

Trong quá trình điều tra nhà báo thường thấy cần phải giải thích các hành động của các nhân vật lịch sử. Điều này được thực hiện bằng nhiều phương pháp khác nhau, thường thường, nhà báo làm sáng tỏ động cơ hành động của các nhân vật lịch sử. Những thông tin cụ thể về địa vị của các nhân vật lịch sử, các nhóm lợi ích, các âm mưu, v.v.. cũng rất quan trọng. Tất cả những điều này rất hữu ích cho việc đưa ra các giải thích hợp lý cho các vụ việc cụ thể, cũng như cho hành động của các nhân vật lịch sử. Tuy nhiên, không hiếm những trường hợp vì thiếu hiểu biết về nhân vật này hay nhân vật kia, người điều tra đành phải dựa trên các giả định, giả thuyết, các tiêu chuẩn của lương tri (vì

cho rằng con người thường được dẫn dắt bởi chính các tiêu chuẩn đó).

Khi đưa ra cách giải thích trong điều tra của mình, nhà báo cần phải tính tới cả yếu tố ngẫu nhiên trong diễn biến của sự kiện. Trong trường hợp này, phương pháp nghiên cứu có thể là thâm nhập theo linh cảm vào vai của các nhân vật hành động, dựa trên tâm lý học để tái dựng ý thức của một người, và những hành vi của người đó khi so sánh "cái tôi" của nhà báo và "cái tôi" của một nhân vật lịch sử. Rõ ràng là các kết luận như vậy sẽ hết sức chủ quan, vì lẽ không thể có được sự so sánh chính xác trong trường hợp này. Nhà báo điều tra một sự kiện trong quá khứ hiếm khi đạt được những khám phá có đầy đủ giá trị (tương tự như khám phá thành cổ Tơroa của nhà khảo cổ Henrik Sliman dựa trên các bằng chứng tìm thấy trong "Iliad"). Thường thường điều tra của giới báo chí về chủ đề lịch sử ít nhiều cũng là giả định có căn cứ xác đáng.

ĐIỀU TRA TỘI PHẠM XÃ HỘI

Tội phạm xã hội bao gồm những tội phạm phát sinh trong mối quan hệ của đời sống thường nhật ngoài phạm vi quan hệ công việc. Khi điều tra loại tội phạm này, thông thường, nhà báo cố gắng làm rõ cơ chế hoạt động, nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng và hậu quả của nó đối với xã hội. Các bài báo này không nên

lẫn lộn với các tin giật gân kiểu như "Bà goá độc ác ăn thịt người chồng thứ 6" hay các tin không thể chứng minh như "ngáo ộp" đầy rẫy trên các ấn phẩm "lá cải". Báo điều tra tội phạm xã hội khác với các loại báo khác như kinh tế, an ninh, chính trị, v.v.. không chỉ về đối tượng mà còn về đặc điểm của nguồn thông tin, tính dễ tiếp cận, khả năng sử dụng nhiều phương pháp thu thập thông tin (bao gồm cả quan sát trực tiếp) về vụ việc, hoàn cảnh của cuộc điều tra.

Đằng sau bề ngoài tưởng chừng như vô hại và rõ ràng của khái niệm này là rất nhiều sự kiện, hiện tượng, tội ác có tính phức tạp, quan trọng và đôi khi là nguy hiểm. Chính ở mối quan hệ thường nhật, tính đúng đắn của các cải cách, ưu điểm và nhược điểm của nó đối với xã hội được kiểm chứng. Do vậy giới báo chí, trong đó có báo điều tra không thể bỏ qua chủ đề này trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Chúng ta sẽ cùng xem xét những nét đặc trưng của một bài báo điều tra tội phạm xã hội qua bài viết của Anbe Plútních *"Cuộc nội chiến trên bãi khoai tây 300 hécta"*

"Lôginốp biến mất đêm 13, rạng ngày 14-8-2000. Đi khỏi nhà lúc vợ còn đang ngủ và không thấy về. Chiều đến rồi một đêm trôi qua. Galina nghĩ rằng chồng mình rời Bốttép đi Furmanốp đến nhà chị gái mình và bị giữ lại đó. Cũng có thể như thế lắm và cô cũng lên

đường đi tới đó. Nhưng không thấy chồng ở đó, cô bắt đầu lo lắng. Cô đến bệnh viện, rồi tới đồn cảnh sát. Và cuối cùng cô đến "nhà xác". Người hộ lý nói rằng không thấy có một "xác mới" nào đến. Chỉ trừ một người đàn ông giống dân Bốttép được chở đến đây từ một cái hồ nào đó. Người ta tìm thấy anh ta hoàn toàn trần truồng, ngồi dựa vào một gốc cây. Galina ngó vào, đây chính là người cô ta đã nhìn thấy rồi. Ở làng người ta cũng được nghe về một tên trộm bị giết vào ban đêm. Có vài người đến để xem khi cái xác chưa bị mang đi. Galina cũng tới xem. Lúc đó và ngay cả bây giờ cô cũng thở phào nhẹ nhõm: Không phải chồng tôi.

Sau đó có một người anh em của Cônxtatin Ivanôvích Lôginốp cũng ghé vào nhà xác. Do tò mò, người này cứ đòi cho xem cái xác duy nhất đó. Rồi anh ta bỏ đi với một chút nghi ngờ. Lời cuối cùng anh ta nói với người chị gái là: "Tôi ngay lập tức sẽ nhận ra Côtia qua đôi chân... Chúng tôi có đôi chân giống nhau, cả 2 ở ngón chân đều có bướu". Lật mở đôi chân, cô nhìn thấy dấu vết "mang tính ruột thịt" đó. Như vậy ngay cả những người ruột thịt cũng không thể nhận ra ngay người bị giết chính là chồng và anh của mình trong bộ dạng như vậy. Qua những vết chấn thương, như xương sườn bị gãy, ngực bị dập nát... có thể thấy rằng anh ta đã bị đánh rất dã man.

LỜI THÚ TỘI CỦA KẺ SÁT NHÂN KHÔNG BÌNH THƯỜNG

Trong thời gian đó thì tại đồn công an thành phố Furmanốp xuất hiện một người đến đầu thú nhưng anh ta trông không có dáng vẻ của một tên tội phạm. Trẻ, ăn mặc bảnh bao, trông giống như một vận động viên thể thao. Trông rất trí thức và hiền lành. Họ Ôdôrnốp. Nghề nghiệp: Giáo viên. Anh ta tường thuật lại những gì đã xảy ra. Gia đình Ôdôrnốp, Yulia và Mikhain trồng khoai tây trên một khu đất có diện tích 300 hec ta. Ba năm liền họ bị mất trộm. Thường xảy ra là chỉ mới đầu tháng 10 mà cả gia đình đã không còn khoai tây trên ruộng của mình và đành phải ra chợ mua. Mùa hè vừa qua Ôdôrnốp cùng với người anh vợ cũng là giáo viên quyết định tăng cường cảnh giác. Họ thay phiên nhau canh ruộng. Vào đêm tháng 8 hôm đó khoảng 4 giờ đợi cho mưa rào ngớt đi, Mikhain đạp xe đi tuần. Vừa đến nơi anh nhìn thấy trên mảnh đất của mình một bóng dáng đáng ngờ, anh sững sờ sau 15 phút chăm chú theo dõi dường như không còn tin vào mắt mình, cái bóng dáng đó không hề nhúc nhích. Phán đoán thấy rằng người lạ cảm thấy mình an toàn nên không đi đâu mà vội "Lúc đó tôi kêu lên: "Gì thế? Ăn trộm hả?". Người đàn ông trả lời tôi bằng một câu hỏi: "Thế thì sao?". Sau đó, tôi bỏ xe đạp và chạy ngay đến chỗ người đang ngồi trên ruộng khoai tây. Hắn nhổm dậy

và tôi không hề nói một lời nào đấm cho hắn một cú vào mặt khiến hắn ngã".

Tiếp theo là các cú đánh của một giáo viên thể dục 35 tuổi giáng vào kẻ ăn trộm là một người đàn ông 65 tuổi. Và người đàn ông này không hề phản ứng lại. Anh ta đánh đối phương túi bụi không hề thương tiếc. Lúc đầu bằng tay và chân, sau đó bằng một vật bằng kim loại - cái lưỡi đào của máy thu hoạch khoai tây. Và cuối cùng bằng cái gậy sơn màu xanh, anh ta đánh mạnh đến nỗi mà có các mẩu gỗ văng ra từ cái gậy. Mẩu gỗ này sẽ được sử dụng làm tang chứng trong vụ này. Sau đó tại toà án Ôdôrnốp sẽ nói - anh ta hoảng sợ vì thấy một vật thể bằng kim loại và vì tên trộm không hoạt động một mình (có tiếng đồn rằng "những kẻ thanh trừng"thường đi theo nhóm). Như vậy là tính hung dữ xuất hiện vì sợ hãi. Tuy nhiên sự giận dữ của kẻ tấn công theo lôgic là không kiểm soát. Tên trộm đã cầu xin sự thương xót nhưng không nhận được. Xin lỗi nhưng cũng không được. Và rốt cuộc, Ôdôrnốp quyết định để số phận của tên trộm trở thành tấm gương răn đe nếu như thả hắn về trần truồng, nên đã lột tất cả những gì mà tên trộm có trên người. Buổi sáng khi xem xét hiện trường, cách ruộng khoai tây khoảng 30m, người ta tìm thấy: 2 đôi tất lộn trái có các sọc dài màu cứt ngựa và mảnh vá ở đầu ngón chân, một cái áo len màu xanh có

đường nẹp màu trắng dọc hai bên sườn, một áo sơ mi có các hình vẽ màu xanh vàng trắng đỏ"... Người ta cũng tìm thấy cả Lôginốp trong hình dạng không còn nhận ra được nữa.

"Tôi không tán thành hành động của em mình nhưng chấp nhận một hình phạt như vậy thì..." - người tiếp chuyện tôi buồn bã lắc đầu là Liubốp Uvanôvna Mareních, chị của nạn nhân.

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI KHÁC

Một câu hỏi đặt ra là: Ôdôrnốp có mất trí không? Sự việc được làm rõ là anh ta không hề mất trí. Không bị tâm thần, cũng không dùng ma tuý. Chưa hề có tiền án tiền sự. Toà đã tìm hiểu xem anh có phải là tay chuyên về lĩnh vực các trận đấu tay đôi kiểu phương Đông hay không. Không hề. Chuyên ngành của anh là: các trò chơi thể thao và thể dục dụng cụ hạng nhẹ. Không chỉ xét theo những đặc điểm liên quan đến vụ án hình sự này, mà còn qua các cuộc nói chuyện của tôi với những người biết rõ Ôdôrnốp thì thấy được anh ta là một người rất quan tâm tới gia đình, một người cha yêu thương con cái và một nhà sư phạm tốt. Anh tốt nghiệp bằng đỏ một trường đại học ở Sue, dạy thể dục trường số 9 ở Furmanốp. Các đồng nghiệp của anh nhận xét rằng anh là một người rất say mê công việc và được kính trọng bởi chuyên môn và tính kỷ luật của mình. Anh là người tổ chức những cuộc

đi du lịch, hội nghị và cuộc thi đấu thể thao. "Anh giáo dục con cái tính vươn lên để đạt tới sự hoàn thiện về thể chất và một lối sống lành mạnh với chính mình là tấm gương". Việc anh trở thành một tên tội phạm thật bất ngờ đối với những người cùng làm việc. Họ đã nộp đơn lên toà xin khoan hồng cho anh. Còn đối với những người hàng xóm, họ cũng đã viết thư ủng hộ anh. Họ không muốn tin rằng Misa Ôdôrnốp đã sống vì gia đình và công việc "người đã tạo nên sự ấm cúng trong khu tập thể trên phố Misurin" lại phải đứng sau song sắt. Nhưng chính anh ta giết người. Nhưng vì lý do gì? Vì một xô khoai tây. Dường như là vậy.

Tại toà, khi được phép nói lời cuối cùng, Ôdôrnốp đã xin họ hàng và người thân của nạn nhân tha thứ cho anh ta. Ôdôrnốp đã 2 lần nhắc lại: "Tôi không muốn giết anh ta". Và cũng không ai bắt Ôdôrnốp làm như vậy. Có lẽ anh bị mất trí? Và chính anh ta cũng không nghĩ chuyện xảy ra như vậy. Nếu xét theo những cú đấm lung tung, rất mạnh, thì khó có thể khẳng định được rằng đó là hành động của một tên giết người có chuẩn bị, mà chỉ là của hành động một người trong trạng thái bị kích động. Phải chăng đây là bi kịch của hành động ngẫu hứng? Phải chăng kẻ giết người đã làm một việc không chủ động? Đã thực hiện một vai không phải của mình mà là của người khác.

MIỆNG ĂN THỪA TRONG GIA ĐÌNH

Tội nghiệp Lôginốp. Một cái chết thật không may, và ngay cả khi sống anh ta cũng không may mắn. Anh ta sống tại nơi mình sinh ra, ở làng Bốttép, trong một gia đình nông dân Ivan và Ekaterina có 5 người con, Côxtia mới lên 1 khi cha ra chiến trường vào năm 1941 và mất tích. Trình độ học vấn cấp I, không nghề nghiệp. Vì điếc một tai nên cũng không được gọi nhập ngũ. Anh làm bất cứ việc gì ở bất cứ đâu người ta bảo anh. Anh đã từng chăn ngựa ở Nông trường số 3, tại Furmanốp, chăn nuôi gia súc tại làng của mình. "Người ta đưa nó đi nơi mà không ai muốn đến" - chị của anh ta nói vậy - Của cải trong nhà không có. Lấy đâu ra nếu như không có việc làm? Nhưng trong vườn thì cái gì cũng có".

Có một cái vườn lớn gấp đôi vườn của nhà Ôdôrnốp thế mà "lại chui vào vườn của người khác", thậm chí làm cho vợ mình là Galina phải ngạc nhiên: "Vì sao mà Côxtia lại đi lấy khoai tây của người khác? Anh ta vẫn tỉnh táo, thậm chí đêm qua không hề uống rượu". Nhưng chẳng lẽ Galina thông minh này lại không hiểu cái gì là động lực cho hành động của chồng mình? Anh chồng này đã đào cả khoai tây của nhà mình trước kỳ thu hoạch vào tháng 8 chỉ để đổi lấy rượu, nhu cầu số một của anh ta. Và dường như anh làm việc đó không chỉ vì một mình mình.

"Anh ấy và vợ đã nghiện rượu khá lâu rồi", người đứng đầu chính quyền của làng Panimska nhận xét về Lôginốp. Chủ tịch Nông trường "Komuar" nhận xét về nạn nhân: "Khi làm người chăn gia súc cho hãng từ 1998, anh ta đã ăn trộm những bộ dạ bò để bán, và vì thế đã bị đuổi việc. Năm 2000 vào tháng 6, ký hợp đồng chăn lợn, nhưng chỉ được 7 ngày thì bỏ việc. Đi làm thường xuyên trong tình trạng không tỉnh táo. Vì thế hợp đồng với Lôginốp bị huỷ bỏ. Rõ ràng con người này không thích lối sống lành mạnh mà Ôdôrnốp đã luyện tập cho học sinh của mình. Nhưng trong Lôginốp vẫn có điều gì đó không cho phép xem anh ta là một con người bỏ đi. Hiền lành và mong muốn giúp đỡ những người nông dân cần sự giúp đỡ vô tư của anh. Ai cũng tiếc cho anh khi mọi chuyện xảy ra như vậy. Tuy nhiên, đó chỉ là "vi phạm hành chính dưới hình thức ăn cắp vặt" và phải nộp một khoản tiền phạt không lớn, chứ đâu đến nỗi phải bị đánh đến chết? Cuộc sống của con người sẽ biến thành cái gì nếu như bằng cách tự xét xử để dạy cho người ta không được đụng đến tài sản của người khác, thậm chí là những tài sản nhỏ nhặt nhất - đụng đến chúng chẳng khác gì đụng vào lửa - sẽ bị giết?

Hiện nay ở Furmanốp chưa có người nào xem tài sản của người khác là vật thánh, bất khả xâm phạm. Những chủ sở hữu các khu nhà ở

ngoại ô từ lâu nay suốt mùa đông chẳng bao giờ khoá cửa vì cũng đành chịu thua các đội quân ăn cướp đột nhập vào lúc chủ không có "canh giữ". Khoá cửa, bịt kín cửa sổ cũng chẳng ích chi nếu vào giờ "X" vẫn cứ xuất hiện những khách không mời mà đến, phá khoá, cuỗm đi mọi tài sản mà không cần có lệnh của toà án. Vậy thì lương thực là những gì trồng trong vườn cũng không tránh khỏi số phận đó, đành phải chia xẻ với những tên trộm là những kẻ đói ăn, những kẻ được ân xá, những vị thành niên bỏ nhà đi lang thang, những người thất nghiệp kinh niên và vô số những tay nghiền rượu - đã lâu rồi không còn biết ruộng của mình trông ra làm sao.

Cơn say rượu mà mọi người đang được quan sát bây giờ thì những người đã sống rất lâu ở Furmanốp không còn nhớ nổi. Bất cứ người thợ lành nghề nào ở vùng này cũng không bao giờ chịu để chủ của mình trả công bằng một loại tiền lưu thông khắp đất nước thời hậu Xôviết - nửa lít rượu vốtca. Họ đòi nhận tiền mặt cho dù số tiền chỉ đáng giá một cái vỏ chai vốtca, vì với số tiền đó họ có thể mua được ba chai rượu quốc lủi, người bán thì đầy, kẻ mua cũng không thiếu. Không thể phàn nàn gì về chất lượng hàng, giá tiền thấp thì chất lượng thế nào cũng phải chấp nhận, và quay vòng hàng cũng khá nhanh. "Người ta uống tất cả những gì có thể cháy. So sánh với những gì người ta bây giờ không thèm

đụng đến thì chất lỏng có màu xanh thường được dùng để lau chùi kính đã bị người ta uống hết từ lâu rồi - họ coi đó là rượu vốtca trắng đấy, - trung tá cảnh sát Sôcôlốp giảng giải cho tôi - Chúng tôi rất sợ nhốt những người nghiện rượu chung vào một chỗ - họ là những người mất hết cảm xúc. Cầu trời làm sao để chúng tôi không phải đưa họ đến. Ai mà biết "chữa" cho họ bằng cách nào. Chỉ còn cách đưa họ tới bệnh viện ngay".

Tại nơi đây, một góc của nước Nga này, trước kia rất nổi tiếng về các quán bar hoa quả đặc sắc có một không hai, thế mà ngày nay khi nhớ lại những ngày tốt nhất đó người ta hồi tưởng về công ty chống nghiện rượu Ligatrép đã bị mang tiếng xấu. Và người ta cũng nhớ đến bộ luật hình sự ngày trước xem nghiện rượu là lỗi của hoàn cảnh thất vọng, thế nhưng nấu và tiêu thụ rượu phải chịu trách nhiệm hình sự. Hiện nay, trong sự quản lý buông lỏng của nhà nước thì những kẻ nấu rượu lậu trở nên đàn em của những kẻ buôn bán ma tuý. Tỷ lệ tử vong ở khu vực nam giới sử dụng nhiều sản phẩm của họ, thậm chí trong độ tuổi rất đẹp từ 20 đến 40 đã tăng gấp bốn lần. Té ra là nhiều người trong số những kẻ chui vào vườn nhà khác để lấy đồ đem bán không phải vì "gái" mà để đổi lấy rượu đầy chất độc, họ sống chết bằng tiền của người khác. Ôdôrnốp thừa nhận một trong số những người sống trên mồ hôi nước mắt của anh ta là kẻ mà anh không nhìn rõ

trong đêm đã đào khoai tây trên ruộng nhà anh mà không hề được anh đồng ý. Thoạt nhìn anh cũng đoán được ai đang đứng trước mặt mình - một miệng ăn thừa trong gia đình. Gia đình Ôdôrnốp một lần nữa lại khẳng định rằng vụ khoai tây của mình thường bị giảm vì có sự "giúp đỡ rất tích cực" của ai đó từ bên ngoài.

Những kẻ đã từng có tiền án, tiền sự, những tên bợm rượu, hay một số đại diện cho các "băng nhóm" - đều là những kẻ ăn bám. Chúng sống trên mồ hôi nước mắt của những người lao động và chẳng bao giờ thông báo về sự xuất hiện của mình. Cũng dễ hiểu. Chúng chẳng từ ai cả, lấy trộm của tất cả những ai chúng có thể. Lĩnh vực "nghề nghiệp" chúng quan tâm rất rộng, chỉ trừ hai hạng người: Những người giàu có nhất - mọi tài sản của họ đều được bảo vệ, và những người nghèo khó nhất - những người này khá an toàn vì họ chẳng có gì cả. Còn lại đều là....

Vấn đề về bảo vệ tài sản riêng, ranh giới xác định tài sản đó lâu nay vẫn là một đề tài gây tranh cãi. Quả thực, các cuộc tranh cãi chủ yếu về các món tài sản kếch sù đôi khi rơi vào tay những người gọi là trùm tài phiệt hay trùm tư bản bằng những con đường không thể biết được. Ở đây, khi nói đến ranh giới của nó cần phải biết quên đi để tránh đổ máu lớn. Trong khi đó, ở khắp nước Nga đang diễn ra quá trình chia nhỏ tài sản theo phương pháp rất cổ

xưa là - ăn trộm. Mặc dù số lượng rất lớn các vụ án được đưa ra tòa như tại tòa án Furmanốp là các vụ ăn cắp, đội quân những kẻ ăn cắp này chỉ bị tổn thất không đáng kể và đội ngũ của chúng không những không giảm, mà còn không ngừng tăng lên.

Ở một vùng thuộc Ivanốpxki theo lệnh ân xá, cuối cùng vài nghìn tội phạm đã được thả tự do, phần lớn trong số họ chẳng biết đi đâu. Những người này cũng chẳng biết kiếm sống ở đâu ngay cả khi họ mong muốn làm điều đó. Những nơi có mức lương đảm bảo và có thể chấp nhận được thì không đến lượt họ vì đã chật người từ lâu rồi. Còn như việc quét đường phố, dọn băng đóng trên mái nhà với tiền thù lao khoảng 210 rúp một tháng thì không thể bắt họ cũng như toàn bộ số người thất nghiệp địa phương làm. Thế nhưng Sở tư vấn và cung cấp việc làm ở Furmanốp chẳng có gì khác để dành cho họ. Thực tế thì cũng có việc làm trong bệnh viện, nơi rất cần hộ lý trực đêm, nhưng tiền công cũng chỉ là 200 rúp. Thế những con người thất nghiệp này ăn uống ở đâu nếu như không phải tất cả những người ngoan ngoãn tuân thủ pháp luật đều được giáo dục cách ứng xử sao cho không tỏ thái độ phẫn nộ khi có những người lang thang ngoài phố ngồi xuống cạnh họ tại bàn ăn. Vả lại chính họ cũng chẳng dư dật gì để có thể đãi những môn đồ của cái bang. Ví dụ như

gia đình Ôdôrnốp, liệu túi tiền của anh có thể dùng để chi cho người lạ, trong khi túi tiền đó chỉ đủ nuôi sống anh và đứa con trai Antôn còn nhỏ của mình.

KHOAI TÂY - GIÁ TRỊ KHÔNG HƠN
NHƯNG CŨNG GẦN BẰNG CUỘC SỐNG

Galina Lôginôva đã trình đơn kiện lên toà án dân sự đòi kẻ phạm tội bồi thường tổn thất tinh thần: "Tội ác đối với chồng tôi đã gây tổn thất tinh thần nặng nề cho tôi. Tôi bị suy sụp tinh thần vì mất người thân. Tôi đòi hỏi phải được bồi thường 3.000 rúp"... Không nên cho rằng số tiền đòi hỏi trên là sự đánh giá không đúng mức về sự mất mát mà người nhà nạn nhân phải chịu, mà là cử chỉ khoan dung của một tín đồ của Chúa Giêsu Christ đối với "kẻ làm hại mình". Theo cách hiểu của người Furmanốp thì số tiền trên (toà án chấp nhận đơn kiện) là lớn và quá sức đối với khả năng tài chính của một thầy giáo, hơn nữa tài khoản của Ôdôrnốp đã bị tạm phong tỏa tiền. Quả thực là anh ta cũng chẳng còn gì. Anh ta chẳng có khoản dự trữ nào cho những ngày "hoạn nạn", bởi vì đối với gia đình anh ngày hoạn nạn không phải ngày mai, mà là ngày hôm qua và ngày hôm nay. Mikhain Ôdôrnốp con trai của một bà giáo và là chồng của một nữ giáo viên, đã phải làm hai công việc cùng một lúc, không chỉ ở trường mà còn ở vườn

trẻ để kiếm thêm tiền. Làm xong việc ở chỗ này, anh phải đi đến tận cuối đầu kia của thành phố để làm tiếp. Thậm chí vào ngày nghỉ cũng chẳng cho phép mình thư giãn nghỉ ngơi, và thế là tháng 8 năm đó gia đình Ôdôrnốp như thường lệ quên cả việc cần phải nghỉ ngơi, đã đến làm việc ở trại thiếu nhi "Ulianka". Mà làm việc ở đấy còn phức tạp hơn việc giảng dạy ở trường vì đó là khi mà những đứa trẻ rời trường học giống như những con sói con được thả vào rừng, khó kiểm soát vô cùng. Nhiều đồng nghiệp của chúng tôi không chịu đi trại hè với trẻ em cho dù được trả bất cứ món tiền nào - Iulia giãi bày. Nhưng còn chúng tôi, do hoàn cảnh bắt buộc phải làm việc này, nhưng cũng chẳng kiếm được nhiều nhặn gì, chỉ đủ mua cho con trẻ hoa quả, quyển sách hay bộ quần áo và trang trải được các món nợ như tiền gas, tiền nhà. Mà chồng tôi thì vẫn đang phải cấp tiền cho đứa con cả"... Trưởng phòng giáo vụ của Trường Đútkina khẳng định trước toà rằng Ôdôrnốp phải làm việc rất nhiều "anh ta luôn mệt mỏi, mất bình tĩnh và tất nhiên là không tránh khỏi sự quá căng thẳng".

Những phiếu lĩnh tiền lương của vợ chồng Ôdôrnốp của những tháng mà toà quan tâm - tháng 7, 8 và 9 - cũng được đưa vào hồ sơ vụ án. Lương trung bình của Iulia là 908 rúp còn của Mikhain là 1.200 rúp. Tổng số tiền đó là bao

gồm cả "những tháng được thưởng thêm". Nhà trường không phải lúc nào cũng có tiền mặt trong két. Có những khoản chi trả do không có tiền mặt nên phải thực hiện bằng trao đổi hiện vật, nhưng không phải ở quầy trả tiền mà ở trại lợn. Sau khi đã tính toán hiện vật thay tiền thì thấy phân lợn là thích hợp. Về chuyện này tôi được nghe Valentina Nicôlaépna Môrôdôva là mẹ vợ của Ôdôrnốp kể. Bà là giáo viên cấp I. "Chúng tôi lấy phân lợn để bón khoai tây, ruộng khoai của chúng tôi được chăm sóc rất tốt". Chẳng lẽ khoai tây đó không có nhiều ý nghĩa đối với gia đình Ôdôrnốp sao, khi mà nó được bón bằng chính loại phân được đổi bằng khoản tiền lương của mình? Cũng như trong quảng cáo, một củ khoai tây bình thường mà trở thành khoai tây vàng... Không còn là món ăn phụ nữa mà đối với nhiều người đó là món ăn chính, và việc gìn giữ những gì trồng được là biện pháp duy nhất để có thể đáp ứng nhu cầu vật chất. Còn trồng khoai tây để thu lợi nhuận thì họ không mơ tới. Đối với những người khốn cùng thì 3 hécta khoai tây của họ đã là những đồng tiền vàng, là khu mỏ Uranmas hay là những giếng dầu của chính họ, cổ phần của họ trong thời kỳ tư nhân hoá mà phải khó khăn lắm mới đoạt được. Với khoản thu nhập của giáo viên Nga hiện nay thì số khoai tây bị mất đi đối với anh ta cũng có ý nghĩa như khoai tây thay cho

bánh mỳ bị mất mát trong những năm chiến tranh. Thực lòng muốn nói rằng những người nghèo chẳng có gì để mất, không ai và không có điều gì dọa nạt được họ, nhưng ở đây cái để mất không phải là sự sống mà là cái chết. Những tên trộm đối với những người khốn cùng - sự cạnh tranh rất nguy hiểm. Chiến tranh xảy ra ở đây chính vì điều này, cuộc nội chiến xảy ra, trong đó người mình chống lại chính người của mình. Trong cuộc chiến đó không có người chiến thắng, cũng chẳng có sự thương xót. Ngay trên ruộng khoai tây, cuộc nội chiến như vậy đã diễn ra, trận đánh gây đổ máu vì mùa màng.

VỤ TỰ TỬ KHÔNG ĐƯỢC NHẬN THẤY

"Không muốn giết người, nhưng đã giết..." có sức thuyết phục không? Theo tôi thì có nếu như hiểu được một điều rằng một vụ tự tử đã xảy ra trước vụ giết người. Trên chiếc xe đạp đi về phía ruộng đêm hôm đó là một con người mà khi quay về lại là một con người hoàn toàn khác. Ôdôrnốp ngày xưa không còn tồn tại nữa, con người đó đã biến mất. Anh vừa mới tự kết liễu cuộc đời quá khứ của mình. Nhưng than ôi, điều này không được nhận ra trong quá trình xét xử, mặc dù về bản chất trong một đất nước đang có nhiều biến động, về cơ bản đang thay đổi các ưu tiên thì điều tương tự cũng xảy ra với nhiều người. Đúng như vậy: Để giết được Laginốp,

Ôdôrnốp đã phải trước hết giết chính mình và anh ta đã làm điều này. Không, đó không chỉ là lỗi của anh dù chắc chắn là anh cũng có lỗi. Vì cho dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào thì con người cũng phải làm chủ số phận của mình, cho dù, nếu số phận của người đó bỗng trong một tích tắc nào đó không kiểm soát nổi, trở nên không lối thoát. Từ đâu, ở người thầy giáo này xuất hiện lòng căm thù đến nỗi giết Laginốp, người mà anh chỉ mới gặp lần đầu? Chẳng phải từ đâu sao? Tại đây thẩm phán Lêônốp từ chối không chấp nhận rằng Ôdôrnốp đã hành động trong tình trạng bị kích động không kiểm soát được bản thân. Nhưng theo tôi đó không phải là kết luận cuối cùng mà chỉ là tạm thời. Giữa những nhân vật chính trong vụ xô xát này trước kia chưa bao giờ có cuộc xô xát nào, không ai xúc phạm ai, kể cả thân thể cũng như tinh thần. Vì để điều đó xảy ra thì đòi hỏi ít nhất họ cũng phải gặp nhau ít nhất một lần... Mà Ôdôrnốp thì biết mình rất rõ, trước anh đã từng là người đứng đắn và cư xử đúng mực. Cái con người (đứng đắn và cư xử đúng mực), mà đôi lúc anh không ưa thích sau đó chuyển sang căm ghét ấy là con người giống như nhiều đồng nghiệp. Con người ấy an phận với thực tại, trong mọi hoạn nạn của mình đều đổ lỗi cho hoàn cảnh khách quan... Anh ta căm ghét chính con người mình, cái con người đã nhìn rõ những mâu thuẫn hiển

nhiên giữa đời sống riêng của mình và những điều anh dạy dỗ học sinh. Hãy yêu công việc của mình, lao động một cách trung thực thì các em sẽ được đền bù xứng đáng. Khi có sự hài hoà trong tâm hồn thì sẽ có đời sống sung túc, dư dật ... Nhưng tìm đâu ra những điều này? - Sự hài hoà, cuộc sống đầy đủ?

Hay là anh ta không xứng đáng được hưởng những điều đó? Anh ta không lười biếng, không hoang phí cuộc đời. Anh ta sống nhờ 3 hecta khoai tây không được bảo vệ... Vậy thì sự công bằng ở đây là theo lôgíc nào? Ở trên thì chẳng cho thêm gì, ở dưới thì tước đoạt... Ai vậy? Bực thay cho những người gieo hy vọng cho tương lai và hiện tại, cho gia đình mình, cho tất cả tầng lớp giáo viên mà cứ suốt đời phải xin xỏ một điều gì đó đến mức luồn cúi... Trong cơn giận dữ, Ôdôrnốp trước sự bất lực của một giáo viên tỉnh lẻ đột nhiên nổi loạn, muốn thay đổi tình cảnh bằng chính sức mình, chấm dứt sự bất công và kết quả trở thành một con tin bất đắc dĩ của một năng lượng trả thù. Đã xuất hiện một "hội chứng giáo viên" mà ý nghĩa của nó có thể rất dễ hiểu khi nhớ tới "hội chứng người Tresnia". Thậm chí ở điều kiện bức xúc, trong một thời gian nhất định, sẽ để lại hậu quả tác động tới tâm lý con người. Thế thì còn nói gì về nhiều năm sống của cả một tầng lớp cùng nghề nghiệp của họ, trong điều kiện thường xuyên bị

căng thẳng, mong đợi mãi không đến thời đổi mới tốt lành. Vậy thì chuyện gì đang diễn ra với con người, khi họ phải sống nặng nề và suy sụp như vậy? Điều gì đã xảy ra với những người đàn ông ở trong hoàn cảnh kinh tế ấy đã không thể thực hiện thiên chức nuôi sống cho gia đình? Con người đang thay đổi. Thậm chí ngay cả những người cam chịu nhất và không còn những hoài bão lớn cũng đang thay đổi, tự biến đổi bản thân. Những ước mơ xưa trong họ đang lụi tàn và trên những mảnh vỡ của chúng nảy sinh một thế giới quan mới. Xuất hiện những cảm xúc khác lạ, nhưng than ôi những cảm xúc ấy thường hủy hoại chính bản thân họ. Trong con người xưa kia của họ không còn lại gì nhiều. Một làn sóng tự tử ở vùng Ivanốpxki đã nổi lên trong số những đại diện cho phái mạnh. Liệu điều đó có liên quan tới những thay đổi trên không?

Ở Furmanốp, tôi có nghe nói về công ty cổ phần "Xí nghiệp số 2" rằng có rất nhiều giáo viên đã vào đây làm việc, họ sẵn sàng chấp nhận bất cứ công việc nào, bởi vì ngay cả tiền lương thử việc mà xí nghiệp dệt này trả cũng còn cao hơn so với lương giáo viên. Và không chỉ giáo viên, theo gót những nhà sư phạm, các bác sĩ, cảnh sát cũng kéo đến đây để làm nghề rửa máy và quét xưởng. Dường như là chẳng bao lâu nữa, nước Nga có thể "tự hào" vì tỷ lệ kỹ sư và nhà sư phạm, bác sỹ và các nhà hoạt động văn

hóa có mặt trong hàng ngũ công nhân cao nhất thế giới. Những bậc thầy trong lĩnh vực chuyên môn của họ chuyển qua làm thợ phụ cho người khác. Việc chuyển đổi nghề như vậy, không chỉ là đặc trưng đối với vùng Furmanốp nhỏ bé này, mà đó là một sự chối bỏ toàn bộ đời sống quá khứ. Đây không phải là sự tự sát hay sao - một khái niệm rộng hơn là khái niệm tự từ bỏ thân xác của mình? Có bao nhiêu người như vậy trong thời đại khủng hoảng của chúng ta ngày hôm nay - biết bao nhiêu người tự tử không theo ý muốn, bao nhiêu người tồn tại chỉ bằng các chỉ số y học. Giáo viên, bác sỹ, sĩ quan giải ngũ, nhân viên thư viện nhân viên các câu lạc bộ, bảo tàng, chưa kể đến tầng lớp nông dân nói chung - hàng trăm nghìn, hàng triệu người đang sống trong hoàn cảnh giống như Ôdôrnốp. Tuy nhiên, chỉ có số rất ít đi tới hành động dã man cực độ. Cũng như "hội chứng Tresnia" cũng chỉ xuất hiện ở một số ít những người đã nếm trải nỗi kinh hoàng của cuộc chiến Tresnia mà thôi. Hoàn cảnh đã lựa chọn từ số đông những cá nhân mà số phận của họ đã lên tiếng tuyên bố về sự hủy diệt của họ, về tấn bi kịch tinh thần của hàng triệu người.

HIỆU ỨNG "TÌNH TRẠNG BỊ KÍCH ĐỘNG"

Khi nói chuyện với thẩm phán Lêônốp, tôi cố gắng tìm hiểu tại sao toà nhất định từ chối

không chấp nhận rằng Ôdôrnốp đã giết người khi đang trong tình trạng bị kích động. Mà điều này đã quyết định bản án theo Điều 111, chương IV của Bộ luật hình sự Liên bang Nga. Hành động được thực hiện với sự tàn ác đặc biệt hoặc gây đau đớn đối với nạn nhân đã không may dẫn đến cái chết của anh ta. Mặc dù hình phạt được tuyên thấp hơn cả mức thấp nhất - 4 năm tù và sẽ được giảm nếu có thái độ thụ án tốt - nhưng vẫn gây băn khoăn cho những người tuyên án. Sự thật là cấp xét xử cao hơn khi xem xét đơn kháng án cũng không chấp nhận thay đổi tội danh. Nhưng cũng có thể bàn tới việc giảm nhẹ hình phạt. Theo tôi, lôgíc của toà là không thể tranh cãi chỉ trong trường hợp nếu như vụ giết người ở Bốttép chỉ là hành động tức thời bột phát cá nhân giữa 2 nhân vật. Tuy nhiên, vượt qua giới hạn quan hệ giữa 2 con người là thực tại của xã hội, nguyên nhân dẫn đến hiện tượng mà những con người hoàn toàn không quen biết bỗng nhiên trở thành những người đối địch không khoan nhượng. Chẳng nhẽ mối quan hệ thoáng qua của họ lại là kết quả của những hiện tượng xã hội, những vấn đề lớn mang tính quốc gia hay sao? Nếu thừa nhận điều này thì sẽ xuất hiện một lôgíc nào đó ở ngay trong kết cục ngược với tự nhiên, đầy bi kịch của cuộc gặp duy nhất trong đời họ. Như vậy kẻ bị kết tội không phải là người ăn trộm

mà lại là người ngăn chặn hành động ăn trộm đó. Cậu bé Antôn Ôdôrnốp đã thấy vắng bố 3 năm. Những tuần đầu xa cách cậu bé lúc nào cũng hỏi: "Thế bố con đâu? Khi nào bố sẽ về?". Và cậu không cho phép ai ngồi vào ghế của bố mình. Nhưng bây giờ đã cho phép.

Bài báo này hay không chỉ vì nó cho phép đánh giá về những đặc trưng của điều tra báo chí về những sự kiện, tội phạm xã hội, mà còn vì nó chứa đựng một minh họa có giá trị giúp chúng ta hiểu được bản chất các mục đích đặt ra trước nghề báo điều tra nói chung. Đối tượng điều tra do nhà báo tiến hành mới thoạt nhìn tưởng chỉ như một vụ giết người vì những mâu thuẫn trong cuộc sống tầm thường. Có nạn nhân, có kẻ sát nhân đã đến công an thú nhận phạm tội. Vậy thì chẳng còn gì để điều tra nữa, mọi sự dường như đã rõ ràng. Có thể nói như vậy nếu như trong quá trình chuẩn bị bài viết tác giả cố gắng tập trung tìm kiếm những sự kiện chứng minh, chẳng hạn như nhân vật nào đó đã phạm tội cụ thể nào đó. Tuy nhiên, không giống nhiều nhà báo điều tra chuyên đề tội phạm xã hội cho rằng điều quan trọng nhất là tìm ra kẻ phạm tội, và làm việc song song với công an, A.Plútních hoàn toàn dựa trên những sự kiện đã được các cơ quan điều tra xác minh (về nguyên tắc, chính các cơ quan này phải có trách nhiệm tìm cho ra tội phạm). Mục đích

chính của nhà báo này không chỉ đơn giản là theo sau (hoặc cùng) các cơ quan tư pháp ghi nhận rằng, ví dụ, có tên Ôdôrnốp nào đó giết người đã bị bắt và chịu hình phạt nào đó - mục đích còn cao hơn nhiều.

Ngay phần đầu bài báo đã hướng bạn đọc không nên chờ đợi tác giả một lối "trình bày trắng-đen" sự việc được đề cập. Tác giả dường như đã báo trước về điều này bằng cách miêu tả chi tiết sự kiện giống như mở đầu chuyện trinh thám để dẫn người đọc vào vụ án này. Ngoài ra, sự mô tả thoạt đầu được trình bày như các sự kiện được đào xới đối với người nhà của người bị giết, nghĩa là trên phương diện cảm xúc. Các thông tin cụ thể về hoàn cảnh xảy ra vụ án (thời gian xảy ra, quá trình nhận dạng thi thể, kết luận về sự dã man mất tính người của kẻ sát nhân) được xuất hiện dần trong bài viết. Làm như vậy những bằng chứng đó không bị tách rời khỏi việc mô tả các hoàn cảnh "đời thường" khác của sự kiện xảy ra.

Theo tiến trình phát triển sự việc, thì hoàn toàn hiểu được rằng không phải ngẫu nhiên tác giả lại quan tâm làm sao trình bày hoàn cảnh đầy đủ chi tiết hơn. Về sau trở nên rõ ràng là sự việc không đơn giản chút nào. Trong quá trình lập luận của tác giả thì sẽ có vài lần cả hung thủ lẫn nạn nhân đều bị buộc tội và được bào chữa. Đây không chỉ là mong muốn của nhà báo

cố gắng khách quan trong đánh giá tình huống và trình bày khách quan sự việc với bạn đọc. Tuy nhiên, đây còn là nỗ lực không muốn bị hạn chế bởi cách giải thích đại loại như: "vì rất giận dữ nên đã giết người". Cả nội dung các đề mục của bài báo cũng "báo trước" cho độc giả về điều này, ví dụ như, "Lời thú tội của kẻ sát nhân không bình thường", "Nỗi đau của người khác", "Miệng ăn thừa trong gia đình", "Khoai tây - giá trị không hơn nhưng gần bằng sự sống", "Vụ tự tử không được nhận thấy", "Hiệu ứng "Tình trạng bị kích động"". Bạn đọc dường như hiểu rằng sự việc không chỉ giới hạn ở lời tuyên án (của toà hay nhà báo). Mong muốn dần dần bộc lộ của tác giả là tìm hiểu nguyên nhân tâm lý xã hội sâu xa của vụ việc đã xảy ra. Chính hậu quả của vụ án mới là đối tượng mà tác giả nghiên cứu sâu hơn, chứ không phải hoàn cảnh xảy ra tội ác.

Nhà báo cố gắng làm sáng tỏ điều đang xảy ra với những con người hoàn toàn bình thường như thầy giáo Ôdôrnốp, một con người cả đời làm ăn lương thiện, tốt bụng, sẵn sàng giúp người, và trong tích tắc bỗng trở thành kẻ sát nhân man rợ. Đâu là nguyên nhân làm con người biến đổi, dẫn họ đến tình trạng không kiểm soát được hành động của mình và chỉ vì một xô khoai tây mà dám giết một người mà anh ta không hề ghét? Trong tiến trình điều tra,

nhà báo đi đến một kết luận đanh thép rằng nguyên nhân đó chính là thảm hoạ xã hội mà bản chất của nó là ở chỗ nhà nước bất lực hoặc không muốn bảo vệ những cộng đồng nghề nghiệp quan trọng đối với đất nước (trong đó có cộng đồng giáo viên) thoát khỏi đói nghèo và thường liên quan tới sự bần cùng hóa.

Những "băng đảng" tội phạm len lỏi vào giới cầm quyền nhờ sự trợ giúp của những tên chóp bu tham nhũng "những người cải cách" theo như cách nói của chúng, đã trắng trợn "bần cùng hoá" (trước hết bằng cuộc "tư nhân hoá" lừng danh) giới tri thức trong nước, bác học, nhà giáo, chưa nói đến các tầng lớp công dân khác, và làm cho điều kiện tồn tại của họ trở nên không thể chịu đựng nổi. Điều này giải thích cho vô số các tai họa song hành cùng đời sống hiện tại của những con người này. Chính "hoàn cảnh" chung này (chính tác giả gọi các nguyên nhân đó như vậy) đã biến nhiều người trong số họ trở thành kẻ phạm tội như xảy ra với Ôđôrnốp, và qua họ "lớn tiếng báo động về bi kịch của hàng triệu người". Cần phải chiến đấu chống lại nguyên nhân này để ngăn ngừa điều tương tự như đã xảy ra ở vùng Ivanốpxki. Đây chính là kết quả chính, kết luân cuối cùng của cuộc điều tra do nhà báo A.Plútních thực hiện.

Thực chất nhà báo không điều tra tội phạm của Ôđôrnốp, mà sử dụng vụ giết người do anh

ta thực hiện và hình phạt phải chịu chỉ để điều tra tội phạm xã hội nghiêm trọng hơn, lớn hơn nhìn trên góc độ những tác động của chúng đối với những diễn biến trong xã hội. Tác giả muốn nói đến tội ác được thực hiện bởi những kẻ khác Ôdôrnốp ở chỗ chúng không hề bị ngồi tù mà vẫn nắm trong tay hàng triệu, hàng tỷ đôla, sống xa hoa, khinh bỉ những người sống lương thiện làm tròn bổn phận của mình, ví dụ như phần lớn những giáo viên.

Không khó khi đưa ra kết luận rằng các điều tra chuyên đề đời sống xã hội đòi hỏi nhà báo phải được đào tạo thật tốt để có thể không chỉ vào vai "Shelochom", mà còn là nhà tâm lý xã hội, nhà sư phạm, và người chẩn đoán những căn bệnh của xã hội. Chỉ như vậy thì công việc của nhà báo trong lĩnh vực này mới có thể thực sự trở nên hấp dẫn và có ích cho bạn đọc của mỗi báo nói riêng và cho xã hội nói chung.

VI-BÀI BÁO ĐIỀU TRA

Kết quả của bất cứ hoạt động nào, kể cả hoạt động của nhà báo điều tra, như thường nói, "được thể hiện cụ thể" bằng một sản phẩm nào đó. Sản phẩm kết quả điều tra của nhà báo là bài viết. Chính nhà báo phải đưa đến độc giả những sự kiện và kết luận mà anh ta đã nhận được trong quá trình điều tra. Vì vậy, vấn đề

trình bày thông tin đã nhận như thế nào sẽ được đặt ra trước nhà báo trong từng trường hợp cụ thể. Tất nhiên là nhà báo càng có kinh nghiệm thì càng không phải suy nghĩ nhiều về vấn đề này. Tuy nhiên những người mới bắt đầu vào nghề thì không hề vô ích nếu được giới thiệu về cách trình bày kết quả điều tra trong quá trình soạn thảo bài để đăng.

Cần hiểu rằng, vấn đề soạn thảo bài báo đã có khá nhiều công trình nghiên cứu, phân tích các khía cạnh khác nhau của chúng. Mỗi sinh viên báo chí có thể tìm thấy trong các công trình nghiên cứu như vậy điều mà họ quan tâm nhất. Vì vậy trong phần này chúng tôi chỉ dừng lại ở điểm chúng tôi cho là quan trọng nhất - dự đoán tính dễ hiểu và vừa sức của bài viết đối với độc giả. Đó chính là yếu tố xây dựng cấu trúc bài. Tâm lý học hiện đại chứng minh rằng chính trong cấu trúc bài viết chứa đựng "chương trình" tổ chức quá trình nhận thức - có nghĩa là giúp người đọc hiểu bài viết. Việc hiểu đúng điều nhà báo điều tra muốn trình bày chỉ diễn ra khi cấu trúc "chương trình" này là rõ ràng đối với bạn đọc.

Cấu trúc bài viết xuất hiện như thế nào? Đó là khi nhà báo xem mình là nhà điều tra, chỉ tập trung miêu tả khách quan tiến trình điều tra (các bước của nó), thì cấu trúc bài viết tự nhiên hình thành như là kết quả của việc miêu tả đó.

Trong trường hợp này, nhà báo chủ ý không nghĩ tới việc bắt đầu từ đâu và kết thúc như thế nào, sử dụng ngôn ngữ ra sao, để nhóm độc giả cụ thể có thể hiểu được. Tác giả dường như hiển nhiên cho rằng độc giả sẽ tiếp nhận tất cả những gì anh viết. Điều này không có nghĩa là tác giả sẽ thất bại, vì không phải là nhà điều tra mà là nhà báo nên tác giả sử dụng hình thái, phương pháp, ngôn ngữ nhận thức tồn tại trong suy nghĩ thường nhật, đơn giản mà mỗi con người bình thường đều có thể hiểu được. Quá trình và cách nhận thức quen thuộc với cả tác giả và người đọc tạo nên cấu trúc quen thuộc của sản phẩm là bài viết của nhà báo. Tuy nhiên, trong trường hợp này cũng có thể không đạt được hiệu quả truyền thông. Cấu trúc quen thuộc của bài viết có thể trở nên tẻ nhạt đối với người đọc. Cũng có trường hợp khi tác giả vì chỉ tập trung giải thích các quan hệ của đối tượng phản ánh, có thể dùng các hình thức, phương pháp, và ngôn ngữ nhận thức không hề quen thuộc đối với độc giả tạo ra cấu trúc trình bày rắc rối đối với khả năng nhận thức của một nhóm độc giả nhất định. Bài viết trở nên không hiểu có nghĩa là không được chấp nhận.

Nhưng nhà báo có thể tập trung không chỉ vào việc xác nhận (ghi nhận) quá trình hoặc nhu cầu nhận thức (hay các bước của quá trình đó) của độc giả, mà còn vào những đòi hỏi đối với một bài

viết như một phương tiện giao tiếp với độc giả (chúng ta gọi là nhu cầu truyền thông). Trong trường hợp này, nhà báo không chỉ đơn thuần trình bày quá trình nhận thức, xây dựng cấu trúc của bài viết làm sao giúp cho độc giả nhận thức và hiểu đúng tác giả một cách tối đa. Vì cấu trúc của một bài báo có nhiều cung bậc nên việc định hướng xây dựng bài viết có tính đến nhu cầu truyền thông phải giúp người đọc hiểu nội dung bài viết. Rõ ràng là bài viết sẽ chỉ được cảm nhận và hiểu ở từng mức độ khi nó phù hợp với hàng loạt đòi hỏi, sự mong đợi và nếp cảm nhận quen thuộc khác nhau của người đọc. Chính vì thế nếu tác giả muốn bài viết của mình được người đọc hiểu đúng thì sẽ phải nghiên cứu, dự đoán những đòi hỏi, những kỳ vọng, nếp cảm nhận quen thuộc của độc giả, rồi sau đó xây dựng bài viết theo cấu trúc thích hợp với từng đối tượng.

Mặc dù trong phần lớn các bài viết nhà báo sử dụng chính kinh nghiệm và trực giác của mình. Song, điều này không loại trừ khả năng sử dụng hàng loạt các hiểu biết có cơ sở khoa học về sự kỳ vọng, đòi hỏi, nếp cảm nhận quen thuộc của bộ phận độc giả nhất định đối với cấu trúc của bài báo.

Xây dựng cấu trúc đáp ứng những đòi hỏi, kỳ vọng của độc giả và bằng cách đó tạo tiền đề đánh giá tích cực cho bài viết được thực hiện bằng các phương pháp thích hợp có tính đến

những đòi hỏi và kỳ vọng như vậy. Chúng ta hãy xem xét những đòi hỏi đó.

PHƯƠNG PHÁP "XÁC NHẬN" TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG BÀI VIẾT

Ngày nay, khoa học đã chứng minh rằng có các tuýp độc giả, khán giả truyền hình, thính giả đài phát thanh khác nhau. Tạm chia thành hai nhóm sử dụng thông tin như sau: 1) Nhóm có định hướng theo nhận thức lôgíc 2) Nhóm có định hướng theo cảm xúc. Vì thế, những kỳ vọng đối với bài báo cũng khác nhau. Có thể tạm cho rằng những người theo định hướng "lôgíc" chủ yếu quan tâm tới những bài viết ghi nhận hành vi nhận thức các đối tượng thực tế. Nếu tác giả tính đến những kỳ vọng của đối tượng tiếp nhận thông tin "lôgíc" này cùng mục đích của họ nhắm tới thông tin khách quan về vấn đề được phản ảnh và xây dựng bài viết của mình hướng tới các kỳ vọng đó thì có thể nói rằng nhà báo đang thực hiện phương pháp "xác nhận" trong quá trình xây dựng bài viết.

Nền tảng của cách tiếp cận như thế bao gồm phương pháp miêu tả, ghi nhận hành vi nhận thức đối tượng của thế giới thực tại mà nhà báo sử dụng. Trong trường hợp sử dụng cách mô tả hành vi nhận thức theo trình tự diễn biến sự kiện để xây dựng bài viết thì có thể coi đó là cách cấu trúc bài viết bằng lối miêu tả theo

trình tự diễn biến sự kiện. Để hiểu được cấu trúc nào của bài báo có thể nảy sinh trong quá trình ghi nhận hành vi nhận thức, hãy nhớ lại quá trình nhận thức, hoạt động nhận thức (trong đó có hoạt động điều tra) là gì, bộ phận cấu thành và cấu trúc của chúng như thế nào. Theo quan điểm của các nhà nhận thức luận thì quá trình nhận thức là kết quả tác động qua lại của các yếu tố cơ bản sau:

a) Hoạt động nhận thức của con người;

b) Phương tiện nhận thức;

c) Các khách thể và đối tượng nhận thức;

d) Tri thức.

Hoạt động nhận thức là một yếu tố trong quá trình nhận thức và đồng thời liên kết các yếu tố khác thành một khối thống nhất. Hoạt động này hướng tới những vật thể có thực, các hiện tượng, các thuộc tính, các mối quan hệ, các tác động qua lại, tư cách và hành động của chính con người. Những khách thể và thuộc tính của chúng trở thành đối tượng của hoạt động nhận thức.

Bất cứ nhận thức nào cũng có thể được xem xét ở các khía cạnh khác nhau: mục đích, quá trình, phương tiện, phương pháp, kết quả. Trong quá trình xây dựng bài viết, nhà báo có thể ghi nhận một hay vài khía cạnh nhận thức về đối tượng. Tất nhiên quan trọng hơn cả đối với nhà báo là ghi nhận quá trình nhận thức hiện thực dưới hình thức kết quả của quá trình đó (đây chính là các

câu trả lời một phần những câu hỏi tổng hợp trong giao tiếp như: Cái gì? Ở đâu? Khi nào?) Làm rõ các mặt thực tế của đối tượng thì quá trình nhận thức tạo nên các thông tin tương ứng với thực tế. Và trong trường hợp này, việc ghi nhận, miêu tả trong bài viết điều nhận thức được sẽ tái tạo ra một cấu trúc chịu ảnh hưởng ở mức độ nào đó từ cấu trúc của đối tượng được phản ảnh.

Các đối tượng được nhà báo phản ảnh rất khác nhau và đôi khi rất phức tạp. Đối tượng phản ảnh của báo chí như chúng ta được biết có thể là các sự kiện, hiện tượng; hoạt động sản xuất, sáng tạo của con người; cách hành xử của con người. Trong trường hợp nhận thức đối tượng như vậy được miêu tả như một sự kiện (hiện tượng riêng lẻ), thì cấu trúc bài viết được hình thành dưới hình thức trả lời cho các câu hỏi sau: Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Làm thế nào? Nếu phản ánh hoạt động sản xuất của con người thì bài viết sẽ có cấu trúc hoạt động (mục đích - phương tiện - điều kiện, quá trình hoạt động - kết quả hoạt động). Và việc miêu tả quá trình hoạt động đó được thực hiện qua trả lời các câu hỏi như sau: mục đích hoạt động là gì? Các phương tiện hoạt động như thế nào? Điều kiện hoạt động thế nào? (điều gì thúc đẩy hoặc cản trở hoạt động, có những vấn đề gì xảy ra trong quá trình hoạt động?), thu được kết quả gì? Đánh giá và tự đánh giá quá trình hoạt động và

người tham gia quá trình đó như thế nào? Kế hoạch hành động trong tương lai như thế nào?

Nếu tác giả viết bài về một con người thì cấu trúc bài được hình thành theo mạch trả lời cho các câu hỏi sau: Người này đã làm gì? Khi nào? Ở đâu? Với mục đích gì? Điều gì giúp người này thành công, điều gì cản trở hoạt động của anh ta? Người này tự đánh giá hoạt động của mình như thế nào? Người khác đánh giá thế nào? Tuy nhiên, cấu trúc bài viết không nhất thiết phải đưa ra tất cả các câu trả lời cho những câu hỏi đã liệt kê ở trên, mà chỉ với những câu mang tính thời sự được quan tâm nhiều hơn trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác.

Kết quả của quá trình nhận thức tất nhiên có thể không chỉ là ghi nhận những khía cạnh nào đó đã được nghiên cứu của đối tượng phản ảnh, mà còn giải thích, đánh giá, chỉ dẫn hành động liên quan tới đối tượng này. Đương nhiên, khi miêu tả kết quả nhận thức như lời giải thích thì trong bài viết sẽ nổi bật lên cấu trúc giải thích. Còn nếu ghi nhận sự đánh giá, chỉ dẫn thì trong bài viết cũng thấy rõ cấu trúc của chúng. Như vậy, cấu trúc chung của của bài viết hình thành trước hết từ quan điểm cho rằng quá trình nhận thức đã được khắc sâu vào con người hướng tới đối tượng điều tra có thể được mô tả theo trình tự như sau: Miêu tả sư kiện - giải thích - đánh giá - chỉ dẫn (lời khuyên).

Cần phải nói tiếp rằng trong một bài viết "sinh động" phản ảnh quá trình nhận thức (quá trình điều tra) diễn ra không chỉ bằng hình thức xác nhận kết quả cuối cùng của thông tin nhận được. Các tác giả thường mô tả cả cơ chế áp dụng phương pháp nhận thức này hay phương pháp khác, vẽ ra những "bức tranh" mô tả quá trình, điều kiện hoạt động nhận thức. Việc ghi nhận quá trình điều tra được thể hiện ở các khía cạnh trong bài viết dẫn đến tình trạng cấu trúc này "chồng chất" lên cấu trúc khác tạo ra thể đan quyện phức tạp. Trong trường hợp không hài lòng về việc miêu tả kết quả cuối cùng của hoạt động, sự kiện nào đó, mà lại cố gắng làm rõ nguyên nhân tạo nên kết quả, đánh giá kết quả, và những nỗ lực để đạt kết quả đó, nhà báo ít nhiều nhất định sẽ phải miêu tả mối liên hệ qua lại giữa các hiện tượng. Chính mối liên hệ này trở thành nền tảng cấu trúc bài viết, xác định việc thiết kế bài viết. Chúng ta cùng xem điều này có thể diễn ra như thế nào dựa trên bài báo ngắn đăng trên tờ "*Sự thật đoàn viên*" ra ngày 14-4-1996 với tựa đề "Vụ nổ trên sân ga".

"Vào buổi chiều ngày hôm nay, tại ga Mátcốpxki ở thành phố Xanh Pêtécbua xảy ra vụ nổ làm bị thương một số người, trong đó có hai người bị thương nặng. Dự đoán là vụ nổ xảy ra sau khi có một người đi bộ ném một bọc vào thùng rác. Có giả thuyết khác cho rằng một thiết bị kích

nổ nằm trong cặp của một nạn nhân đã phát nổ. Hiện nay sân ga Mátcốpxki đã đóng cửa. Chỉ cho phép những hành khách có vé trong tay, và dân địa phương có mang theo chứng minh nhân dân vào ga lên các chuyến tàu rời thành phố".

Cơ sở của cấu trúc bài báo này là mối quan hệ nhân-quả giữa các sự kiện. Câu mở bài thông báo hai dữ liệu - về vụ nổ và hậu quả của nó (làm người bị thương). Ở đây vụ nổ được xem là nguyên nhân làm hành khách bị thương. Trong câu thứ hai tác giả nêu hai giả thuyết - nguyên nhân gây nên vụ nổ. Câu thứ ba cũng ghi nhận hai sự kiện. Một là thông báo về việc sân ga đóng cửa, hai là thông báo về việc chỉ cho phép những người có giấy tờ thích hợp lên tàu. Hai sự kiện này được xem là tình hình ở nhà ga sau vụ nổ. Câu mở đầu có nội dung trả lời cho các câu hỏi: cái gì? ở đâu? khi nào? Câu thứ hai miêu tả vụ nổ xảy như thế nào và tại sao. Câu thứ ba trả lời câu hỏi: hành khách vào ga lên tàu như thế nào sau vụ nổ?

Xem mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện tác giả thuật lại có thể dễ dàng nhận thấy rằng trong thực tế các sự kiện đó "được bố trí" theo trình tự thời gian, có nghĩa là sự kiện này xảy ra tiếp theo sau sự kiện khác chứ không giống như trình bày trong bài viết. Diễn biến sự kiện trên thực tế như sau: trước tiên người khách qua đường ném một bọc vào thùng rác (hoặc thiết bị kích nổ trong cặp một hành khách phát nổ),

theo sau là tiếng nổ và xuất hiện những người bị thương; sau đó nhà ga đóng cửa, và chỉ cho hành khách có vé vào ga, còn dân địa phương phải xuất trình giấy tờ tuỳ thân. Tuy nhiên mối quan hệ nhân quả này đã được "cải biến" theo cách tác giả nhận thức các sự kiện. Trước tiên tác giả biết tin về sự kiện xảy ra và hậu quả nghiêm trọng của nó (người bị thương), rồi cố gắng làm sáng tỏ nguyên nhân dẫn đến vụ nổ, và sau đó là những hậu quả khác (tình hình nhà ga ngày hôm nay). Tác giả đã trình bày các sự kiện theo trình tự lôgíc đó trên mục tin vắn. Quá trình nhận thức trở thành nền tảng cho sự trình bày lôgíc các tư liệu đã thu nhận được, đồng thời mối quan hệ nhân - quả vẫn là nền tảng cốt lõi cho bài viết được trình bày dưới hình thức đã "cải biến" (không trùng hợp với trong thực tế). Hay nói cách khác, khi miêu tả mối quan hệ qua lại của các sự kiện mà tác giả điều tra, cấu trúc bề ngoài và bên trong (nội dung và hình thức) của bài viết có thể không trùng hợp, nhưng không có nghĩa là chúng không thể trùng hợp - điều này hoàn toàn có thể xảy ra nếu tác giả nhận biết mối quan hệ qua lại của các sự kiện theo trình tự kế tiếp lôgíc như trong thực tế đã diễn ra và trình bày chúng theo trình tự đó.

Theo quan điểm của tác giả, khi điều mà độc giả quan tâm không phải là các giai đoạn rời rạc mà là cả quá trình điều tra một sự kiện nào đó,

từ lúc xuất hiện mục tiêu cho đến khi thu nhận được kết quả nào đó, thì tác giả có thể miêu tả toàn bộ quá trình nhận thức, theo các bước điều tra của mình. Toàn bộ cấu trúc bài viết hình thành từ việc ghi nhận quá trình nhận thức có thể rất phức tạp. Vì vậy đòi hỏi phải tính toán cẩn thận mối tương quan khối lượng các yếu tố hành vi nhận thức đưa vào bài viết để có được cấu trúc bài viết hợp lý, giúp người đọc hiểu đúng ý tác giả. Miêu tả nguyên vẹn hành vi nhận thức thường gặp trong các bài điều tra "qui mô lớn". Ví dụ như bài báo thuật lại cuộc điều tra của các nhà báo thành phố Xanh Pêtécbua, đăng trên Internet dưới đề mục "Đã hai tháng chúng tôi tìm kiếm Maljút. Và đã tìm thấy anh ta." Bài viết mở đầu bằng việc đi thẳng vào bản chất vụ việc mà nhà báo điều tra.

"Ký sự điều tra vụ án giết Víchto Nôvôxêlốp"

Cuộc truy tìm Alếchxanđrơ Maljút kẻ bị tình nghi tham gia vụ giết Víchto Nôvôxêlốp do Ban điều tra báo chí tiến hành kéo dài hai tháng và đã thành công. Đêm 20-12-1999 Maljút đã bị bắt giữ".

Và dưới đây là toàn bộ quá trình điều tra, từ đầu đến "khi kết thúc":

"20-10-1999. Buổi sáng.

Víchto Nôvôxêlốp bị giết khoảng 9 giờ sáng thứ Tư ngày 20 tháng 10. (Rõ ràng là các nhà báo ngay lập tức nắm được đối tượng điều tra cụ thể

từ thông báo của cảnh sát - A.T.) Lúc 11 giờ ba nhân viên ban điều tra báo chí đã có mặt tại hiện trường xảy ra vụ án mạng, và chúng tôi được biết rằng vào lúc 8.45 Nôvôxêlốp được đưa lên một xe công vụ hiệu "Volvo 940" mang biển số 01210078 ngồi ghế trước cạnh người lái xe. Trước khi xe chạy, người ta đã cất chiếc xe lăn của vị nghị sĩ vào cốp xe để hành lý. Ngồi ghế sau là người bảo vệ và chị hộ lý của Nôvôxêlốp, người cùng sống trong nhà của vị nghị sĩ này. Chiếc xe ra khỏi sân ngôi nhà số 198 bên đại lộ Mátxcơva chạy vào phố Phrunde với tốc độ 15km/h. Đến điểm cắt giữa đại lộ Mátxcơva và phố Phrunde thì chiếc xe phanh lại cách không xa đèn giao thông.

Đúng lúc đó có một thanh niên trong bộ trang phục thể thao, đeo tai nghe và mặc áo gilê chống đạn nhẹ hiệu nhập ngoại chạy lại chiếc "Volvo" và ném lên nóc xe ngay gần chỗ của tài xế, nơi Nôvôxêlốp ngồi một chiếc túi pôliêtilen, sau đó hắn chạy khỏi chiếc xe. Một tiếng nổ vang lên. Ngài Víchto Nôvôxêlốp chết ngay tại chỗ. Người lái xe bị thương nặng.

Người bảo vệ lao ra khỏi xe và nổ súng bắn hai phát vào người đàn ông đang tháo chạy. Tên sát nhân bị thương vào cổ đã bị bắt. Ngoài ra, cảnh sát cũng bắt giữ thêm được một người mà các nhân chứng cho biết đã được tên bị thương kia ra dấu hiệu gì đó. Cảnh sát tịch thu ở tên thứ hai bị bắt này cái gì đó giống như là bộ đàm

có dây dẫn hoặc là bộ điều khiển từ xa. Các thông tin này được các nhân viên điều tra có mặt tại nơi xảy ra vụ án cung cấp, và không ai phủ nhận chúng. (Các nhà báo nhận được tin về việc bắt giữ các tội phạm, vì thế mục tiêu điều tra tiếp theo của họ là làm sáng tỏ danh tính những tên tội phạm đó. - A.T.)

Bắt đầu xuất hiện các mâu thuẫn.

Thông tin cần suy xét:

Đài phát thanh thành phố và cơ quan báo chí Sở Nội vụ Mátxcơva (GUVD) đã đưa tin kẻ sát hại nghị sĩ Nôvôxêlốp bị thương và đã chết. Tin này đã gây ra những nghi ngờ. Theo như tình trạng vết thương đã mô tả thì hắn không thể chết được. (Các nhà báo tạm đưa ra giả thuyết như vậy và đặt cho mình nhiệm vụ phải kiểm chứng điều đó. - A.T.)

12.00

Họ đã quyết định phải kiểm chứng điều này, nhưng tiến hành như thế nào? Đến bệnh viện mà tên bị thương có thể được chở đến, nhưng bệnh viện nào? Có lẽ hắn được chở đến bệnh viện gần nhất. Trong trường hợp này thì bệnh viện nằm trên phố Côchiuscô được xem là bệnh viện gần nhất. Ở bệnh viện này người ta không cung cấp bất cứ thông tin nào về ca nhập viện của một thanh niên bị bắn bị thương. Nhưng vào trong bệnh viện thì không khó khăn gì. Tình cờ các nhà báo biết được vừa mới đây người ta có

chở đến một thanh niên có cảnh sát đi kèm, nhưng bây giờ đã được đưa đi hoặc đang trên đường đưa đi đâu đó.

Nhưng đi đâu? Nếu như không phải là chở vào nhà xác thì có lý hơn cả là vào trạm phẫu thuật dã chiến của Học viện quân y. Không chậm trễ, các nhà báo đi đến trạm quân y. Họ đứng ở chỗ thuận tiện cho việc theo dõi xem ai ra, ai vào. Sau 15 phút, có người được chở đến có cảnh sát dẫn giải. Như vậy có nghĩa là tên giết người vẫn còn sống...

Nhưng trong quân y viện người ta sẽ không giữ tên trọng phạm bị thương nếu những vết thương của hắn không quá nặng. Chắc chắn hắn sẽ được chở đến một nơi được canh giữ nghiêm ngặt hơn. (Các nhà báo tạm đưa ra giả thuyết tiếp theo và đặt ra nhiệm vụ kiểm chứng giả thuyết đó. - A.T.)

Ngày hôm sau các nhà báo khẳng định rằng mình đúng. Chúng tôi đến một bệnh viện của nhà tù, giới thiệu mình là nhà báo và bắt đầu trò chuyện với tất cả những người ra vào ở đó. Sau 2 tiếng đồng hồ, một nhân viên bệnh viện cho chúng tôi biết rằng kẻ bị bắt tại nơi hắn đã giết nghị sĩ Nôvôxêlốp chiều hôm qua đã được chở đến đây từ viện quân y. (Giả thuyết đã được kiểm chứng, sự kiện cần thiết đã được xác minh. -A.T.)

16.00 giờ, sau 2 tiếng đồng hồ, họ tên kẻ bị bắt thứ 2 cũng được làm rõ, đó là: Nicôlai

Pêtrốp. Sau 20 phút nữa thì biết được hắn có hộ khẩu ở đâu. Theo thông tin chính thức, tên này đăng ký hộ khẩu cùng với mẹ ở đại lộ Bônsê Ôkhtinxki. Chúng tôi tiếp tục lên đường và quyết định không vào căn hộ ngay, mà trước tiên thăm dò những người hàng xóm. Chúng tôi tự bịa ra câu chuyện: Chúng tôi là nhà báo nhưng không điều tra vụ giết Nôvôxêlốp mà đang điều tra vụ gian lận tài chính dạng "Atlantida" của một công ty. Trong vụ này có liên quan tới một nhân vật tên là Nicôlai Pêtrốp nào đó và chúng tôi đến đây để tìm hiểu xem có phải Nicôlai Pêtrốp này hay không? (Chúng tôi nhận được các thông tin mới về tên nghi phạm thứ 2 Nicôlai Pêtrốp. Đặt ra trước mắt một nhiệm vụ kiểm chứng những thông tin này, phác thảo ra phương án điều tra. - A.T)

Chúng tôi gặp một bà cụ hàng xóm, cụ nói rằng đúng là có một Pêtrốp như vậy, nhưng anh ta không sống ở đây, chỉ có mẹ anh ta sống ở căn hộ này thôi và bà không thể nói bất cứ điều gì xấu về gia đình này cả.

Chúng tôi bấm chuông cửa. Ra mở cửa là một người đàn ông cao to. Bên cạnh là một phụ nữ trạc 60 tuổi. "Các anh tìm ai?" - Người đàn ông lên tiếng hỏi. "Chúng tôi đến gặp Nicôlai Pêtrốp" - "Mời các anh vào. Các anh là ai?" - "Thế còn ông là ai?" - "Chúng tôi từ Cơ quan An ninh Liên bang FSB" - "Còn chúng tôi ... nhà

báo". Hai bên cho nhau xem giấy tờ của mình.

Căn hộ bà mẹ Pêtrốp trông không giàu có, và chỉ có bộ bàn ghế cũ. Trong căn hộ đã có 8 người không kể chúng tôi. Mẹ của Pêtrốp, 4 nhân viên FSB, 1 điều tra viên và 2 người làm chứng, có lẽ là những người hàng xóm mà chúng tôi đã không gặp trước đó. Các nhân viên FSB và nhà điều tra, không tiết lộ gì cho chúng tôi và cũng không cho chúng tôi nói chuyện với mẹ của Pêtrốp. Bà mẹ không hiểu chuyện gì đang xảy ra và liên tục hỏi nhà báo đến đây để làm gì. Có vẻ như là người của FSB đã nghĩ ra cách giải thích gì đó đối với bà ta. Chúng tôi được tiễn khỏi căn hộ đến tận đường cái. (Chúng tôi đã xác minh tính chính xác của những thông tin về Nicôlai Pêtrốp với độ tin cậy khá cao. A.T)

21.00

Ngay từ đầu chúng tôi được biết rất ít về nghi phạm đầu tiên. Ngoài những nét mô tả rất khái quát vẻ ngoài của hắn và rằng hắn chưa chết, (mặc dù các nhân viên cảnh sát khẳng định hắn ta đã chết), chúng tôi không biết gì thêm. Lúc đầu có tin họ của hắn là Guxinxki. Sau đó lúc thì Bugiơcốp lúc thì Gugiơcốp. Sau đó có người phát hiện ra rằng kẻ bị bắt là Ắctua Bugiơcốp sinh năm 1971.

Trong thành phố chẳng có ai là Ắctua Bugiơcốp. Chắc có lẽ đây là sự nhầm lẫn. Nhưng cũng có thể không phải là sự nhầm lẫn 100%. Vì

dụ, tên Ắctua khá hiếm và người nhớ được tên đó khó mà nhầm lẫn được nếu không phải là bịa ra. Hơn nữa những cái tên này có cái gì đó giống nhau: Bugiơcốp - Gugiơcốp - Guxinxki. Chúng tôi bắt đầu đi tìm những tên họ có gốc từ giống nhau - Bútcốp, Cugiơcốp, Gugiơcốp ...

Cuối cùng chúng tôi tìm được Ắctua Gútcốp sinh năm 1966 người Bêlarusia - thành phố Bốpruixcơ thuộc tỉnh Môgilépxki. Giải ngũ vào năm 1967, đăng ký hộ khẩu ở một chung cư thuộc quận Sôxnôvưi Bôrơ. Việc làm rõ thông tin về nhân vậy này trở nên dễ dàng hơn. (Nhà báo biết được họ tên của nghi phạm bị thương thứ nhất là A.Gútcốp và quyết định tiếp tục làm rõ về anh ta. - A.T.)

Ngày 21-10

10.00

Thông tin để suy xét: Gútcốp từ năm 1995 làm nhân viên của công ty "Esaul". Năm 1997, phòng điều tra của cảnh sát quận Xôxnôvưi Bôrơ đã không truy tố Gútcốp vì tội (gây gổ đánh nhau và những hành vi côn đồ khác) do hắn đã ăn năn hối cải. Năm 1998, Gútcốp bị truy nã toàn liên bang vì bị tình nghi đã thực hiện một số vụ tống tiền và giết hại giám đốc công ty "Sao phương Bắc".

Sự việc diễn ra như sau: Ngày 4-3 năm ngoái, vào khoảng nửa đêm, tại ngã tư của đại lộ Lênin và đại lộ Nguyên soái Giucốp một chiếc xe buýt

nhỏ hiệu "Folksvagen" do Gudkov điều khiển chạy cắt ngang chiếc xe con của Alếchxanđrơ Pôtápkin- 36 tuổi- giám đốc - người sáng lập Công ty "Sao phương Bắc" và Nhà máy thiết bị phục vụ thương mại - cùng với vợ ông ta trên đường trở về nhà. Cả hai dừng xe, xô xát đã xảy ra. Sự việc kết thúc bằng việc Gútcốp rút súng lục "Makarốp" và bắn Pôtápkin cùng lái xe của ông ta. Pôtápkin bị thương nặng, sau hai tiếng rưỡi đã chết trên bàn mổ. Gútcốp bỏ trốn. (Sau đó một vài ngày chúng tôi còn biết thêm những chi tiết mới của vụ việc: có vẻ như Gútcốp đã nổ súng sau khi Pôtápkin với tay lấy khẩu súng trường cưa nòng của mình). (Các nhà báo đưa các thông tin đã biết về Gútcốp từ kho tư liệu của mình vào cuộc điều tra - A.T). Các cơ quan bảo vệ luật pháp vẫn tiếp tục phủ nhận tin nói kẻ tình nghi bị thương và bị bắt giữ ở nơi xảy ra vụ án vẫn còn sống .

14.00

Có một thông tin mới về Pêtrốp- anh ta đã bị xử án, cần phải lập tức đến toà án trước khi FSB chưa kịp tham gia vào vụ việc, nhanh chóng thảo ra các văn bản yêu cầu cho phép nhân viên của ban điều tra báo chí được tiếp xúc với hồ sơ xét xử vụ án, quan toà đã cho phép các nhà báo được đọc. Cùng thời gian đó có các cú điện thoại từ FSB nói rằng họ sẽ theo đuổi vụ án này mặc dù chẳng điều tra thấy gì. Ngày 13-3-1995, toà án liên bang vùng Craxcogvarođâyxki đã tuyên phạt

Pêtrốp 4 năm tù giam theo Điều 145, phần II của Bộ luật hình sự. Ông ta đã được ra khỏi tù sau khoảng 2 năm rưỡi nằm trong trại giam (như vậy trước thời hạn 1 năm 6 tháng.) Pêtrốp còn bị buộc tội cùng đồng bọn trấn lột đồng hồ trị giá 5000 rúp (theo thời giá năm 1995) của một người đàn ông 57 tuổi. Trong thời gian điều tra những kẻ bị tình nghi đã thú nhận hành động phạm tội của mình, nhưng sau đó đã chối bỏ lời khai của mình trước toà và khai rằng lúc đó do không cẩn thận nên đã ký vào biên bản hỏi cung. Những người làm chứng trước toà của bị cáo là hai người bạn học cũ. (Các nhà báo đã nhận được thêm thông tin về Pêtrốp - A.T.)

18.00

Chúng tôi đã tìm thấy những người làm chứng đó và nói chuyện với họ qua điện thoại về Pêtrốp. Như chúng tôi cảm nhận thì tính cách của Pêtrốp rất khó khiến anh ta trở thành tên giết người.

Thông tin để suy xét:

Pêtrốp Nicôlai Bôrisôvích sinh năm 1975 tại Pêtécbua. Học trường trung học số 140 của vùng Craxnơgvarơđâyxki, năm 1990 thi đỗ vào trường kỹ thuật điện, chuyên ngành sản xuất thiết bị điện, sau khi kết thúc khoá học làm thợ điện tại hãng "Nika". Ngày 1-1999, Pêtrốp bị nhân viên bảo vệ tàu điện ngầm bắt giữ vì tội hút thuốc trong tàu. Vào tháng 6 năm đó Pêtrốp đã vi phạm luật giao thông trong khi lái chiếc xe con "Uoát".

Từ mùa xuân năm 1999, Pêtrốp làm việc cho hãng sửa chữa ô tô "All- motors" (Các nhà báo đã thu thêm một số thông tin nữa về Pêtrốp -A.T.)

22-10

10.00

Ban lãnh đạo của "All-motors" không từ chối tiếp chuyện chúng tôi. Pêtrốp đến "All-motors" theo giới thiệu của công ty tư vấn việc làm, được đánh giá là một chuyên gia giỏi trong lĩnh vực sửa chữa và lắp đặt hệ thống tín hiệu tự động. Theo lời của lãnh đạo "All-motors", Nicôlai Pêtrốp là một thanh niên yêu lao động, cởi mở và khác với các đồng nghiệp khác là anh ta rất thông minh. Giả thuyết về việc anh ta có thể chế tạo thiết bị nổ tại nơi làm việc bị bác bỏ vì các đồng nghiệp của Pêtrốp khẳng định rằng Nicôlai Pêtrốp luôn luôn làm việc trong xưởng sửa chữa cùng các đồng nghiệp của mình. Nói tóm lại, anh ta rất khó có thể che giấu họ một điều gì, thêm vào đó họ chưa bao giờ nhìn thấy Pêtrốp giao du với những kẻ có vẻ ngoài giống xã hội đen.

Ban lãnh đạo của "All-motors" đã cố gắng tìm hiểu sự việc xảy ra. Họ biết rằng trước đêm xảy ra vụ án, Pêtrốp kết thúc công việc rất muộn, do đó anh ta đã ngủ đêm tại nhà bố mẹ chứ không phải tại nhà bạn gái như mọi khi. Sáng hôm sau, như thường lệ, anh ta đi làm vào khoảng 9.30 (Xưởng sửa chữa ôtô nằm tại tòa nhà số 1 đường Chiến thắng - cách không xa nơi xảy ra vụ giết

người). Trong tay anh ta có một túi nhựa, trong túi có một điện thoại cùng dây dẫn và theo lời của bố Pêtrốp thì anh ta hứa sửa cho một người quen của mình. Nói chung, các bạn của Pêtrốp cho rằng việc anh ta xuất hiện tại nơi xảy ra vụ án là hoàn toàn ngẫu nhiên. Và khi có tiếng nổ và bắn nhau, Nicôlai chỉ đơn giản là bỏ chạy hoặc bước đi một cách vội vã. Một khách hàng của "All-motors" biết rất rõ Pêtrốp đi ngang qua và nhìn thấy những người thi hành công vụ ấn úp mặt anh ta xuống mui xe và còng tay anh ta lại.

Chúng tôi không bỏ mặc nhân viên của mình, thậm chí còn chuẩn bị giúp bố mẹ Nicôlai tìm thuê luật sư giỏi bào chữa,- lãnh đạo của hãng "All-motors" nói vậy. Chúng tôi cho rằng việc bắt giữ anh ta là một sự nhầm lẫn nghiêm trọng, với những kiểu cách điều tra như hiện nay, chàng thanh niên này có thể phải chịu hình phạt một cách oan ức.

Ngoài ra, nhân viên của " All-motors" còn kể sau khi Pêtrốp bị bắt có 12 kẻ mặc quần áo rằn ri, tay cầm dùi cui đến chỗ họ. Không tự giới thiệu và không bỏ mũ che mặt, họ bắt chúng tôi nằm úp mặt xuống đất. Trong khi lục soát chỗ làm việc của Pêtrốp họ đã lấy đi các ổ bi (Các thiết bị nổ thường được nhồi thêm các ổ bi như vậy), nhưng cần nói thêm rằng các thợ sửa chữa ở đây đều có các ổ bi như vậy. (Các nhà báo đã nhận được các lời làm chứng về Pêtrốp từ các

đồng nghiệp của anh ta tại nơi làm việc-A.T)

17.00

Người nói chuyện tiếp theo với chúng tôi là bạn gái của Pêtrốp. Anh ta đã sống với cô khoảng chừng nửa năm. Cô ta một mực khẳng định rằng Pêtrốp không thể tham gia vụ giết người này:

Khi nghe tin Nicôlai bị bắt, tôi đang ở trường học. Trước đó, tôi đã tìm anh ấy cả ngày thứ Tư và biết tin anh ấy bị bắt qua thông báo trên ti vi. Khi chúng tôi vừa quen nhau, anh ấy lập tức kể cho tôi về bản án trước của mình. Nicôlai rất yêu công việc của mình, anh ấy chưa bao giờ có những sai phạm tại nơi làm việc. Tôi biết rất rõ tất cả các bạn của Nicôlai, trong số họ không có ai đáng nghi ngờ. Nicôlai cũng không có khó khăn gì về tiền bạc, tuy anh ấy chẳng bao giờ có nhiều tiền và cuộc sống cuả anh ấy nói chung là ổn thỏa.

Cuối cùng, các nhà báo đã tìm thấy người mà họ cần tìm - Malusơ. Tiếp theo là các sự kiện tại chính thời điểm bắt giữ và các cuộc trao đổi với người bị bắt.

(Chúng tôi hoàn toàn tin rằng anh ta không có súng, nhưng để đề phòng, chúng tôi đã chuẩn bị cho trường hợp xấu nhất. Chúng tôi cố gắng tiến càng gần tới anh ta càng tốt để có thể khống chế bất cứ hành động nào của anh ta).

- Alếchxanđrơ Nicôlaiêvích, chúng tôi không phải là kẻ cướp, cũng không phải là cảnh sát và rất muốn nói chuyện với anh - chúng tôi nói với

Malưsơ tại sảnh giữa tầng 2 và tầng 3.

- Làm sao tôi có thể biết các anh là ai?

- Anh thử nghĩ xem nếu không phải như vậy thì chẳng nhẽ chúng tôi đứng đây và nói chuyện với anh sao?

- Thế các ông muốn gì?

- Nói chuyện. Chúng tôi có thể lên phòng của anh nhưng tốt hơn là anh đến văn phòng của chúng tôi, ở đó thuận tiện hơn.

- Nếu tôi từ chối thì sao?

Chúng tôi không trả lời. Hắn nhắc lại câu hỏi.

- Nghe này Sasa, anh chẳng thể trốn chạy được đâu, sớm muộn người ta cũng tóm được anh thôi. Chính anh cũng biết rằng nhóm "Tambốp" đang tìm kiếm anh... Còn chúng tôi đề nghị giúp đỡ anh.

- Thôi được, đằng nào thì tôi cũng không thể tiếp tục như thế này được nữa. Không biết thực sự các anh là ai, nhưng tôi đã đợi các anh từ lâu.

Anh ta lên xe của chúng tôi và chúng tôi đến toà soạn nằm ở phố Dốtchevô Rôxi. Malưsơ trông có vẻ rất mệt mỏi và tuyệt vọng. Trên đường đi anh không hỏi một lời và cũng chẳng nhìn ra ngoài. Dường như anh ta chẳng quan tâm tới việc người ta chở anh đi đâu.

Câu chuyện kết thúc bằng thông báo về việc giao nộp kẻ bị bắt giữ cho cảnh sát, tóm lược về một cuộc nói chuyện nữa với Malưsơ và việc quay phim ghi âm cuộc nói chuyện đó. Chúng tôi

không đưa cả bài báo ra đây vì lý do bài viết dài hơn 20 trang. Số lượng như vậy là kết quả việc ghi nhận chi tiết cuộc điều tra.

Như chúng ta thấy, từ những gì các nhà báo đưa vào cuộc điều tra ở thời điểm khi họ đã biết có vụ án xảy ra và một tội phạm đã bị bắt giữ, thì hoạt động nhận thức của họ (việc điều tra của họ) chỉ tập trung xác minh hành vi của tên tội phạm này và kẻ giúp đỡ hắn. Cuộc truy lùng của các nhà báo có "nhiều mắt xích" và thủ thuật: Các tác giả đưa ra giả thuyết (giả định) lên kế hoạch hành động và sau đó đi tìm các bằng chứng có thể khẳng định hoặc bác bỏ giả thuyết. Sau khi giả thuyết hoặc được khẳng định hoặc bị bác bỏ, họ đưa ra giả thuyết mới dựa trên kết quả đạt được. Việc này được lặp đi lặp lại chừng nào họ chưa tìm được "mắt xích" cuối cùng và nhân vật họ cần. Trong quá trình điều tra, nhà báo đã phải dò hỏi rất nhiều người, sử dụng khối lượng lớn tài liệu tham khảo, lưu trữ về quá khứ của người bị tình nghi, tiến hành việc theo dõi từ bên ngoài rất vất vả, nhờ cậy sự giúp đỡ của cán bộ nhiều cơ quan khác nhau (chủ yếu người quen của nhà báo). Tất cả các hành động được thuật lại theo trình tự diễn ra trong thực tế. Chính vì thế hình thành cấu trúc bài viết hoặc giống một biên bản ghi chép các sự việc (theo nghĩa tích cực của từ này), hoặc một phóng sự đặc sắc từ nơi diễn ra sự kiện.

Như đã biết, nhận thức diễn ra không chỉ bằng cách nghiên cứu theo kinh nghiệm, quan sát gián tiếp, thí nghiệm, phân tích tài liệu, mà còn là kết quả phân tích lôgíc các phán đoán về sự kiện trong thực tại. Thể thức lập luận chứng minh theo lôgíc, cách thức tách nhận thức mới khỏi nhận thức cũ (tiền đề) theo những quy tắc đã biết, được sử dụng đồng thời với những phương pháp nhận thức khác và bổ sung cho chúng.

Bằng việc ghi nhận trong bài viết tiến trình lập luận chứng minh, tác giả cũng có thể tạo nên một cấu trúc nhất định cho bài báo. Nhớ rằng lập luận chứng minh trong bài báo bao giờ cũng có hai hình thái khởi đầu là: kết luận và bằng chứng. Trong trường hợp thứ nhất, trước tiên tác giả đưa ra tiền đề (sự kiện), sau đó là kết luận dựa trên sự kiện đó. Trong trường hợp thứ hai, tác giả đưa ra luận đề trước rồi sau đó là các luận chứng chứng minh luận đề đó (trình bày các sự kiện).

Các bài viết chỉ có một hình thức lập luận chứng minh thường không dài và tương đối hiếm. Đại đa số các bài báo kết hợp tích cực các hình thức lập luận chứng minh. Tuy nhiên, cần phải nói rằng tính chặt chẽ trong sự kết hợp của chúng chỉ là tương đối. Lập luận của nhà báo khác biệt với các bằng chứng khoa học và thường thể hiện dưới dạng tổng hợp các kết luận đã được rút gọn, rất đặc trưng cho tư duy thường

nhật trong thực tế. Kết quả của việc ghi nhận các lập luận chứng minh là các cấu trúc bài viết thường được xếp vào thể loại nghị luận.

Vì cấu trúc bài viết mô tả quá trình tiếp nhận kiến thức mới bằng phương pháp lôgíc hình thức phản ánh cấu trúc lập luận chứng minh, nên cấu trúc này giúp chúng ta nhận ra những thiếu sót của luận thuyết. Thiếu sót phổ biến hơn cả là sự không hoàn thiện, "không đóng" của sơ đồ lập luận theo lôgíc, nghĩa là không có "phần kết", là phần liên hệ với phần mở đầu. Tất nhiên, có thể đồng ý với lời khẳng định này, nhưng chỉ trong trường hợp nếu một bộ phận độc giả nhất định không có khả năng tự đưa ra kết luận dựa trên những thông tin (tiền đề) thu nhận được từ bài báo, hoặc cũng có thể trong trường hợp tác giả đưa ra những lập luận rắc rối, bài viết cồng kềnh về khối lượng và số lượng sự kiện, do đó độc giả không có đủ trình độ để tiếp nhận thông tin.

Khi nhà báo xác định được trình độ của độc giả ở mức nào, và tin chắc rằng họ có khả năng đưa ra các kết luận đúng đắn từ những sự kiện được cung cấp, thì sự không hoàn thiện của hệ thống lôgíc khó có thể bị xem là sai lầm trong cách trình bày tư duy, lập luận của tác giả.

Cuối cùng, chúng ta cần biết rằng khi dùng lối viết mô tả sự kiện theo trình tự để phản ảnh hành vi nhận thức thì cấu trúc bài viết sẽ hình thành một cách "tự nhiên" như là kết quả ghi

nhận sự kiện. Tác giả trong trường hợp này không phải suy nghĩ tới việc phải xây dựng bài viết như thế nào. Điều chính yếu đối với tác giả là thể hiện được quá trình điều tra, trình bày kết quả thu nhận được và điều kiện cho cuộc điều tra, v.v.. Tác giả dừng lại khi cảm thấy đã trình bày, giải thích cho độc giả tất cả những gì cần, và đã cùng hành trình với bạn đọc suốt chặng đường từ khi bắt đầu có mục tiêu đến khi đạt được kết quả cuối cùng. Việc định hướng vào lối miêu tả theo trình tự hành vi nhận thức để xây dựng bài viết dường như khá xác đáng khi độc giả chỉ coi nó là phương tiện nhận thức (ghi nhận hành vi nhận thức) của tác giả. Trong trường hợp độc giả còn nhìn nhận bài viết là phương tiện giao tiếp với nhà báo thì cách xây dựng bài viết như vậy tỏ ra không hiệu quả. Tác giả cần phải áp dụng các phương pháp xây dựng bài viết có tính đến đòi hỏi của bạn đọc đối với một bài báo như phương tiện giao tiếp với độc giả.

QUAN ĐIỂM "KỊCH BẢN" TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG BÀI VIẾT

Để bắt đầu phần này, chúng ta cần nhận thấy rằng việc định hướng bài viết được coi là phương tiện giao tiếp không hề loại bỏ việc sử dụng các thông tin tác giả thu nhận được trong quá trình nhận thức đối tượng phản ảnh. Định hướng giao tiếp của bài báo chỉ là cách trình bày, bố cục

thông tin phù hợp với tâm lý nhận thức, đòi hỏi và kỳ vọng của độc giả đối với bài báo như phương tiện giao tiếp với tác giả. Thông tin được trình bày làm sao để "người đọc hiểu" và cảm thấy mình là chủ thể giao tiếp, đang suy nghĩ, hành động sẽ có ảnh hưởng nhất định đến việc lựa chọn, cấu trúc, và phương thức diễn đạt của bài viết, v.v..). Để làm điều này, tác giả phải cố sắp xếp thông tin đáp ứng các kỳ vọng như vậy, loại bỏ những gì không cần thiết đối với nhóm độc giả này thông tin đã thu thập được. Bởi vậy, trong các sổ ghi chép của nhà báo còn lại rất nhiều thông tin, nhận định, ý kiến đề nghị "không được yêu cầu". Khi nói về định hướng bài viết đáp ứng đòi hỏi là phương tiện giao tiếp, chúng ta cần phải nhắc đến đặc thù của thể loại giao tiếp này trong hệ thống quan hệ "tác giả - bạn đọc". Vấn đề ở đây là trong trường hợp này, việc sử dụng khái niệm "giao tiếp" chỉ thích hợp khi chúng ta áp dụng nghĩa rộng của nó.

Không như giao tiếp bằng tiếng nói giữa con người, trường hợp văn viết khác ở chỗ "những người tham gia giao tiếp" chỉ tưởng tượng ra nhau chứ không hề có tiếp xúc trực tiếp. Lời của tác giả trong trường hợp này là lời độc thoại, nói chuyện với tờ giấy trắng. "Giao tiếp" như vậy có thể được gọi là giao tiếp thông tin, khác với giao tiếp thực sự - giữa các nhân vật trực tiếp, có thể là giao tiếp một chiều, giao tiếp gián tiếp thông

qua các phương tiện kỹ thuật. Ngôn ngữ thông tin là ngôn ngữ truyền thông, khác với ngôn ngữ giao tiếp được làm phong phú bằng các phương tiện thể hiện cảm xúc của con người (giọng nói, nét mặt, cử chỉ). Tất cả các yếu tố này đều ghi dấu ấn lên nội dung và cấu trúc văn phong thông tin và giao tiếp.

Nếu cấu trúc bài báo được coi là kết quả của việc ghi nhận quá trình tác giả nhận thức đối tượng trong thực tế được xác định bởi cấu trúc của đối tượng này và các phương pháp nhận thức, thì cấu trúc bài báo được coi là phương tiện giao tiếp với độc giả cần phải đáp ứng kỳ vọng giao tiếp của độc giả. Cần nêu rõ rằng không thể có một cấu trúc báo chí có khả năng đáp ứng tuyệt đối tất cả các độc giả. Chỉ có thể nói một cấu trúc thành công hay không thành công khi đánh giá từ phương diện thỏa mãn những kỳ vọng nhất định về bài viết. Những kỳ vọng này có thể chia thành ít nhất ba loại sau:

1. Kỳ vọng liên quan đến ý nghĩa chức năng đối với độc giả báo chí (cấu trúc giúp thực hiện các chức năng của bài báo được bạn đọc chấp nhận).

2. Kỳ vọng liên quan đến mức độ yêu cầu (kinh nghiệm và lý thuyết) và hình thức phản ảnh thực tế (lối diễn đạt bằng độc thoại và đối thoại, hình ảnh và tư duy).

3. Kỳ vọng liên quan đến cách phân bố hợp lý

các phần có ý nghĩa của bài sao cho người đọc dễ tiếp thu.

Tùy thuộc vào loại kỳ vọng tác giả bài viết tính đến, người ta có thể phân chia ra các phương pháp xây dựng bài viết.

CÁC PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BÀI VIẾT CÓ TÍNH ĐẾN "NHỮNG MONG ĐỢI VỀ TÍNH CHỨC NĂNG BÁO CHÍ" CỦA ĐỘC GIẢ

Khả năng thực hiện chức năng của bài báo được xác định trước bởi các chức năng giao tiếp xã hội mà bài báo là phương tiện của quan hệ giao tiếp đó. Các chức năng đó là gì? Có một vài loại được phân chia theo các cơ sở khác nhau. Ví dụ dựa trên cơ sở định hướng truyền thông đáp ứng nhu cầu của xã hội (hoặc các thành viên riêng lẻ của xã hội) về mặt lý thuyết có thể phân thành hai loại:

- Chức năng mang tính xã hội hoàn toàn, hướng tới đáp ứng nhu cầu của xã hội nói chung hay của các nhóm người trong xã hội trong quá trình tác động tương hỗ lẫn nhau của họ.
- Chức năng mang tính tâm lý xã hội gắn liền với các nhu cầu của các cá nhân riêng biệt.

Ví dụ, chức năng lập kế hoạch và phối hợp trong hoạt động sản xuất tập thể vốn đã tồn tại trong xã hội nguyên thủy có thể là một minh hoạ cho chức năng giao tiếp trong xã hội. Một chức năng xã hội khác là điều hành và kiểm

soát xã hội với sự trợ giúp của giao tiếp, và thứ ba là chức năng đảm bảo sự tác động tương hỗ nhau giữa các nhóm người trong xã hội, v.v..

Chức năng giao tiếp và chức năng đồng nhất hoá có thể là ví dụ về các chức năng mang tính tâm lý xã hội. Chúng ta đều biết rằng con người liên kết với nhau thành các nhóm không chỉ để phối hợp thực hiện một hành động nào đó, mà còn để thỏa mãn nhu cầu giao tiếp giúp giảm bớt căng thẳng tâm lý hay cảm giác cô đơn. Đây chính là chức năng giao tiếp. Chức năng hòa nhập mình với một nhóm người được biểu hiện khi con người thực hiện giao tiếp để khẳng định rằng mình là người của nhóm "đó". Chức năng xã hội hoá là một ví dụ về chức năng tâm lý xã hội trong giao tiếp.

Cũng tồn tại loại chức năng giao tiếp khác được phân biệt dựa vào ý định của những người tham gia giao tiếp. Loại chức năng này lại phân chia thành các chức năng báo tin, chức năng điều chỉnh và chức năng cảm xúc. Khi tác giả muốn truyền đạt điều gì đó về đối tượng phản ánh thì bài viết đó có giá trị báo tin; nếu tác giả muốn kích thích ai đó đi tới hành động cụ thể thì thông tin đó có giá trị điều chỉnh và kích thích. Nếu thông tin tính đến cảm xúc của con người và có khả năng đánh thức cảm xúc đó ở bạn đọc thì có thể nói rằng đó là chức năng gây cảm xúc của bài

viết. Mọi thông tin đều là một khối thống nhất liên kết ba mặt này của nội dung mà ý nghĩa chủ yếu của mỗi mặt của nó được xác định bởi các mục đích thông tin. Các cách phân loại đã nêu theo định hướng chức năng của giao tiếp và bài viết được tiến hành dựa trên các cơ sở khác nhau, phản ánh các khía cạnh của mục đích này. Điều này cho phép nhận thấy các ranh giới cấu trúc khác nhau của bài viết. Hiển nhiên là khi chức năng của bài viết phù hợp với các kỳ vọng của độc giả, thì họ sẽ hoan nghênh cả cấu trúc của nó.

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét các giai đoạn cơ bản trong quá trình xây dựng cấu trúc bài viết có tính đến kỳ vọng của độc giả về chức năng của nó.

Phương pháp tương quan tối ưu giữa các yếu tố có giá trị về chức năng của bài viết

Bạn đọc khi sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng mong đợi được thông báo về các phương án, các biện pháp phối hợp hành động mà mình tham gia, thì các kỳ vọng của anh ta sẽ được đáp ứng bởi các bài báo cung cấp thông tin về các phương án như vậy (chỉ dẫn). Tất nhiên điều này được thể hiện ở cấu trúc của bài viết. Nếu toàn bộ kỳ vọng của độc giả liên quan đến một số chức năng truyền thông, thì cấu trúc của một bài báo đáp ứng tất cả chúng sẽ trở nên rất phức tạp. Khi bạn

đọc hướng tới các chức năng truyền thông mang tính tâm lý-xã hội, chẳng hạn như chức năng giao tiếp, thì anh ta sẽ được thỏa mãn với bài báo có cấu trúc tính đến nét độc đáo trong quan điểm của bạn đọc về chức năng này của bài viết. Trong trường hợp này, nhà báo có những hiểu biết về nét đặc thù của truyền thông đại chúng không được quên rằng độc giả bao gồm một số người riêng lẻ đại diện cho các cộng đồng xã hội nhất định, được phân biệt theo nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính và nhiều đặc điểm khác. Đến với báo hay tạp chí như một người đối thoại, độc giả xem việc giao tiếp với tác giả của bài viết là giao tiếp giữa các cá nhân.

Vì vậy, điều quan trọng là phải tính đến đặc điểm giao tiếp giữa các cá nhân trong quá trình xây dựng bài viết để người đọc có thể cảm thấy mình không chỉ là khách thể mà còn là chủ thể của bài viết.

Tác giả cần phải trình bày sao cho trong toàn bộ quá trình cảm nhận bài báo, độc giả muốn thu nhận thông tin, hy vọng vào một số hiệu quả nhất định, có phản ứng đối với sự kiện và cảm thấy rằng nội dung và hình thức của bài báo "đã được sắp đặt" dưới dạng tốt nhất - đáp ứng các lợi ích của độc giả và hiểu được. Chỉ trong trường hợp như vậy mới xuất hiện sự phản hồi mạnh về tâm lý của công chúng và đó chính

là ý nghĩa của mối quan hệ ngược (phản hồi) trong giao tiếp thông qua các phương tiện kỹ thuật cũng như các bài viết.

Phương pháp tương quan tối ưu giữa thông tin có giá trị về mặt chức năng và thông tin bổ sung

Trong quá trình định hướng bài viết sao cho trúng những mong đợi của thính giả, độc giả; tương quan giữa thông tin có giá trị về chức năng và thông tin bổ sung là yếu tố quan trọng trong nhận thức của tác giả đối với việc định hướng này. Điều này có nghĩa gì? Thông thường, mọi bài báo đều để công chúng nhận thức chúng một cách có hiệu quả.

Người ta xác định rằng tính hiệu quả của bài báo sẽ tăng đáng kể nếu thông tin được truyền tải dưới hai dạng: thông tin chính và thông tin bổ sung. Thông tin chính có giá trị thực tiễn đối với độc giả xuất phát từ quan điểm cần đạt được mục tiêu chính trong giao tiếp của độc giả đối với bài viết. Thông tin bổ sung giúp độc giả dễ dàng và thuận lợi trong việc tiếp thu thông tin chính. Mang trọng mình những đặc tính mới mẻ, rõ ràng, tương phản, hấp dẫn hoặc ngược lại, đơn điệu, không biểu cảm, nông cạn, nhạt nhẽo, giả dối, thông tin bổ sung tạo ra trong tâm lý độc giả những cảm xúc tương ứng - tích cực hay tiêu cực định sẵn ở một mức độ đáng kể diễn biến và kết quả xử lý thông tin về mặt tâm lý.

Việc thiết lập tương quan tối ưu giữa thông tin chính và thông tin bổ sung sẽ dẫn đến việc phải cơ cấu bài viết sao cho độc, thính giả dễ dàng định hướng trong bài viết, gây ảnh hưởng tích cực đối với quá trình giao tiếp.

CÁC BIỆN PHÁP XÂY DỰNG BÀI VIẾT CÓ TÍNH ĐẾN NHỮNG MỨC ĐỘ VÀ HÌNH THỨC PHẢN ÁNH THỰC TẾ

Những mong đợi của độc giả liên quan đến mức độ phản ánh thực tế đặt ra trong bài viết dựa trên cơ sở cho rằng với vai trò là công cụ thông tin cho độc giả về thế giới, có thể không hàm chứa những kết quả nhận thức trực tiếp của công luận về thực tế. Rõ ràng là nét đặc trưng của văn chính luận là sự kết hợp giữa các phương pháp kinh nghiệm, khoa học-lý thuyết và nghệ thuật phản ánh thực tế sản sinh ra những loại kiến thức tương ứng. Người ta cũng phát hiện ra rằng các độc giả khác nhau có thiên hướng tiếp nhận một loại kiến thức chứ không có xu hướng thu nhận nhiều loại kiến thức khác nhau. Vì vậy, việc định hướng bài viết nhằm vào những điều mong đợi của nhóm độc giả này hay nhóm khác cần được bổ sung bằng mong muốn của tác giả trong việc cung cấp loại thông tin phù hợp cho độc giả. Nhưng nếu muốn tạo dựng được một tài liệu sâu sắc về tư duy lại vừa rõ ràng và dễ tiếp thu, thì tác giả có nhiệm vụ phải tìm kiếm mối

tương quan gần tối đa với những mong muốn đăng tải khối lượng thông tin khác nhau của độc giả. Việc lựa chọn tương quan giữa các loại thông tin (kể cả khối lượng thông tin) có thể được coi là phương pháp xây dựng cơ cấu bài viết. Dưới đây là một số phương pháp chính.

Phương pháp tương quan tối ưu của các nhân tố cảm tính và hợp lý của bài viết

Như mọi người đều biết, nhận thức được bắt đầu từ kinh nghiệm theo cảm giác. Điều này có thể hiểu được rằng trong toàn bộ quá trình của cuộc sống, trước hết là trong quá trình thực tế cụ thể, con người có quan hệ trực tiếp với thế giới xung quanh. Họ sống trong một thế giới của các sự vật có quan hệ với nhau và quan hệ giữa con người với con người. Nhận thức này trước hết đạt được bằng cảm tính, thông qua cảm giác, nhận thức và quan niệm. Cảm giác và nhận thức-đó là những mẫu (mô hình) xuất hiện trong quá trình phối hợp hành động trực tiếp của con người với thế giới bên ngoài, còn quan niệm là mẫu sự vật mà chủ thể không có quan hệ tác động ở thời điểm đó. Nó nảy sinh trên cơ sở những cảm tưởng đã có giống như kết quả của sự tưởng tượng. Trong bài viết người ta có thể giới thiệu mọi mô hình cảm xúc trong phản ánh thực tế.

Con người không dừng lại ở mức kinh nghiệm theo cảm tính, mà thâm nhập sâu vào đối tượng (mục tiêu), nghiên cứu quan hệ nội tại, bản chất,

tính quy luật của đối tượng, nghĩa là nhận thức một cách hợp lý. Nhận thức theo cảm tính và theo sự hợp lý là cấp độ nhận thức đầu tiên và cấp độ thứ hai thâm nhập vào nhau và bổ sung cho nhau. Những mẫu cảm xúc phản ánh cả các dấu hiệu của đối tượng lẫn cảm xúc với đối tượng (mục tiêu) đó - đánh giá nó; đưa ra tư liệu để suy xét, tạo ra các khái niệm, lý thuyết. Đồng thời, lý trí, kiến thức lý thuyết lại chi phối cảm xúc, chẳng hạn, nhìn vào những đốm sáng trên bầu trời đêm không thấy lỗ thủng nào mà chỉ thấy các vì sao và hành tinh (như những người thời cổ quan niệm).

Các kết quả của nhận thức theo cảm tính (theo kinh nghiệm) và sự hợp lý (lý thuyết) nêu trong bài viết hình thành một tương quan nhất định có thể được tác giả điều chỉnh và trở thành cơ sở để xây dựng cấu trúc bài viết theo dấu hiệu các mức độ nhận thức này.

Phương pháp tương quan tối ưu giữa hình tượng và khái niệm trong bài viết

Khái niệm là tư duy phản ánh các đối tượng và hiện tượng trong thực tế, các mối quan hệ giữa chúng dưới dạng tổng quát bằng cách ghi nhận các dấu hiệu chung và đặc biệt, là bản chất của các đối tượng và các hiện tượng, cũng như quan hệ giữa chúng. Thiếu những khái niệm đó thì không thể nhận được những kiến thức chính xác. Khái niệm là công cụ chính của khoa

học, cũng giống như tính đồng nhất là đặc tính cơ bản của khoa học.

Khác với khái niệm, hình tượng là sự khái quát mang tính nghệ thuật, trong đó thông qua hình thức bên ngoài để soi rọi bản chất bên trong của sự vật hay hiện tượng được phản ánh. Các hình tượng tưởng tượng được hình thành bằng cách kết hợp các yếu tố hình tượng trong trí nhớ cũng như nhận thức, bổ sung chúng bằng nội dung mới. Tác giả bài viết không thể không tính tới thiên hướng của một số độc, thính giả trong việc tiếp thu thực tế bằng khái niệm hay hình tượng. Có thể tác giả chỉ viết được bài khi trình bày nội dung hoặc dưới dạng khái niệm hoặc dưới dạng hình tượng. Nhưng vì đại bộ phận thính, độc giả của các phương tiện thông tin đại chúng là những người có khả năng tư duy ở những trình độ khác nhau nên trong các bài viết thường phối hợp giữa kiến thức về khái niệm và hình tượng. Đương nhiên, sự thiên lệch vô lý về phía này hay phía khác có thể gây khó khăn cho việc tiếp nhận bài viết. Việc xác định được mong đợi của công chúng về tương quan thích hợp giữa khái niệm và hình tượng trong quá trình phản ánh thực tế, giúp tránh được phản ứng tiêu cực của độc giả.

Phương pháp tỷ lệ tối ưu giữa hình thức diễn đạt độc thoại và đối thoại trong bài viết

Những mong đợi của công chúng đối với bài

báo phản ánh quan niệm về sự thuận lợi trong việc tiếp thu bài viết có thể liên quan đến những hình thức diễn đạt của bài như hình thức độc thoại hay đối thoại. Rõ ràng là cả hai hình thức này đều sẵn có trong giao tiếp hiện đại. Một số độc giả muốn nhận thông tin được xây dựng theo hình thưc độc thoại, còn số khác lại thích hình thức đối thoại. Những ý thích đó có thể bộc lộ rất rõ ràng trong các cuộc trưng cầu ý kiến thông thường của thính, độc giả.

Có thể cho rằng những độc giả thích hình thức độc thoại thường mong đợi bài viết hoàn thành chức năng xã hội của nó, còn những người thích hình thức đối thoại lại muốn bài báo hoàn thành chức năng mang tính tâm lý xã hội. Như vậy, so với hình thức độc thoại, thường được đồng nhất với tác động của tác giả lên độc giả, hình thức đối thoại được xem là mong muốn có được sự tác động cân bằng lẫn nhau giữa tác giả và công chúng. Đối thoại mang lại cho người đọc khả năng lớn trong việc lựa chọn một trong số các quan điểm được đưa ra mà mình tâm đắc để có thể tự cảm thấy mình (dù chỉ là tưởng tượng) là người tham gia đối thoại.

Những bài viết có hiệu quả nhất là những bài biết kết hợp cả hai hình thức diễn đạt đối thoại và độc thoại. Điều quan trọng là tìm được sự tương quan tối ưu nhất giữa hai hình thức này khi viết bài dành cho những thính, độc giả cụ

thể có những mong muốn cụ thể. Mối tương quan này được phản ánh trong cơ cấu bài viết và đến lượt mình cơ cấu lại phát ra tín hiệu nhất định về sự tiếp thu của độc giả.

CÁC BIỆN PHÁP XÂY DỰNG BÀI VIẾT CÓ TÍNH ĐẾN KHẢ NĂNG TIẾP THỤ

Những sự kiện, những phán đoán, phán xét và tư duy được mô tả trong bài báo có thể mang ý nghĩa khác nhau đối với công chúng. Ý nghĩa này có thể được xác định trong lời nhận xét sau "thú vị hay không thú vị", "quan trọng hay không quan trọng", "cơ bản hay bổ sung", "chứng minh được hay không chứng minh được", v.v... Tác giả không những cần phải tìm được khối lượng tương quan tối ưu của các phần tư duy như vậy trong bài viết, mà còn phải có cách viết phù hợp với những mong đợi của thính, độc giả, sắp xếp chúng theo một trình tự nhất quán. Trong quá trình đó, tác giả phải chú ý tới việc sắp xếp không gian cho các phần quan trọng trong bài viết. Bài viết phải:

- Giúp độc giả dễ dàng nhận thức được bài viết là "xứng đáng" hay không "xứng đáng" để đọc và khiến người ta chú ý; "thể hiện" mối quan hệ của mình với những sự kiện, hiện tượng cần quan tâm đối với độc, thính giả; để đưa ra mức phân tích hành động đối với độc giả; "thể hiện" sự tiện lợi trong việc tiếp thu các chứng cứ

và lập luận mà bài báo đưa ra.

- Đáp ứng những mong đợi của độc giả về kết luận rút ra từ các sự kiện được trình bày trong bài báo (tạo cho độc giả khả năng tự làm việc đó).

Vậy điều gì có thể giúp tác giả định hướng trong việc sắp xếp không gian cho các yếu tố quan trọng của bài viết? Rõ ràng đó chính là sự trông chờ của thính, độc giả vào khía cạnh xây dựng bài viết. Có thể sự trông đợi này là chung chung đối với tất cả thính giả nếu như sự mong đợi đó ở mức độ đáng kể được quyết định bởi kinh nghiệm, học vấn, đặc điểm giới tính, lứa tuổi và nghề nghiệp của độc giả. Điều này hoàn toàn không giúp tạo điều kiện hình thành một đòi hỏi thống nhất về toàn bộ các chi tiết trong bài viết.

Tuy nhiên, xét về mức độ quy luật tâm lý chung trong khả năng tiếp thụ thông tin của con người tồn tại một số điểm mong đợi thống nhất vốn có ở mỗi một thành viên trong công chúng. Quy luật phân chia sự chú ý trong quá trình tiếp thu bài viết là một trong những đặc tính quan trọng nhất xác định tính chất chung của sự kỳ vọng vào thông tin. Các công trình nghiên cứu cho thấy một trong những công trình được đưa ra từ hơn 100 năm trước đây, con người thường chú ý hơn cả vào đoạn đầu và cuối của thông tin, nhớ rõ những con số đầu tiên và con số cuối cùng theo một trình tự nhất định. Còn đoạn thông tin giữa bài viết, được người đọc coi là "sự bàn tán của dư

luận", làm nền cho thông tin đầu và cuối. Đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong quá trình sắp xếp tài liệu nhằm kích thích và duy trì sự hứng thú cho người đọc. Khi trình bày những yếu tố quan trọng của bài viết phù hợp với việc thu hút sự chú ý của độc giả trong quá trình tiếp thu bài viết, tác giả có thể gây ảnh hưởng đến một bộ phận độc giả của mình.

Như vậy, nếu muốn định hình "khuôn mẫu" cho độc giả, tác giả cần bắt đầu từ những thông tin có tầm quan trọng đối với một bộ phận nhỏ độc giả. Người ta hay kể về những chuyện khôi hài về nhà toán học nổi tiếng P.L.Trebusép. Trong giờ lên lớp của nhà khoa học chuyên nghiên cứu việc sử dụng toán học vào việc cắt trang phục, đã xuất hiện các thính giả chưa từng thấy: thợ may, các quý bà người mẫu... Tuy nhiên, câu đầu tiên của giảng viên lại là: "Để cho đơn giản, hãy hình dung, ... cơ thể con người có hình quả cầu" và lời giảng của ông đã khiến mọi người chạy hết và trong phòng chỉ còn lại những người học toán...". Khi tác giả quan tâm đến việc thu hút sự chú ý của đông đảo độc, thính giả, thì bài viết phải bắt đầu bằng những câu và những sự kiện có tầm quan trọng chung.

Có thể duy trì sự quan tâm và chú ý của độc giả bằng cách trình bày nội dung sao cho họ luôn chú ý và duy trì được sự chú ý ở mức cần thiết. Việc thu hút sự chú ý của độc giả là có thể nhờ

vào những thông tin kích thích mạnh cảm xúc của họ. Cần trình bày thông tin sao cho một số độc giả cụ thể phải chú ý đến một cách tự nhiên, hay nói cách khác là buộc họ phải nhận ra chúng.

Ngoài ra, những đòi hỏi về bố cục xác định những phần quan trọng trong bài viết là quan trọng đối với mọi bài báo không phụ thuộc vào kích cỡ cũng như dụng ý của chúng. Trong quá trình xây dựng bố cục bài viết, các mục đích sử dụng phương pháp nghiên cứu có thể khác nhau tuỳ thuộc vào thể loại của bài báo. Chúng ta hãy xem xem mục tiêu này được thay đổi phù hợp với hai dạng bài viết chủ yếu - mô tả các sự kiện và thực hiện sơ đồ lập luận chứng cứ (bình luận, phân tích).

Phương pháp sắp xếp tối ưu các lập luận, dẫn chứng

Trong các bài viết mô tả sơ đồ lôgíc chứng cứ, các diễn biến sự kiện, sự việc và nhận định đóng vai trò quan trọng trong việc lập luận về tư duy chính mà tác giả khẳng định. Trong đó một loạt dẫn chứng được đưa ra cho thính, độc giả dưới dạng "mạnh", còn một số khác với vai trò "yếu", "gián tiếp" ít để lại ấn tượng trong nhận thức của người đọc, người nghe. Các công trình nghiên cứu của người Mỹ đã cho thấy việc xây dựng cơ cấu chứng cứ các bài viết cần phải tập trung, định hướng vào những nét đặc biệt của một bộ phận thính, độc giả cụ thể. Rõ ràng là

phải sử dụng đúng lúc, đúng chỗ các dẫn chứng yếu hay mạnh tùy theo các nhóm độc giả khác nhau, đồng thời từ đó phải xác định dung lượng phù hợp cho bài viết. Sơ đồ sắp xếp dẫn chứng như sau được xem là sơ đồ tối ưu:

1. Cách sắp xếp "chống đỉnh điểm"

Trong trường hợp này, dẫn chứng có tác động mạnh nhất được bố trí ở ngay đầu bài viết, còn dẫn chứng yếu được đặt cuối bài. Các dẫn chứng khác ít có tác động hơn, được bố trí tuần tự dẫn chứng này nối tiếp dẫn chứng kia, từ đầu cho đến cuối bài viết.

2. Cách sắp xếp "đỉnh điểm"

Trong sơ đồ này, đầu bài viết, tác giả bố trí dẫn chứng yếu hơn cả, sau đó đến những dẫn chứng mạnh theo mức độ tăng dần và đến cuối bài viết là dẫn chứng mạnh nhất.

3. Cách sắp xếp "hình chóp" hay còn gọi là hình kim tự tháp.

Trong trường hợp này, dẫn chứng có sức tác động mạnh nhất được đặt ở giữa bài viết. Đầu và cuối là những dẫn chứng ít tác động hơn.

4. Cách sắp xếp "vòng tròn".

Với cách sắp xếp này, nhà báo thường bố trí các dẫn chứng có tác động mạnh vào đầu bài viết và một dẫn chứng mạnh tương tự vào cuối bài. Giữa bài viết là những dẫn chứng yếu hơn.

Cách sắp xếp "chống đỉnh điểm" tỏ ra có hiệu quả nhất trong trường hợp khi độc giả không

quan tâm lắm đến đối tượng, đề tài thông báo. Việc đưa ra dẫn chứng mạnh nhất sẽ giúp họ tập trung sự chú ý vào bài viết. Cách sắp xếp "đỉnh điểm" thích hợp hơn cả đối với các bài viết dành cho độc giả quan tâm đến đối tượng, đề tài thông báo. Loại độc giả này thích tài liệu gây sự chú ý ngày càng tăng. Nếu ngay từ đầu, những độc giả này làm quen với dẫn chứng gây tác động mạnh ngay thì càng đọc, sự hứng thú của họ sẽ càng giảm dần và có thể, họ sẽ bị thất vọng, chán ngán không muốn đọc tiếp bài viết.

Trong những bài viết có dung lượng không lớn thường sử dụng cách sắp xếp dẫn chứng theo hình chóp, vì dẫn chứng mạnh trong trường hợp này cũng đủ để thu hút sự chú ý của độc giả và sau đó, một lượng tài liệu không lớn về khối lượng sẽ không làm giảm độ chú ý nảy sinh. Nhưng khi nhà báo đưa ra một khối lượng dẫn chứng tương đối lớn và anh ta không biết quan điểm của độc giả đối với đối tượng, đề tài thông báo ra sao thì chắc chắn phải sử dụng cách sắp xếp dẫn chứng theo vòng tròn. Trong bài viết theo thể loại này, dẫn chứng mạnh được bố trí vào cuối bài viết sẽ giúp cho người đọc tránh được cảm giác thất vọng, chán nản, còn bố trí trên đầu bài viết là nhằm thu hút sự chú ý của độc giả.

Việc áp dụng biện pháp sắp xếp dẫn chứng này hay khác đương nhiên sẽ nảy sinh sự cần thiết phải cơ cấu bài viết cho phù hợp, có thể gọi là cơ

cấu "chống đỉnh điểm", "đỉnh điểm", "hình chóp" hay "đường tròn". Trong trường hợp tác giả viết thể loại tin mà không có ý định chứng minh hoặc cải chính, bác bỏ một điều gì đó thì anh ta cũng có thể xem xét những yếu tố, chứng cứ mà anh ta đang có theo quan điểm về mức độ ảnh hưởng của chúng đối với người đọc và bố trí chúng một cách thích hợp, sử dụng các luật tiếp thu để thu hút sự chú ý của độc giả đối với bài viết.

Phương pháp kịch tính hóa trong diễn đạt

Phương pháp kịch tính hóa trong diễn đạt là phương pháp dựa vào việc xác định tâm lý tiếp thu quy luật tự nhiên "khả năng tiêu thụ" của các bài viết. Xác định cơ cấu một loạt bài viết, nhà báo dựa trên thiên hướng của một số người đối với việc kịch tính hóa việc tiếp thu thông tin. Những người thuộc nhóm này thường trông chờ tài liệu của các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó có tài liệu phân tích mô tả phù hợp với hiện thực.

Chính thể loại mô tả này có thể gây hứng thú đối với họ, giúp họ tư duy về hiện thực. Việc kịch tính hóa cách diễn đạt đạt được nhờ ghi chép, ghi nhận được các sự kiện, hiện tượng, yếu tố trong đó ẩn náu mối nguy hiểm nào đó đối với các nhân vật trong bài viết hoặc khả năng nhận được sự khoái cảm nào đó, trúng xổ số lớn, trút được sự khó chịu, giành được tiếng tăm, quyền lực...

Mặc dù mọi điều mô tả trong bài viết diễn ra với những nhóm người khác nhau, người đọc có khả năng đưa vào trong cuộc sống của các nhân vật trong bài viết những cảm xúc mạnh, sự đồng cảm và bằng cách này cảm nhận được sự thành công hay thất bại, những sung sướng hay khó khăn của họ. Thường thì các bài viết dựa vào việc diễn đạt kịch tính hóa các sự kiện, hay bắt đầu bằng những thông tin, những diễn biến, sự kiện và lời lập luận tương đối hấp dẫn, thu hút sự chú ý của độc giả hoặc là vì cách diễn đạt mới mẻ, hoặc là vì lối diễn đạt khác thường, hoặc là vì nó có tầm quan trọng thực tiễn đối với độc giả. Tuy nhiên, cách diễn đạt có thể bắt đầu bằng những sự kiện, lập luận hay diễn biến hành động tương đối trung lập (từ quan điểm khả năng của nó gây ra sự đồng cảm của độc giả). Sau đó, cần đưa ra tình huống gây sự đồng cảm mạnh nhất cho độc giả, cho đến khi đạt được đỉnh điểm và sau đó phải kết thúc vấn đề. Trong bài viết này, người ta thường dùng sơ đồ xây dựng những tác phẩm nghệ thuật mang kịch tính. Mặc dù, trong tài liệu báo chí, các yếu tố như vậy của sơ đồ dạng này không tránh khỏi việc làm giảm tính đặc hiệu của bài viết.

Phương pháp diễn đạt "lượng tử"

Phương pháp diễn đạt "lượng tử" xây dựng bài viết, thu thập từ một số "lượng tử" (đoạn) là phương pháp gần với loại bài viết chúng ta đang

xem xét. "Những lượng tử" như vậy là sự thống nhất về tư duy có quan hệ lẫn nhau, có hình thức, ngôn ngữ diễn đạt tương đối đa dạng, thường được trình bày với cú pháp phức tạp có những dấu hiệu của âm điệu lời nói và từ vựng-ngữ pháp nhất định.

Điểm chính của phương pháp này là nắm bắt được sự nhận thức của con người "làm việc" trong chế độ "căng thẳng-suy nhược". Chính vì vậy, bài viết sẽ thành công hơn nếu đưa ra được những thông tin lúc thì gây ra sự căng thẳng trong nhận thức, lúc lại cho phép độc giả "thư giãn" và "nghỉ ngơi". Sự xen kẽ pha nặng nề với những đoạn nhẹ nhàng của bài viết giúp công chúng đạt được điều đó. Người ta cho rằng trong loại hình này, các đoạn cần khác nhau tối đa về cơ cấu bên trong, phong cách viết và ngôn ngữ. Giá trị của thông tin trong mỗi đoạn là cơ sở của sự "hạn định" này đối với độc giả nhóm này.

Cũng cần phải nhận ra rằng "lượng tử hóa" hoàn toàn không mâu thuẫn với những đòi hỏi lôgíc diễn đạt tư duy, mà còn hòa hợp hoàn toàn với nhau. Chẳng hạn, nếu tác giả xây dựng lập luận chứng minh bằng phương pháp kết luận quy nạp (phương pháp quy nạp), thì một số đoạn trong bài viết sẽ trở thành tiền đề của kết luận chính sau đó. Trong quá trình lập luận theo kiểu chứng minh (phương pháp quy nạp), các "giai đoạn" là luận chứng, lý lẽ mà tác giả đưa trong

quá trình lập luận một luận điểm.

Khi sử dụng phương pháp "lượng tử hóa" trong xây dựng bài viết, các tác giả không phải lúc nào cũng giữ nguyên mọi đòi hỏi về tâm lý tiếp thu thông tin. Không hiếm khi quá trình "lượng tử hóa" này mang tính hình thức bên ngoài, công thức, có thể nói khi đó tác giả chia bài viết của mình thành các phần với những đề mục riêng, khiến các phần có ý nghĩa độc lập. Tuy nhiên, cần lựa chọn những tiêu đề sao cho bài viết được coi là một khối thống nhất để có thể nhìn thấy mà cũng có thể không thấy sự khác nhau nào đó có ý nghĩa giữa các phần.

"Lượng tử hóa" bài viết, nói theo đầy đủ nghĩa của từ này, ở mức độ lớn hơn cả, có thể sử dụng trong các bài viết có dung lượng lớn. Loại bài này thực sự có thể khó được độc giả tiếp nhận nếu như nó chỉ có cách diễn đạt đơn điệu. Ngoài ra, phạm vi, độ dài ngắn của chúng cho phép sử dụng những cách diễn đạt ngôn ngữ và đồ họa đa dạng khác nhau.

Phương pháp sắp xếp theo trình tự thời gian

Rất hiếm khi trong quá trình xây dựng các bài viết người ta sử dụng phương pháp có thể gọi là phương pháp sắp xếp miêu tả các hiện tượng theo trình tự thời gian. Thông thường, tính rõ ràng, dễ hiểu của các lập luận của tác giả tác động đến độc, thính giả phụ thuộc vào độ rõ ràng của trình tự các sự kiện được mô tả trong

bài viết. Con người không chỉ sống trong không gian, mà còn trong thời gian. Việc khó khăn trong xác định trình tự này là "trước" hay "sau" (nguyên nhân hay kết quả), thường gây ra sự khó hiểu. Chính vì vậy, việc sắp xếp theo không gian các phần trong bài viết cần phải được bổ sung bằng cơ cấu theo trình tự thời gian của bài viết nhằm cho phép độc giả hình dung một cách rõ ràng mối quan hệ về thời gian của các sự kiện được miêu tả (nếu những diễn biến tương tự được thể hiện trong bài viết).

Những điều nêu trên hoàn toàn không có nghĩa là những sự kiện được mô tả trong bài báo cần được phát triển và sắp xếp trong bài viết theo trình tự thời gian nghiêm ngặt. Những sự kiện đó có thể bố trí ở bất kỳ đoạn nào trong bài viết - đầu cũng như cuối, không phụ thuộc vào việc nó có quan hệ thời gian thế nào đối với các đoạn khác. Điều này thường diễn ra nếu tác giả theo đuổi mục đích cần đạt tính biểu cảm lớn nhất của tài liệu và kịch tính hóa tài liệu đó.

Tuy nhiên, đòi hỏi sắp xếp theo trình tự thời gian có thể không bị vi phạm nếu trong quá trình đọc bài viết, độc giả phát hiện thấy trong đó có những lời bổ sung của tác giả chỉ rõ chính xác thời điểm diễn ra sự kiện, hiện tượng miêu tả, nhờ đó, độc giả có thể tự sắp xếp trình tự thời gian và chuỗi các sự kiện nhân quả được tác giả mô tả.

PHẦN II

NHỮNG ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CỦA CÁC NHÀ BÁO

Sự có mặt của các cơ cấu kế hoạch điều tra khác nhau là quan trọng nhất, song đó hoàn toàn không phải là yếu tố đầy đủ và toàn diện mang lại hiệu quả cho công tác điều tra của nhà báo. Nó hoàn toàn có thể thực hiện những nhiệm vụ xã hội của mình trong trường hợp nếu có những điều kiện chức năng tương ứng của các cơ cấu này hay của một số nhà báo - điều tra viên.

I-NGUỒN THÔNG TIN VÀ CÁCH TIẾP CẬN

Việc phát hiện một bức tranh đầy đủ về các sự kiện là đối tượng, mục tiêu điều tra của nhà báo, là không thể thực hiện được nếu thiếu

thông tin xác đáng về mọi mặt của sự kiện này. Việc thu nhận thông tin cần thiết chính là giai đoạn khó khăn nhất của quá trình điều tra. Việc tìm kiếm ở mức độ nhất định sẽ trở nên đơn giản khi nhà báo biết rõ nguồn nào có thể cung cấp cho anh ta thông tin và lượng thử xem nguồn thông tin đó sẽ được sử dụng như thế nào. Do đó, một nhà báo-điều tra viên mới vào nghề cần phải tìm hiểu các loại nguồn thông tin mà nhà báo thường cần hơn cả.

Các nguồn thông tin được nhà báo sử dụng trong quá trình điều tra có thể chia ra làm hai nhóm cơ bản. Nhóm một bao gồm các nhân vật có những thông tin thu hút sự quan tâm của nhà báo (không phụ thuộc vào hình thức của thông tin). Đây có thể là các nhân chứng, những người chứng kiến các sự kiện nào đó hoặc lưu giữ thông tin khác lạ (những bức thư, tài liệu lưu trữ, nhật ký, văn bản, những tư liệu miệng, v.v..). Khả năng nhận được những thông tin từ các nhân vật nêu trên hoàn toàn phụ thuộc vào mong muốn của họ (cung cấp hay không cung cấp), cũng như kỹ năng của nhà báo thuyết phục một số người để họ chia sẻ với anh những thông tin, tư liệu cần thiết. Về luật pháp, trong quan hệ này, việc nhận thông tin của nhà báo tuỳ thuộc vào ý nguyện của mỗi cá nhân trong những nhân vật nói trên. Vì vậy, nhà báo có thể tiếp cận thông tin do các nguồn này cung cấp

mặc dù chúng bị coi là không đa dạng.

Việc xem xét các nguồn (đặc biệt là tiếp cận thông tin) liên quan đến nhóm thứ hai sẽ có hiệu quả hơn nhiều. Nhóm này trước hết bao gồm các cơ quan, tổ chức khác nhau có các mối quan hệ qua lại với các phương tiện thông tin đại chúng được điều chỉnh bằng luật pháp và các văn bản chuẩn mực khác. Hoàn cảnh này mang lại những cơ sở khách quan cho cuộc đối thoại về những nét đặc biệt của các nguồn thông tin và cách tiếp cận thông tin. Hãy xem xét các nguồn thông tin nào được tác giả sử dụng trong quá trình điều tra mà chúng ta coi là có hiệu quả hơn cả (không loại trừ khả năng phân tích các nguồn thông tin khác của các điều tra viên khác).

CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nhà báo-điều tra viên lưu ý đến các thông tin từ các cơ quan nhà nước, xuất phát từ việc các thông tin này, theo Hiến pháp Nga và luật pháp, trước hết có liên quan đến việc cung cấp cho công dân, tổ chức theo yêu cầu của họ, những thông tin chính xác nhất, đầy đủ nhất và khách quan nhất. Thông thường, các cơ quan nhà nước nghiên cứu các vấn đề thường nhật phù hợp theo chuyên ngành của họ và nghiên cứu một cách trực tiếp. Nhiều bộ, ngành có chức năng thu thập và xử lý thông tin cần thiết bằng cách tương ứng. Nhận thức điều này và vì vậy, hy vọng tìm thấy những

tư liệu cần thiết trong quá trình giao tiếp với họ tại các cơ quan nhà nước, tuy nhiên, nhà báo không phải lúc nào cũng có thể đạt được mục tiêu của mình. Vì bộ, ngành và các cơ quan khác mà nhà báo tiếp xúc có thể không có thông tin tương ứng hoặc có rất hạn chế, không đáp ứng đòi hỏi của người yêu cầu. Kết quả là sẽ mất thời gian một cách uổng phí...

Từ đó nảy sinh một điều kiện đơn giản nhưng quan trọng: trước khi lưu ý đến một cơ quan này hay khác, với lời đề nghị cung cấp thông tin nào đó, cần tìm hiểu và suy nghĩ để biết liệu cơ quan này có thông tin đó không? Và về nguyên tắc, có thực sự cần lấy thông tin từ cơ quan này không? Vì vậy, cho dù là đã đưa vào kế hoạch chung đi chăng nữa, nhà báo cũng cần hình dung xem tổ chức nhà nước nào có thể giúp anh ta thu thập thông tin cần thiết. Vả lại, không phụ thuộc vào lĩnh vực nào nhà báo sẽ tiến hành điều tra (kinh tế, sinh thái, chính trị...), anh ta buộc phải biết "lựa chọn" các cơ quan có thể có thông tin mà anh ta cần. Nếu nói về thông tin sinh thái chẳng hạn, có vẻ như là thông tin này được chuyển đến các bộ, ngành khác nhau - một số bộ, ngành thu thập thông tin về các chất thải sản xuất (trước hết là các chất độc hại, có hoạt tính phóng xạ), các cơ quan khác lại thu thập thông tin về tình trạng đất trồng, không khí, nguồn nước, nước ngầm, các nguồn dự trữ về

sinh vật, khoáng chất cũng như các chất khác... Để có sức thuyết phục, người ta lập ra một bảng biểu như là bức tranh phân chia các thông tin sinh thái theo các bộ và ngành.

Nhà báo chuyên trách thể loại điều tra khác cần phải tự nhận thức rõ các bộ, ngành, cơ quan có hoặc cần phải có (theo các cam kết chức năng) loại thông tin nào để "kết lại" đề tài mà nhà báo quan tâm. Qua đó, nhà báo phải có trong bảng biểu của mình, những chỉ dẫn cần thiết đối với các cơ quan nhà nước quan trọng nhất (theo quan điểm thông tin). Những tư liệu như vậy có thể khai thác trong sách chuyên ngành về các mục tương ứng (sách giáo khoa, sách chuyên khảo, giáo trình...). Loại sách này hiện được bán khá rộng rãi.

Vì tất cả các bộ, ngành, cơ quan thống nhất thành một cơ cấu ở cấp liên bang cũng như khu vực, trong quá trình điều tra, điều quan trọng là phải xác định: Cơ quan cấp nào (khu vực hay liên bang) có lý do và khả năng cung cấp thông tin trong trường hợp cụ thể. Việc lựa chọn đúng đắn sẽ gợi ý, mở đường cho việc cơ cấu thông tin lưu hành trong hệ thống các cơ quan nhà nước.

TỔ CHỨC CÁC NGUỒN THÔNG TIN TRONG HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nhà báo-điều tra viên sẽ đỡ vất vả nhất trong việc tìm kiếm thông tin từ các cơ quan

nhà nước nếu như các cơ quan đó nghiên cứu, chuẩn bị một cách có trình tự, có hệ thống những tư liệu cần thiết đối với bài báo hoặc có một cơ sở hạ tầng phát triển thống nhất tạo điều kiện cho việc tiếp cận những tư liệu này. Tuy nhiên, trong thực tế, mặc dù sự bảo đảm của xã hội về những thông tin cần thiết là điều bắt buộc đối với một loạt cơ quan nhà nước, trên thực tế không tồn tại cơ sở hạ tầng hoạt động như vậy. Thông tin mà các cơ quan nhà nước có không phải lúc nào cũng dễ hiểu đối với các nhà báo; ngoài ra, thông tin này thông thường được sắp xếp theo kiểu chỉ cho phép trước tiên là các chuyên gia nhận thức được chứ không phải cho đông đảo độc giả mà bài báo muốn gửi đến. Vì vậy, nhà báo-điều tra viên cần suy tính rõ cách sắp xếp thông tin lưu hành trong hệ thống các cơ quan nhà nước để nhằm mục tiêu rõ ràng vào các cơ cấu tổ chức có thể có những tư liệu cần thiết cho anh ta.

Thông thường, các cơ quan nhà nước cần trước hết loại thông tin có thể sử dụng vào việc quản lý các quá trình hoạt động chung của xã hội, điều chỉnh sản xuất, kinh doanh; tạo lập những điều kiện cần thiết và kiểm soát nó, v.v.. Do những nhiệm vụ phải giải quyết, một cơ quan nhà nước phải thu thập những tư liệu tương ứng. Sau đó, thông tin được xử lý cho phù hợp với các nhu cầu của bộ, ngành, cơ quan đó.

Bên trong hệ thống các cơ quan nhà nước, thông tin được xây dựng trên nguyên tắc "hình chóp" (có cơ sở rộng lớn của các nguồn tin "cấp thấp" và khu vực, đồng thời thu thập trong số không lớn lắm các cơ quan cao cấp của chính quyền nhà nước - trên "đỉnh hình chóp"). Thêm nữa, thông tin này chuyển dịch một cách đặc thù trong hệ thống các cơ quan nhà nước. Các cơ quan nhà nước ở cấp "thấp" thu thập và chuyển thông tin đến các cơ quan nhà nước cấp khu vực và liên khu vực ở trên, sau đó, thông tin này lại được cung cấp cho các bộ và cơ quan liên bang. Thông tin ở mức "thấp" này được trình bày dưới dạng tư liệu mô tả, các con số, họa đồ và báo cáo. Thông tin loại này tương đối chi tiết, mô tả các sự kiện, quá trình, hiện tượng thực tế, khiến độc giả dễ dàng hình dung và hình dung một cách cụ thể. Tuy nhiên, theo diễn biến trên các "tầng" khu vực và tầng trên cùng của hệ thống nhà nước, trong quá trình nghiên cứu và phân tích, thông tin ngày càng bị "ép lại", khái quát hóa, biến thành cái mà người ta gọi là số liệu tổng hợp (hay tin vắn).

Ở cấp các cơ quan khu vực, thông tin thường được đưa ra dưới dạng tương đối chi tiết, bao gồm những phân tích tương ứng, những bài tổng kết hàng năm của tỉnh, các báo cáo (chẳng hạn như "Báo cáo về mức độ và tính chất các vụ phạm pháp ở tỉnh Ivanovo"...), những số liệu

thống kê ("Tỉnh Kurscô trong những con số", v.v..). Ở cấp liên bang, nơi người ta thu thập các tư liệu từ các cơ quan khu vực và liên khu vực, cũng diễn ra những đánh giá và soạn thảo các số liệu tương ứng. Đây là cấp độ "dịch chuyển" thông tin hợp quy luật và cần thiết trong hệ thống nhà nước. Vả lại, mọi chi tiết được xử lý, khái quát hóa, hoặc như người ta vẫn nói "... " tài liệu cần thiết để thể hiện tính hợp quy luật, xu hướng của các quá trình phát triển trong nước nói chung. Kết quả thấy được là nhiều vấn đề thuộc phạm vi địa phương hóa ra là nằm ngoài tầm kiểm soát, xem xét của các cơ quan trung ương.

Từ trên xuống (ý nói các cơ quan liên bang), thông tin được cung cấp dưới dạng một số nghị định, nghị quyết, các văn bản quy chuẩn, chỉ thị, mệnh lệnh... Thông tin này thường phục vụ các tổ chức nhà nước cấp dưới bằng các chỉ thị, mệnh lệnh thôi thúc hành động. Khi hình dung tính chất thông tin có thể nhận được tại các "tầng" của cơ quan nhà nước, nhà báo có khả năng định hướng một cách nhận thức đầy đủ trong việc tìm kiếm thông tin. Như vậy, nếu nhà báo điều tra hoạt động của một nhà máy nào đó ở một thành phố nhỏ, thì anh ta cần tìm kiếm thông tin chi tiết, được bổ sung bằng các dữ kiện, số liệu chứng minh cụ thể tại các cấp quận huyện, thậm chí là cấp tỉnh. Nếu hoạt động của

một ngành kinh tế nào đó cũng được điều tra, thì rõ ràng là nhà báo phải có quan hệ với cấp khác nhau (cấp quận, huyện, khu vực và liên bang). Mặt khác, có thể nói rằng thông tin mang tính chất thống kê, hoặc quy chuẩn quan trọng hơn cả có thể nhận được từ các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi liên bang.

Tổ chức chuyển dịch thông tin theo nguyên tắc "hình chóp thông tin" sẽ làm nảy sinh một loạt vấn đề cản trở đến việc sử dụng có hiệu quả những tư liệu nhận được. Một trong số vấn đề đó là sự tham gia yếu ớt của các cơ quan nhà nước cấp dưới hoặc khu vực vào việc thông qua các quyết định mang tính quản lý, điều hành, trong đó có những quyết định liên quan đến từng khu vực cụ thể, từng lĩnh vực cụ thể và quận huyện cụ thể. Toàn bộ các quyết định cơ bản được thông qua ở cấp "đỉnh hình chóp", còn các cơ quan cấp dưới chủ yếu là chỉ có nhiệm vụ thực thi các quyết định đã được thông qua, không phụ thuộc vào mức độ đúng đắn hay hiệu quả của các nghị quyết đó. Vấn đề thứ hai là giữa các cơ quan nhà nước khác nhau tồn tại các mối quan hệ tương đối phức tạp. Sự phối hợp hành động giữa các cơ quan này, trong đó có các cơ quan thông tin thường làm trầm trọng thêm do các rào cản giữa các ngành, các cơ quan. Vì vậy, nếu việc chuyển dịch thông tin trong nội bộ hệ thống các cơ quan nhà nước từ dưới lên hoặc từ trên

xuống về cơ bản diễn ra một cách vững vàng, thì việc trao đổi thông tin "theo đường nằm ngang" không thể được xem là đáp ứng các nhu cầu tương ứng.

Nhìn chung, hệ thống thông tin quốc gia chủ yếu nhằm để phục vụ cho chính bản thân mình và ở mức độ cực nhỏ - là phục vụ cho các cơ cấu xã hội khác. Dĩ nhiên, nhà báo trong một số trường hợp có thể gặp may nếu cơ quan mà anh ta quan tâm có một trung tâm báo chí hoàn thiện có ngay thông tin mà nhà báo cần trong quá trình điều tra. Nhưng cần nhớ rằng các trung tâm báo chí không phải lúc nào cũng quan tâm đến việc cung cấp thông tin xác thực cho nhà báo. Vậy họ làm gì? Thông thường, các cơ quan này lựa chọn, xử lý và phân tích thông tin cho người đứng đầu cơ quan của mình, chuẩn bị cho các phương tiện thông tin đại chúng các tài liệu thông tin về hoạt động của nó. Các hoạt động này nhằm phát triển quan hệ với công chúng khu vực, nhằm cấp giấy phép hoạt động cho nhà báo (thẻ phóng viên), tổ chức các cuộc gặp về thông tin với các quan chức của cơ quan, nhằm chuẩn bị và phổ biến những tài liệu thông tin mang tính giai đoạn. Ngoài ra, các cơ quan này còn phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng và các trung tâm báo chí khác. Nhưng nhiệm vụ chính hoạt động của các cơ quan này là thông tin một cách đầy đủ nhất cho nhân dân

khu vực mình về hoạt động của cơ quan thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Mục tiêu này đạt được là nhờ các cuộc họp báo, các "hội nghị bàn tròn" v.v.. Tuy nhiên, sự có mặt của trung tâm báo chí, như thực tế cho thấy, không phải lúc nào cũng là dẫn chứng về quan hệ trung thực của các cơ quan nhà nước, trước hết là thông qua các nhà lãnh đạo của các cơ quan đó và báo chí (và cả trung tâm báo chí của mình). Lẽ dĩ nhiên, các trung tâm báo chí về hình thức cần giúp cho Liên bang Nga thực hiện các quyền tự do ngôn luận theo Hiến pháp và quyền nhận được thông tin khách quan, bảo đảm việc tuyên truyền một cách linh hoạt trên các phương tiện thông tin đại chúng các thông tin chính thức, khách quan về hoạt động của tổ chức này. Nhưng trên thực tế, hoạt động của các tổ chức này là nhằm tạo dựng hình ảnh tích cực cho cơ cấu tổ chức của mình. "Bảo vệ các quyền lợi của công ty" là nhiệm vụ hàng đầu của họ.

Trong dự định, bước đầu tiên, nhà báo sẽ đến trung tâm báo chí để nhận được tấm thẻ hoạt động (thẻ nhà báo). Không hề có những điều kiện và luật lệ khắt khe cho việc cấp này. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng cần phải thỏa thuận sơ bộ về cuộc gặp, cần tự giới thiệu với lãnh đạo của trung tâm báo chí. Sẽ là lôgíc nếu như có bức thư giới thiệu của nhà xuất bản hay tòa soạn của mình với yêu cầu cấp thẻ hoạt động. Điều

này hết sức có lợi vì với tấm thẻ này, nhà báo có thể xông xáo vào những nơi mà họ cần để thu thập tài liệu. Vì nhiều công ty thích làm việc với những nhà báo có thể hoạt động thường xuyên nên việc làm các thủ tục để được cấp thẻ đó là khá quan trọng. Trong giai đoạn đầu xâm nhập vào giới "của mình" ở trung tâm báo chí, nhà báo cần thể hiện mình là người thông thạo trong việc sử dụng các phương tiện giao tiếp, kể cả bằng phương tiện cáp, cũng như thái độ cởi mở, dễ giao thiệp và nên chủ động tham gia mọi hoạt động chính thức của tổ chức này nhằm nhanh chóng thích ứng tại trung tâm báo chí, có điều kiện mở rộng phạm vi giao tiếp.

Có một sai sót mà các phóng viên thường hay mắc phải khi muốn nhận thông tin cần thiết từ phía cơ quan - đó là ý định đi gặp ngay người lãnh đạo cơ quan. Không được quên rằng trong các cơ cấu nhà nước thường tồn tại cấp bậc rõ ràng - đó là chính quyền theo ngành dọc. Nhà báo thường nhận được lời từ chối nếu như ngỏ ý muốn tiếp xúc trực tiếp với "ban lãnh đạo cấp cao nhất". Giải pháp tốt nhất là để lãnh đạo trung tâm báo chí giới thiệu nhà báo với người đứng đầu tổ chức hay cơ quan đó. Khi đó, cuộc gặp đầu tiên giữa nhà báo với nhân vật này sẽ không phải là cơ hội cuối cùng. Trong phần lớn các cơ quan nhà nước đều tồn tại luật lệ này.

Cũng có thể xảy ra phương án khi người điều

tra tình cờ có một người quen tốt bụng trong cơ quan này và anh ta có thể cung cấp cho nhà báo những tư liệu cần thiết. Trong trường hợp này, nhà báo có thể nhận được thông tin tương đối nhanh mà không phải đến trung tâm báo chí. Có được nguồn tin trong các cơ quan bảo vệ pháp luật là đặc biệt may mắn vì chỉ có họ mới có thể cung cấp những tư liệu về hình sự, những tang chứng, vật chứng chính xác nhất và được tiết lộ một cách kỹ càng nhất, cuộc tiếp xúc chặt chẽ giữa nhà báo - điều tra viên với các cơ quan này (một số nhân viên của cơ quan) thường tương đối có hiệu quả. Thông thường, cảnh sát, viện kiểm sát không muốn tiết lộ những thông tin họ có vì điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc khám phá, phanh phui vụ tội phạm. Ngoài ra, có thể có những nguyên nhân khác, chẳng hạn như một số cơ quan không muốn "chia sẻ vinh quang" với nhà báo hoặc sự quan tâm của một số quan chức đối với kết cục điều tra, còn trong một loạt trường hợp, đó là sự khiếm khuyết, yếu kém của hệ thống bảo vệ pháp luật. Vì vậy, phần lớn những tư liệu cần thiết đối với nhà báo chỉ có thể nhận được thông qua con đường "không chính thức" - qua những người quen và bạn bè làm việc trong cơ quan đó. Nhưng thậm chí nếu thông tin được cung cấp qua một người họ hàng ruột thịt hoặc người bạn thân thiết nhất thì thông tin đó bắt buộc phải kiểm tra lại hết sức cẩn thận.

Tuy nhiên, thường thì nhà báo-điều tra không có những người bạn hoặc người thân như vậy. Kết quả là nhà báo phải vượt qua không ít khó khăn trong việc tìm kiếm thông tin cần thiết trong hệ thống "hình chóp thông tin" nhà nước. Trong trường hợp này, nhà báo đứng trước sự cần thiết phải nhận thông tin mà anh ta cần bằng con đường chính thức. Vì vậy, anh ta cần đưa ra những lời chất vấn để được cung cấp những thông tin cần thiết đối với các cơ quan, mà theo anh ta là họ có thông tin đó.

CHẤT VẤN CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Nhà báo có thể chất vấn bằng miệng hoặc dưới dạng viết (xem phần về Luật về các phương tiện thông tin đại chúng). Tốt nhất là nên chất vấn không phải với danh nghĩa cá nhân, mà nên thay mặt cho tòa soạn báo. Lãnh đạo cơ quan, các tổ chức, cán bộ các cơ quan báo chí hoặc những người có thẩm quyền đều phải cung cấp thông tin trả lời cho những câu chất vấn. Thời gian chính thức phải có câu trả lời là 7 ngày kể từ thời điểm cơ quan nhận được câu hỏi chất vấn bằng văn bản. Nếu câu hỏi chất vấn đòi hỏi nhiều thời gian hơn thì phải thông báo với tòa soạn trong vòng ba ngày sau khi đã thông báo nguyên nhân khiến họ chưa thể cung cấp thông tin trong vòng 7 ngày và thông báo ngày sẽ gửi câu trả lời. Ngoài ra, trong thông báo cũng cần

nói rõ nhân vật quyết định sự trì hoãn đó và ngày thông qua quyết định trì hoãn. Nếu nhà báo không phải là nhân viên của tòa soạn (thậm chí là nhân viên hợp đồng), mà là "nhà báo tự do", thì cơ quan đó có thể trả lời câu hỏi chất vấn của anh ta vào bất kỳ thời hạn nào mà anh ta cần[1].

Nhận thức về việc trên cơ sở nào nhà báo có thể được cung cấp những tư liệu anh ta quan tâm là sự trợ giúp nhất định đối với nhà báo trong việc sắp xếp, lựa chọn hình thức, nội dung của câu hỏi chất vấn. Trong các cơ cấu nhà nước có thể nhận được mọi thông tin nếu thông tin đó không hàm chứa bí mật quốc gia, bí mật thương mại hay bí mật của một cá nhân nào. Nếu trong câu hỏi chất vấn của mình, nhà báo yêu cầu cho anh ta được tiếp cận với các nguồn thông tin (các văn bản, tài liệu) về các vấn đề hoạt động của cơ quan này hoặc các cơ sở thuộc quyền kiểm soát của cơ quan này, thì theo trang 12 Luật "Về thông tin, thông tin hóa và bảo vệ thông tin", thì các tổ chức này tự xác định khả năng và quy chế cho phép nhà báo tiếp cận. Về vấn đề này, các tổ chức không cần phải nêu lý do quyết định của mình với tòa soạn. Nếu nhà báo yêu cầu những thông tin liên quan đến những số liệu điều tra sơ bộ thì anh ta chỉ có thể nhận được

[1] Đây là những quy định của luật pháp Nga (BT).

thông tin nếu được phép của Viện kiểm sát[1].

Tình thế bất lợi nhất được xem như là thất bại đối với nhà báo là khi anh ta đưa ra câu hỏi chất vấn đối với một cơ quan nào đó, anh ta bị từ chối cung cấp thộng tin với lý do họ có vẻ như không có thông tin này. Trong một số trường hợp, điều này có nghĩa là nhà báo đã hành động không đúng, không trình bày được đề nghị của mình. Vì vậy, cần phải xác định rõ, "rút ngắn" nó sao cho câu hỏi chất vấn đưa ra nghe cho cụ thể hơn.

Người ta có thể không cung cấp thông tin cho nhà báo do người sở hữu thông tin không rõ mục đích của thông tin mà tòa soạn yêu cầu cung cấp. Trong trường hợp này, nhà báo có hai cách tiếp tục hành động. Cách thứ nhất, đưa ra dẫn chứng ở trang 12 Luật liên bang "Về thông tin, thông tin hóa và bảo vệ thông tin", trong đó nêu rõ nhà báo, tòa soạn không bắt buộc phải thông báo nguồn thông tin này hay khác về mục đích nhận thông tin (trong trường hợp này, không nói đến việc cung cấp thông tin được coi là bí mật quốc gia, bí mật thương mại hoặc những thông tin về cuộc sống riêng tư). Biện pháp này thông thường có nghĩa là lựa chọn quan hệ đối đầu với nguồn thông tin hoặc người sở hữu thông tin, như thực tế cho thấy, không mang lại

[1] Đây là những quy định của luật pháp Nga (BT).

điều gì tốt đẹp. Nếu trong trường hợp này, người ta cung cấp những thông tin mà nhà báo cần, thì điều này có thể diễn ra trong những khoảng thời gian mà nguồn thông tin có thể mất mọi ý nghĩa đối với công tác điều tra.

Biện pháp thứ hai được dùng phổ biến hơn cả là giải thích cho các đại diện của cơ quan nhà nước về mục đích của việc thu nhận thông tin sau khi đã nói rõ tầm quan trọng to lớn của việc công bố thông tin đó vào thời điểm này đối với xã hội. Tất nhiên, mục tiêu đòi hỏi thông tin có thể chỉ được phác họa một cách khái quát. Đặc biệt, những sắc thái sử dụng thông tin có thể khiến người sở hữu thông tin phải đề phòng, tạo cho họ sự tưởng tượng sai lệch về tư duy sáng tạo của nhà báo.

Vậy liệu có phải trả tiền cho thông tin mà anh ta có thể nhận được từ các cơ quan nhà nước? Thông thường, tại một số cơ quan thời đó, các quan chức được nhận tiền trả cho những thông tin cung cấp. Vậy liệu họ có quyền như vậy không? Cần nói riêng trong mỗi trường hợp cụ thể về điều này. Chẳng hạn, cơ quan hướng dẫn điện thoại MGTS cấp những tài liệu miễn phí về các cơ quan nhà nước như các tòa án, các quận huyện, các bộ v.v.. Vậy về các cơ quan chuyên cấp thị thực và giấy đăng ký, cũng là những cơ quan nhà nước, tại sao lại phải trả tiền? Vì sao vậy? Vấn đề này vẫn chưa có câu

trả lời. Vậy trong trường hợp này, nhà báo phải làm gì để có thông tin tương tự? Anh ta có thể đề nghị, thử làm rõ xem MGTS có phải là cơ quan nhà nước hay không. Nếu đúng như vậy thì các tài liệu đó sẽ được tính bằng ngân sách, có nghĩa là tính vào tiền nộp thuế. Vì vậy, trả tiền tài liệu bằng dịch vụ một lần nữa là một đòi hỏi phạm pháp. Ngoài ra, tiền trả cho thông tin có thể chỉ được thu khi thông tin đó là đối tượng của một hoạt động trí tuệ và vì thế, nó được xem như một thứ hàng hóa (xem trang 128 Bộ luật dân sự Nga, trang 6 Luật "Về thông tin, thông tin hóa và bảo vệ thông tin"). Trên cơ sở này, nhà báo có thể đòi hỏi cung cấp miễn phí những thông tin anh ta cần. Nhưng anh ta cần phải mất bao nhiêu nỗ lực mới thực hiện được đòi hỏi này? Anh ta phải mất bao nhiêu thời gian để đi đến các cấp khác nhau và làm rõ những cơ sở mà theo đó, cơ quan nhà nước có thể yêu cầu trả tiền vì những dịch vụ mà họ cung cấp?

Có thể là anh ta cần hành động, nhưng hoàn toàn không phải vào thời điểm, khi đang tiến hành một cuộc điều tra tác chiến về một vụ việc nào đó. Trong trường hợp này, trước hết cần trả tiền cho tài liệu hay thông tin đó đã, sau đó mới nghiên cứu tài liệu trong quá trình hình thành cách ứng xử, đôi khi là ngay trong quá trình nhận thông tin, nhà báo rơi vào tình trạng hoặc là anh ta trả tiền cho quan chức vì những thông

tin cần thiết, hoặc là sẽ phải hành xử "theo luật", theo các chỉ thị, quy định của cơ quan này, để rồi lại dẫn đến việc chậm trễ trong việc nhận được những thông tin cần thiết. Trong trường hợp như vậy, lẽ dĩ nhiên, nhà báo cần lựa chọn phương án tối ưu cho mình vì đối với anh ta, điều quan trọng hơn cả là nhận được càng nhanh càng tốt những tài liệu cần thiết để thúc đẩy tiến trình điều tra sau khi đã trả tiền cung cấp thông tin, hoặc là đạt được quyền thu thập thông tin một cách chính đáng (không mất tiền) nhưng với thời gian chậm hơn hẳn.

Trong bất kỳ trường hợp nào nhà báo cũng phải nghiên cứu các đạo luật điều tiết mối quan hệ giữa các phương tiện thông tin đại chúng và các cơ quan nhà nước (trước hết là những đạo luật như đã nói trên: "Về các phương tiện thông tin đại chúng"; "Về thông tin, thông tin hóa và bảo vệ thông tin" và "Về công tác bảo mật thông tin". Khi hình dung ra mọi khó khăn có thể gặp phải trong quá trình thu thập thông tin cần thiết tại các cơ quan nhà nước, nhà báo có thể đặt ra những đòi hỏi rõ ràng đối với họ.

Vậy cần phải tuân thủ những điều luật nào trong quá trình đưa ra từng câu chất vấn? Ít nhất, tác giả của những câu chất vấn cần xuất phát từ những đòi hỏi sau:

1. Độ chính xác của địa chỉ cần yêu cầu

Việc soạn thảo nội dung yêu cầu được bắt đầu

chính từ việc xác định địa chỉ cơ quan mà nhà báo cần yêu cầu được giúp đỡ. Điều này đòi hỏi nhà báo phải nắm tương đối rõ ràng và đầy đủ trong việc xác định xem cơ quan nhà nước nào nắm được lượng thông tin chính xác và đầy đủ hơn về vấn đề mà nhà báo quan tâm điều tra ở thời điểm này. Sơ xuất trong việc xác định chính xác địa chỉ sẽ dẫn tới khả năng nhà báo bị từ chối giúp đỡ với lý do cơ quan này không có những thông tin mà anh ta cần.

2. Xác định nội dung yêu cầu

Chất lượng nội dung yêu cầu được xem là kết quả của sự hiểu biết chính xác của nhà báo về khối lượng và chất lượng thông tin cần thiết cho việc tiến hành điều tra ở giai đoạn đó. Việc nắm được khả năng cơ quan nhà nước, mà nhà báo dự định yêu cầu được giúp đỡ, có những nguồn thông tin như thế nào cũng có vai trò không nhỏ trong vấn đề này. Để nhấn mạnh mặt này trong lời yêu cầu, nhà báo phải nêu rõ ràng loại và khối lượng thông tin mình cần. Nếu cần điều tra về các tai nạn giao thông ở thành phố, nhà báo có thể yêu cầu hoặc là số liệu thống kê, hoặc là các kết quả phân tích, hay những vụ tai nạn có tính chất tiêu biểu hơn cả .v.v.. Nếu như nhà báo yêu cầu "cung cấp thông tin về các tai nạn giao thông", thì yêu cầu này sẽ khiến cho quan chức (được giao nhiệm vụ trả lời nhà báo) rơi vào tình thế lúng túng, bởi lẽ quan chức đó

không thể hiểu được nhà báo muốn loại thông tin đó ở giai đoạn nào và nhà báo cần số liệu thống kê hay loại thông tin mô tả tai nạn...

3. Hình thức trình bày

Không hiếm trường hợp nhà báo điều tra những sự kiện, tình huống có tính chất cấp bách, bộc lộ những bất công và những hoàn cảnh khiến người điều tra bị mất thăng bằng tâm lý. Trạng thái này có thể được bộc lộ qua giọng nói, hình thức yêu cầu của nhà báo đối với cấp nhà nước nào đó. Khi nhận những yêu cầu có hình thức đòi hỏi gay gắt, quan chức nhà nước có thể tỏ thái độ tự vệ giận dữ mà tận dụng cả những khả năng nhỏ nhất (trong thực tế thường xảy ra) để "tống cổ" tay "nhà báo càn rỡ" (theo suy nghĩ của ông ta) khỏi nơi làm việc của ông ta.

Đương nhiên là để tránh xảy ra trường hợp này, nhà báo cần phải biết cách trình bày yêu cầu của mình bình tĩnh hơn, có sức thuyết phục hơn để quan chức nhà nước cảm thấy ông ta (bà ta) được tôn trọng. Cách yêu cầu như vậy có nhiều cơ hội được đại diện cơ quan nhà nước chấp nhận với mức độ nghiêm túc cần thiết.

4. Uy tín trong yêu cầu

Đôi khi các nhà báo coi mọi thỏa thuận, trong đó có thỏa thuận miệng với các đại diện của cơ quan nhà nước về cung cấp thông tin, là yêu cầu. Trong thực tế, thỏa thuận miệng và yêu cầu viết

bằng văn bản là hai thứ hoàn toàn khác nhau. Thỏa thuận qua lời nói về việc cung cấp thông tin có thể bị phá vỡ. Ngoài ra, ngay cả trong trường hợp được chấp nhận và nhà báo nhận được thông tin theo yêu cầu, thì cũng không thể sử dụng thông tin đó trên danh nghĩa câu trả lời chính thức của cơ quan nhà nước. Còn ngược lại (nhà báo cố tình sử dụng thông tin qua lời nói của quan chức nhà nước), thì anh ta có nguy cơ bị đưa ra tòa vì tội công bố những gì mới chỉ là phỏng đoán.

Ai là người cần ký vào văn bản yêu cầu gửi tới cơ quan nhà nước? Như đã nêu trên, mọi nhà báo đều có thể ký vào văn bản đó. Tuy nhiên, sức nặng của văn bản yêu cầu phụ thuộc trực tiếp vào mức độ nổi tiếng và uy tín của nhà báo trong xã hội. Nếu như tác giả cuộc điều tra không phải là "ngôi sao" trong làng báo, thì tốt nhất anh ta nên thuyết phục tổng biên tập báo ký và gửi yêu cầu được cung cấp thông tin tới cơ quan nhà nước. Văn bản yêu cầu cần phải được trình bày trên mẫu giấy in sẵn của tòa soạn và có những thông số cần thiết. Nghĩa là văn bản đó phải được photo để lưu giữ một bản tại tòa soạn, được đánh số và ghi rõ ngày, giờ gửi văn bản tới cơ quan nhà nước trong sổ theo dõi các công văn, giấy tờ chính thức được gửi đến và gửi đi từ tòa soạn theo trình tự được quy định trong Điều 39 và 40 của Luật "Về các phương tiện thông tin đại chúng".

5. Kiểm soát quá trình gửi yêu cầu tới cơ quan nhà nước

Nếu nhà báo gửi văn bản yêu cầu đi, nhưng do bận công việc nên quên theo dõi xem liệu văn bản đó được gửi tới địa chỉ hay không, thì anh ta có nguy cơ bị mất không ít thời gian quý báu của mình. Vấn đề là ở chỗ, vì những nguyên nhân khác nhau, văn bản yêu cầu đó có thể không tới được địa chỉ cần thiết. Có thể văn bản đó bị "lạc" trong mê cung của bộ máy quan liêu của nhà nước. Để kịp thời phát hiện ra những khó khăn cản trở văn bản yêu cầu tới được cơ quan nhà nước cần thiết, nhà báo cần phải tuân thủ các quy định về lưu chuyển tài liệu, theo dõi, kiểm soát việc chuyển phát các tài liệu công vụ (văn bản yêu cầu là một loại trong số đó). Bởi vậy, nhà báo phải ghi chép cẩn thận ngày gửi văn bản, lưu giữ một bản photo coppy văn bản gửi đi và cố gắng trong khả năng của mình liên lạc với cơ quan nhà nước nhận văn bản để xác định chính xác thời gian văn bản đó được tiếp nhận. Tất cả những việc này làm tăng đáng kể cơ hội nhà báo nhận được từ cơ quan nhà nước những thông tin cần thiết.

TƯ LIỆU CÁ NHÂN CỦA NHÀ BÁO

Một trong những nguồn thông tin quan trọng trong tay nhà báo điều tra có thể nói là tư liệu cá nhân của chính nhà báo. Tư liệu này có thể

được xây dựng theo cách tự nhiên hoặc dựa trên những nguyên tắc nào đó do nhà báo nghĩ ra và tự quyết định. Tùy thuộc vào việc định điều tra cái gì, nhà báo quyết định xây dựng tư liệu theo cách này hoặc cách khác. Những dạng tư liệu phổ biến là:

1. Xây dựng tư liệu theo chủ đề

Khi xây dựng loại tư liệu này, nhà báo tuân theo nguyên tắc là thu thập càng nhiều càng tốt những tài liệu có thể (văn bản, ảnh, băng ghi âm...) về đề tài mình quan tâm. Chủ đề có thể được hiểu theo nghĩa tương đối rộng, ví dụ tác giả dự định viết về đề tài kinh tế nói chung. Việc định làm tư liệu loại này thường chứng tỏ người xây dựng ra nó là một nhà báo không lành nghề, bởi lẽ nếu không thế thì anh ta đã hiểu rằng "không thể ôm được cái gì đó quá to lớn". Ngoài ra, lợi ích của loại tư liệu này có thể không đáng kể trong việc chuẩn bị cho một bài viết cụ thể, bởi lẽ trong bộ tư liệu đó có thể không có những thông tin về vấn đề mà nhà báo định điều tra. Sẽ là đúng đắn hơn nếu thiết lập tư liệu theo chủ đề hẹp, ví như tư liệu về hoạt động kinh tế của các xí nghiệp sản xuất nhôm hoặc kinh tế trang trại ở Nga hiện nay v.v.. Có thể lựa chọn chủ đề hẹp hơn nữa - về tội phạm kinh tế ở các xí nghiệp sản xuất nhôm. Chủ đề càng hẹp bao nhiêu thì tài liệu trong tư liệu càng cụ thể và phong phú bấy nhiêu. Dĩ nhiên là loại tư liệu

như vậy sẽ đặc biệt có ích cho việc tiến hành điều tra của nhà báo.

2. Xây dựng tư liệu theo vấn đề

Việc xây dựng những tư liệu loại này không xuất phát từ dấu hiệu của phạm vi hoặc xu hướng hoạt động nhất định được phản ảnh trong các bài viết "sưu tập", mà là từ những vấn đề cụ thể được phản ảnh trong các phạm vi hoặc xu hướng hoạt động đó. Ví dụ nhà báo có thể quan tâm tới vấn đề chảy vốn từ Nga ra nước ngoài. Trong trường hợp này, trong tư liệu "gặp" những bài báo, tài liệu thuộc những phạm vi hoạt động khác nhau, nhưng đều có dấu hiệu chung thống nhất - trong chúng "hiện diện" vấn đề cần được xem xét. Ngoài ra, trong tư liệu còn có thể có những bài báo, tài liệu viết về những hiện tượng, sự kiện trong cuộc đấu tranh chống lại sự chảy vốn tương tự ở nước ngoài.

Tư liệu theo vấn đề có giá trị hơn cả đối với nhà báo điều tra ở chỗ nó không chỉ giúp hiểu được, ví dụ một vụ trọng tội này hoặc vụ trọng tội khác có thể xảy ra như thế nào dưới tác động của các nguyên nhân xã hội nào đó, mà còn gợi ra những biện pháp có thể thực hiện để ngăn chặn những tội ác đó và đây chính là điều rất quan trọng đối với xã hội.

3. Tư liệu (hồ sơ) về cá nhân

Khi xây dựng loại tư liệu này, tác giả tích lũy

tài liệu liên quan tới một cá nhân xác định. Loại tư liệu này có thể rất đa dạng khác nhau. Có thể xem xét cá nhân mà nhà báo xây dựng hồ sơ về người đó từ những khía cạnh khác nhau: Người đó có thể được xem xét dưới khía cạnh một nhà chính trị, mặt khác lại là một nhà tài chính giỏi, lãnh đạo một ngân hàng nổi tiếng, ở mặt khác nữa lại là một người đam mê thể thao từng tham gia nhiều cuộc thi đấu thể thao... Khi xem xét từ những góc độ đa dạng như vậy nhà báo không được quên rằng đời sống riêng tư của người mình quan tâm, theo luật pháp, là bất khả xâm phạm, và chỉ được phép can thiệp vào nó trong trường hợp hoạt động của cá nhân đó tạo ra mối đe dọa nhất định đối với xã hội. Tuy nhiên, nhà báo có thể hoàn toàn yên tâm thu thập thông tin về bất kỳ người nào nếu như thông tin đó được công bố trên báo chí công khai. Khi thu thập những thông tin bằng cách quan sát đặc biệt đối với một ai đó, nhà báo điều tra phải tuân thủ những quy định trong các điều khoản của đạo luật "Về các phương tiện thông tin đại chúng", trong đó nêu rõ những điều kiện mà nhà báo có thể ghi âm hoặc quay video một cách bí mật.

Cần nêu rõ rằng trong tư liệu (hồ sơ) về cá nhân có thể lưu giữ những tài liệu về những người khác nhau. Khi lập hồ sơ như vậy cần phải hệ thống hóa dưới hình thức lập thẻ hoặc

hệ thống tìm kiếm nào đó để có thể dễ dàng tìm ra những tài liệu về cá nhân này hoặc cá nhân khác trong tập tư liệu lưu trữ đó. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi hồ sơ được xây dựng trong nhiều năm và trở nên rất lớn về khối lượng tài liệu, thông tin lưu giữ. Tất nhiên có thể copy các tài liệu, thông tin thu thập được đó vào bộ nhớ của máy vi tính - nhưng tài liệu này không phải có cùng giá trị như các tài liệu viết trong tập hồ sơ của nhà báo. Cho tới nay, khác với thông tin trên báo chí, thông tin thu được từ Internet không được coi là bằng chứng tại toà án.

Dù thuộc hồ sơ lưu trữ loại nào chăng nữa thì tất cả các tài liệu trong hồ sơ đó cũng phải có những số liệu rõ ràng làm cho bài báo trở thành một tài liệu.

INTERNET

Càng ngày Internet càng trở thành cần thiết hơn đối với nhà báo điều tra, không chỉ cần như một hoạt động tác nghiệp, mà còn như một phương tiện có mặt ở khắp nơi để công bố kết quả điều tra, nguồn thông tin cần thiết cho chính quá trình điều tra. Hiện nay, trong thực tế Internet có mặt trong tất cả các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó có ở nhiều tờ báo địa phương. Trên Internet có rất nhiều trang chủ có thể truy cập để thu nhận rất nhiều nguồn

thông tin đa dạng khác nhau. Việc còn lại của nhà báo là đánh đúng từ khoá để truy cập vào những trang thông tin mà mình quan tâm.

Trong số những trang Web này hoặc khác, có thể có những trang gây ra mối quan tâm hàng đầu đối với nhà báo trong khi tiến hành vụ điều tra này hoặc vụ điều tra khác cụ thể. Ví dụ có những trang Web chứa đựng nhiều thông tin về các nhân vật "quan trọng" và tình huống cấp bách mà họ xuất hiện trong đó, về những hành động không đẹp mắt của họ. Ngoài ra, trang Web này còn đáng được quan tâm ở chỗ những người lập ra trang web đó không tiến hành các hoạt động điều tra độc lập, mà thu thập thông tin từ các nguồn khác.

Do hệ thống tìm kiếm rất phong phú nên nhà báo có thể lựa chọn trang web nào "tâm đầu ý hợp" với mình nhất. Hệ thống tìm kiếm nào được lựa chọn, hệ thống đó được sử dụng có hiệu quả như thế nào? Điều này phụ thuộc vào trí lực của nhà báo, khả năng của anh ta trong việc đưa ra các câu hỏi chuẩn xác tới mức nào. Đôi khi nhà báo có thể xem rất nhiều hệ thống tìm kiếm, nhưng lại không phát hiện được trang web nào đáng chú ý đối với mình. Nhưng có thể tin tưởng rằng nếu suy nghĩ kỹ lưỡng để đưa ra cho hệ thống câu hỏi đúng thì nó sẽ nhanh chóng cung cấp những thông tin cần thiết đối với anh ta về mọi đề tài, mọi nước, tìm ra bất kỳ số điện

thoại nào, bất kỳ người nào, v.v..

Nhà báo điều tra có thể thu nhận thông tin từ các cơ sở dữ liệu trong Internet. Đây là các thông tin về các tổ chức, cơ quan, các chỉ số kinh tế, thành tựu thể thao, luồng hàng, vũ khí, các nhà hoạt động xã hội... Nói một cách khác, "các cơ sở dữ liệu" có thể được xây dựng theo những lĩnh vực hoạt động đa dạng nhất với những mục tiêu khác nhau nhất. Những người xây dựng các cơ sở dữ liệu không chỉ cung cấp thông tin, mà còn đưa ra những lời bình luận kèm theo những thông tin đó. Trong Internet có hàng nghìn các cơ sở dữ liệu quan trọng và chúng được phân chia theo nội dung các vấn đề, hình thái, cũng như "mức độ truy cập" (phải trả tiền hay không phải trả tiền). Phổ biến trong các cơ sở dữ liệu đó là dữ liệu liên quan tới các vấn đề luật pháp, sinh học, liên quan tới bất động sản, sau đó là số liệu khoa học theo các ngành hẹp v.v..

Theo quan điểm của chúng tôi, các cơ sở dữ liệu về thư viện là có giá trị hơn cả đối với các nhà báo điều tra. Chúng phản ánh những thông tin không chỉ về các nhà xuất bản, mà còn về các bài phân tích là các bài báo riêng biệt từ các tạp chí và tuyển tập. Trong số các cơ sở dữ liệu có giá trị hơn cả ở Nga có cơ sở dữ liệu của công ty Intergrum-Texno với trang web http://www.intergum.ru/win/databases.

Cần phải lưu ý tới các cơ sở dữ liệu ghi trên

các đĩa CD. Có thể mua những loại đĩa CD này trong những cửa hàng chuyên bán đĩa máy vi tính hoặc trên thị trường điện tử. Các chủ đề của các cơ sở dữ liệu chứa trong đĩa CD không phong phú như trong mạng Internet, nhưng có khối lượng tài liệu.khá lớn. Vì nhà báo điều tra thường phải đụng chạm tới các vấn đề về luật pháp, do vậy anh ta nên mua cho mình các đĩa CD chứa các cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, nhà báo điều tra cũng nên mua đĩa CD chứa dữ liệu về các đề tài cơ bản khác nhau cần thiết cho hoạt động điều tra của mình.

Tồn tại một nguồn thông tin quan trọng khác trên mạng Internet. Đó là các thư viện điện tử. Hiện có hơn 1.500 thư viện như vậy và các thư viện này rất đa dạng khác nhau. Ví dụ nếu muốn có thông tin về các tác phẩm văn học nghệ thuật, nhà báo có thể truy cập vào trang Web của thư viện Mácxim Môscốp (www.lib.ru). Truy cập vào thư viện này bạn có thể đọc rất nhiều sách chính trị, truyện ngắn, tiểu thuyết, sách trinh thám, nhiều tác phẩm kinh điển của nền văn học Nga và nước ngoài, cũng như sách giáo khoa trong các trường phổ thông, đại học, v.v.. Ngoài ra, bạn cũng có thể truy cập vào trang Web (www.cyrill.newmail.ru) để đọc các tác phẩm văn học cổ điển hoặc (www/online.ru/rel/rusian/) để đọc những sáng tác của các nhà thơ Nga.

Trên đây chỉ đưa ra một số ví dụ cụ thể về các địa chỉ có thể truy cập trên Internet. Trong thực tế, trên mạng Internet chứa đựng khối lượng thông tin khổng lồ về tất cả các lĩnh vực liên quan tới cuộc sống của loài người. Hiện nay ai cũng có thể tìm thấy trên mạng Internet "lượng kiến thức nền" quan trọng cho mình về mọi chủ đề. Tuy nhiên, khi sử dụng chúng cần phải nhớ một điều quan trọng: Internet tạo cơ hội tự do nói sự thật và bịa đặt cũng như giải thích hiện tượng này hoặc hiện tượng khác bằng các bức ảnh và âm thanh. Bởi vậy cần phải biết lấy ra những thông tin tin cậy và quan trọng từ khối lượng thông tin lớn được cung cấp miễn phí cho bạn. Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng việc tìm thấy những thông tin quan trọng cho mình (để phục vụ cho cuộc điều tra đang tiến hành) - không có nghĩa là có thể sử dụng những thông tin đó như một bằng chứng đầy đủ và có sức thuyết phục. Các nhà báo dày dạn kinh nghiệm đã cảnh báo phải thận trọng khi sử dụng những dữ liệu công bố trên mạng Internet như ví dụ dưới đây:

Một lần tôi viết bài báo "Thiên niên kỷ đáng giá bao nhiêu đối với nhân dân?" về hoạt động của một nhóm nhà hoạt động xã hội nhân dịp chào đón thời điểm cả thế giới bước sang thiên niên kỷ thứ ba - Nhà báo nổi tiếng V.A.Trelusép kể - dự kiến người ta phải chi 500.000 USD cho

việc tổ chức chuyến hành hương của một nhóm nhà hoạt động xã hội tới vùng Đất thiêng (Ixraen) nhân dịp này. Những người tổ chức rõ ràng là đã làm mọi người hiểu lầm khi tuyên bố rằng thiên niên kỷ thứ ba bắt đầu từ ngày 1 tháng giêng năm 2000. Chương trình của hoạt động này được đưa lên trang Web WWW.Apn.Ru. Thế nhưng khi tôi cần truy cập lại vào trang Web này thì nó đã mất hút không tài nào tìm ra. Sau này tôi mới biết trang Web này đã "nhảy cóc" vào trang Web Posfactum (cả hai trang Web này đều do nhà tài phiệt B chi tiền hoạt động và ông ta đã quyết định sáp nhập 2 trang Web làm một).

Thật là tồi tệ nếu việc sử dụng thông tin từ Internet lại gây khó khăn hoặc làm mất uy tín của nhà báo. Thế nhưng, có lẽ tai vạ không phải chỉ dừng lại ở đấy. Sẽ là tồi tệ hơn thế nhiều khi việc sử dụng thông tin từ Internet gây ra phản ứng tiêu cực từ công chúng. Ví dụ về điều này xảy ra cách đây hai năm. Khi đó các nhà báo rất quan tâm theo dõi việc giải quyết một vụ rắc rối về thông tin liên quan tới một tin đăng trên mạng APN. Tin này viết rằng tỉnh trưởng tỉnh Kêmêrôvô Amanghenđư Tulép vì những tính toán xu thời đã cải theo đạo Chính thống giáo. Rất nhiều báo đã đăng lại thông tin này. Một số tờ báo thậm chí còn kiếm đâu ra một số bức ảnh (không hiểu lấy ở đâu) chụp cảnh ông Tulép đang ở trong nhà thờ. Điều gì

xảy ra tiếp theo đó? Tại Cộng hòa Tresnia trực thuộc, Sura (hội đồng các giáo sĩ Hồi giáo) đã tiến hành một phiên tòa Hồi giáo và kết án tử hình Tulép vì "tội phản lại đạo của cha ông". Theo luật Hồi giáo, bất kỳ tín đồ nào của đạo Hồi đều phải giết chết Tulép nếu gặp ông ta. Phán quyết của tòa án Hồi giáo đã gây ra phản ứng dữ dội từ phía các giáo sĩ Hồi giáo cấp cao từ các khu vực khác nhau ở Nga. Các giáo sĩ này đã họp và ra quyết định hủy bỏ quyết định của Sura ở Tresnia. Nhưng vào lúc này đã nảy sinh xung đột sắc tộc nghiêm trọng vì dân chúng tỉnh Kêmêrôvô đã tỏ rõ thái độ thù địch với những người tị nạn Tresnia sống tại địa phương này. Đó là cái giá mà mẩu tin nhỏ đã gây ra. Trong một thời gian dài, những nhà xuất bản đã cho đăng "tin vịt" này đã không thể nào chứng minh được rằng họ lấy tin đó từ Internet vì trang Web đăng tin nọ đã biến mất. Mãi sau này người ta mới tìm được mẩu tin đó ở một trang Web chuyên "sưu tầm" những tin giật gân.

Kinh nghiệm làm báo cho thấy việc nắm rõ nguyên tắc tìm kiếm thông tin trên Internet là quan trọng như thế nào. Bởi vì nguyên tắc đó tạo cho nhà báo khả năng chuẩn bị cho một cuộc điều tra nghiêm túc. Tuy vậy có được tài liệu "khởi đầu từ Internet" cũng là một việc quan trọng đối với nhà báo và nguồn thông tin này luôn luôn tăng nhanh về số lượng và rất đa dạng...

Hiện trên thị trường bán rất nhiều sách báo, tài liệu có thể giúp nhà báo mới vào nghề nhanh chóng có được những kinh nghiệm xử lý những thông tin từ Internet.

Việc nắm được các nguồn thông tin khác nhau và các phương pháp xử lý chúng không có nghĩa là bất kỳ người nào trong bất kỳ thời gian nào cũng có thể sử dụng được những thông tin đó. Việc sử dụng được những nguồn thông tin diễn ra một cách từ từ theo mức độ nhà báo mới vào nghề hòa nhập với công việc của các phương tiện thông tin đại chúng. Tại các tòa soạn, nhà báo mới có cơ hội tiếp cận được với họ tên, số điện thoại và địa chỉ của những người cần thiết mà thiếu những điều đó sẽ chẳng thể tiến hành được bất kỳ cuộc điều tra nào. Ví dụ số điện thoại của ông Vlađimia Dirinốpxki (thủ lĩnh một đảng đối lập ở Nga) không phải ai cũng có và chẳng dễ dàng tìm được nếu không có sự giúp đỡ của các đồng nghiệp. Nhưng thậm chí ngay cả khi có được số điện thoại đó thì một nhà báo thiếu kinh nghiệm cũng khó lòng được ông ta trả lời.

Phải tìm kiếm những người cần thiết như thế nào? Ở đây mọi thứ phụ thuộc vào việc nhà báo điều tra đang ở trong những điều kiện như thế nào. Những nhà báo lõi đời có tất cả những mối quan hệ cần thiết để thuyết phục người đối thoại với họ hiểu rằng người đó không phải đang nói

chuyện với một người "giời ơi đất hỡi" ngoài đường phố. Nhà báo rất cần thiết phải giữ bí mật mọi thứ đã giúp mình trong công việc - đó là các tài liệu, số điện thoại, họ tên những người tiếp xúc trong điều tra, các băng ghi âm v.v.

Trong mọi trường hợp, nhà báo phải tuân thủ những nguyên tắc chung có tầm quan trọng trong khi "làm việc" với các nguồn thông tin không phụ thuộc vào việc chúng được sử dụng như thế nào. Thứ nhất, việc sử dụng các nguồn tin trong điều tra cần phải phù hợp với quyền thu nhận thông tin được luật pháp cho phép. Nếu như nguồn cung cấp thông tin là con người thì cần phải đối xử với họ một cách tôn trọng chứ tuyệt đối không được coi họ đơn thuần là phương tiện để đạt tới mục tiêu của nhà báo.

Khi được nhận vào làm việc sẽ là không thừa nếu ngay cả trong hợp đồng phải ghi điều khoản đặc biệt, theo đó nhà báo không tiết lộ nguồn thông tin (trừ trường hợp tòa án đòi phải tiết lộ) đối với nhà xuất bản. Trong khi tiến hành điều tra, trước khi hứa dùng tên giả khi trích dẫn các số liệu được nguồn tin cung cấp, nhà báo cần biết rõ lý do vì sao người đó cung cấp thông tin cho mình, sau đó mới quyết định hứa giữ bí mật tên của người đó hoặc tuyên bố nhắc tới tên anh (chị) ta trong bài viết khi cần thiết. Đó là thái độ đúng đắn và người đối thoại sẽ hiểu đúng nhà báo. Rõ ràng còn rất nhiều đòi hỏi khác nữa mà nhà báo

điều tra phải đặt ra cho mình trong khi thu thập thông tin, tuy vậy có thể tóm gọn tất cả các đòi hỏi ấy vào một điểm chung: không gây hại!

II-NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CỦA NHÀ BÁO

Không nghi ngờ gì rằng việc biết rõ những rào cản gặp phải trong quá trình điều tra là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho hoạt động của nhà báo đạt hiệu quả.

TRỞ NGẠI VỀ NHẬN THỨC

Bất kỳ cuộc điều tra nào của nhà báo, bất kể việc điều tra đó động chạm tới đề tài nào, được tiến hành bằng những phương pháp gì, sử dụng những nguồn thông tin nào - đều là một hoạt động nhận thức. Bởi vậy, việc điều tra luôn đồng hành với những khó khăn có thể được gọi theo quy ước là "những trở ngại về nhận thức" và những khó khăn này có thể bắt gặp trong bất kỳ hoạt động nhận thức nào. Trong điều tra, nhà báo có thể gặp những loại trở ngại về nhận thức sau:

1. Thiếu tư duy rõ ràng về cuộc điều tra

Loại trở ngại này thường gặp phải ở những nhà báo mới vào nghề và lần đầu tiên phải quyết định thử sức mình trong hoạt động điều tra. Trong trường hợp này, nhà báo nói chung

biết mối quan tâm của công chúng đối với một mặt nào đó của đời sống thực tiễn, nhưng lại không có thông tin chính xác về vấn đề đó. Nhà báo cũng có thể biết rằng người ta giấu giếm công chúng một điều gì đó, tuy vậy sự hiểu biết về điều đó lại rất mông lung khiến nhà báo không thể xác định đối tượng điều tra trên cơ sở sự hiểu biết đó.

Gặp phải tình huống này sẽ là lôgíc nếu cố gắng tìm kiếm cái gọi là thông tin đầu tiên để dựa vào đó thử thăm dò hướng tìm kiếm tin cậy tiếp theo. Việc tìm kiếm thông tin này trước hết dựa vào các nguồn tin công khai và dễ tiếp cận đối với tất cả mọi người. Thế nhưng đối với nhà báo mới vào nghề, việc tìm kiếm như vậy thường là một sự "tra tấn" kéo dài không biết khi nào kết thúc trong khi nhà báo chỉ muốn "nắm sừng con bò đực" càng nhanh càng tốt. Và đây có thể là những thất vọng đầu tiên. Ví dụ về điều này là trường hợp một sinh viên khoa báo chí của một trường đại học được giao nhiệm vụ điều tra về "Tình hình sinh thái không thuận lợi ở thủ đô Mátxcơva" để kiểm tra năng lực tìm hiểu mối quan tâm của dân chúng và thực trạng sinh thái ở thành phố này.

Anh sinh viên nọ không nghĩ ra cách gì hay hơn bèn gọi điện tới Bộ Tình trạng khẩn cấp và hỏi một trong các quan chức của bộ này: "Bác có thể cho cháu biết về tình trạng sinh thái ở thủ

đô của chúng ta được không?". Đáp lại, vị quan chức yêu cầu đặt câu hỏi cụ thể hơn, nhưng chàng sinh viên lại không đáp ứng được điều đó. Kết quả là chàng ta thất vọng và tuyên bố tại cuộc thảo luận tiếp theo trên giảng đường rằng đề tài trao cho anh ta là "quá sức" vì ngay cả Bộ Tình trạng khẩn cấp "cũng không thông báo được gì" cho mình.

Tất nhiên, một nhà báo dày dạn kinh nghiệm điều tra sẽ chỉ quyết định "nổi lên mặt nước" (nghĩa là công khai hỏi một bộ nào đó) khi trong tay nhà báo đã có một số tài liệu nhất định và đã hình thành trong đầu một giả thiết điều tra cần phải làm sáng tỏ (khẳng định hoặc bác bỏ) bằng số liệu có tại một cơ quan cụ thể mà nhà báo yêu cầu giúp đỡ.

2. Tính phức tạp của đối tượng điều tra

Khi xúc tiến điều tra, nhà báo phải biết đánh giá khả năng của mình xuất phát từ việc xem xét xem khả năng đó phù hợp tới mức nào với đối tượng định điều tra. Việc điều tra các trường hợp tống tiền của bọn tội phạm trong quản lý chợ của thành phố là một việc và việc điều tra nạn chảy vốn từ Nga ra nước ngoài lại là một việc khác hẳn.

Trong trường hợp đầu, đối tượng điều tra tương đối đơn giản. Để tìm hiểu cách tống tiền của bọn tội phạm, nhà báo có thể cải dạng thành một người buôn hay một cửu vạn. Cũng có

thể đơn giản đưa một xe tải chở bắp cải mà tòa soạn mua từ một nông trại nào đó (dĩ nhiên nhà báo điều tra có thể đóng vai chủ nông trại) để ra mắt ban lãnh đạo chợ và tận mắt theo dõi toàn bộ "đường đi nước bước" mà người dân bình thường phải trải qua nếu muốn bán được sản phẩm của họ ở chợ.

Ở trường hợp thứ hai liệu nhà báo có cơ hội thâm nhập được vào nhóm các nhân vật cần điều tra, nói gì tới khả năng tiếp xúc được với những kẻ tổ chức các kênh chuyển tiền ra nước ngoài. Đối tượng điều tra không chỉ phức tạp ở chỗ các thành viên tham gia các hoạt động tội phạm này giữ bí mật rất cao và rất cáo già trong hành động, mà còn ở chỗ chỉ có các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính (ví dụ kiểm soát sự lưu chuyển của các dòng vốn, các hoạt động liên quan tới giấy bạc, v.v..) mới có thể nắm được đặc điểm của đối tượng và có thể tiếp cận được đối tượng.

3. Sự cần thiết phải xử lý khối lượng thông tin rất lớn

Tồn tại không ít loại hình điều tra liên quan tới việc phải xử lý khối lượng thông tin lớn. Ví dụ, các nhà báo nổi tiếng Mỹ D.Barlett và S.James đã phải "đào bới" khối lượng lớn tài liệu để lấy thông tin chuẩn bị cho bài viết của họ về vấn đề tham nhũng trong xây dựng. Đây là công việc vất vả đòi hỏi nhà báo phải bỏ rất

nhiều công sức và luôn căng thẳng về thần kinh và tâm lý. Không phải nhà báo nào cũng sẵn sàng chấp nhận hy sinh như vậy (ngoài những khó khăn đã kể, việc điều tra như vậy còn có thể gây ra hình ảnh của cái gọi là "chuột văn phòng" trong con mắt của các đồng nghiệp) chỉ để làm cho công chúng hiểu rõ ở một mức độ xác định tình huống này hoặc tình huống khác mà độc giả hoặc người nghe, khán giả quan tâm.

Hơn nữa việc phải nghiên cứu khối lượng thông tin lớn cũng gây khó khăn cho công tác điều tra và công chúng không phải lúc nào cũng đánh giá đúng các nỗ lực của nhà báo khi phải tiến hành công việc điều tra khó khăn như thế nào.

4. Không nắm vững các phương pháp điều tra

Kết quả điều tra phụ thuộc nhiều vào mức độ nắm vững các phương pháp điều tra của nhà báo. Những phương pháp chủ yếu trong điều tra là tìm kiếm thông tin và tư duy về thông tin được thu thập. Trong khi thu thập thông tin, nhà báo cần phải biết cách "chuyển" từ áp dụng một phương pháp này sang một phương pháp khác. Đây là nhu cầu nảy sinh do có sự thay đổi các đặc điểm của những hiện tượng, tình huống, hành động được điều tra. Ví dụ để thu thập thông tin về đề tài lịch sử, nhà báo điều tra trước hết phải nghiên cứu các tài liệu lịch sử, hoặc nói chuyện (phỏng vấn) những người

tham gia hoặc chứng kiến sự kiện là cơ sở cho nghiên cứu của mình.

Nếu như nhà báo điều tra hoạt động của một tổ chức tôn giáo nào đó, thì việc phỏng vấn người lãnh đạo hoặc những thành viên của tổ chức đó nhằm làm rõ các mục tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp hoạt động của tổ chức này là ít có triển vọng đạt kết quả. Hơn nữa, đơn giản là việc tiếp cận nguồn thông tin như vậy đối với nhà báo sẽ bị "đóng cửa". Trong những trường hợp như vậy, phương pháp thử nghiệm được coi là có hiệu quả hơn cả. Nhưng để áp dụng phương pháp này không những cần phải mong muốn làm điều đó, mà còn phải có khả năng chịu đựng, lòng dũng cảm và những phẩm chất của người nghệ sĩ.

Rõ ràng là việc thu thập những thông tin ban đầu không phải đã là tất cả đối với công việc điều tra. Những số liệu, dữ kiện này cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng, liên kết và khớp nối với nhau cho hợp lôgíc. Chỉ sau khi làm như vậy, nhà báo mới có thể hình dung ra bức tranh cụ thể và rõ ràng về hiện tượng được nghiên cứu. Các phương pháp phân tích, thiết lập mối liên hệ giữa các sự kiện rời rạc được phát hiện trong khi thu thập thông tin sẽ giúp nhà báo tạo dựng bức tranh như vậy. Ngoài ra, trong quá trình xem xét, suy nghĩ về các dữ liệu thu thập được, nhà báo phải dựa vào các loại phân tích thuộc

loại lĩnh vực hoạt động đó. Ví dụ nếu nhà báo điều tra về vấn đề lịch sử thì cần phải nắm vững ở mức độ nhất định phương pháp phân tích lịch sử và tương tự như vậy đối với trường hợp điều tra trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, v.v..

5. Thiếu sự chuẩn bị đặc biệt

Việc nắm vững các phương pháp điều tra đặc biệt, rõ ràng là kết quả của việc chuẩn bị đặc biệt đối với nhà báo liên quan tới đối tượng điều tra. Nếu như phải tiến hành một cuộc điều tra đòi hỏi phải có các kiến thức và phương pháp đặc biệt mà nhà báo lại không nắm được thì có thể nói trước rằng cuộc điều tra ấy sẽ không có kết quả. Hơn nữa, việc không được chuẩn bị đặc biệt sẽ làm chậm tiến trình điều tra ngay từ những giai đoạn đầu tiên bởi vì nếu không nắm được các khái niệm, thuật ngữ cần thiết, nhà báo không thể hiểu được chuyên gia về thị trường chứng khoán nói gì với anh ta lúc trả lời phỏng vấn.

6. Trình độ tư duy lôgíc thấp

Trong không ít tình huống những kết luận chính xác về mặt lôgíc, suy nghĩ không mâu thuẫn, có kiến thức đúng đắn trong hình thức tư duy và cơ cấu lập luận chứng minh giúp nhà báo làm sáng tỏ các bối cảnh của vụ việc, sự kiện là đối tượng điều tra của nhà báo. Có thể cảm nhận được mức độ tư duy lôgíc của mỗi người trong mọi cuộc trò chuyện, phỏng vấn.

Rất tiếc rằng không phải tất cả mọi người, trong đó có cả những nhà báo điều tra, đều có tư duy lôgíc vững chắc như "thép". Tất nhiên là điều này không chỉ gây trở ngại cho việc tiếp nhận thông tin một cách phù hợp mà còn cản trở việc rút ra được những kết luận đúng đắn thúc đẩy công việc điều tra tiến triển. Ở giai đoạn viết bài, trình độ tư duy thấp khó có thể cho phép nhà báo chứng minh một cách thuyết phục những điều khẳng định và đánh giá được trình bày trong bài viết của mình.

7. Không hiểu biết về máy vi tính

Ở thời đại hiện nay, nhà báo không thể không nắm vững cách sử dụng máy vi tính ở một mức độ cần thiết nào đó. Cùng với máy vi tính, việc biết sử dụng Internet giảm nhẹ công việc tìm kiếm của nhà báo khá nhiều. Thứ nhất, thông tin từ Internet có thể khơi lên ở nhà báo ý nghĩ thú vị, khơi gợi đề tài có thể điều tra và cung cấp những thông tin đầu tiên, sau khi được kiểm tra thích hợp, có thể đưa vào sử dụng trong bài viết của nhà báo. Ngoài ra, máy vi tính có thể giúp nhà báo tìm kiếm những dữ liệu cơ bản cần thiết, xử lý những số liệu thống kê và nghiên cứu số lượng lớn tài liệu.

8. Kém khả năng giao tiếp với các "nguồn" thông tin

Sự chưa sẵn sàng của nhà báo trong quan hệ với các "nguồn" thông tin là trở ngại đáng kể

cản trở việc hiểu biết về đối tượng điều tra. Mối quan hệ với những người khác nhau là không thể tránh được khi tiến hành hoạt động điều tra của nhà báo. Trong khi tiếp xúc với mọi người nhà báo nhận được phần lớn nguồn thông tin cần thiết. Để làm được điều đó, nhà báo phải biết cách cư xử sao cho đối tác hiểu được rằng mình là người hiểu được tầm quan trọng của thông tin có thể được cung cấp và vai trò của người đối thoại trong việc tạo dựng bức tranh thực của hiện tượng hoặc sự kiện xảy ra đồng thời tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy của "nguồn" thông tin. Muốn vậy, nhà báo phải thể hiện mình là một nhà tâm lý có khả năng nhất định và chỉ có như vậy mới có thể tìm kiếm được với con người gặp lần đầu.

Lẽ nào có thể tạo ra niềm tin ở "nguồn" tin, khi nhà báo luôn im lặng và ngoảnh mặt nhìn đi nơi khác trong khi tiếp xúc? Một nhà báo điều tra có kinh nghiệm luôn biết đặt mình vào vị trí của người đối thoại để có thể nhìn thấy mọi thứ "bằng đôi mắt" của người đối thoại đó. Những nhà điều tra dày dạn kinh nghiệm thường làm như vậy khi tạo ra không khí bình tĩnh, hiểu biết lẫn nhau (mặc dù là cố tạo ra như vậy) để khuyến khích nghi can hoặc tội phạm nói ra những điều đang giấu giếm. Một nhà báo không có kinh nghiệm, bỏ qua những khuyến nghị của các chuyên gia tâm lý (được viết rất nhiều trong

các cuốn sách chuyên môn) không thể gây được thiện cảm ở người đối thoại với mình và do vậy không thể khai thác được những thông tin cần thiết để tiếp tục cuộc điều tra.

NHỮNG RÀO CẢN VỀ HÀNH CHÍNH

Quan hệ giữa hoạt động điều tra của nhà báo và chính quyền là một trong những vấn đề gây khó khăn phức tạp nhất cho hoạt động này. Bởi lẽ việc báo chí muốn biết càng nhiều càng tốt khiến các cấp chính quyền khó chịu và đây là một quy luật. Do hoạt động điều tra của báo chí "can thiệp" vào các tình huống "bê bối" nảy sinh do sự không hoàn thiện của hệ thống chính quyền cho nên các quan chức chính quyền hay xung đột với các nhà báo điều tra. Hơn nữa, các nhà chức trách ở bất kỳ xã hội nào cũng đều là những con người dễ mắc căn bệnh lợi dụng chức quyền để phục vụ mục đích cá nhân, lạm quyền hoặc tham nhũng v.v.. và chính điều đó lại gây sự chú ý của các nhà báo điều tra, từ đó nảy sinh quan hệ căng thẳng giữa chính quyền và báo chí.

Vì những điều trình bày ở trên, bất kỳ nhà báo nào vừa xuất hiện ở "khoảng trời hành chính" nào đó là lập tức bị những người trong các cơ cấu chính quyền "quan tâm theo dõi" ngay. Các phương tiện thông tin đại chúng được coi là "độc lập" và những nhà báo đại diện cho

các phương tiện thông tin đại chúng này được đặc biệt quan tâm hơn cả. Các nhà báo điều tra cũng thường có quan hệ căng thẳng hơn đối với các cấp chính quyền địa phương... Trong khi công nhận trên lời nói quyền tự do báo chí và cấm kiểm duyệt theo hình thức cổ điển, nhiều cấp chính quyền địa phương lại tìm cách điều khiển hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Tổng thể các biện pháp "điều khiển" này là cụ thể trong từng trường hợp riêng biệt. Tuy nhiên, trong số đó có những biện pháp được "hoàn thiện" và có hiệu quả hơn cả đồng thời lại "văn minh" (chứ không tác động bằng vũ lực đối với nhà báo). Dưới đây là những biện pháp hay được chính quyền áp dụng hơn cả.

1. Hạn chế việc tiếp cận thông tin

Đôi khi chính quyền có thể đặt ra những hạn chế khắt khe đối với việc tiếp cận thông tin để cản trở công việc điều tra của báo chí. Trong những trường hợp như vậy, họ thường lợi dụng những kẽ hở của luật pháp trong đó quy định phải bảo vệ các bí mật quốc gia.

Nhà báo không phải luôn may mắn kiểm tra được việc viện dẫn loại thông tin mình muốn tiếp cận có thực sự thuộc bí mật quốc gia hay không. Tuy vậy, trong rất nhiều trường hợp nhà báo hoàn toàn có thể xác định được độ xác thực từ lời khẳng định của các quan chức chính quyền. Ví như nếu như người ta từ chối cung cấp

thông tin về nguy cơ sinh thái với lý do đó là "bí mật quốc gia", thì có thể khẳng định ngay rằng đó là sự lừa đảo bởi thông tin về lĩnh vực này tuyệt đối không phải là bí mật quốc gia.

Đôi khi người ta từ chối cho nhà báo xem một tài liệu nào đó với lý do trong đó chứa những thông tin mật thực sự. Gặp trường hợp này, nhà báo có thể thương lượng với người giữ tài liệu đó cho chép những số liệu công khai.

Cần biết rằng các trung tâm báo chí thuộc chính quyền các cấp đóng vai trò lớn trong việc hạn chế các nhà báo tiếp cận thông tin và chỉ đưa ra những thông tin chính thức về đời sống và hoạt động của địa phương.

2. Sử dụng tòa án để gây rối

Việc hạn chế tiếp cận thông tin không chỉ hạn chế trong việc chống đối hoạt động điều tra của báo chí từ phía các cơ cấu chính quyền. Việc phân tích xung đột giữa chính quyền với nhà báo liên quan tới các điều tra được công bố cho thấy chính quyền ngày càng tăng cường sử dụng "sức ép pháp luật" lên các nhà báo không được ưa thích. Những biện pháp "thông dụng" nhất trong số này là kiện để bảo vệ danh dự và phẩm giá của đại diện các cơ cấu chính quyền (ở đây cần nêu rõ rằng những tiêu chí luật pháp hiện có không cho phép đại diện các cơ cấu chính quyền kiện trong lĩnh vực này như họ làm). Trong các vụ kiện tương tự, số tiền đòi hỏi bồi

thường thiệt hại về tinh thần (thường được tòa án chấp nhận) thường lớn đến nỗi đẩy nhà báo tới khánh kiệt. Ví dụ trong vụ tờ báo đối lập "Res Publica" (Cưrơgưxtan) bị thua kiện trong vụ bảo vệ danh dự và phẩm giá, tòa án đã buộc tòa báo trả cho bên thắng kiện khoản tiền tương đương 4.700 USD. Vì số tiền này mà tòa báo đã phải bán tài sản của mình để bồi thường danh dự cho một quan chức cấp cao của chính quyền tên là Carứpculốp.

Khi nói về xu hướng quan điểm của chính quyền đối với các phương tiện thông tin đại chúng sẽ là không thừa nếu nhắc lại rằng theo kết quả theo dõi của Quỹ bảo vệ sự công khai đã phát hiện được nhiều vụ can thiệp "đổ trách nhiệm", nhiều vụ cán bộ thông tin đại chúng thừa nhận mình có lỗi một cách không xác đáng là kết quả của sự định kiến và hành động không đúng thẩm quyền của cán bộ các cơ quan bảo vệ luật pháp, cũng như việc các cán bộ thông tin đại chúng không biết cách bảo vệ mình trong quá trình xét xử của tòa án.

Việc điều tra cũng cho thấy chính sự cam chịu với những vi phạm làm cho tỷ lệ các vụ vi phạm các quyền của thông tin đại chúng bị đưa ra trước công luận thấp và điều này không tạo ra sự phản đối từ phía dư luận. Những người bị phương hại thường muốn tự mình giải quyết các cuộc xung đột như vậy bằng cách đi cửa sau chứ

không nhờ cậy tới các phương tiện bảo vệ bằng luật pháp. Chỉ có phần rất nhỏ trong các vụ việc tương tự, khi việc vi phạm là nghiêm trọng mới được công khai trên báo chí, phát thanh và truyền hình.

Trong nhiều trường hợp, những người bị phương hại hoặc là không nhờ các cơ quan phù hợp giúp đỡ hoặc không biết cách hành động như thế nào cũng như không biết cách trình bày bằng văn bản theo đúng luật về những vi phạm đó. Khi phải đối mặt với các quan chức không muốn tiếp nhận đơn khiếu kiện và do cũng sợ nêu tên những nhân vật có ảnh hưởng trên báo chí, các nhà báo thường mất tin tưởng vào triển vọng thắng kiện và kết quả là những vi phạm không bị đưa ra ánh sáng.

Không ít trường hợp cán bộ thông tin đại chúng do ràng buộc về địa vị hoặc sợ làm xung đột căng thẳng thêm, đặc biệt là sợ dẫn tới hậu quả nặng nề nên thiên về hướng chịu đựng sự bất công. Song song với sự cam chịu của các phương tiện thông tin đại chúng, việc người của các phương tiện này không muốn xung đột và không tin vào kết quả đấu tranh của mình trước việc "những người trong chính quyền" khuyến khích thực hiện các biện pháp bất hợp pháp chống những tòa soạn không khuất phục, là những biện pháp khác nhau được thực thi nhằm can thiệp vào tập thể tòa báo, những nỗ lực bóp

nghẹt cơ quan thông tin đại chúng bằng cách đánh thuế, gây sức ép tâm lý với các nhà báo, tìm cách thiết lập kiểm duyệt, v.v..

3. Sức ép kinh tế

Một phương pháp được chính quyền sử dụng để "ngăn chặn" các nhà báo điều tra là sử dụng các yếu tố kinh tế. Phương pháp này có hiệu quả hơn cả đối với các tờ báo khu vực, địa phương với mục tiêu đặt các cơ quan thông tin đại chúng công bố các bài điều tra của nhà báo tới bờ vực của sự phá sản về kinh tế. Ví dụ cụ thể trường hợp này xảy ra với tòa báo "*Priôxcôia*" (thành phố Riadan) tách từ tờ báo "*Sự thật Priôxcôia*" tồn tại trước đó. Nét nổi bật của báo "*Priôxcôia*" là tính độc lập và tính chất phê phán mạnh mẽ. Báo này được thừa hưởng một phần tòa báo của tỉnh này và ký hợp đồng thuê trụ sở với chính quyền với giá cả "theo thỏa thuận" (chính quyền kiên quyết đòi đưa điều khoản này vào hợp đồng thuê). Sau cuộc phá giá đồng rúp năm 1998, tòa báo này hầu như không có khả năng trả tiền thuê trụ sở trên cơ sở thỏa thuận vì đồng rúp bị mất giá nhiều lần. Chính vào thời điểm đó chính quyền tỉnh đã lợi dụng điều này để tác động tới chính sách thông tin của báo và buộc tờ báo phải thay đổi từ giọng phê phán trong các bài báo của mình sang giọng "xây dựng".

4. Sự phụ thuộc vào chính quyền

Nhiều cấp chính quyền địa phương tham gia

vào sáng lập ra các tòa báo ở địa phương mình và bảo đảm cho các báo đó về vật chất và tài chính. Đổi lại, họ đòi tòa báo phải ngoan ngoãn nghe theo họ và thực hiện chính sách thông tin mà chính quyền mong muốn. Trong những năm 1998-1999, tại Nga đã thực hiện việc đăng ký lại đối với các báo vùng, thành phố và khu vực. Việc đòi hỏi các tòa báo này phải thực hiện quy chế phù hợp với Bộ Luật dân sự mới, ở nhiều vùng của Nga, các phương tiện thông tin đại chúng hầu như trở thành một bộ phận của chính quyền địa phương và nhà báo trở thành các công chức nhỏ, còn các tổng biên tập trở thành quan chức hạng thứ 25. Xảy ra điều này vì trong đại đa số trường hợp chính quyền trở thành người sáng lập hoặc đồng sáng lập các tờ báo địa phương. Nắm độc quyền in ấn, cung cấp giấy, trụ sở làm việc, phát hành, họ "khuyến nghị" các báo nhận quy chế cơ quan nhà nước hoặc xí nghiệp thống nhất về mặt pháp lý. Nếu báo nào không đồng ý, chính quyền nơi đó rút khỏi vai trò sáng lập để mặc cho lãnh đạo tòa báo phải giải quyết các vấn đề tài chính và những vấn đề khác mà trong đại đa số trường hợp đã kết thúc bằng sự thảm bại đối với các tòa báo.

SỰ CHỐNG ĐỐI TỪ NHỮNG NHÂN VẬT BỊ ĐIỀU TRA

Ngay từ bước đầu tiên nhà báo quyết định tiến hành hoạt động điều tra cần phải sẵn sàng

chuẩn bị đối phó với sự chống đối không thể tránh khỏi từ những cá nhân có những hoạt động phạm pháp mà nhà báo muốn điều tra. Sự chống đối này có thể mạnh hoặc yếu, công khai hoặc ngấm ngầm, sớm chấm dứt hoặc kéo dài - khó có thể nói trước được. Tất cả phụ thuộc vào tình hình cụ thể, vào việc nhà báo đụng chạm tới những thế lực như thế nào mà lợi ích của họ có thể bị tổn hại do việc điều tra gây ra. Tuy nhiên, có thể nói một cách không nghi ngờ rằng sự chống đối chắc chắn sẽ xảy ra. Các nhà báo điều tra gặp phải sự chống đối đó ở mọi nơi.

Hiện nay, sự chống đối hoạt động điều tra của nhà báo được thực hiện chủ yếu ở một trong hai hình thức chủ yếu. Hình thức thứ nhất - chống đối một vụ điều tra cụ thể. Mục đích của sự chống đối này là ngăn cản nhà báo trong giai đoạn thu thập tài liệu để chuẩn bị bài viết về vụ việc đó. Trường hợp chống đối này thường chủ yếu được áp dụng đối với nhà báo mới làm quen với công việc điều tra và chưa lường hết việc điều tra của họ có thể đe doạ nghiêm trọng lợi ích của những người bị điều tra tới mức nào.

Trong trường hợp thứ hai - sự chống đối hoạt động điều tra của các nhà báo nói chung hoặc trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể (vùng hoặc tỉnh, xu hướng, v.v..). Hình thức chống đối này được thực hiện đối với các nhà báo ít nhiều nổi tiếng hơn, bởi vì "việc dạy một bài học" cho một

nhà báo khá nổi tiếng sẽ gây được ảnh hưởng lớn hơn so với việc o ép hoặc gây thất bại cho một nhà báo mới vào nghề ít tiếng tăm.

Tùy thuộc vào mục tiêu đề ra cho sự chống đối mà các cá nhân chống đối hoạt động điều tra của nhà báo thực hiện biện pháp này hay biện pháp khác. Hình thức chống đối đầu thường được sử dụng ở giai đoạn khi nhà báo thu thập những thông tin cần thiết. Những biện pháp nào có thể được sử dụng trong trường hợp này? Thực tế cho thấy có rất nhiều biện pháp đã được áp dụng bao gồm từ việc "bưng bít" thông tin, ngăn chặn khả năng nhà báo tiếp cận thông tin tới việc làm mất thanh danh của nhà báo (ví dụ bằng cách khiêu khích, giăng bẫy, vu khống, v.v..), gây tổn hại về vật chất và thể xác, thậm chí tìm cách thủ tiêu nhà báo. Thông thường sau khi bài báo điều tra đã được công bố, những cá nhân tổ chức việc chống đối nhà báo không tiếp tục đe dọa nhà báo nữa.

Phương án chống đối thứ hai được thực hiện cả trong giai đoạn nhà báo thu thập thông tin lẫn sau khi bài báo điều tra của nhà báo được công bố. Trong trường hợp này, những biện pháp chống đối đầu tiên đã nêu có thể được áp dụng đối với tác giả của bài báo tương lai. Tuy vậy, sự chống đối có thể tiếp tục cả sau khi bài báo điều tra đã được công bố. Trường hợp này sự chống đối mang tính chất trả thù không chỉ đối

với một nhà báo "cứng đầu cứng cổ" mà là cả đối với tất cả "những bạn chiến đấu" của nhà báo đó nhằm đe dọa họ, ngăn chặn những cuộc điều tra tiếp theo (có thể trong chính lĩnh vực đã điều tra hoặc liên quan tới những cá nhân có thế nằm trong mục tiêu điều tra của nhà báo).

Cần nêu rõ rằng trong những năm đầu sau khi Liên Xô sụp đổ, hành động chống đối các nhà báo ở nước Nga được thể hiện dưới các hình thức đẫm máu nhất. Ví dụ điển hình về điều này là vụ sát hại nhà báo điều tra Đimitri Khôlôđốp làm việc cho báo "*Thanh niên Mátxcơva*".

Hồi gần 13 giờ ngày 17-10-1994, trong phòng làm việc của Phó ban thông tin chính trị báo "*Thanh niên Mátxcơva*", Khôlôđốp mở chiếc cặp số do một ai đó chuyển cho anh, thì một tiếng nổ vang lên. Trong chiếc cặp số dường như có chứa một số tài liệu ảnh hưởng tới thanh danh của một số tướng lĩnh cao cấp nhất của quân đội Nga. Các chuyên gia xác định rằng "Khôlôđốp bị chết vì hai nguyên nhân: sốc do chấn thương rất nặng và suy kiệt máu cấp. Chỉ một trong hai nhân tố này cũng đủ cướp đi sinh mạng một con người". Mãi 40 phút sau vụ nổ, "xe cấp cứu" mới được điều tới và Khôlôđốp đã chết sau đó 20 phút. "Không thể như thế được" - đó là câu nói cuối cùng của nhà báo điều tra này.

Các chuyên gia chất nổ xác định chiếc cặp số nọ chứa khoảng 200 gam chất nổ thông thường

TNT. Khôlôđốp đã lấy chiếc cặp đó từ một ngăn trong chỗ bảo quản hành lý tại ga xe lửa "Kiép". Căn cứ vào những mảnh vụn còn lại của chiếc cặp số này, các chuyên gia xác định nó thuộc loại "vali phá hoại" dùng trong lực lượng đặc nhiệm của lính đổ bộ đường không của quân đội Nga. Người ta cũng phát hiện được những vật chứng trực tiếp đủ để bắt giữ những nghi can. Việc điều tra vụ này được đích danh Tổng thống Nga hồi đó Bôrít Enxin kiểm soát. Vụ điều tra kéo dài gần 4 năm. Một vài giả thiết được đưa ra, tuy nhiên Viện kiểm sát tối cao Nga cho rằng vụ này liên quan tới hoạt động nghề nghiệp của Khôlôđốp. Trong quá trình điều tra vụ này, người ta đã thẩm vấn hàng trăm nhân chứng và hồ sơ vụ án gồm tới 110 tập tài liệu và 50 băng video và cátxét. Cần tới 8 tháng để đọc hết số tài liệu và xem, nghe các băng video và cátxét này. 40 người đã "thừa nhận" nhà báo bị giết. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã không xác định được những kẻ thuê giết và những kẻ trực tiếp sát hại nhà báo Khôlôđốp. Mãi tới tháng 2 năm 1998 những nghi can đầu tiên mới bị bắt giữ.

Dưới đây là một đoạn trong bài viết của đại tá Rôbớt Bưcốp, người từng cộng tác với Khôlôđốp từ năm 1993.

... Sau bài viết của Khôlôđốp "Tất cả các ngôi sao đều đến thăm chúng tôi" (báo "*Thanh niên Mátxcơva*", 22-6-1994), chúng tôi cùng nhau viết

về việc vi phạm luật pháp của các tướng lĩnh chung quanh Bộ trưởng Quốc phòng khi đó là P.Grachốp, về những thủ đoạn chiếm dụng đất đai của tướng G.Cvanốp - bạn học cùng lớp trước đây của "Nhà cải cách chính" P.Grachốp, về mưu toan "cắt giảm" lực lượng phòng không, về tình trạng mất quyền tự do của các phi công Nga phục vụ trong lực lượng Nga đóng tại Ucraina, về việc cắt giảm tuỳ tiện không có kế hoạch số lượng quân, về tướng Grachốp với cương vị đứng đầu Bộ Quốc phòng nhưng lại không hề có khái niệm nào về an ninh quốc gia và bất tài, và về sự vô dụng của chiếc "cặp hạt nhân". Chỉ mình tôi từ chối việc cho đăng bài viết về "Vòng bảo vệ thứ 5" của P.Grachốp và về hoạt động tài chính của ông ta bắt đầu từ "Ban cổ phiếu của quân đội" và "Kỹ thuật quân sự". Khôlôđốp đề nghị cho đăng nhưng tôi cảnh báo anh ta: "Đima (tên gọi thân mật của Khôlôđốp)! Đó sẽ là sự kết liễu đối với chúng ta! Sẽ chẳng có ai nhận thấy chúng ta biến mất như thế nào đâu!". Tôi cũng nói như vậy với nhà báo trẻ R.Marôđốp. Họ cộng tác với nhau hoàn toàn trong sáng và nhiệt tình với ý muốn đi tới cùng sự thật. Tôi dừng lại, Marôđốp cũng tạm dừng lại chỉ có Khôlôđốp là tiếp tục tiến về phía trước".

Ngày 17-10-1995, nhân một năm ngày mất của Khôlôđốp, "Quỹ bảo vệ công khai" đã ra một tuyên bố như sau:

"Năm 1994 ở Nga không ai cho rằng việc cho đăng bài báo nào đó có thể trở thành nguyên nhân gây chết người. Đimitri Khôlôđốp đã mở đầu trang sách đau thương của những nhà báo đã hy sinh trong khi thực hiện nghĩa vụ nghề nghiệp của họ. Sự sát hại một cách hèn hạ anh khi đó đã gây phẫn nộ trong toàn bộ xã hội. Cái chết của anh đã mở đầu cho chiến dịch "săn bắt các phù thủy" mà người ta cố tạo ra trong thời gian chiến tranh Tresnia. Để công chúng hiểu rõ sự thật về cuộc chiến tranh Tresnia, giới báo chí đã phải trả giá đắt: 9 nhà báo bị giết, 4 người mất tích và hầu như không có cơ hội tìm kiếm được họ.

Nhưng đấy là tại Tresnia nơi đã diễn ra một cuộc chiến tranh cho dù là chiến tranh không tuyên bố. Còn đây là những nhà báo đã bị giết ở nơi không có chiến tranh như Mátxcơva, ở những nơi thanh bình như Tula, Caluga, Nakhốtca. Trong vòng một năm sau khi Đima mất, chỉ riêng ở nước Nga đã có 24 nhà báo bị sát hại".

Dần dần sự chống đối hoạt động điều tra của nhà báo bắt đầu được thực hiện dưới các hình thức "văn minh" hơn - ít vụ sát hại hơn và chuyển sang áp dụng các biện pháp khác. Tuy nhiên, những biện pháp mới đó thường tỏ ra không kém hiệu quả, đặc biệt nếu sự chống đối đó xuất phát từ những người nắm chức vụ cao hoặc có mối quan hệ chặt chẽ với những kẻ dựa

vào chính quyền hoặc với thế giới tội phạm.

Ví dụ cụ thể về vấn đề trên là vụ xung đột kéo dài giữa nữ phóng viên của báo "*Sự thật thanh niên*" Irina Trerơnôva với một số cán bộ nội vụ của thành phố Vôngagrát. Những cán bộ kém hiểu biết về chuyên môn này đã thực hiện những hành động vi phạm luật pháp trong khi chống nhà báo này "vì tội" nhà báo viết nhiều bài về sự vi phạm luật pháp của họ. Ngoài sử dụng những nhà báo bồi bút viết những bài báo bêu riếu Irina Trerơnôva, những cán bộ này còn sử dụng toà án địa phương hòng "trừng phạt" nữ nhà báo này. Tuy nhiên, qua hơn một chục vụ kiện cáo họ đều thất bại vì những vụ việc Irina Trerơnôva đề cập đến dù là cay đắng nhưng lại là sự thật. Các cán bộ này bèn tìm cách bôi nhọ thanh danh của nữ nhà báo, họ cho nghe trộm điện thoại và theo dõi chị từng bước. Thế nhưng họ không bới móc được bất kỳ hành động phạm pháp nào của chị. Việc Irina Trerơnôva kiện đại tá Nikisencô, giám đốc sở cảnh sát Vôngagrát can thiệp vào đời sống riêng tư, đe dọa và cho quân nghe trộm điện thoại của chị lên Viện kiểm sát tỉnh Vôngagrát bị trì hoãn giải quyết kéo dài. Mãi sau này khi Phủ Tổng thống Nga thu thập các thông tin về việc các cơ quan Viện kiểm sát bảo vệ quyền tự do ngôn luận như thế nào và có những vụ án nào liên quan tới việc xâm phạm quyền của các nhà báo, thì Viện kiểm

sát tỉnh Vôngagrát mới vội vã khởi tố vụ án hình sự chống đại tá Nikisencô. Tuy vậy, việc xét xử bị kéo dài dây dưa trong rất nhiều năm và cuối cùng cũng phải có sự can thiệp của Toà án Hiến pháp thì Irina Trerơnôva mới thắng kiện với phán quyết sở cảnh sát Vôngagrát phải chịu toàn bộ án phí trong từng ấy năm với tổng số tiền lên tới 14.950 rúp.

Thắng lợi của Irina Trerơnôva không nghi ngờ gì đã trở thành tấm gương tiêu biểu đối với nhiều đồng nghiệp của chị trong cuộc đấu tranh chống những kẻ muốn "bóp nghẹt" báo chí. Tuy vậy, đối với Irina Trerơnôva thắng lợi này không trọn vẹn vì sau đó chị buộc phải rời khỏi toà báo "*Sự thật thanh niên*" hoàn toàn không theo ý muốn của mình.

"Những người bị xúc phạm" bởi các nhà báo điều tra cũng không nề hà sử dụng mọi hình thức, kể cả nhỏ mọn để trừng phạt các nhà báo, trong đó có việc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Đôi khi các cuộc tiến công này trở thành một quá trình thường xuyên diễn ra đồng thời với hoạt động điều tra của nhà báo. Ví dụ tương tự về điều này đã xảy ra với nhà báo nổi tiếng Alếchxanđrơ Minkin làm việc cho báo "*Thanh niên Mátxcơva*", sau đó là cho báo "*Báo Mới*". Trong thời gian từ tháng 3 tới tháng 10-1995, Thủ lĩnh Đảng Dân chủ Tự do Nga V.Dirinốpxki đã kiện Minkin vì bài viết của anh

nhan đề "Dirinốpxki giả vờ ngớ ngẩn và cũng có thể là không giả vờ" đăng trên báo "*Thanh niên Mátxcơva*". Trong bài này, Minkin trích dẫn một số đoạn trong thư của Dirinốpxki gửi Tổng thống Nga và gọi đó là "trường hợp điển hình của sự hoang tưởng điên rồ". Toà án đã xử và tuyên báo "*Thanh niên Mátxcơva*" phải trả 10 triệu rúp và nhà báo Minkin phải trả 1 triệu rúp "bồi thường danh dự" cho Dirinốpxki. Mãi tới tháng 6-1996 toà phúc thẩm thành phố Mátxcơva mới hạ mức bồi thường này xuống 1,5 triệu rúp.

Cũng trong năm 1996, sau khi có bài báo "Phong tỏa - III", ứng cử viên đại biểu Đuma quốc gia Nga F.Giêledơniốp đã kiện Minkin vì trong danh sách các ứng cử viên nêu trong bài của nhà báo này không có tên ông ta. Ông ta một mực cho rằng chính vì Minkin bỏ sót tên ông ta trong danh sách này mà ông ta bị thất cử. Tuy nhiên, toà án đã đáp ứng đơn kiện phản lại của Minkin và buộc vị nghị sĩ hụt phải trả cho bên bị 500.000 rúp bồi thường cho những thiệt hại do mất thời gian hầu toà. Những ví dụ tương tự như vậy có rất nhiều...

Hành động chống đối của các cá nhân cũng như của các cơ cấu chính quyền trở thành "đối tượng" trong các cuộc điều tra của các nhà báo, có thể thay đổi, hoàn thiện và có thể không bao giờ ngừng. Rõ ràng là chúng ta phải tính tới điều đó, coi đó như một hiện tượng tự nhiên và

phải nghiên cứu những biện pháp thích hợp để vô hiệu hoá sự chống đối đó. Cần phải lưu ý rằng sức mạnh của nhà báo và sức mạnh của các cá nhân và các cơ cấu nọ mà khi lợi ích bị đụng chạm, có thể rất chênh lệch và đặt nhà báo vào tình thế rất khó khăn. Vậy nhà báo cần phải hành xử thế nào trong trường hợp bị đưa ra toà xét xử một cách vô cớ? Các phương thức và biện pháp bảo vệ bản thân có thể khác nhau, nhưng dứt khoát không được vượt ra ngoài khuôn khổ luật pháp. Ngược lại, cần phải tích cực hơn trong việc khiếu nại theo các quy định của pháp luật, đặc biệt là khiếu nại những vi phạm trong hoạt động điều tra tiến hành đối với nhà báo. Muốn thế cần phải hiểu biết luật pháp. Ngoài các bộ Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự, nhà báo điều tra cần phải nghiên cứu các bộ luật "về cảnh sát", "về Viện kiểm sát", "về quy chế của toà án", "về Cơ quan an ninh liên bang", "về bí mật quốc gia".

Trong trường hợp bị đưa ra toà, các tổ chức bảo vệ quyền con người và các tổ chức xã hội Khác cả trong nước lẫn quốc tế, trong đó có những nhà hoạt động xã hội có uy tín, có thể giúp không ít cho việc bảo vệ nhà báo. Ví dụ như trường hợp nhà báo quân sự G.Paxcô vì viết bài về nguy cơ môi trường ở vùng Viễn Đông do hoạt động thiếu trách nhiệm của các đơn vị quân đội đóng tại đây gây ra đã bị bắt giam 3 năm với tội

"lợi dụng địa vị công vụ". Trong trường hợp của G.Paxcô, các tổ chức như Tổ chức ân xá quốc tế, Quỹ bảo vệ sự công khai Câu lạc bộ PEN Nga, Tổ chức bảo vệ quyền con người, v.v.. đã lên tiếng bênh vực nhà báo này.

CÁC CUỘC TIẾN CÔNG CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG CẠNH TRANH

Hiệu quả tích cực chung của các cuộc điều tra báo chí đối với xã hội bị suy giảm không ít bởi lẽ không ít trường hợp các nhà báo đấu đá nhau để cạnh tranh và sử dụng những nhân vật đang bị "đối thủ báo chí" điều tra cho cuộc đấu đá này bằng cách đăng hoặc phát những phát biểu của những nhân vật như vậy trên báo chí, đài phát thanh hoặc truyền hình. Tiến công đầu tiên vào đối thủ là những nhà xuất bản phụ thuộc trực tiếp vào các nhân vật, cơ quan, tổ chức, phong trào, các nhóm tài chính-công nghiệp bị nhà báo điều tra cụ thể nào đó làm cho tức giận. Ví như trường hợp nữ nhà báo Irina Trerơnôva đã liên tục hứng chịu các đòn tiến công của nhà xuất bản "Thông báo tác nghiệp sở cảnh sát". Trên mặt báo này, lãnh đạo các tổ chức xã hội, cơ quan và cá nhân khác nhau của tỉnh Vôngagrát đã ra sức bôi nhọ nữ nhà báo. Chiến dịch tuyên truyền này tạo cảm giác như thể dư luận nhân dân tỉnh ủng hộ người "bị khiêu khích" là đại tá Nikisencô và bất bình với những bài viết của Irina Trerơnôva.

Nhiều nhà xuất bản và nhiều nhà báo dường như không hiểu những hậu quả tiêu cực gây ra đối với tự do hoạt động nghề nghiệp của các phương tiện thông tin đại chúng, đã tích cực tham gia vào chiến dịch cáo buộc lẫn nhau phản bội đồng nghiệp và thực hiện các hợp đồng phản thông tin, bôi nhọ nhau cũng như bợ đỡ...

Tất nhiên, ở một mức độ nào đó cũng có thể xem xét việc đấu đá giữa các phương tiện thông tin đại chúng như một sự cạnh tranh cần thiết và chấp nhận được trong điều kiện cơ chế thị trường, nếu như điều đó tạo ra sự đa dạng trong việc cung cấp thông tin chân thực cho xã hội, cho phép nhân dân thấy được bức tranh khách quan của thế giới, nếu như trong hoạt động của mình, các nhà báo tôn trọng các yêu cầu của luật pháp và đạo đức tuyên bố rõ ràng rằng các phương tiện thông tin đại chúng mà họ làm việc tại đó bảo vệ lợi ích của ai. Rất tiếc rằng tất cả những điều họ làm trong các cuộc đấu đá đó chủ yếu là che giấu sự lệ thuộc của mình vào những cá nhân, nhóm hoặc cơ cấu này hoặc cá nhân, nhóm hoặc cơ cấu khác. Chính điều này gây trở ngại trước tiên cho công chúng trong việc xác định lập trường của các nhà báo, và điều đó cũng có nghĩa là cản trở công chúng đánh giá đúng đắn thông tin được công bố.

Kết quả là tạo ra tình huống các phương tiện thông tin đại chúng tự chặt cành cây mà họ

đang ngồi trên đó. Họ không chỉ đơn giản trở thành công cụ quyết định của những người khác, mà còn tự đấu tranh chống lại các nguyên tắc xây dựng đời sống xã hội, chống lại những lý tưởng mà họ nhiệt thành tuyên truyền cổ vũ hồi đầu những năm 1990 như là các giá trị của một xã hội dân chủ. Hơn thế nữa, họ đang phá hủy mất cái vốn mà nền báo chí Nga bất chấp bao thăng trầm đã nắm được từ bao thế hệ trong toàn bộ bề dày lịch sử của mình là sự tin tưởng từ phía công chúng.

Theo các kết quả thăm dò dư luận gần đây nhất trên toàn nước Nga, chỉ có gần 60% số người được hỏi ý kiến đánh giá tích cực hình ảnh chung của nhà báo, số còn lại có những nhận xét tiêu cực về báo chí. Nhận xét của dân chúng về các nhà báo nước này là: "Những kẻ thích săn lùng những chuyện giật gân và xào xáo sự kiện" (28%), "nô lệ của chính quyền, của những người giàu có và có thế lực" (15%), "tìm cách lái ý kiến của xã hội (14%), "những kẻ giả dối và bán rẻ lương tâm" (7%).

Nói một cách khác, trong ý thức của công chúng, nghề báo từ vai trò "quyền lực thứ tư" đang ngày càng trở thành một kẻ bị khinh miệt. Có một nhà hoạt động nổi tiếng đã nói rất chính xác về tất cả những gì đang xẩy ra với nghề báo hiện nay: "Các phương tiện thông tin đại chúng đang giết các phương tiện thông tin-

đại chúng và các nhà báo đang giết các nhà báo". Lẽ dĩ nhiên là sự xói mòn chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp tuyệt nhiên không hề giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động điều tra báo chí như một công cụ kiểm soát của xã hội, phương tiện phản ánh khách quan tình hình thực tế trong xã hội, nghĩa là thực hiện các chức năng hàng đầu của báo chí.

III-NHỮNG HẠN CHẾ VỀ LUẬT PHÁP VÀ ĐẠO ĐỨC TRONG ĐIỀU TRA BÁO CHÍ

Nhà báo điều tra cần phải hết sức tôn trọng các yêu cầu của pháp luật hạn chế hoạt động này cũng như các tiêu chuẩn đạo đức điều chỉnh quan hệ của mình với các nguồn thông tin cũng như với các "nhân vật" trong các bài viết và tất nhiên là cả với công chúng của các phương tiện thông tin đại chúng. Chỉ khi nào thấy rõ các đường giới hạn của luật pháp và đạo đức mà hoạt động điều tra báo chí diễn ra trong đó, thì nhà báo mới có thể thực sự nhận thức được các mục tiêu của công việc điều tra của mình.

NHỮNG HẠN CHẾ VỀ LUẬT PHÁP

Cần phải phân biệt những hạn chế về mặt luật pháp trong hoạt động báo chí với điều được gọi là "sự truy tố của toà án" đối với các nhà báo, khi mà các tiêu chuẩn luật pháp được sử

dụng để trả đũa các tác giả đã đăng, phát các bài báo không ưa thích trên các phương tiện thông tin đại chúng. Những hạn chế về luật pháp đó là những tiêu chuẩn pháp lý, điều khoản luật mà các nhà báo hay bất kỳ các công dân nào khác đều phải tuân thủ khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp của mình, trong đó có hoạt động điều tra. "Môi trường" luật pháp của nhà báo điều tra trước hết được "định rõ" trong các đạo luật. Chính các đạo luật là cơ sở đầu tiên của việc điều chỉnh bằng luật pháp hoạt động điều tra của nhà báo.

Là một hệ thống xã hội, nghề báo chí Nga dựa trên các nguyên tắc dân chủ của Hiến pháp Liên bang Nga (đặc biệt là Điều 26, cho phép nhà báo tự do thu thập và công bố thông tin), dựa trên các đạo luật "Về các phương tiện thông tin đại chúng", "Về cảnh sát", "Về viện kiểm sát", "Về quy chế các toà án", "Về hoạt động điều tra", "Về Cơ quan an ninh liên bang", "Về bí mật nhà nước", trên các bộ luật hình sự và dân sự, trên các văn bản pháp quy cũng như trên điều lệ của toà soạn và thỏa thuận. Tiếc rằng khung luật pháp xác định cho hoạt động báo chí không đầy đủ. Nhiều đạo luật quan trọng (ví như Luật "Về phát thanh và truyền hình") vừa được viết ra đã trở thành con tin của các thủ đoạn chính trị.

Nhưng sự không hoàn thiện của luật pháp

cũng như việc thiếu hiểu biết về luật pháp không thể biện hộ được cho sự "mù luật" của các nhà báo. Điều này xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn trong quá trình giải quyết bằng luật pháp các xung đột nảy sinh. Các đạo luật quy định về hoạt động của các nhà báo có thể làm cho ai đó thích hoặc ai đó không thích, nhưng nhà báo luôn phải tuân theo chừng nào đạo luật đó còn hiệu lực.

Việc áp dụng các đạo luật điều chỉnh hoạt động của các nhà báo (kể cả nhà báo điều tra) tạo ra sự cân bằng xác định giữa việc nhà báo phải tuân thủ rất nhiều đòi hỏi khác nhau của luật pháp nhằm hạn chế sự thâm nhập của nhà báo vào các loại bí mật khác nhau, vào đời tư của mọi người, v.v.., với luật xét xử công bằng nhà báo trong trường hợp vi phạm luật pháp và quyền của xã hội được biết sự thật. Như vậy, nhà báo phải thực hiện mọi biện pháp sao cho các nhà bảo vệ pháp luật không có bất kỳ cớ nào để thực hiện các biện pháp trừng phạt tương ứng đối với nhà báo vì vi phạm luật này hoặc luật khác. Chính bởi thế nhà báo phải nghiên cứu các đạo luật điều chỉnh dạng hoạt động nghề nghiệp này của mình và tuân thủ chúng.

Các đạo luật hạn chế hoạt động điều tra của báo chí ở những giai đoạn khác nhau trong những khía cạnh khác nhau.

HẠN CHẾ BỞI LUẬT PHÁP Ở GIAI ĐOẠN THU THẬP THÔNG TIN

Các hạn chế về mặt luật pháp "tác động" mạnh ở giai đoạn thu thập thông tin thể hiện trước hết trong Điều 49 Luật Liên bang Nga "Về các phương tiện thông tin đại chúng", theo đó nhà báo phải:

- "*Kiểm tra độ xác thực của thông tin mình đưa ra; thỏa mãn yêu cầu của những cá nhân cung cấp thông tin về việc nêu rõ nguồn tin, cũng như tác giả có lời nói được trích dẫn, nếu lần đầu tiên được công bố;*

- *Giữ bí mật thông tin và nguồn tin;*

- *Nhận được sự đồng ý của chính các cá nhân hoặc đại diện hợp pháp của họ (trừ trường hợp đặc biệt, khi phải bảo vệ lợi ích xã hội) về việc phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng đời sống riêng tư của công dân;*

- *Khi thu nhận thông tin từ các công dân hoặc quan chức phải cho họ biết về việc ghi âm, thu băng video, quay phim và chụp ảnh;*

- *Phải thông báo cho tổng biên tập toà soạn biết về các khiếu kiện có thể xảy ra và các đòi hỏi về mặt luật pháp liên quan tới việc cho đăng hay phát tin bài của mình;*

- *Từ chối công việc do tổng biên tập hoặc lãnh đạo toà soạn nếu việc thực hiện công việc đó vi phạm luật pháp;*

- *Xuất trình khi thực hiện hoạt động nghiệp*

vụ giấy giới thiệu của toà soạn hoặc loại giấy tờ khác chứng nhận về bản thân và quyền hạn của nhà báo.

Nhà báo cũng chịu các trách nhiệm khác theo các quy định trong luật liên bang "Về các phương tiện thông tin đại chúng";

"Khi thực hiện hoạt động chuyên môn, nhà báo có nghĩa vụ phải tôn trọng các quyền, lợi ích hợp pháp, danh dự và nhân phẩm của công dân và các tổ chức".

Một trong các yêu cầu quan trọng nhất đòi hỏi nhà báo phải nắm vững trước hết trong giai đoạn thu thập thông tin đó là tôn trọng các bí mật. Cần phải biết rằng trong luật pháp có sự phân chia thông tin theo mức độ tiếp cận đối với loại thông tin mật và thông tin sử dụng công vụ. Đồng thời cũng tồn tại khái niệm về các bí mật không phải của Nhà nước ví như: bí mật điều tra, thông tin công vụ (không phải cho báo chí), bí mật thương mại, chữa bệnh, bí mật cá nhân và các loại bí mật khác. Luật pháp không quy định thông tin về chỗ làm việc còn trống, các tài liệu cho phép tiến hành hoạt động thương mại, thông tin liên quan tới luật bảo vệ môi trường sinh thái và chống độc quyền, thông tin thống kê kế toán là các bí mật không được tiếp cận.

Việc giữ các bí mật không phải của nhà nước được thực hiện bởi chính những người sở hữu chúng và những cá nhân được họ tin tưởng ủy

quyền thực hiện thay theo công vụ và loại hình hoạt động. Luật hình sự Liên bang Nga coi việc công bố những thông tin có chứa bí mật quốc gia bởi cá nhân (trong đó có nhà báo) được ủy quyền giữ hoặc biết những thông tin đó theo công vụ hoặc công việc, là vi phạm pháp luật. Còn việc công bố bí mật quốc gia với các dấu hiệu của sự phản bội hoặc gián điệp là tội nặng nhất. Trách nhiệm công bố những bí mật công vụ hoặc thương mại (không phải bí mật quốc gia) được nêu rõ trong bộ Luật dân sự. Theo bộ luật này, cá nhân (trong đó có nhà báo) công bố các bí mật công vụ hoặc thương mại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc công bố đó gây ra. Các cá nhân nhận thông tin công vụ hoặc thương mại bí mật bằng con đường không hợp pháp, cũng như các nhân viên vi phạm hợp đồng lao động hay các cam kết bất chấp thỏa thuận dân luật mà họ đã ký, đều phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại gây ra.

Thực tế cho thấy ở giai đoạn thu thập thông tin trong khi tiến hành điều tra, nhà báo rất khó khăn trong việc vượt qua vô số các trở ngại mà những người xây dựng ra chúng viện dẫn về các bí mật "thương mại" hoặc các bí mật khác. Điều này được giải thích như thế nào? Trước hết là do bởi không có các công thức rõ ràng cho phép người ta có thể giải thích các đạo luật theo nhiều cách khác nhau. Ví dụ khái niệm "Bí mật

quốc gia" dường như đã được nêu rõ trong Luật "Về bí mật quốc gia" của Liên bang Nga. Nói chung, các bí mật quốc gia liên quan tới tiềm lực quân sự và quốc phòng của đất nước. Đạo luật này xác định các bí mật quốc gia gồm các loại bí mật có tầm quan trọng đặc biệt, loại tuyệt mật và các thông tin bí mật về quân sự, chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật và các thông tin khác được nhà nước bảo vệ. Rõ ràng là với cách xác định như vậy giới hạn của thông tin dưới khái niệm "bí mật quốc gia" bị xóa nhòa tới mức bất kỳ một thông tin nào mà chính quyền không muốn cung cấp đều có thể được tuyên bố là loại "bí mật quốc gia" không được phép công bố.

Trong mọi trường hợp, nhà báo cần phải nhớ, khi thu thập thông tin, rằng việc thâm nhập vào bí mật này hoặc bí mật khác, trong đó có bí mật đời sống cá nhân của mọi người (liên quan tới việc vi phạm pháp luật) ở mức độ nào đó chỉ có thể được biện hộ khi điều đó là rất cần thiết đối với xã hội.

HẠN CHẾ VỀ MẶT LUẬT PHÁP Ở GIAI ĐOẠN TRÌNH BÀY KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Các hạn chế về mặt luật pháp tồn tại tiềm tàng cả trong giai đoạn trình bày thông tin thu thập được trong quá trình điều tra. Trước hết các hạn chế này gây trở ngại cho việc đánh giá tổng quát của nhà điều tra (trong đó có đánh giá

bằng lời nói của các chuyên gia, các nhân chứng chứng kiến các sự kiện được điều tra và những cá nhân khác), cũng như hạn chế tính chất của các phương tiện ngôn ngữ, cách thể hiện biểu cảm được sử dụng trong bài viết (ví như nhà báo không có quyền gọi ai đó là tội phạm chừng nào điều đó chưa được toà án phán quyết). Việc tuân thủ các quy định của Luật "Về các phương tiện thông tin đại chúng" tránh được phần nào, chứ không phải hoàn toàn những hạn chế này. Thông tin do nhà báo thu nhận được bằng cách nào đó trong giai đoạn thu thập, trước khi được công bố trước hết cần phải phù hợp với các quy định trong các Điều 50 và 51 của đạo luật này, theo đó "*việc phổ biến thông tin và tài liệu được chuẩn bị bằng cách ghi âm, quay video, quay phim, chụp ảnh bí mật được phép nếu điều đó không vi phạm các quyền và tự do của con người và công dân đã được ghi trong Hiến pháp; nếu điều đó cần thiết để bảo vệ lợi ích xã hội và áp dụng các biện pháp chống sự đồng nhất có thể có của các cá nhân lạ; nếu việc công bố băng ghi âm, video được tòa án cho phép*".

"Không cho phép sử dụng luật "Về quyền hạn của nhà báo" vào mục đích che giấu hoặc bóp méo những thông tin quan trọng đối với xã hội, cũng như việc công bố những tin đồn như thể các tin xác thực, không được phép thu thập thông tin để cung cấp cho cá nhân lạ hoặc tổ

chức không phải là phương tiện thông tin đại chúng. Cấm sử dụng quyền của nhà báo vào việc phổ biến những thông tin nhằm mục đích bôi nhọ công dân hoặc các loại công dân riêng biệt, đặc biệt là theo các dấu hiệu về giới, tuổi tác, chủng tộc hoặc sắc tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, nghề nghiệp, nơi sinh sống và làm việc, cũng như liên quan tới quan điểm chính trị của họ".

Nếu như vì những lý do nào đó mà nhà báo không tính tới các yêu cầu (những hạn chế) về luật pháp đối với mình trong khi viết tin, bài, thì những yêu cầu đó hoàn toàn có thể xuất hiện sau khi tin bài được đăng, nhưng sẽ là dưới dạng các đơn kiện đối với tác giả. Sự vô hình của các "bẫy" luật pháp có thể xuất hiện, ví như trong trường hợp xác định về mặt luật pháp thế nào là những bí mật nhà nước. Tiếc rằng trong "trường" của các đạo luật có quá nhiều các định nghĩa không rõ ràng về thuật ngữ đang cản trở nhà báo tìm thấy được định hướng luật pháp trong việc chuẩn bị hoạt động điều tra, viết bài và tiếp đó là bảo vệ các quyền của mình. Ví như trong nhiều đạo luật những khái niệm cơ bản liên quan tới hoạt động điều tra của nhà báo không được định nghĩa rõ ràng như thế nào là "danh dự", "phẩm giá", "vu khống", "hạ thấp danh dự và nhân phẩm".

Sự không rõ ràng trong giải thích các khái niệm cơ bản cả trong các bộ luật cũng như các

văn bản luật pháp tạo điều kiện cho việc giải thích các đạo luật và văn bản pháp lý một cách chủ quan và không rõ ràng trong thực thi luật pháp.

Sự không rõ ràng và định nghĩa không đầy đủ các thuật ngữ luật pháp là khiếm khuyết ảnh hưởng thực tế tới hoạt động và công nghệ báo chí cũng như các khía cạnh khác nhau trong quan hệ giữa nhà báo và luật pháp. Tuy vậy, nhà báo cần phải tuân thủ pháp luật cho dù các đạo luật đó được hoàn thiện ở mức độ như thế nào. Làm việc trong môi trường thông tin - luật pháp, nhà báo cần phải thực hiện hai điều kiện cần thiết. Một mặt "không từ bỏ nguyên tắc", nghĩa là cố gắng đạt tới mục đích xã hội quan trọng - khám phá những bí mật gây tổn hại cho xã hội, mặt khác, tránh đối đầu với luật pháp.

Nhà báo chớ nên quên rằng việc vi phạm pháp luật của mình sẽ tạo cơ sở thực tế cho những cá nhân chống đối đưa anh ta ra tòa. Ví dụ về việc không cẩn trọng khiến nhà báo phải ra hầu tòa không xảy ra thường xuyên, nhưng không phải là quá hiếm. Ví dụ, ngày 14-5-1999, A.X. một nhà báo điều tra nổi tiếng ở Mátxcơva đã bị cảnh sát giao thông bắt giữ vị vi phạm luật giao thông trong khi lái xe. Tuy nhiên, khi kiểm tra giấy tờ cảnh sát phát hiện thấy anh ta có giấy chứng nhận là trợ lý của Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Mátxcơva, thư ký

báo chí của Cục thuế Mátxcơva và một thẻ đặc biệt cho phép người sở hữu nó không chịu sự bất kỳ sự thẩm vấn nào của cảnh sát. Nhà báo này từ chối thẳng thừng câu hỏi tại sao anh ta lại có những giấy tờ loại này. Đồng thời cảnh báo cảnh sát rằng tất cả các giấy tờ "ngụy trang" này là do các cơ quan thích hợp cấp cho anh ta. Kết quả là nhà báo bị đưa ra toà vị tội sử dụng giấy tờ giả mạo. Anh bị dẫn giải tới phòng giam tạm thời. Chiều hôm sau, anh được trả tự do với cam kết không rời khỏi Mátxcơva. Tiếp đó, anh bị đưa tới viện kiểm sát. Vụ này chỉ khép lại sau khi các quan chức cấp cao bảo trợ đã cấp các giấy tờ để "ngụy trang" cho anh can thiệp.

Đôi khi việc giải thích ngược lại các đạo luật (có quan hệ với nhà báo điều tra) cũng quan trọng, bởi lẽ các đạo luật đó không hoàn thiện và không được định nghĩa đầy đủ. Ở đây cần phải tranh luận và cả thỏa hiệp với bên chống đối.

Việc nghiên cứu các tài liệu, sách chuyên khảo về các vấn đề luật pháp mới xuất bản, cũng như việc tham gia vào các cuộc thảo luận luật pháp, có thể giúp ích nhất định cho các nhà báo mới bước vào lĩnh vực điều tra hoàn thiện kiến thức về luật pháp của mình.

- Thế nào là "danh dự" và "xúc phạm danh dự"?

Xuất phát từ quan điểm luật pháp, danh dự - đó là sự phản ánh kèm theo đánh giá tích cực

những phẩm chất (thể lực hoặc hành vi pháp lý) của cá nhân trong nhận thức của xã hội. Tuy nhiên, khi đó việc định nghĩa như vậy về danh dự có vài điểm ngược với cách hiểu về danh dự trong bộ Luật dân sự Nga, trong đó coi danh dự như là các quyền không vật chất và không tách rời của cá nhân, nếu không chỉ hiểu quyền đó là "*sự suy đoán về có danh dự*" - *sự cho phép một con người có danh dự, nếu như người đó không có các hành vi hay phát ngôn không phù hợp với cách đánh giá tích cực của xã hội về người đó. Diễn giải về điều này trong Bộ luật dân sự Nga viết: "Trong khi bảo vệ danh dự và nhân phẩm tồn tại sự suy đoán, theo đó những thông tin sai trái được coi là không phù hợp với thực tế. Điều đó có nghĩa là người đã tung ra những thông tin đó cần phải chứng minh tính chân thực của chúng*".

Việc xúc phạm danh dự được coi là hành động của bên bị đơn mà bên nguyên đơn cảm thấy làm thay đổi hay có khả năng làm thay đổi ý kiến của xã hội về bản thân mình. Đó là hành động cố ý nhằm hạ thấp uy tín của con người trong dư luận xã hội. Tuy nhiên, trong diễn giải của Bộ luật dân sự Nga lại viết: "Sự xúc phạm danh dự và mức độ sâu sắc do nó gây ra trước hết phải do người bị thiệt hại đánh giá": Như vậy, nói chung trong bộ luật và văn bản pháp luật này không có những tiêu chí khách quan và cụ thể để chứng minh rằng khi nào "sự xúc

phạm danh dự" được coi là đã xảy ra.

- Thế nào là "nhân phẩm"
và có thể "xúc phạm" nó hay không?

Nhân phẩm - đó là "sự tự đánh giá của cá nhân dựa trên cơ sở đánh giá của xã hội đối với nó". Nhưng sự tự đánh giá của xã hội đối với con người không tương đương với khái niệm nhân phẩm. Nhân phẩm là cảm nhận của con người về giá trị của bản thân như một con người nói chung, cá nhân cụ thể, một người chuyên nghiệp, v.v.. Xuất phát từ đó có khái niệm về phẩm giá của cá nhân, nghề nghiệp, dân tộc. Điều 21 Hiến pháp Nga viết: "Nhân phẩm của cá nhân được nhà nước bảo vệ. Không có bất kỳ cơ sở nào để xúc phạm nhân phẩm đó". Giống như danh dự, nhân phẩm được luật pháp quy định vào loại các quyền không vật chất của cá nhân.

Như vậy, khái niệm về nhân phẩm bao gồm cả sự nhận thức của con người về giá trị trừu tượng và xã hội cụ thể, cũng như giá trị (ý nghĩa) của nhóm xã hội, mà con người là thành viên trong đó (câu hỏi khác, các nhóm này hình thành trên cơ sở nào: thông thường đó là các nhóm nghề nghiệp, dân tộc hoặc tôn giáo). Theo định nghĩa, nhân phẩm chỉ có thể được cho điểm "tốt" - nếu như cá nhân này có những phẩm chất tốt và do vậy cá nhân này cho rằng ý kiến của xã hội không tồn tại đối với người đó.

Không phải ngẫu nhiên Hiến pháp Nga không

viết về "sự xúc phạm", mà là về "sự hạ thấp" nhân phẩm. Ở đây rõ ràng có xác định ranh giới giữa xúc phạm một con người trong dư luận xã hội và việc hạ thấp (tác động vào dư luận xã hội) phẩm giá của cá nhân như một quyền không tách rời của cá nhân đó. Tuyệt đối không thể hạ thấp phẩm giá của một con người trong con mắt của chính người đó. Bởi vậy sẽ là đúng hơn khi không nói về "xúc phạm danh dự và nhân phẩm", mà là về "hạ thấp danh dự và nhân phẩm".

- Thế nào là "danh tiếng", "uy tín" và "tiếng thơm"?

Khái niệm về danh tiếng (nói chung) trong các văn bản luật pháp không tồn tại: chỉ tồn tại khái niệm danh tiếng trong công việc như là quyền không vật chất của cá nhân (có quan hệ với pháp nhân), không được nói rõ trong Luật dân sự Nga. Tuy nhiên, khái niệm này được nêu trong văn bản giải thích Luật dân sự như là: "ý kiến hình thành trong con người dựa trên sự đánh giá của xã hội về những phẩm chất chủ yếu của người đó".

Còn danh tiếng trong công việc, đó là khái niệm được nêu trong luật là: "phản ánh sự đánh giá tích cực của xã hội đối với các phẩm chất trong công việc của cá nhân".

Khái niệm "uy tín" hay uy tín đạo đức không được quy định trong luật mà chỉ gặp trong các

văn bản pháp lý. Đây là sự đánh giá của xã hội đối với một con người dựa trên vai trò xã hội, địa vị xã hội, cũng như ảnh hưởng xã hội của người đó. Bởi vậy uy tín có thể ở mức độ cao thấp khác nhau, nhưng không có đánh giá về phẩm chất. Bản thân khái niệm "uy tín đạo đức" có sự mâu thuẫn nội tại: tính từ "đạo đức" dường như đề cập về cá nhân, còn danh từ "uy tín" rõ ràng là sự đánh giá của xã hội về con người đó.

Thế nào là "tiếng thơm" của con người - đây là thuật ngữ lần đầu tiên được sử dụng trong Bộ luật dân sự mới của Nga - cho tới nay vẫn hoàn toàn không rõ ràng.

Rõ ràng là thuật ngữ này đồng nghĩa với "danh tiếng" (theo nghĩa rộng) và do vậy, khái niệm "tiếng thơm" phụ thuộc vào khái niệm danh dự.

- Thế nào là vu khống?

Câu trả lời trong Bộ luật hình sự Nga là: đó là "việc cố ý làm lan truyền những thông tin giả dối gây tổn hại tới danh dự và nhân phẩm của cá nhân hoặc làm mất thanh danh của cá nhân đó". Như vậy, khái niệm về vu khống bao gồm 3 dấu hiệu: a) Làm giảm sút danh dự và phẩm giá hoặc làm mất thanh danh, b) Cố tình hành động như vậy, c) Tung thông tin giả dối. Như vậy, vu khống là việc làm hạ thấp danh dự và nhân phẩm liên quan tới sự giả dối cố ý, nhưng không nhất thiết phải có hình thức thô bạo (khác biệt với sự sỉ nhục).

- Liệu những thông tin bôi nhọ và thông tin nhục mạ có phải là cùng một loại?

Không, đây không phải là những thông tin cùng loại cho dù ở đâu đó trong văn bản pháp lý chúng được coi là như nhau. Những thông tin làm nhục mạ cũng giống như những thông tin bôi nhọ đều nhằm mục tiêu hạ thấp danh dự và nhân phẩm. Tuy nhiên, khác với thông tin bôi nhọ, thông tin nhục mạ không có yếu tố giả dối.

- Thế nào là thông tin nói chung?

Đó là văn bản có nội dung mô tả (và đánh giá) những sự kiện này hoặc những sự kiện khác hoặc những chi tiết riêng biệt của chúng. Thông tin có thể là mang tính chất sự kiện, đánh giá, có thể có thực và cũng có thể là dối trá, v.v.. Thông tin có thể được công bố và tuyên truyền. Thông tin có thể được biểu hiện trong các hình thức ngôn ngữ khác nhau.

- Thế nào là sự sỉ nhục?

Theo Điều 130 Bộ luật Hình sự Nga đó là "sự hạ thấp danh dự và nhân phẩm của cá nhân khác được thể hiện bằng hình thức thô tục". Hình thức sỉ nhục có hai dấu hiệu: a) Hướng tới hạ thấp danh dự và nhân phẩm. b) Hình thức thô tục. Nói chính xác ra ở đây còn một dấu hiệu nữa là tính chất cố ý của hành động sỉ nhục. Độ xác thực hay giả dối của những thông tin tuyên truyền để sỉ nhục không có ý nghĩa ở đây.

Như chúng ta đã thấy, khái niệm hạ thấp danh dự và nhân phẩm không được xác định chính xác về mặt chủ thể cũng như pháp lý. Rất khó, mặc dù cũng có thể xác định được tính chất cố ý của hành động sỉ nhục. Và cuối cùng, chúng ta thấy khái niệm "hình thức thô tục" cũng được xác định một cách tù mù.

- "Hình thức thô tục" là gì?

Liệu ai đó có thể hiểu rõ khái niệm này trong khi không có bất kỳ định nghĩa nào trong luật pháp. Cách định nghĩa khái niệm này trong văn bản giải thích Bộ luật hình sự Nga cũng chẳng giúp gì cho việc hiểu rõ khái niệm đó. Văn bản giải thích viết như thế này: "Hình thức thô tục bôi nhọ người bị hại có nghĩa là cách đánh giá tiêu cực cá nhân người đó biểu hiện dưới hình thức vô liêm sỉ và do đó đi ngược lại văn hóa ứng xử được thừa nhận trong xã hội. Trước hết đây là những biểu hiện không kiềm chế, sự so sánh với những nhân vật bẩn thỉu trong lịch sử và văn học".

Vô liêm sỉ - đồng nghĩa với bỉ ổi hoặc thô tục chỉ ở khía cạnh là bỉ ổi không có tính chất cố ý, còn thô tục lại có tính chất cố ý. Nhưng thế nào là "hình thức vô liêm sỉ" thì vẫn còn chưa được xác định rõ ràng. Còn khái niệm "văn hoá ứng xử được thừa nhận trong xã hội" lại càng được xác định một cách mù mờ hơn.

Những biểu hiện không kiềm chế - lại đồng

nghĩa với hình thức trắng trợn, bỉ ổi, nghĩa là đưa ra đánh giá tiêu cực cá nhân người bị hại thông qua việc sử dụng những từ ngữ và câu nói có ngữ nghĩa được coi là không thích hợp trong đại đa số tình huống giao tiếp trong xã hội. Tuy nhiên, có những tình huống không phải lúc nào việc sử dụng những từ ngữ như vậy cũng có nghĩa là đánh giá tiêu cực. Ví như các ông bố, bà mẹ thường gọi âu yếm những đứa trẻ của họ hay những từ ngữ người ta dùng để âu yếm nhau chẳng hạn. Trong khi đó, khái niệm bỉ ổi, ghê tởm được định nghĩa trong từ điển X.I.Ôdegốp là: "Từ ngữ gây thái độ cực kỳ tiêu cực đối với bản thân, hết sức khó chịu"...

Sự hiểu biết của tác giả về các sự kiện từng xảy ra tại toà án trong những tình huống này hoặc khác mà nhà báo có thể rơi vào trong khi khai thác thông tin cần thiết, đóng vai trò quan trọng trong việc tự điều chỉnh hoạt động điều tra của mình theo luật định. Trường hợp toà án xét xử một trường hợp điều tra của nhà báo nổi tiếng Guinter Wanraf mà cuốn sách này đã đề cập ở phần đầu là một ví dụ.

Trường hợp này cho thấy bản thân sự can thiệp của toà án vào tình huống liên quan tới hoạt động điều tra của nhà báo không phải là điều gì đó không cần thiết. Tuy nhiên, điều này chỉ xảy ra trong trường hợp toà án công tâm và công bằng. Sự can thiệp của toà án có các "nét"

tương tự, không ít trường hợp giúp làm rõ tình huống, chỉ rõ chính xác những điểm cần chú ý, nghĩa là tạo ra những pháp lệ có ích cho việc điều tra. Cần nêu rõ rằng các vụ xét xử tại toà án cùng lúc với hoạt động điều tra của Wanraf xảy ra khá thường xuyên. Một tình huống tương tự xảy ra vào năm 1977, khi ông tiến hành các điều tra bí mật với phương pháp "quan sát bí mật".

Năm 1977, ngụy trang dưới tên Hans Exser, Wanraf xin vào làm việc tại toà soạn báo "*Bild*" và phát hiện hàng loạt các vi phạm của tờ báo này với các thông tin thu nhận được. Kết quả các quan sát của mình được Wanraf công bố trong cuốn sách "Sự ra đời của những tin giật gân" (Keln, 1977). Nhà xuất bản Sprinter Felag lập tức phản ứng bằng cách kiện Wanraf ra toà. Xét xử vụ này, Toà án Liên bang Đức đã đưa ra phán quyết, theo đó mỗi nhà báo điều tra phải quyết định xem giá trị xã hội của bài viết tương lai của mình là quan trọng hơn hoặc bị cấm làm việc dưới một tên khác lạ? Còn trong trường hợp cụ thể của Wanraf, toà phán: "*Việc phát hiện và đánh giá những vi phạm như vậy trong quá trình trao đổi ý kiến là một nhiệm vụ, mà vì nó Hiến pháp bảo đảm quyền tự do ngôn luận. Những vi phạm như vậy gây thiệt hại cho trật tự luật pháp nói chung nhiều hơn là tình huống khi công bố thông tin lập tức thấy rõ rằng thông tin đó được khai thác bằng*

con đường bất hợp pháp".

Cùng lúc đó, Wanraf bị cấm không được kể tất cả những điều liên quan tới đời sống cá nhân của người từng lãnh đạo tòa soạn báo "*Bild*" mà ông hiểu rất chi tiết khi nhiều lần có mặt tại nhà của người này. Toà án đưa ra quyết định cấm này dựa vào lý lẽ cho rằng khác hẳn với hoạt động nghề nghiệp, đời sống riêng của cá nhân không phải là đối tượng của lợi ích xã hội. Ngoài ra, toà án cũng chỉ cho Wanraf thấy rằng một đoạn trong cuốn sách của ông là đáng bị khiển trách và không nên công bố. Đây là đoạn viết về một trong các biên bản cuộc họp cấp tốc của tòa soạn báo "*Bild*". Trong biên bản này không có gì có thể nói là có tính chất vi phạm luật pháp của cuộc họp đó hay của các vấn đề được thảo luận tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Luật về tự do báo chí yêu cầu bảo đảm giữ bí mật hoạt động của toà soạn cơ quan báo chí có hiệu lực và việc vi phạm điều luật này có thể gây hại cho Nhà xuất bản Sprinter Ferlag cũng như trật tự luật pháp ở Đức.

NHỮNG HẠN CHẾ VỀ MẶT ĐẠO ĐỨC

Những tình huống mà nhà báo điều tra bị rơi vào không phải lúc nào cũng có thể đánh giá từ quan điểm luật pháp. Việc định hướng cho nhà báo điều tra cả về mặt đạo đức (luân lý) là rất quan trọng. Khác hẳn với các điều khoản được

ghi trong luật pháp vốn là những đòi hỏi khắt khe của xã hội đối với cá nhân, các yêu cầu về đạo đức được dựa trên cơ sở "lương tâm", nghĩa là khả năng của con người trong việc "nhận biết", "đồng cảm", "xúc cảm" (lo lắng về điều gì đó có thể xảy ra với những người khác như thể chính mình ở trong hoàn cảnh đó) và cư xử với họ trên cơ sở lương tâm và sự đồng cảm, bởi lẽ muốn những người khác cũng đối xử với họ như mình. Nếu như việc vi phạm các tiêu chuẩn luật pháp sẽ kéo theo sự trừng phạt khắt khe không tránh khỏi (phạt tiền, tống giam, v.v..), thì việc vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức, luân lý chỉ dẫn tới hậu quả là kẻ vi phạm bị xã hội khinh bỉ, bày tỏ phản ứng, tỏ thái độ không thân thiện, mỉa mai. Phản ứng như vậy cũng có thể xảy ra với nhà báo nếu như nhà báo vi phạm tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Những tiêu chuẩn đạo đức về bản chất có thể trùng hợp với đòi hỏi của luật pháp ("Đừng giết!", "Đừng ăn cắp!").

Việc điều chỉnh về mặt đạo đức là nền tảng của sự tự điều chỉnh cuộc sống của con người, của các nhóm xã hội riêng biệt cũng như của toàn bộ xã hội nói chung. Đạo đức, luân lý cũng chính là cơ sở của sự tự điều chỉnh trong hoạt động báo chí. Nhiều đài phát thanh, truyền hình, toà soạn báo chí, nhà báo tích lũy được kinh nghiệm tự điều chỉnh cho mình. Các cơ quan thông tin đại chúng, nhà báo thường có

"những bộ luật về luân lý" của mình, trong đó ghi rõ nhà báo cần phải làm gì và không được làm điều gì. Không thể có trách nhiệm tập thể, tình đoàn kết nghề nghiệp nếu không tuân thủ những tiêu chuẩn đạo đức đó. Vấn đề tự điều chỉnh, tự hạn chế hiện nay đang trở thành yếu tố đặc biệt quan trọng. Bởi lẽ nền dân chủ, nói cho cùng, được xây dựng trên hai khái niệm cơ bản: "tự do" và "trách nhiệm". Còn sự tự điều chỉnh là một trong những nền tảng thể hiện cơ bản nhất của chúng. Trách nhiệm nghĩa là không nịnh trên, không nạt dưới, mà là hành vi có ý thức nhằm thực hiện nghĩa vụ của mình không gây tổn hại cho các công dân khác, cũng như toàn bộ xã hội.

Trách nhiệm, cần phải là một trong những nền tảng của hoạt động báo chí. Bởi lẽ nghề báo là một thứ vũ khí cực mạnh cần phải biết cách sử dụng nó. Không phải ngẫu nhiên trong những năm gần đây người ta rất chú ý tới vấn đề đạo đức trong nghề báo. Về mặt lý luận, điều đó thể hiện mong muốn nghiên cứu khái niệm điều chỉnh đạo đức trong nghề báo. Cho tới nay vẫn chưa có một khái niệm thống nhất nào, nhưng cũng đã xuất hiện những nghiên cứu đáng kể về vấn đề này. Ví dụ mới đây có hai cuốn sách được xuất bản. Cuốn thứ nhất là: "Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo: những biệt dị trong phát triển, tìm kiếm, triển vọng" của giáo sư, nhà báo

nổi tiếng Nga Đ.X.Apramôvích. Cuốn thứ hai là: "Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo" của Phó giáo sư Khoa Báo chí Trường đại học Tổng hợp quốc gia Mátxcơva (MGU) G.V.Ladutina.

Đ.X.Apramôvích cho rằng dưới tác động của đặc điểm hoạt động nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp giống như một lăng kính làm khúc xạ các yêu cầu đạo đức nói chung đối với người hành động, nhưng đồng thời vẫn giữ lại bản chất của mình. Chính vì thế "*đạo đức nghề nghiệp không hề thách thức vai trò của yếu tố điều chỉnh tổng hợp hành vi của chuyên gia. Phạm vi ảnh hưởng của nó hạn chế bởi quan hệ lao động, còn các yêu cầu mang tính hạn chế... Nguyên do, mục tiêu, thủ pháp và kết quả lao động nghề nghiệp xuất phát từ một hướng rất quan trọng là ý nghĩa giá trị của chúng. Đạo đức nghề nghiệp là một phương pháp đánh giá - mệnh lệnh đặc biệt mà nhà báo sử dụng để nắm các mục tiêu và nội dung trong hoạt động nghề nghiệp của mình*".

Theo G.V.Ladutina, đạo đức nghề nghiệp tuyệt nhiên không phải là đạo đức lao động: "*Đạo đức lao động được hình thành trong toàn bộ thực tiễn xã hội. Nó trở thành cần thiết với xã hội trước hết là do nhu cầu cần thiết phải tăng cường tính tổ chức xã hội trong hành vi của con người, không phụ thuộc vào vị trí của người đó trong xã hội, quan hệ như vậy đối với lao*

động có thể bảo đảm việc cung cấp liên tục không bị ngắt quãng cho xã hội các sản phẩm chất lượng, có tầm quan trọng sống còn nhằm duy trì sự ổn định của nó (nói một cách khác, là bảo đảm sự sống cho loài người và con người). Vai trò của đạo đức lao động chính là ở chỗ đó...

Đạo đức nghề nghiệp được sinh ra trong khuôn khổ hoạt động cụ thể, hình thành một mặt của phương pháp hoạt động này. Chức năng của nó là bảo đảm hành vi của các thành viên của nhóm nghề nghiệp sao cho hoạt động này trong nhóm đó mang lại kết quả tốt hơn cả tương xứng với sự thừa nhận của xã hội. Bởi thế, đạo đức nghề nghiệp trực tiếp được đưa vào quá trình hoạt động công nghệ của từng thành viên của nhóm lao động, hướng các biểu hiện cá nhân cụ thể của nó theo những tiêu chí hành vi đã được đề ra".

Từ sự khác nhau cơ bản trong cách giải thích về bản chất của đạo đức nghề nghiệp của nhà báo xuất hiện cả những sự không trùng hợp khác của hai khái niệm này, kết quả dẫn hai khái niệm đó theo những hướng khác nhau. Việc những quan điểm cơ bản thống nhất về đạo đức trong hoạt động báo chí "được bù đắp" bởi những bộ luật đạo đức đa dạng trong các phương tiện thông tin đại chúng khác nhau, mà việc nghiên cứu cho thấy chúng được xây dựng trên cơ sở một đường hướng chung nào đó. Dưới đây là một ví dụ:

"Luật đạo đức báo chí do Liên đoàn báo chí Mỹ thông qua"

1- Nghĩa vụ trước tiên của nhà báo là đưa những thông tin chính xác và không xuyên tạc và tôn trọng các quyền của cá nhân và các nhóm trong mọi trường hợp tiếp xúc với họ.

2- Các nhà báo phải tính tới sự bình đẳng của tất cả mọi người trước pháp luật; trong công việc của mình, các nhà báo phải quán triệt việc coi sự kiện và sự thực là trên hết và không chịu tác động trước ảnh hưởng của bất kỳ sức ép chính trị, kinh tế, xã hội, chủng tộc hay định kiến tôn giáo nào.

3- Các nhà báo phải coi những cá nhân bị đưa ra toà như những người không có tội chừng nào toà án chưa đưa ra phán quyết cuối cùng đối với họ. Luật pháp của đất nước cũng đòi hỏi cách đối xử như vậy. Thông tin báo chí về diễn biến tại toà án phải được viết sao cho không tạo ra định kiến trong độc giả.

4- Liên đoàn các nhà báo, với sự giúp đỡ của các thành viên và bằng cách thỏa thuận với các toà soạn và nhà xuất bản, phải đấu tranh với việc bưng bít những sự kiện liên quan tới những cá nhân và nhóm "đặc quyền".

5- Các báo không được cung cấp cho toà án hoặc các tổ chức luật pháp hoặc điều tra thông tin hoặc các nguồn thông tin được tin cậy trao cho mình. Nhà báo có trách nhiệm giữ bí mật

được tin cậy trao cho mình cả sau khi đã chuyển sang làm việc ở một tổ chức khác.

6- Tin thời sự dứt khoát phải được hiệu đính tại ban tin và tuyệt đối không bao giờ được hiệu đính tại ban quảng cáo.

Các nhà báo phải lịch sự và giữ phẩm giá của mình không những ở trong, mà cả ở bên ngoài toà soạn. Họ cần phải tránh có những hành vi có thể bị xem là sự xu nịnh trước bất kỳ ai.

Còn đây là nội dung **"Tuyên ngôn về các nguyên tắc hành xử của các nhà báo"** được thông qua tại Đại hội liên đoàn quốc tế các nhà báo toàn thế giới lần thứ hai tổ chức tại Boócđô (4-1954) sau đó được sửa đổi tại Đại hội lần thứ 18 của tổ chức này tại Henxinhki (2-6/6/1986):

1- Tôn trọng sự thật và quyền của xã hội được biết sự thật - là nghĩa vụ đầu tiên của nhà báo.

2- Trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, nhà báo có trách nhiệm bênh vực nguyên tắc tự do trong việc thu thập và công bố thông tin một cách trung thực và quyền bình luận và phê phán trung thực.

3- Nhà báo có trách nhiệm chỉ sử dụng những thông tin có nguồn được biết rõ. Nhà báo không được xem thường những thông tin quan trọng hoặc nguỵ tạo ra các tài liệu.

4- Nhà báo chỉ được phép sử dụng những biện pháp trung thực để thu nhận thông tin, ảnh và tài liệu.

5- Nhà báo cần phải làm mọi thứ để sửa đổi hoặc bác bỏ những thông tin có thể gây thiệt hại nghiêm trọng.

6- Nhà báo có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc giữ bí mật nghề nghiệp và không công bố nguồn cung cấp thông tin.

7- Nhà báo cần phải hiểu rõ mối nguy hiểm chứa đựng trong lời kêu gọi phân biệt đối xử được công bố qua các phương tiện thông tin đại chúng, và phải ra sức tránh việc vô ý cổ động cho tư tưởng phân biệt chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị hoặc các quan điểm khác cũng như nguồn gốc dân tộc và xã hội.

8- Nhà báo phải tránh những vi phạm nghề nghiệp nghiêm trọng như:

- Đạo văn, ăn cắp tác phẩm;

- Cố tình xuyên tạc sự kiện;

- Vu khống, sỉ nhục, buộc tội vô cớ;

- Nhận hối lộ dưới một hình thức vì việc công bố (hay không công bố) tin bài này hoặc tin bài khác.

9- Nhà báo xứng đáng với danh hiệu cao quý này coi bổn phận của mình là phải tự giác thực hiện các nguyên tắc nêu trên. Khi hành động trong khuôn khổ luật pháp của đất nước mình, nhà báo lúc giải quyết các vấn đề nghề nghiệp chỉ thừa nhận thẩm quyền của các đồng nghiệp, cả trong trường hợp có sự can thiệp của chính phủ hoặc các nhân vật có trách nhiệm

khác vào các vấn đề này.

Như vậy rõ ràng là các nguyên tắc nêu trong văn kiện được xây dựng từ đầu thế kỷ XX với các nguyên tắc đề ra trong các văn bản quy định về tiêu chuẩn đạo đức của nhà báo được viết vào cuối thế kỷ XX trùng hợp nhau rất nhiều. Điều đó chứng tỏ rằng đạo đức có tính nguyên tắc ổn định và chỉ có thể cụ thể hoá và bổ sung thêm những điều khoản riêng.

NHÀ BÁO ĐIỀU TRA VÀ "NGUỒN"
(NGƯỜI NẮM THÔNG TIN)

Quan hệ nảy sinh không tránh khỏi giữa các nhà báo và các "nguồn" thông tin, nghĩa là những con người mà các nhà báo nhận thông tin cần thiết cho công việc điều tra từ họ, cần phải như thế nào? Nhà báo Mỹ nổi tiếng viết về vấn đề này như sau:

"Nhà báo tiến hành việc điều tra, cần phải hành động trong khuôn khổ luật pháp và tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức - nếu không làm như vậy thì họ cũng chẳng có gì khác với những kẻ mà họ điều tra. Tuyệt đối không được đánh cắp tài liệu. Tuyệt đối không được hối lộ để nhận được thông tin. Tuyệt đối không được xâm nhập lãnh thổ riêng một cách bất hợp pháp, trừ trường hợp khi nhà báo sẵn sàng chịu trách nhiệm trước toà án.

Và điều chủ yếu nhất là trong mọi trường hợp

phóng viên không được tiết lộ nguồn thông tin, nếu như trước đó đã hứa giữ bí mật. Ở nhiều nước, trong đó có Mỹ, các nhà báo thà chịu đi tù chứ không chịu tiết lộ nguồn thông tin của họ. Liên quan vấn đề này, mọi tài liệu, kể cả sổ ghi chép, băng ghi âm, băng ghi hình có thể làm lộ bí mật về nguồn tin, phải được cất giữ ở những nơi bảo đảm và không bao giờ được trao cho chính quyền trừ phi được sự đồng ý của chính nguồn thông tin. Đây không chỉ là cơ sở đạo đức của hoạt động điều tra. Nếu như nhà báo tiết lộ nguồn thông tin, thì thanh danh của anh ta sụp đổ vĩnh viễn.

Các yêu cầu trong quan hệ của nhà báo đối với công chúng được nêu ngắn gọn nhưng cũng là khối lượng lớn được nêu trong "Luật về các tiêu chuẩn đạo đức" (1996) được Hội các nhà báo chuyên nghiệp đề nghị thực hiện.

"... *Các nhà báo, khi thực hiện các yêu cầu của đạo đức nghề nghiệp, cần tỏ thái độ tôn trọng xứng đáng đối với các nguồn thông tin, các nhân vật trong tin bài được công bố và các đồng nghiệp.*

... *Trước khi hứa đưa ẩn danh, nhà báo cần tìm hiểu rõ động cơ của nguồn khi cung cấp thông tin. Giải thích rõ ràng và đầy đủ các điều kiện hứa hẹn được đưa ra để đổi lấy thông tin. Phải thực hiện lời hứa.*

... *Phải hiểu rõ rằng việc thu thập và công bố*

thông tin có thể gây tác hại và sự đau đớn; việc tìm kiếm thông tin không phải là cơ sở cho phép làm mọi thứ.

... Tránh sử dụng các biện pháp giấu giếm, bí mật để thu thập thông tin, trừ trường hợp những biện pháp truyền thống thông thường không cho phép thu nhận được những thông tin có tầm quan trọng sống còn đối với xã hội. Cần phải giải thích rõ việc sử dụng những biện pháp như vậy ngay trong đầu đề bài viết.

... Chú ý tới những người mà việc công bố bài phóng sự có thể gây thiệt hại cho họ. Bày tỏ sự quan tâm và nhạy cảm đặc biệt đối với trẻ em và những nguồn thông tin không được bảo vệ khác.

Cần đặc biệt nhạy cảm khi thu thập thông tin hoặc công bố các cuộc phỏng vấn, các bức ảnh của những người trực tiếp chịu hậu quả của thảm hoạ hay nỗi đau nào đó... Đặc biệt cảnh giác trong quan hệ với những nguồn thông tin đề nghị đổi việc cung cấp thông tin lấy sự giúp đỡ hoặc tiền bạc, không tham gia vào việc mua bán thông tin".

Vậy làm thế nào khi thông tin cần thiết lại nằm trong tay người đang bị nghi vấn đã phạm trọng tội mà nhà báo đang điều tra? Liệu nếu nói về mối quan tâm tới những thủ đoạn của nghi can đó, nhà báo có thể hy vọng vào sự tự thú, ăn năn hối hận và ý muốn cung cấp thông tin cần thiết cho mình không, v.v..

Trong quan hệ với những người như vậy, thực

tế cho thấy thường phải vượt ra ngoài khuôn khổ đạo đức xã hội.

NHÀ BÁO VÀ "NHÂN VẬT" ĐƯỢC ĐIỀU TRA

Những "nhân vật" được báo chí điều tra (...) thường là những người có hành động đi ngược lại lợi ích chung của xã hội và luật pháp tồn tại trong xã hội đó. Trong các bài báo điều tra các nhà báo thường kể về những kẻ tham nhũng, những thành viên thuộc các tổ chức tội phạm, những tên bịp bợm, những kẻ làm tổn hại đến sinh thái của đất nước, v.v.. Dĩ nhiên một tác giả bình thường không thể có cảm tình với những người như vậy. Nhưng như vậy không có nghĩa là nhà báo khi tiếp xúc với họ và trong những bài viết về hành động của họ có thể gạt sang một bên những chuẩn mực đạo đức trong giao tiếp được xã hội công nhận. Liệu nhà báo có thể viết về "nhân vật" của mình tất cả những gì anh ta muốn viết? Nếu anh ta muốn nói về bản chất hành động phạm tội của nhân vật thì có thể được. Nhà báo có thể kể tất cả để làm sáng tỏ hành động đó, để mọi người thấy rõ mức độ nguy hiểm của nó đối với xã hội. Nhưng không được đi sâu hơn.

Nhà báo cần xử sự thế nào nếu muốn kể về một điều gì đó về *đời tư* của một quan chức tham nhũng chẳng hạn để thu hút sự chú ý của công chúng? Những yêu cầu về đạo đức mà nhà báo

cần tuân thủ trong trường hợp này đã được trình bày rất rõ trong quy định nghiệp đoàn - "Hướng dẫn cho các nhà sản xuất BBC - năm 2000".

"**Tôn trọng bí mật đời tư**...

BBC cần tôn trọng bí mật đời tư, thừa nhận rằng bất kỳ sự xâm phạm nào vào đời tư cần được biện minh chỉ bởi những mục đích vô cùng cao thượng. Hành vi cá nhân, thư từ, các cuộc đàm thoại cần được giữ kín và chỉ công bố khi cần bảo vệ lợi ích to lớn hơn của xã hội (trích chương 4)".

Tiếc rằng một số nhà báo nhầm lẫn khái niệm, "*lợi ích xã hội*" và "*mối quan tâm của công chúng*".

Công chúng có thể quan tâm tới tất cả, kể cả những gì một người có quyền giữ kín đối với những người xung quanh, lẫn những gì hoàn toàn không liên quan đến họ. Trên các phương tiện thông tin đại chúng của chúng ta ngoài những điều tra nghiêm túc, thực sự cho độc giả thấy những vấn đề nảy sinh trong bộ máy nhà nước, là vũ khí đặc biệt đấu tranh với hiện tượng tiêu cực này còn có những điều tra chỉ giống về thể loại, cấu trúc, phương pháp, nhưng không phải là về nội dung. Bởi lẽ chúng không phục vụ cho lợi ích xã hội mà phanh phui những chi tiết về đời tư không lấy gì làm tốt đẹp của một con người. Tác giả của những điều tra này rõ ràng không những chấp nhận (hoặc rất ít khả năng là không biết) những chuẩn mực đạo đức

tương ứng mà còn không biết tới Hiến pháp Liên bang Nga, Điều 23 đảm bảo quyền bất khả xâm phạm cho tất cả công dân Nga (không ngoại lệ):

"*Phần 1: Mỗi người có quyền bất khả xâm phạm đời tư, bí mật cá nhân và gia đình, có quyền bảo vệ danh dự và thanh danh.*

Phần 2: Mỗi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, bưu kiện, điện tín và những thông tin khác.

Chỉ toà án mới có quyền quyết định hạn chế quyền này".

Những bảo đảm trên được cụ thể hoá trong các điều khoản tương ứng Bộ luật hình sự của Liên bang Nga. Theo các điều khoản này những người vi phạm hiến pháp Liên bang Nga sẽ bị xử phạt hành chính, lao động cải tạo hoặc tù giam tới hai năm (Điều 137, 138, 139).

Xác định quan hệ của mình với các "đối tượng" điều tra của mình, nhà báo có thể dựa vào những chuẩn mực được quy định trong "Bộ luật về chuẩn mực đạo đức" (1996).

"... *Làm tất cả những gì có thể để gặp gỡ với "nhân vật" của bài báo, cho họ cơ hội phản ứng với những lời buộc tội họ phạm pháp hoặc phạm lỗi.*

... *Công nhận những người dân thường có quyền bảo vệ đời tư lớn hơn là quyền của những quan chức ham muốn quyền lực, ảnh hưởng và danh vọng. Chỉ sự cần thiết đặc biệt có ý nghĩa*

xã hội mới có thể bao biện được cho sự can thiệp vào đời tư cá nhân. Cần hết sức thận trọng trong khi công bố tên tuổi của những trẻ em vị thành niên bị nghi là có hành động cưỡng bức tình dục hoặc tên tuổi những nạn nhân bị cưỡng bức.

... Cần suy nghĩ kỹ trước khi quyết định nêu tên những người bị tình nghi phạm tội cho đến khi có lời buộc tội chính thức.

... Cố gắng giữ cân bằng giữa quyền của người bị buộc tội được xử công bằng và quyền công dân được biết sự thật.

... Tránh những khuôn sáo trong quan hệ với mọi người trên cơ sở chủng tộc, khuyết tật, giai cấp (...).

... Dũng cảm và cảnh giác trong việc quy trách nhiệm cho các nhân vật có chức, có quyền".

Những chuẩn mực trên đây bao gồm những điểm quan trọng, chủ chốt nhất trong quan hệ giữa các nhà báo và "nhân vật" trong tác phẩm của họ. Chỉ theo những chuẩn mực này mới có thể đưa báo chí điều tra lên trình độ giao tiếp chấp nhận được theo quan điểm đạo đức giữa nhà báo và "nhân vật" của họ.

NHÀ BÁO VÀ CÔNG CHÚNG

Việc cung cấp cho dân chúng những sự việc và sự kiện có tầm quan trọng, (mà trước hết) là những sự kiện tiêu cực động chạm tới lợi ích của công dân và xã hội là trách nhiệm của các

phương tiện thông tin đại chúng nói chung và nghĩa vụ của mỗi nhà báo nói riêng. Đòi hỏi đó được thực hiện ở mức độ nào trong điều kiện hiện nay, khi vị thế của các phương tiện thông tin đại chúng ở Nga còn có thể đánh giá là "ở giai đoạn chuyển tiếp"? Chừng nào ở khía cạnh tinh thần các phương tiện thông tin đại chúng còn phải đương đầu với "cuộc khủng hoảng thể loại" - Hệ thống ý thức hệ và đạo đức Xôviết đã sụp đổ, hệ thống gia trưởng cũ không phục hồi, hệ thống phương Tây chưa được phổ biến, thì chẳng có ai phải ngạc nhiên về tình trạng vô đạo đức trắng trợn như hiện nay.

Nhận xét này nói chung đúng cả với giới nhà báo. Tuy nhiên, ở bất kỳ xã hội nào và trong bất kỳ chế độ nào cũng luôn có những con người tuân thủ các nguyên tắc đạo đức cao cả trong quan hệ với những người khác. Những nhà báo như vậy tự coi mình là đại diện của "trường phái cũ" mong muốn viết khách quan về những sự kiện xảy ra. Tuy nhiên, trong nhận thức của những nhà báo này sự thực không có nghĩa là thờ ơ với việc mô tả sự kiện xảy ra có thể tác động tới tâm lý và nhận thức của công chúng về thế giới. Họ vững tin rằng khi viết thể loại điều tra, nhà báo cần phải tuân thủ những điều cấm kỵ, ví dụ: không được mô tả các chi tiết mà bản thân nhà báo cũng cảm thấy ghê rợn, cũng như không được phép thể hiện "bóng dáng" của nhà

báo trong sự kiện bi thảm, bởi lẽ điều đó không chỉ lố bịch, mà còn là vô đạo đức. Nhưng điều chủ yếu vẫn là không được lừa dối công chúng bằng cách viết và cho đăng những bài viết rõ ràng là có nội dung không đúng sự thực.

Tính không khách quan và không đúng thực trong nội dung bài báo là một trong những dấu hiệu cơ bản chứng tỏ sự không tôn trọng của nhà báo đối với công chúng. Không phải ngẫu nhiên yêu cầu thông tin đúng sự thực lại là một trong những đòi hỏi quan trọng nhất được ghi trong các bộ luật về đạo đức của các nhà báo. "Hãy tìm hiểu sự thật và đưa nó cho công chúng" - không phải ngẫu nhiên mà điều này được nêu rõ trong bộ "Luật về các tiêu chuẩn đạo đức" báo chí mà chúng ta đã đề cập trước đó. Báo chí hiện nay thực hiện đòi hỏi đó ở mức độ như thế nào? Các nhà báo có thể tự tìm câu trả lời xuất phát từ kinh nghiệm thực tế của bản thân. Trong số lượng lớn các bài báo điều tra có thể tìm thấy khá nhiều những bài viết đúng sự thực. Tuy nhiên, rất tiếc rằng vẫn còn có không ít những bài "điều tra" mà khó có thể nói về tính khách quan của chúng.

Một loạt bài của X.Đôrencô, phóng viên truyền hình RTR nổi tiếng ở Nga cách đây không lâu thuộc loại như vậy. Trong một loạt bài "điều tra" công bố trên truyền hình, anh ta cáo buộc một loạt ứng cử viên nghị sĩ Đuma quốc

gia tham nhũng và phạm tội giết người v.v.. Toà án đã xem xét trường hợp của Đôrencô và thấy rằng anh ta đã lừa dối, bởi vậy tuyên phạt anh ta xin lỗi công khai những người bị vu cáo và trả cho họ một khoản tiền bồi thường danh dự. Hội Nhà báo Nga đã khai trừ Đôrencô và sau đó anh ta bị đuổi khỏi đài truyền hình.

Dường như công lý đã chiến thắng. Tuy nhiên, trong công chúng cũng có những người xúi giục một số nhà báo tuyên bố rằng ở Nga không có phương tiện thông tin đại chúng nào công bố những bài điều tra khách quan và nói chung ở Nga không tồn tại bất kỳ cuộc điều tra báo chí nào. Đúng là một cuộc chiến tranh của những người đứng đằng sau giật dây. Trong cuộc chiến tranh ấy, nhà báo chỉ đóng vai trò như một người trung gian đáng thương, một "kênh" để qua đó những lực lượng xác định rót thông tin theo định hướng của họ. Có thể đây không phải là ý kiến hoàn toàn công bằng, nhưng cũng không thể không thừa nhận rằng trong đó có một phần sự thật.

Dấu hiệu quan trọng thứ hai để đánh giá thái độ của nhà báo đối với công chúng - ngôn ngữ trong tin, bài của họ. Một nhà báo tôn trọng độc giả nhất định sẽ nói với công chúng bằng ngôn ngữ lịch sự thông thường chứ không cố bắt chước cách nói thô tục, khả ố của một bộ phận dân chúng. Nhìn thấy những điều hạn chế trong

ngôn ngữ của công chúng mà lại đưa ngôn ngữ đó vào tin, bài của mình thì nhà báo không những chỉ là không tôn trọng họ, mà còn là khuyến khích, công khai hoá sự khả ố, lỗ mãng, thô bỉ và những thị hiếu thấp hèn. Và tất cả những điều đó được ngụy trang dưới cái vỏ "dân chủ hoá ngôn ngữ" cứ như thể nền dân chủ không báo trước trách nhiệm của nhà báo về từng lời nói của họ. Việc không tôn trọng công chúng thể hiện qua lời nói chính là dấu hiệu suy thoái đạo đức của nhà báo, giống như những câu chửi (rất tiếc rằng đang đầy rẫy) trên các trang báo chí hiện nay.

Tuy nhiên, vẫn có những nhà báo luôn nêu tấm gương về giữ gìn đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Mặc dù với bản chất khiêm tốn của mình, những nhà báo đó không muốn quảng cáo cho tên tuổi của họ. Tuy vậy có thể nêu một ví dụ về trường hợp này như một nhà báo làm việc tại một nhà xuất bản có danh tiếng ở Mátxcơva trong bài viết "Điều đó xảy ra như thế nào?" (về vụ nổ ở ga tàu điện ngầm Puskin). Mặc dù là nhà báo đầu tiên và cũng là nhân chứng có mặt tại nơi xảy ra vụ nổ, nhà báo này không hề thể hiện mình là người chứng kiến trong bài viết. Anh đã quyết viết như vậy bất chấp một số đồng nghiệp khuyên nên "thể hiện mình" để các báo khác phải "dè chừng" nếu định qua mặt anh khi viết về vụ nổ này...

Chính bằng cách như vậy, các tác giả thể hiện sự tôn trọng lặng thầm và cũng là đích thực đối với công chúng của họ. Chẳng nên khoe khoang nghề nghiệp chuyên môn của mình với công chúng, mà nên nhìn công chúng như một đối tác xứng đáng để không "phủ" bóng dáng của mình lên trên bức tranh thực của sự kiện được mô tả, đồng thời cũng không bóp méo bức tranh đó.

Khi tiếp xúc với công chúng, nhà báo điều tra có thể định hướng vào việc thực hiện những quy định về đạo đức được đề ra đối với những người làm việc tại các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, chỉ riêng việc thực hiện "Bộ luật về các tiêu chuẩn đạo đức" cũng là đủ đối với các nhà báo. Bộ luật này đòi hỏi:

"... Nếu có thể, hãy chỉ dẫn nguồn thông tin. Xã hội có quyền được thông tin tối đa về độ tin cậy của nguồn thông tin.

... Bảo đảm để tít của bài hoặc tin ngắn gọn và có khả năng tạo ra phản ứng phù hợp, các bức ảnh, băng video, phim, băng ghi âm... xác thực. Chúng không được dẫn tới cảm nhận bài báo được viết một cách đơn giản hoặc vượt quá nội dung bài viết.

Trong mọi trường hợp, không làm sai lệch nội dung ảnh và băng video. Có thể làm tăng độ nét của hình ảnh bằng cách sử dụng các biện pháp kỹ thuật để giúp người xem cảm nhận được đầy

đủ hơn. Những trích dẫn và ảnh minh họa cần phải được ghi chú rõ ràng.

... Tránh nhắc lại những sự kiện xảy ra trước đó có thể dẫn tới hiểu lầm. Nếu việc nhắc lại là cần thiết, dứt khoát phải nêu rõ cho độc giả biết.

... Dũng cảm viết về tất cả các mặt tích cực và tiêu cực trong bản chất của con người ngay cả khi điều đó làm nhiều người không thích.

... Vạch rõ ranh giới giữa việc bảo vệ lợi ích và các bài tường thuật, phóng sự. Các bài phân tích và bình luận phải rõ ràng và không được bóp méo thực tế hoặc sự kiện.

... Khuyến khích dư luận phê bình các phương tiện thông tin đại chúng.

... Thừa nhận khuyết điểm, sai sót và sẵn sàng sửa chữa chúng".

Những định hướng đạo đức được đề ra có thể giúp cho hoạt động điều tra trong nghiệp vụ báo chí trở nên "chịu đựng được" đã được nghiên cứu khá đầy đủ. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng có thể áp dụng được những định hướng đó một khi có nguyện vọng và ý chí làm như vậy. Tiếc rằng, đòi hỏi chung về việc tự điều chỉnh về mặt đạo đức trong hoạt động của các nhà báo, trong đó có các nhà báo điều tra, hiện có xu hướng giảm sút. Đã xảy ra khá nhiều trường hợp mâu thuẫn về luân lý trong thực tiễn hoạt động của nhà báo này hoặc nhà báo khác dẫn tới việc bỏ qua các yếu tố về mặt đạo đức, làm đạo đức trở

thành vật hy sinh cho các mục đích nghề nghiệp và thương mại của các phương tiện thông tin đại chúng. Điều này đang ngày càng trở thành trào lưu rõ ràng trong hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, điều này không chỉ tồn tại ở Nga, mà còn ở các nước khác. Câu trả lời của Hécman Main, Chủ tịch Hội Nhà báo Đức, khi trả lời phỏng vấn của một nhà báo Nga đăng trên tạp chí "*Nhà báo*" năm 2000, cũng đề cập vấn đề tương tự:

Rõ ràng là báo chí phải quan sát cuộc sống riêng tư của những người nổi tiếng. Có lẽ chúng ta chẳng bao giờ biết được những vụ bê bối và gian lận, nếu như các nhà báo không quan tâm tìm hiểu đời sống cá nhân và đặt cho mình câu hỏi: con người này hoặc người kia hành xử có đúng đắn hay không. Tuy vậy, điều đó không có nghĩa là các nhà báo phải lùng sục vô tận vào đời sống cá nhân của các nhà chính trị và những người nổi tiếng khác. Tất nhiên có tồn tại một loại nhà báo nào đó chuyên thích săn lùng những loại tin giật gân từ đời sống riêng tư của những người nổi tiếng, nhưng đó là sự xuống cấp về mặt đạo đức của báo chí truyền thống.

... Hiện có xu hướng phần lớn các nhà báo coi trọng tính thời sự là trên hết. Điều này có nghĩa là họ coi thường một tiêu chí quan trọng khác - chữ tâm trong nghề nghiệp. Do sự cạnh tranh ngày càng tăng và sức ép của cuộc chạy đua săn

lùng tin tức thời sự, nguyên tắc thiêng liêng của nghề báo: "Hãy là người thông tin đầu tiên, nhưng phải đúng sự thực" đang bị vi phạm ngày càng nhiều tại Đức.

Các nhà báo Nga hiện chưa quan tâm lắm tới việc nghiên cứu những quy định về đạo đức nghề nghiệp, ngay cả khi những quy định đó là do Hội Nhà báo Liên bang Nga đề ra. Hậu quả là cho tới nay nhiều nhà báo vẫn chưa có khái niệm rõ ràng về "Luật tiêu chuẩn đạo đức", cũng như "Luật đạo đức nghề nghiệp của nhà báo Nga". Và nói chung rất khó nói về sự hiểu biết của họ đối với các văn kiện quốc tế trong lĩnh vực này như: "Tuyên ngôn về các nguyên tắc đạo đức cơ bản của nhà báo".

Nguyên nhân của vấn đề này là do những yếu kém trong việc tự giác chấp hành các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, cũng như việc có nhiều nhà báo cho rằng việc hiểu biết về đạo đức đó chẳng liên quan gì tới thực tiễn hoạt động của báo chí hiện đại có mối quan tâm trước tiên về sự sống vật chất, nghĩa là bỏ qua tất cả những gì không trực tiếp mang lại lợi ích trong mối quan hệ này. Điều này còn được khẳng định bởi trên thực tế hầu như không có đòi hỏi phải thực hiện quy định về các nguyên tắc và hệ thống kiểm soát xã hội đối với việc tuân thủ "Luật đạo đức nghề nghiệp của nhà báo Nga", do Hội Nhà báo Liên bang Nga đề ra

mặc dù có lẽ tất cả các tập thể nhà báo đều biết rõ về sự tồn tại của nó.

IV-AN TOÀN CỦA NHÀ BÁO TRONG QUÁ TRÌNH ĐIỀU TRA

Điều tra trong nghiệp vụ báo chí là một hướng hoạt động duy nhất của các các phương tiện thông tin đại chúng chứa đầy rẫy những nguy hiểm có thể xảy ra không chỉ đối với chính nhà báo, mà còn cả đối với những người cung cấp thông tin tố cáo cho nhà báo. Đây là lý do buộc những người định theo đuổi loại hình hoạt động này phải cân nhắc kỹ về các khả năng của mình.

AI CÓ THỂ ĐE DỌA AN NINH CỦA NHÀ BÁO?

Vấn đề bảo đảm an ninh của nhà báo trong khi thực hiện hoạt động điều tra đã được sự quan tâm từ lâu nay của các nhà điều tra, các tổ chức báo chí, xã hội, công chúng, các phương tiện thông tin đại chúng, cũng như của các cơ cấu nhà nước ở mức độ nào đó (dù chỉ là viết trong văn bản các đạo luật). Nhà báo mới vào nghề có thể tìm thấy những khuyến nghị khá đầy đủ về việc cần phải làm thế nào để bảo đảm an ninh cho bản thân. Tuy thế, điều đó không có nghĩa là mọi quy tắc về an ninh trong điều tra báo chí được nêu ra là thích hợp với mọi trường

hợp của cuộc sống. Cần hiểu rằng sự phát triển của tình hình xã hội, mà nhà báo hoạt động trong đó, đòi hỏi phải luôn có những sửa đổi, hoàn thiện các quy tắc tiến hành điều tra. Từng nhà điều tra cụ thể đều có thể có những sáng tạo của mình trong lĩnh vực này. Nhưng trong mọi trường hợp, nhà báo cần phải biết rằng việc giải quyết vấn đề này chỉ có tính chất tương đối.

Nhà báo cũng như phần lớn bộ phận dân chúng khác làm sao có thể có khả năng bảo đảm an ninh cho mình một cách đầy đủ. Tuy vậy, hoàn toàn có thể giảm bớt mức độ nguy hiểm ở một mức độ nào đó. Để đạt được điều này, nhà báo cần phải thực hiện một loạt điều kiện. Trước hết, trong từng trường hợp cụ thể phải xác định xem nguy cơ bị tiến công có thể xảy ra từ hướng nào. Ai có thể đe dọa an ninh của anh ta? Trong đại đa số các trường hợp người ta có thể tìm ra câu trả lời theo một công thức phổ biến: "Ai là người được lợi?". Nói một cách khác, trước hết nhà báo cần phải tìm kiếm nguồn gốc phát sinh mối đe dọa đối với mình trong phạm vi nhóm những cá nhân mà cuộc điều tra của nhà báo gây tổn hại tới lợi ích của họ.

Hiếm khi nhà báo bị truy bức vì những nguyên nhân trừu tượng chung chung như (ví như coi hoạt động của nhà báo là gây tổn hại cho an ninh quốc gia, đối với lý tưởng "công dân" hay một xã hội nào đó). Thông thường ý muốn

"bóp nghẹt" hoặc thủ tiêu nhà báo thường nảy sinh ở những người mà lợi ích cá nhân của họ có thể bị tổn thất nếu việc điều tra của nhà báo được tiến hành và công bố. Bởi vậy, nhà báo phải hết sức chú ý theo dõi mối liên hệ của "Những đồng tiền lớn". Bất động sản, tài sản có giá trị cao, chức trách cao và những thứ tương tự với những cá nhân mà mọi thứ đó ở họ có thể bị mất đi theo sự phán xét của các cơ quan bảo vệ luật pháp sau khi điều tra của nhà báo được công bố. Nhưng nên nhớ rằng mối liên hệ đó thường được những cá nhân có lợi ích liên quan giấu giếm rất kỹ lưỡng. Và chừng nào còn chưa phát hiện được các mối liên hệ đó, thì nhà báo điều tra chẳng khác nào đang đi trên một bãi mìn và không thể biết được điều gì sẽ xảy ra ở thời điểm tiếp theo, đòn đánh nhằm vào anh ta sẽ xảy ra từ hướng nào, từ ai.

Điều rất quan trọng là phải tìm hiểu rõ xem cụ thể ai là người được lợi từ việc tạo ra và duy trì tình huống phạm tội đó. Giả sử nhà báo đang điều tra một vụ bán loại cá quý ra nước ngoài. Rõ ràng trong trường hợp này, nhà báo phải đặt ra các câu hỏi: Ai là người quan tâm tới vấn đề này ngoài những người trực tiếp đánh bắt và vận chuyển bất hợp pháp cá ra nước ngoài, nghĩa là ngư dân? Có thể đó là những người có trách nhiệm ngăn chặn những hành động tương tự như vậy. Hoặc cũng có thể đó là các quan

chức cấp bộ trong trường hợp nào đó tự ý cho phép hoặc cấm đánh bắt và buôn bán loại cá đó?

Cũng có thể đó là "lực lượng thứ ba" nào đó không liên quan trực tiếp tới lĩnh vực hoạt động này? Khi trả lời được các câu hỏi này thì sẽ xác định được cá nhân (nhóm người) thu lợi tối đa từ việc buôn bán bất hợp pháp và đủ điều kiện để làm sáng tỏ những địa chỉ mà từ đó có thể phát sinh mối đe dọa tiềm tàng đối với nhà báo.

NHÀ BÁO ĐIỀU TRA CÓ THỂ CÓ NHỮNG MỐI ĐE DỌA NÀO

Nguy cơ bị đàn áp về thân thể

Nghề nghiệp của nhà báo là một trong những nghề nguy hiểm nhất trên thế giới. Hơn nữa mối nguy hiểm tiềm tàng tăng lên rất nhiều, nếu như nhà báo hoạt động trong lĩnh vực điều tra. Bất kỳ một câu nói nào của nhà báo điều tra cũng có thể bị đem ra sử dụng để chống lại anh ta (trong trường hợp tốt là tại tòa án). Bởi thế, nhà báo luôn phải tránh đưa ra những khẳng định buộc tội trực tiếp đối với "các nhân vật" trong cuộc điều tra của mình. Những nhà báo dày dạn kinh nghiệm thay vì khẳng định thường sử dụng hình thức đặt câu hỏi. Ví như nếu đọc các bài viết trên báo của một nhà xuất bản nổi tiếng ở Xanh Pêtécbua "Cố vấn bí mật của bạn", thì thấy những bài thường có tít đại loại như: "Phải chăng Tổng thống Cusma đã thuê người

giết nhà báo Gôngátde?"; "Những kẻ giết Nôvôxelốp ẩn náu trong Cơ quan an ninh liên bang...?", v.v.. Mỗi nhà xuất bản tự trọng nào đó cũng có trong biên chế của mình ít nhất một luật sư - sẽ là rất tốt nếu trong quá trình điều tra thường xuyên liên hệ với anh ta. Rõ ràng là việc điều tra chưa phải đã kết thúc ngay cả sau khi bài báo đã được đăng. Bởi vậy, thông tin nhận được từ luật sư có thể có ích cho nhà báo cả sau khi bài báo đã ra mắt công chúng.

Dưới các bài báo điều tra, người ta thường không ký tên họ thực của mình, mà thường sử dụng danh từ chung như "Ban điều tra" hoặc "Nhóm tác giả". Tất nhiên, nếu sau khi đăng báo nảy sinh vấn đề kiện tụng thì tòa soạn không thể giấu được tên thực của tác giả bài báo. Nhưng dù sao mẹo này cũng phần nào tránh cho nhà báo bị đe dọa và những cuộc tiến công có thể xảy ra.

Chủ tịch Hội Nhà báo Liên bang Nga Vxevôlốt Boócđalốp nói: "Trong 10 năm gần đây hội đã mất số đồng nghiệp nhiều hơn cả trong giai đoạn Chiến tranh vệ quốc". Những thế lực khó chịu với hoạt động của các nhà báo đã áp dụng biện pháp đàn áp về thể xác đối với các nhà báo nhiều hơn cả trong những năm đầu của cuộc cải tổ ở Liên Xô trước đây. Sau đó xuất hiện xu hướng tác động lên các nhà báo bằng những biện pháp khác. Phổ biến hơn cả là biện

pháp mua chuộc bằng cách hứa trả cho nhà báo những khoản tiền lớn, chỗ làm việc được trả công hậu hĩ, tặng xe con loại đắt tiền hoặc bất động sản v.v.. Ngoài ra, người ta bắt đầu sử dụng mạnh biện pháp mua chuộc trong giai đoạn nhà báo tìm kiếm thông tin để ngăn chặn việc điều tra. Với mục đích đó, các công ty, tổ chức, cơ quan khắp nơi bắt đầu thành lập ra những trung tâm báo chí của mình để cung cấp cho báo chí những thông tin theo liều lượng có lợi cho lãnh đạo của họ. Theo kết quả điều tra xã hội học, xét về mức độ tiếp cận thông tin, gây khó khăn nhất cho các nhà báo điều tra là các cơ quan chính quyền, các cơ quan bảo vệ luật pháp và các tổ chức thương mại. Tuy nhiên, các nhà báo đã và đang phải chịu đựng sự truy bức về thân thể. Alêchxanđrơ Eprêmốp (ở Chiumen), Xécgây Nôvicốp (ở Xmôlenxcơ), Liđa Arơgieva và Ôlếch Pôluniép (ở Mátxcơva). Xécgây Ivanốp và Xécgây Lôginốp (ở Tôliati) và nhiều nhà báo khác đã bị giết. Chỉ riêng tại Tresnia đã có 23 nhà báo bị sát hại trong khi họ đang thu thập những thông tin lẽ ra có thể giúp công chúng hiểu đúng đắn về những tội ác xảy ra tại nước cộng hòa này.

Liệu nhà báo có thể chống lại những kẻ tìm cách sát hại mình hay không? Câu trả lời có thể khác nhau. Nhưng trong mọi trường hợp, khi cảm thấy tiến gần tới giới hạn của sự nguy

hiểm, nghĩa là nhà báo sắp khám phá ra tội ác, thì anh ta phải rất cẩn thận và phải áp dụng những biện pháp cần thiết để không rơi vào hoàn cảnh một mình đối mặt với những kẻ có thể là tội phạm (thông báo cho cảnh sát, cơ quan an ninh liên bang về mối đe dọa đối với mình, yêu cầu đồng nghiệp, bạn bè, người quen giúp đỡ, v.v..).

Nguy cơ bị bắt cóc

Loại nguy cơ này chủ yếu tồn tại đối với các nhà báo hoạt động ở "các điểm nóng", ở vùng có chiến sự. Ví dụ tại Cộng hòa Tresnia từ kết hợp "nhà báo con tin" đã trở thành thuật ngữ quen thuộc của dân chúng. Trong số các nhà báo bị bắt cóc tại đây có Viachiaxláp Tibeliút và Rôman Perevedenxép của đài truyền hình ORT, Nicôlai Dagơnôixcơ - phóng viên ITAR-TASS, nhóm phóng viên ảnh của đài truyền hình NTV gồm Elêna Maxiúc, Đimitơri Ôntrép, Ilia Môrơđiucốp và một loạt nhà báo khác. Nhiều trường hợp nhà báo bị bắt cóc hoặc bị giết cũng đã xảy ra tại Nam Tư trước đây và "những điểm nóng" khác. Nhà báo cũng bị bắt cóc cả trong thời hoà bình. Nhà báo điều tra Valeri Gôngátde làm việc cho tờ "Sự thật Ucraina" bị bắt cóc là một trường hợp như vậy. Những trường hợp tương tự cũng đã xảy ra tại Bêlarút và nhiều nước khác thuộc Liên Xô trước đây.

Biện pháp bắt cóc để chống các nhà báo điều

tra thường được sử dụng khi cần phải để họ "vắng mặt" một thời gian nào đó trong quá trình điều tra. Đây là vấn đề quan trọng đối với những kẻ bị nhà báo điều tra nhằm giành được thời gian cần thiết để xoá các dấu vết phạm tội của họ. Để phòng chống khả năng bị bắt cóc, nhà báo cần tránh ở một mình hoặc đi ra phố, công viên vào ban đêm lúc vắng người v.v..

Nguy cơ phá hủy tài sản

Loại nguy cơ này được thực hiện dưới các hình thức đốt nhà, đập phá đồ vật, lấy cắp, đập phá hoặc đốt phương tiện giao thông cá nhân, cướp phá phòng ở hoặc nhà nghỉ v.v.. Việc tước đoạt tài sản không chỉ làm mất những điều kiện làm việc bình thường, mà còn gây sức ép khá mạnh về tâm lý đối với nhà báo. Nếu sau khi phá hủy tài sản lại có lời đe dọa tính mạng, thì không phải nhà báo nào cũng chịu đựng được. Một khi nhà báo đã bị "gục ngã" thì làm sao anh ta có thể là người điều tra gây nguy hiểm cho ai đó được. Tất nhiên, đe dọa gây thiệt hại về tài sản gây sức ép rất mạnh đối với những nhà báo sở hữu nhiều đồ vật quý giá, nhà ở sang trọng, ô tô đắt tiền, v.v..

Gây sức ép tâm lý

Sự đe dọa về tâm lý trước hết hòng buộc nhà báo phải ngừng công việc "tìm kiếm" của mình. Việc gây sức ép về tâm lý có thể được thực hiện bằng những phương pháp khác nhau. Ví dụ có

thể nhà báo thường xuyên nhận được các cú điện thoại, giấy nhắn tin với nội dung đe dọa để anh ta "đừng có chõ mũi vào công việc của người khác"; thông báo rằng quy luật đi lại, làm việc của vợ nhà báo, địa chỉ của mẹ vợ anh ta đều đã được biết rõ, thậm chí còn "bày tỏ lo ngại" về chứng sổ mũi của đứa con bé nhỏ của nhà báo. Đã xảy ra trường hợp đột nhập ban đêm vào toà soạn và sửa lại bài viết lưu trong bộ nhớ máy vi tính (tòa soạn "*Báo mới*" ở thành phố Riadan). Trong suốt hơn một tuần lễ, một nhà báo có bài viết với nội dung rất bức xúc đăng trên báo "*Aiph*" liên tục bị một chiếc xe con hiệu Mécxêđéc bám theo. Có thể những kẻ ngồi trong chiếc xe này nghĩ rằng nhà báo tiếp tục công việc điều tra và dọa anh ta để buộc ngừng công việc điều tra - điều này không thật chắc chắn. Thế nhưng, nhà báo đã buộc phải gửi gia đình của mình tới một nơi an toàn hơn.

Nguy cơ bị thủ tiêu thông tin khai thác được

Mối nguy hiểm chủ yếu đối với những cá nhân có hoạt động bị nhà báo điều tra là những thông tin nhà báo đã khai thác được. Bởi vậy, chính thông tin này thường trở thành đối tượng được quan tâm đặc biệt. Việc săn tìm để tiêu hủy thông tin này được tiến hành bằng rất nhiều thủ đoạn khác nhau. Đó là nghe trộm điện thoại (tất nhiên đây là việc khó, nhưng vẫn có thể thực hiện được), và lấy trộm thông tin từ

máy vi tính... Chính vì vậy, nhà báo nên nhớ rằng lưu giữ ở một chỗ toàn bộ thông tin về một vụ điều tra là rất tai hại, đặc biệt là khi thông tin đó lại lưu giữ trong bộ nhớ máy vi tính. Ví dụ sau khi công bố trên báo "Versia" những thông tin về một tàu ngầm Mỹ dường như đã đâm vào tàu ngầm "Cuốcxcơ" của Nga và đang được sửa chữa tại Nauy, thì rất nhiều đại diện của các cơ quan bảo vệ luật pháp đã tới tòa soạn. Việc làm đầu tiên của các đại diện này là thu giữ chiếc máy vi tính lưu giữ các cơ sở dữ liệu và toàn bộ thông tin về vấn đề này. Để tránh tổn thất thông tin trong trường hợp tương tự cần phải có những bản sao (nên để dưới các hình thức khác nhau) và bảo quản chúng ở những nơi bí mật, chắc chắn.

Chừng nào cuộc điều tra chưa kết thúc, nhà báo không nên chia sẻ thông tin về vụ điều tra với bất kỳ ai. Bởi lẽ chỉ cần xem xét nội dung những thông tin khai thác được là người ta có thể dễ dàng "truy ra" nguồn cung cấp thông tin đó. Và như vậy điều này sẽ không chỉ có hại cho nhà báo điều tra, mà còn cả cho người đã cung cấp thông tin cho anh ta. Ngoài ra, thực tế cũng cho thấy nguy cơ bị mất thông tin đã thu thập được không phải chỉ xuất phát từ những người muốn thủ tiêu toàn bộ những thông tin đó.

"Hồi tôi còn trẻ - nhà báo nổi tiếng V.Treluxép kể - tôi thu được một cuộn băng ghi

âm có tính chất tố cáo quan trọng. Một lần, khi muốn nghe lại cuộn băng đó để xác định rõ một vài chi tiết, tôi hoảng hốt khi thấy cuộn băng đã bị xóa hoàn toàn. Ai đã xóa? Tôi không biết. Tuy nhiên, tôi có cảm giác rằng mình đã mắc sai lầm khi ngày hôm trước đã kể cho một người bạn tốt về nội dung cuộn băng này. Rất có thể là do biết cuộn băng ghi âm này thực sự là một mối nguy hiểm đối với tôi nên anh ấy đã xóa đi nhằm "cứu" tôi. Thật may mắn là do tình cờ tôi đã sao nội dung cuộn băng ghi âm gốc sang một cuộn băng khác, nhờ vậy đã tiến hành vụ điều tra đó có kết quả".

Nguy cơ bị tòa án truy bức

Trong hoạt động điều tra báo chí cần phải hết sức cẩn thận vì khó tránh khỏi những lời phản đối giận dữ và rắc rối với tòa án. Dường như người ta có cảm giác rằng một cuộc điều tra có kết quả sẽ được chính quyền chú ý, ủng hộ và thi hành những biện pháp trừng phạt đối với những kẻ phạm tội hình sự hoặc đứng đằng sau hiện tượng tiêu cực. Thế nhưng, trong thực tế bên bị thiệt hại thường lại chính là nhà báo. Không phải ngẫu nhiên người ta cho rằng nghề báo là nghề nguy hiểm nhất trên thế giới. Không ít trường hợp nhà báo bị truy tìm bởi "những nhân vật" trong bài báo. Còn một nguyên nhân nữa là vì nhà báo (hoặc nhóm nhà báo) không được tiết lộ tên họ những người

đã cung cấp thông tin cho mình. Không ai có quyền, thậm chí kể cả tòa án, đòi hỏi điều đó - chỉ có nhà báo phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bài viết đã đăng của mình. Mặc dù đôi khi buộc phải kéo người khác vào để trả lời câu hỏi đó, nhưng phải là trên cơ sở tự nguyện. Cách đây vài năm, một nữ nhà báo đã bị đưa ra tòa vì trong bài viết của mình chị đã mượn lời người khác gọi chánh án tòa án thành phố Lipesk là kẻ ăn hối lộ.

Điều tra một vụ án đã được khép lại: Một quan chức "có uy tín" địa phương đâm xe vào một chú bé trên đường, nhưng không bị trừng phạt. Một trong những nhân chứng khi đó nói không thận trọng: Ôi dào cả thành phố này ai mà chẳng biết ông chánh án là kẻ ăn hối lộ. Nữ nhà báo bèn viết y như lời người này. Tuy vậy, trong thực tế để chứng minh vị chánh án ăn hối lộ không phải chuyện dễ. Và thế là vị chánh án đã kiện tòa soạn và tác giả bài báo. Về thực chất, nữ nhà báo có thể tự bào chữa bằng cách nói đó là trích dẫn lời người khác nếu chị ta đưa được bằng chứng là ghi âm lời của nhân chứng nọ ra trước tòa. Rất tiếc rằng do không cẩn trọng nên đoạn băng ghi lời nói của nhân chứng nọ đã bị xóa. Thế là nữ nhà báo buộc phải tới Lipesk tìm kiếm người đàn ông nọ. May mắn là ông ta đồng ý ra trước tòa bênh vực nhà báo bởi vậy vụ này mới chấm dứt.

Cần nhấn mạnh một lần nữa về tầm quan trọng của việc kiểm tra và sử dụng thận trọng thông tin thu thập được trong quá trình điều tra. Người điều tra không được vứt bỏ bất kỳ tài liệu nào và không được xóa bỏ các băng ghi âm (dù chỉ là 6 tháng sau khi bài báo được đăng). Đôi khi lưu giữ thông tin gốc là nguy hiểm, nhưng lại cần thiết để bảo vệ mình trước các cuộc tiến công và truy bức có thể xảy ra. Trong điều tra nhất thiết phải nêu rõ nguồn và trích dẫn thông tin từ những người khác, tư liệu và thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng khác (tất nhiên những điều này là có thể và nên đúng lúc, đúng chỗ) - thông tin tư liệu phải được đưa ra sao cho bạn đọc nếu muốn có thể tự kiểm tra được những điều nhà báo đã viết. Nếu không làm được như vậy thì bài báo điều tra sẽ chỉ là những lời và kết luận trống rỗng không đáng giá một xu.

KHI NÀO MỐI NGUY HIỂM TRỞ THÀNH THỰC TẾ HƠN CẢ

Nhà báo có thể gặp rắc rối ở bất kỳ thời điểm nào, trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình điều tra. Tuy vậy, thực tế cho thấy họ thường gặp nguy hiểm hơn cả trong quá trình thu thập thông tin, nghĩa là tìm kiếm thông tin cho tới khi công bố chúng. Nhà báo phải đặc biệt cảnh giác khi anh ta đã thu thập hầu như

đầy đủ thông tin và chỉ còn lại một mắt xích chủ yếu nữa là có thể sắp xếp thành một chuỗi thông tin hoàn chỉnh để phát hiện ra nhân vật trung tâm của vụ án. Chính ở giai đoạn này, nhiều nhà báo điều tra do phấn khởi với việc đã vượt được một đoạn đường dài khó khăn và đang tiến gần tới khả năng phát hiện vấn đề mình quan tâm, đã mất cảnh giác. Cái chết của nữ nhà báo Larítxa Yuđina, người đã cả tin khi một mình tới gặp một người "tự nguyện" cung cấp thông tin để lấy tài liệu quan trọng nhất nhằm kết thúc cuộc điều tra, là một ví dụ cụ thể về việc mất cảnh giác ở giai đoạn này thường dẫn tới hậu quả như thế nào.

Theo ý kiến của nhiều nhà báo điều tra, những kẻ tội phạm "bình thường" sẽ nỗ lực đặc biệt trong việc đe dọa tác giả của bài báo đã được đăng và hơn nữa là giết anh ta. Tuy vậy, thường cũng có những ngoại lệ và nhầm lẫn (như vụ giết nhà báo I.Đômnicốp là bằng chứng).

Nguy hiểm thực tế luôn rình rập những nhà báo hoạt động ở những khu vực chiến sự của các "điểm nóng" (Tresnia, Nam Tư, Priđnextrôvie, Apkhadia, Nagôrơnưi Carabắc v.v..). Hàng chục nhà báo đã bỏ mạng do bị bắn tỉa, trúng mìn, lựu đạn v.v.. ở những khu vực này. Bởi vậy khi tới những khu vực nguy hiểm, nhà báo nhất thiết phải chuẩn bị kỹ và tuân theo chỉ dẫn của các chỉ huy quân sự.

LÀM THẾ NÀO
ĐỂ TĂNG MỨC ĐỘ AN TOÀN CÁ NHÂN?

Điều gì có thể giúp nhà báo giảm bớt nguy cơ bị tiến công từ phía những cá nhân có hoạt động bị nhà báo điều tra?

Hãy có quan hệ bình thường với chính quyền

Nếu thường xuyên xuất phát từ định đề đã nêu, theo đó một nền báo chí tốt là phải đối lập với chính quyền, thì điều đó có nghĩa là nói về quan hệ bình thường với chính quyền một cách bình đẳng khi đưa ra các quan điểm của mình. Những người ủng hộ quan điểm này cho rằng báo chí phản ánh lợi ích của xã hội, còn chính quyền luôn thù địch với xã hội. Bởi vậy, chính quyền cũng là kẻ thù của báo chí. Tất nhiên quan điểm vô chính phủ này có quyền tồn tại nhất định cũng giống như khái niệm về hệ thống chính quyền phải phục vụ lợi ích của xã hội vậy. Tuy nhiên, nhà báo điều tra chớ nên mù quáng đặt mình đối địch với chính quyền theo quan điểm đó. Sẽ là thông minh hơn, như chúng ta thấy, nếu so sánh những mục tiêu của chính quyền với những mục tiêu của mình (nhà báo điều tra). Nếu những mục tiêu đó trùng hợp nhau, thì cần thiết bằng mọi cách thiết lập tiếp xúc với các cơ cấu chính quyền. Dĩ nhiên điều đó không có nghĩa là trong trường hợp cụ thể nào nhà báo cũng tìm được sự hiểu biết lẫn nhau với các cơ quan chính quyền. Nhiều quan chức các cơ

quan chính quyền cho rằng quan hệ với nhà báo là phí công vô ích, còn hoạt động điều tra của nhà báo là cản trở cuộc đấu tranh thực sự chống tội phạm.

Nếu trong số các quan chức, những đại diện của cơ quan bảo vệ luật pháp có những người can dự vào các loại hoạt động vi phạm pháp luật hoặc trọng tội, thì làm sao có thể chờ đợi sự trợ giúp của họ cho hoạt động điều tra của nhà báo. Tuy thế, trong các cơ quan nhà nước vẫn có rất nhiều những công chức trung thành với luật pháp, bảo vệ lợi ích xã hội và hiểu biết về vai trò của báo chí trong việc xây dựng một xã hội dân chủ. Nhà báo cần phải dựa vào sự giúp đỡ của chính những người như vậy. Trong số họ có thể tìm thấy những người có khả năng giúp nhà báo trong tất cả các giai đoạn điều tra cũng như việc bảo đảm an toàn cho nhà báo. Trong số những người "đặc biệt" đó, nhà báo nhất định phải tiếp xúc với các nhà chính trị và quan chức các cấp khác nhau ở cả trung ương lẫn địa phương. Sự ủng hộ của họ rất cần thiết không chỉ cho việc thu nhận thông tin, mà còn để bảo vệ các quan điểm của mình, cũng như tăng cường mức độ an toàn cá nhân trong quá trình điều tra.

Chỉ công bố những thông tin xác thực

Có thể nói rằng đôi khi chính nhà báo tự gây ra nguy cơ mất an ninh cho bản thân mình. Điều này

xảy ra trong trường hợp nhà báo công bố những thông tin không đúng sự thực. Những thông tin sai lệch trong bài viết bị "đối tượng bị tố cáo" coi là sự khẳng định thêm "sự ác ý" của nhà báo, một âm mưu mang tính chất vu khống. Không ít trường hợp sự khẳng định này đã kích thích những kẻ "bị xúc phạm" thực hiện những biện pháp quyết liệt chống nhà báo. Sẽ là may mắn nếu họ chỉ kiện nhà báo ra tòa với tội vu khống.

Nhà báo có trách nhiệm chỉ công bố những thông tin đã được kiểm tra, bởi vậy anh ta cần phải có sự bảo đảm về độ xác thực của thông tin cung cấp cho mình và trong trường hợp có thể nhất định phải kiểm tra lại thông tin đó. Nếu như thông tin công bố chỉ là giả thiết, thì mọi điều khẳng định, đánh giá, bình luận về hoạt động có tính chất phạm tội của những người mà nhà báo viết về họ, chỉ có thể thực hiện dưới dạng dẫn lời các quan chức của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Trong trường hợp này, việc của nhà báo chỉ là mô tả các sự kiện liên quan tới nhau vạch rõ hoạt động phạm tội của "các nhân vật" trong bài viết của mình.

Xây dựng quan hệ đúng đắn với mọi người

Rất nhiều điều phụ thuộc vào việc nhà báo cư xử như thế nào trong quan hệ với những người khác nhau mà anh ta buộc phải tiếp xúc trong các tình huống khác nhau, vì các nguyên nhân khác nhau trong khi tiến hành điều tra. Có thể

chia thành hai loại người chủ yếu có ý nghĩa quan trọng đối với nhà báo trong quá trình điều tra.

Thứ nhất - đây là những người có hoạt động bị nhà báo điều tra. Dù họ có là ai và làm gì chăng nữa, thì cũng không được để điều đó tác động tới các cư xử của nhà báo. Nhà báo cần phải tiến hành các cuộc nói chuyện với "các nhân vật" trong bài viết của mình (nếu anh ta cảm thấy việc đó là điều cần thiết) và phải nói chuyện với họ một cách hoàn toàn nghiêm túc, không được thể hiện ý muốn "trêu chọc" họ. Ngoài ra, nên nói với họ rằng vụ điều tra này là không thể tránh khỏi và đây chỉ là "cái bóng" của một vụ khác lớn hơn nhiều mà các cơ quan luật pháp đang điều tra và rằng vụ này không chỉ cần cho tòa soạn, công chúng, mà là cả cho chính "người bị nghi ngờ" bởi lẽ nó tạo khả năng cho người đó suy nghĩ thêm về những lý lẽ có thể bảo vệ anh ta và cũng có thể nêu ra những lý lẽ đó trong bài viết dự định công bố. Cách hành xử như vậy của nhà báo sẽ có ảnh hưởng tốt tới quan hệ của anh ta với đối tác nói chuyện thuộc loại người này.

Nhóm thứ hai là những người cung cấp thông tin cho nhà báo. Người cung cấp thông tin cho nhà báo cần được khẳng định chắc chắn rằng thông tin đó không phải để giúp giải quyết bất kỳ nhiệm vụ các nhân nào ngoài sự cần thiết của nghề nghiệp buộc nhà báo phải tiến hành

cuộc điều tra. Chỉ có như vậy nhà báo mới có thể hy vọng được cung cấp thông tin một cách đầy đủ. Nếu không như vậy, nhà báo sẽ chỉ nhận được những thông tin sơ sài nếu có được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng thì cũng chỉ có ảnh hưởng rất ít tới số phận của "nguồn tin". Một cuộc điều tra được xây dựng trên cơ sở những tư liệu, thông tin không đầy đủ, cũng sẽ là không hoàn chỉnh và còn tạo cho những người mà nhà báo định viết bài vạch tội họ có lý do để "lập lại sự công bằng". Ngoài ra, "nguồn" thông tin cũng cần phải được bảo đảm rằng nhà báo không bao giờ tiết lộ tên của họ nếu tòa án không đòi hỏi. Trong trường hợp ngược lại, nhà báo không những sẽ chỉ bị mất nguồn cung cấp thông tin đó, mà còn tạo cho những người khác, những người có thể giúp đỡ mình lý do để tránh không tiếp xúc với "dân báo chí" chỉ biết quan tâm tới lợi ích ích kỷ của bản thân. Mà điều này cũng có thể gián tiếp ảnh hưởng tới sự an toàn của nhà báo điều tra.

Lẽ dĩ nhiên là những khuyến nghị nêu trên không làm mất đi tầm quan trọng của các nguyên tắc, quy chế hành xử giúp nhà báo tăng cường mức độ an ninh của mình trong hoạt động điều tra. Hiện có rất nhiều sách tham khảo có thể giúp nhà báo bổ sung vào "vốn" các biện pháp bảo vệ của người điều tra. Bởi thế, vấn đề còn lại chỉ là rất mong các nhà báo điều tra sử dụng chúng.

KẾT LUẬN

Sự phát triển tích cực của hoạt động điều tra báo chí ở Nga trước hết là sự phản ứng tự vệ của xã hội đối với những hiện tượng tiêu cực trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội - kinh tế của nước này. Đây cũng là sự phản ứng của xã hội trước sự bất lực hoặc là không muốn của các cơ quan bảo vệ luật pháp trong việc ngăn chặn làn sóng vô hình những hành vi phạm luật pháp - những thủ đoạn ở quy mô lớn trong xã hội, tệ tham nhũng làm tê liệt tầng lớp lãnh đạo cấp cao trong chính quyền, sự lộng hành của bọn tội phạm, v.v..

Cần thiết phải đưa ra trước ánh sáng những mặt tối của quan hệ kinh tế thị trường ở Nga, chỉ ra những tật xấu đồng hành với các quan hệ này, vạch mặt những người tìm mọi cách giấu giếm tội lỗi của họ, đó chính là "động lực" của hoạt động điều tra báo chí của nước Nga hiện nay.

Trong thập kỷ gần đây, đã xuất hiện khá rõ ràng một loạt vấn đề buộc các nhà báo điều tra phải quan tâm đầu tiên. Trước hết đó là các tội phạm kinh tế, tệ tham nhũng, những hành vi biển lận, "tình trạng mất dân chủ", những tội phạm hình sự, giết người, phá hoạt môi trường sinh thái, những trang đen tối của lịch sử. Bằng cách làm rõ các nguyên nhân và hậu quả của

những hiện tượng như vậy, các nhà báo điều tra góp phần tạo ra định hướng đúng đắn cho công chúng, giúp công chúng có được quyết định thích hợp thực tế. Trong quá trình điều tra, các nhà báo áp dụng rất nhiều phương pháp tìm kiếm thông tin bao gồm cả các phương pháp truyền thống lẫn không truyền thống đối với nghề báo (quan sát bên ngoài, ghi âm, chụp ảnh bí mật v.v..).

Trong hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng hiện tại ở Nga, hoạt động điều tra trong nghề báo (dù mới chỉ đang hình thành) là một cơ cấu độc lập. Điều đó chứng tỏ "sự lớn mạnh" của hoạt động này, cũng như về tính chất đặc biệt của nó. Toàn bộ tiến trình phát triển của hoạt động điều tra trong nghề báo ở Nga diễn ra cùng với những tổn thất nặng nề - các vụ giết nhà báo, các vụ tòa án truy bức họ và những hình thức truy bức khác. Đồng thời, các nhà báo điều tra cũng đã vạch mặt được tội phạm, kể cả những kẻ nguyên là quan chức cấp cao, chỉ rõ cho xã hội thấy những vết đen, mặt xấu của đời sống hiện đại, bằng cách đó gieo niềm tin vào công lý và góp phần tăng cường đạo đức tinh thần cho nhân dân.

Cần phải nhận xét rằng trên các trang của báo chí hiện nay có khá nhiều những bài viết có hình thức bề ngoài giống như kết quả điều tra của các nhà báo, nhưng thực ra chẳng phải là các bài điều tra báo chí. Đó chỉ là, như trong báo

giới thường gọi, "loa tuyên truyền hộ" - những thông tin được ai đó ngầm ném cho các phương tiện thông tin đại chúng để thông qua đó gây thiệt hại cho các đối thủ cạnh tranh hoặc đối thủ chính trị của họ mà thôi. Những bài "điều tra" như vậy chỉ làm mất uy tín của hoạt động điều tra báo chí chân chính và vì vậy cần phải chống lại xu hướng này.

Việc truyền thụ cho các nhà báo trẻ những kinh nghiệm truyền thống của nhà báo, nhà văn kiệt xuất của Nga và nước ngoài; việc giúp họ nắm được các nguyên tắc, phương pháp hoạt động của những cây bút cự phách trong hoạt động điều tra báo chí hiện đại - là một trong những tiền đề quan trọng giúp các nhà báo trẻ có thể trở thành lớp người kế tục thực hiện loại hình hoạt động phức tạp và quan trọng đối với xã hội này.

MỤC LỤC

BÁO CHÍ ĐIỀU TRA

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Vũ Quốc Khánh

Biên tập:
Nguyễn Cường Dũng
Vũ Kim Hải
Phùng Thị Mỹ

Trình bày bìa:
Nguyễn Tuấn

Sửa bản in:
Trịnh Lê Nam
Bùi Thúy Hằng
Văn Chiến Thắng

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19 cm.

Giấy ĐKKHXB số 195/XBTT/421/QLXB cấp ngày 7/4/2004. In tại Công ty in Giao thông.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10/2004.

BỘ SÁCH NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ
Xuất bản đợt II

- Báo chí hiện đại nước ngoài: những quy tắc và nghịch lý
- Công nghệ phỏng vấn
- Chúng tôi làm tin
- Báo chí điều tra
- Các thể loại báo chí
- Báo chí truyền hình
- Giao tiếp trên truyền hình: Trước ống kính và sau ống kính camera
- Nghề quảng cáo
- Các thể loại báo chí phát thanh
- Nghệ thuật thông tin
- Cơ sở lý luận của báo chí
- Nghiệp vụ báo chí: Lý luận và Thực tiễn
- Phóng sự báo chí hiện đại

Báo chí
ĐIỀU TRA





NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TẤN: 11 Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Điện thoại: (04) 9332278 / 9332279 * Fax: (04) 9332276
CHI NHÁNH PHÍA NAM: 120 Nguyễn Thị Minh Khai - Q3 - TP HCM
Điện thoại: (08) 9302826 * Fax: (08) 9306471

báo chí điều tra (tủ sách



48.000 VNĐ

